



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC
CỦA QUỐC HỘI

HỘI NGHỊ

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Tài liệu Hội nghị

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2022

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC
CỦA QUỐC HỘI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HỘI NGHỊ

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Hà Nội, tháng 8/2022

MỤC LỤC

1. Chương trình Hội nghị “ <i>Đẩy mạnh công tác xây dựng văn hóa học đường</i> ”	4
2. Xây dựng văn hóa học đường, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước - PGS.TS Đào Duy Quát, Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương	6
3. Công tác chỉ đạo, triển khai của đoàn, hội, đội về các giải pháp phối hợp với ngành giáo dục trong nhiệm vụ xây dựng văn hoá học đường - Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.....	13
4. Một số nội dung ngành văn hóa, thể thao và du lịch phối hợp triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....	18
5. Giải pháp triển khai công tác văn hóa học đường tại Thành phố Hồ Chí Minh - Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.....	24
6. Hưởng ứng công tác xây dựng văn hóa học đường của Thủ Đô trong bối cảnh đổi mới Giáo Dục Và Đào Tạo - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.....	29
7. Nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường của ngành Giáo dục và Đào tạo Nghệ An trong bối cảnh đổi mới Giáo dục và Đào tạo - Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	33
8. Kiến tạo môi trường và điều kiện xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học phù hợp với xu thế phát triển của xã hội – kinh nghiệm từ Đại học Bách Khoa Hà Nội	41
9. Xác định hệ giá trị văn hóa cần hình thành ở học sinh phổ thông việt nam trong giai đoạn mới - TS. Vương Thị Phương Hạnh và nhóm nghiên cứu đề tài CT2019.08.01	45
10. Ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục đến văn hóa ứng xử của người dạy và người học - Lê Hồ Minh Giang, Bùi Minh An.....	56
11. Văn hóa học đường nhìn từ việc sử dụng mạng xã hội an toàn, văn minh - ThS. Đào Ngọc Quỳnh Thanh.....	70
12. Văn hóa nhà trường trong chuyển đổi số vai trò của nhà lãnh đạo - TS. Nguyễn Thanh Lý	77

13. Văn hoá học đường và sự tác động đến người dạy và người học trong bối cảnh chuyển đổi số - <i>Ths. Lê Thị Phương</i>	83
14. Mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa dân tộc với đầu tư vào vốn con người trong giáo dục Đại học nhằm đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam - <i>PGS. TSKH. Phạm Đức Chính - ThS. Ma Thị Ngân</i>	97
15. Nhận diện văn hóa học đường trong mối quan hệ với môi trường bên ngoài nhà trường - <i>PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng</i>	116
16. Văn hóa học đường từ các mối quan hệ ngoài nhà trường - <i>Hoàng Nữ Hải Tâm</i>	122
17. Chỉ thị số 08 /CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.....	128
18. Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”	134
19. Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030”	149

CHƯƠNG TRÌNH

Hội nghị “Đẩy mạnh công tác xây dựng văn hóa học đường”

Thời gian: 14h00 ngày 22/ 8/2022

Địa điểm: Hội trường A, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các điểm cầu

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	13h30-14h00	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
2	14h05-14h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác HSSV
3		Phát biểu khai mạc	Ông Nguyễn Kim Sơn Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
		Tóm lược một số nội dung Chỉ thị số 08 của Thủ tướng về xây dựng văn hóa học đường	Bà Ngô Thị Minh Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
4		Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Quốc hội	Ông Trần Thanh Mẫn UV BCT, PCT Thường trực Quốc hội
Tham luận			
5	14h30 – 16h00	Xây dựng văn hóa học đường góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	PGS.TS Đào Duy Quát
6		Công tác chỉ đạo triển khai của Đoàn, Hội, Đội về các giải pháp phối hợp với ngành Giáo dục trong nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường	TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
7		Một số định hướng của ngành để phối hợp triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8		Xác định giải pháp tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường ở địa phương	Lãnh đạo UBND Thành phố Hồ Chí Minh
9		Hưởng ứng công tác xây dựng văn hóa học đường của Thủ đô trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo	Đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

10		Nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường của cán bộ, giáo viên ngành Giáo dục Nghệ An trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo	Đại diện giáo viên ngành Giáo dục Nghệ An
11		Xây dựng môi trường văn hóa nhà trường với việc tạo lập giá trị văn hóa cho học sinh, sinh viên Việt Nam	Đại diện sinh viên Trường ĐH Bách khoa Hà Nội
12		Xây dựng hệ giá trị văn hóa cần hình thành trong học sinh phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới	TS. Vương Thị Phương Hạnh
Trao đổi, thảo luận trực tiếp			
13	16h00-17h00	Trao đổi, thảo luận của lãnh đạo UBND một số địa phương; một số sở giáo dục và đào tạo, trường đại học về các giải pháp nâng cao chất lượng nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường	Các đại biểu
14	17h00-17h30	Phát biểu của lãnh đạo Ủy ban Văn hóa Giáo dục	Ông Nguyễn Đắc Vinh UV TW Đảng, Chủ nhiệm UB VHGD
15	17h30	Phát biểu tổng kết Hội nghị	Ông Nguyễn Kim Sơn UV TW Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	17h30	Kết thúc Hội nghị	Ban Tổ chức

BAN TỔ CHỨC

**XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG,
GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CON NGƯỜI
VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC**

PGS.TS Đào Duy Quát
Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực
Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương

Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thành tựu tư duy lý luận của Đảng ta về văn hóa, về vị trí vai trò của văn hóa, về phương hướng mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam trong thời kỳ mới được thể hiện tập trung trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc) và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (Xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước). Hai Nghị quyết rất quan trọng và rất đặc sắc này có ý nghĩa như một cương lĩnh văn hóa của Đảng ta trong thời kỳ mới -Thời kỳ đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giá trị và tầm cao lý luận của hai Nghị quyết này kết tinh trong nhận thức quan niệm về văn hóa về vị trí vai trò của văn hóa và trong hệ thống quan điểm chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trước hết xin thống nhất quan niệm về văn hóa, văn hóa học đường, quán triệt những quan điểm chỉ đạo, những nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam trong thời kỳ mới để xác định mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp xây dựng văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Văn hóa là một lĩnh vực rất rộng lớn, vô cùng phong phú và đa dạng thuộc đời sống tinh thần của xã hội và con người vì thế có rất nhiều định nghĩa. Xin được trình bày ba quan niệm sau:

- Theo nghĩa rộng nhất, văn hóa là toàn bộ giá trị vật chất, tinh thần do lao động của con người sáng tạo và tích lũy lại tạo nên bản sắc của từng dân tộc, từng xã hội. Đó là “thiên nhân thứ hai” do con người sáng tạo ra, làm nên các giá trị vĩnh hằng của nhân loại. Trong tác phẩm “Nhật ký trong tù” (1943), trong mục đọc sách báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “ý nghĩa của văn hóa: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hóa nghệ thuật những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về việc ăn, ở và các phương thức sử dụng toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”¹.

- Quan niệm thứ hai xét theo cấu trúc thì yếu tố hàng đầu của văn hóa là sự hiểu biết, khả năng sáng tạo mà con người tích lũy được trong quá trình học tập, lao động và đấu tranh. Những sự hiểu biết chỉ trở thành văn hóa khi nó trở thành nền

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập. NXB chính trị quốc gia. Hà Nội 2003. Tập 3. Trang 431

tặng cho hành vi ứng xử của con người trong quan hệ với mọi người, với xã hội, với tự nhiên và với bản thân mình.

- Quan niệm thứ ba, theo quan điểm giá trị, văn hóa là trình độ phát triển các quan hệ nhân tính của một xã hội, của mỗi con người. Nó được cộng đồng khẳng định thành một hệ giá trị mà chuẩn mực cơ bản là Chân - Thiện - Mỹ. Theo quan niệm này ta phân biệt được cái gì là văn hóa, cái gì là phản văn hóa, là vô văn hóa thể hiện trên 3 cặp phạm trù Đúng – Sai, Thiện – Ác, Tốt – Xấu. Cốt lõi của các giá trị văn hóa là Hệ tư tưởng (Hệ tư tưởng là sự phản ánh lợi ích giai cấp dưới hình thức lý luận, cho nên nó mang bản chất giai cấp. Hệ tư tưởng là hệ thống những tư tưởng và quan điểm lý luận thể hiện sự nhận thức và đánh giá hiện thực xung quanh xuất phát từ những lợi ích xã hội nhất định. Hệ tư tưởng gồm các tư tưởng và quan điểm về chính trị, kinh tế, xã hội, pháp quyền, tôn giáo, đạo đức, thẩm mỹ, triết học). Hệ tư tưởng là cốt lõi của các giá trị văn hóa vì giữ vai trò kết dính, định hướng các chuẩn mực giá trị các cộng đồng văn hóa. Hệ tư tưởng Mác-Lênin là một thành tựu vĩ đại của văn hóa nhân loại. Từ khi xuất hiện nó đã tạo ra một định hướng mới với chất lượng mới trong hoạt động sáng tạo văn hóa của nhiều quốc gia dân tộc. Đó là chủ nghĩa nhân văn nhân đạo mới mà mục tiêu căn bản của nó là thay một xã hội dựa trên sự phân chia thành các giai cấp đối kháng bằng xã hội dựa trên sự liên hợp tự nguyện của những con người tự do.

Văn hóa vừa có tính bộ phận vừa có tính lan tỏa. Tính bộ phận của văn hóa thể hiện rõ trong các thiết chế văn hóa, trong việc hình thành các giá trị phẩm chất của con người, hình thành các kiểu nhân cách văn hóa. Tính lan tỏa của văn hóa biểu hiện trong các giá trị cơ bản, các động cơ, niềm tin khi con người ứng xử trong mọi hoạt động, mọi lĩnh vực đời sống. Do đó ta có thể nói đến văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, văn hóa lao động, văn hóa giao tiếp, văn hóa tôn giáo, văn hóa gia đình. Khái niệm văn hóa có nội dung trùng với khái niệm văn minh. Xét chặt chẽ hơn văn hóa và văn minh có điểm khác biệt quan trọng. Văn minh nhấn mạnh trình độ vật chất, kỹ thuật trong nền văn hóa của một xã hội, một thời đại. Văn hóa xác định trình độ nhân văn trong một nền văn minh hoặc một xã hội gọi là văn minh.

Văn hóa là mục tiêu của phát triển kinh tế xã hội. Văn hóa thể hiện trình độ được vun trồng ngày càng cao, ngày càng toàn diện của con người và của xã hội, khiến con người và xã hội ngày càng đổi mới, ngày càng tiến bộ, tiến tới một cuộc sống tự do ấm no hạnh phúc và văn minh. Trong đó bản chất nhân văn, nhân đạo của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng được bồi dưỡng phát huy và trở thành hệ giá trị cao đẹp và chuẩn mực của toàn xã hội. Mục đích này là khát vọng của toàn nhân loại. Đây cũng là lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Văn hóa là động lực, là nguồn sức mạnh nội sinh cho sự phát triển. Văn hóa khơi dậy và nhân lên mọi tiềm năng sáng tạo của con người. Trong những thế kỷ trước để phát triển kinh tế người ta chủ yếu khai thác các yếu tố lao động, đất đai. Thời kỳ cơ khí hóa thì vốn, kỹ thuật và quản lý là những yếu tố chủ chốt của tăng trưởng kinh tế. Ngày nay, trong điều kiện bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, thời đại kinh tế tri thức thì yếu tố quyết định cho sự phát triển là trí tuệ, là thông tin, là sáng tạo đổi mới không ngừng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của toàn xã hội. Do đó trong thời đại ngày nay, để trở nên

giàu mạnh không chỉ phụ thuộc vào nhiều hay ít lao động, vốn, kỹ thuật, công nghệ, tài nguyên mà chủ yếu là khả năng phát huy đến mức cao nhất tiềm năng sáng tạo của nguồn lực con người. Tiềm năng này nằm trong các yếu tố cấu thành văn hóa nghĩa là trong ý chí tự lực, tự cường và khả năng hiểu biết, trong tâm hồn, đạo lý, lối sống, trình độ thẩm mỹ của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng. Để văn hóa trở thành động lực nội sinh mạnh mẽ cho phát triển thì mỗi chính sách phát triển đúng đắn phải là chính sách làm cho các yếu tố cấu thành văn hóa thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người. Văn hóa trong lao động sản xuất, văn hóa trong quản lý, văn hóa trong giao tiếp, văn hóa trong sinh hoạt gia đình, văn hóa trong các cộng đồng dân cư và trong xã hội, văn hóa trong giao lưu và hợp tác quốc tế...

Văn hóa là hệ điều tiết cho sự phát triển bền vững đất nước. Văn hóa dựa vào chuẩn mực cái đúng, cái tốt, cái đẹp để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các nhân tố khách quan và chủ quan, của các điều kiện bên trong và bên ngoài đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Nền văn hóa mà nhân dân ta xây dựng là nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học. Tiên tiến là yêu nước và tiên bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán, lề thói cũ.

Văn hóa học đường là một phần của văn hóa quốc gia dân tộc. Là lĩnh vực đặc biệt quan trọng tạo điều kiện môi trường để hiện thực hóa: “Học để làm người” của giáo dục. Với cách tiếp cận văn hóa được trình bày trên, gắn với tính đặc thù của một cơ sở giáo dục, đào tạo, chúng ta nhận thức văn hóa học đường là hệ thống các giá trị chuẩn mực được kiến tạo và không ngừng hoàn thiện qua các quá trình tương tác ứng xử giữa nhà quản lý giáo dục, cán bộ giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên và các cộng đồng với nhau trong hoạt động dạy và học, trong các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong trường học và trong các hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục, bồi dưỡng, xây dựng thế hệ trẻ trong các nhà trường phát triển toàn diện: nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Thực chất văn hóa học đường là hệ giá trị chuẩn mực văn hóa, điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi, tác phong, cử chỉ lời nói của người quản lý giáo dục, của thầy cô giáo, của học sinh, sinh viên trong giao tiếp với các thành viên trong nhà trường và với xã hội. Văn hóa học đường là môi trường văn hóa đặc biệt quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam thành những con người phát triển toàn diện đức-trí-thể-mỹ, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân.

Để xây dựng thành công văn hóa học đường Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế, trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, chúng ta cần thống nhất nhận thức về văn hóa, về văn hóa trong các trường học, về vị trí vai trò của văn hóa, văn hóa học đường, quán triệt sâu sắc mục tiêu chung, 5 mục tiêu cụ thể, 5 quan điểm, 6 nhiệm vụ, 4 giải pháp trong Nghị quyết TW9 khóa XI gắn chặt với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo để tập trung làm tốt những vấn đề cơ bản sau:

- Bám sát mục tiêu xây dựng văn hóa học đường Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, kỷ cương, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, để xây dựng hệ giá trị chuẩn mực văn hóa học đường Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045. Kết thúc 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan cần chủ động hoàn thành công trình rất quan trọng này.

- Trên cơ sở hệ giá trị chuẩn mực văn hóa học đường Việt Nam, cần kịp thời đổi mới, bổ sung hoàn thiện nội dung, phương pháp trong chương trình giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, giáo dục công dân và đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức trong các hoạt động của tổ chức Đội, Đoàn trong nhà trường.

- Trên nền tảng của hệ giá trị chuẩn mực văn hóa học đường, bổ sung, hoàn thiện Bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường Việt Nam, xác định chuẩn mực ứng xử văn hóa lãnh đạo quản lý giáo dục trong dạy và học; Trong học tập, tự học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên, trong hoạt động ngoại khóa, trong các hoạt động chính trị xã hội của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường, trong quan hệ ứng xử giữa các trường học với xã hội.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các cơ chế, các thiết chế văn hóa trong nhà trường như phòng thư viện, phòng truyền thống, phòng thông tin truyền thông (Bản tin, trang điện tử, phát thanh...) các câu lạc bộ văn nghệ, các khu thể dục thể thao, cảnh quan trường học...Đảm bảo cơ chế, chính sách để các thiết chế này vận hành có nền nếp có chất lượng để làm cho các giá trị văn hóa, giá trị văn hóa học đường thấm sâu vào từng thành viên của nhà trường hình thành nhận thức, niềm tin, điều chỉnh hành vi, cử chỉ, lời nói theo giá trị văn hóa học đường.

Sau Nghị quyết TW9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (tháng 6/2014), việc xây dựng văn hóa trong các trường học luôn được Đảng, xã hội quan tâm. Từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2022, Chính phủ đã ra bốn quyết định phê duyệt một số

chương trình, đề án xây dựng văn hóa trong các trường học; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khơi dậy khát vọng cống hiến, nâng cao sức khỏe học đường cho học sinh, sinh viên và xây dựng xã hội học tập. Ngành giáo dục đã tập trung chỉ đạo nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh việc giáo dục, đạo đức, lối sống thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và kỹ năng sống cho trẻ em, học sinh, sinh viên. Đến nay 100% cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch và tiến hành xây dựng bộ quy tắc ứng xử; đã thực hiện việc lồng ghép giáo dục văn hóa học đường trong chương trình giáo dục chính khóa; đã đổi mới dạy và học môn đạo đức, giáo dục công dân, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Đội. Trong dạy và học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, đã tăng cường liên hệ với thực tiễn, các tấm gương người tốt việc tốt và đề cao trách nhiệm nêu gương mọi nơi mọi lúc của các thầy giáo, cô giáo... Đến nay công tác xây dựng văn hóa học đường đã có nhiều chuyển biến tích cực. Phần lớn thế hệ trẻ trong nhà trường hiện nay có kiến thức rộng, nhanh nhạy trong nắm bắt thông tin, có sức khỏe tốt, tinh thần cầu thị trong học tập, khả năng ứng dụng những kiến thức trong học tập vào thực tiễn được nâng cao thể hiện nổi bật trong chất lượng, hiệu quả các phong trào tình nguyện và nhất là trong phong trào lập nghiệp hiện nay; có thái độ quý trọng thầy cô, đoàn kết giúp đỡ bạn học, sống có kỷ cương, không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống.

Bên cạnh mặt tích cực nêu trên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên lệch chuẩn và lệch chuẩn nghiêm trọng trong cử chỉ, lời nói, hành vi ứng xử trong các mối quan hệ cơ bản của văn hóa học đường. Tình trạng bạo lực học đường, tình trạng mua bán, sử dụng ma túy, thuốc lắc trong lớp trẻ gia tăng cả quy mô và tính chất; văn hóa dạy và học biến dạng xuống cấp bởi tình trạng “chạy trường”, “chạy điểm”, “chạy bằng tốt nghiệp”, sau tốt nghiệp thì “chạy vào các cơ quan, đơn vị có nhiều bổng lộc” của học sinh, sinh viên và phụ huynh, tình trạng quan hệ tình dục ở tuổi vị thành niên và trước hôn nhân của học sinh, sinh viên, tình trạng “chạy thành tích”, “chạy danh hiệu” của các nhà quản lý giáo dục, của giáo viên, giảng viên... Đây thực sự là những “điểm nóng” của ngành giáo dục, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Thực trạng yếu kém trên đã ảnh hưởng đáng kể đến mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa học đường, mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Văn hóa học đường là bộ phận rất quan trọng của văn hóa quốc gia, quan điểm xây dựng nền văn hóa con người Việt Nam là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vị trí quan trọng. Xây dựng, phát triển văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ mới không chỉ là trách nhiệm trực tiếp của ngành giáo dục đào tạo mà còn là trách nhiệm của Nhà nước – Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội. Từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng phát triển văn hóa, con người nói chung và xây dựng phát triển văn hóa học đường nói riêng từ kinh nghiệm tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, then chốt, trọng yếu trong 35 năm đổi mới, chúng tôi kiến nghị:

1. Ban Bí thư Trung ương quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng phát triển văn hóa học đường Trung ương do đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, thường trực

Ban bí thư làm Trưởng ban, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch mặt trận Tổ quốc làm Phó trưởng ban, Bộ trưởng giáo dục làm Ủy viên thường trực, các thành viên Ban chỉ đạo: Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phó chủ nhiệm Ủy ban văn hóa giáo dục Quốc hội, Thứ trưởng Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Phó ban tuyên giáo Trung ương, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thứ trưởng Bộ Công an, Thứ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam.

2. Ban chỉ đạo có đủ thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp như đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ và tăng cường nguồn lực cho xây dựng văn hóa học đường.

2.1. Việc quan trọng đầu tiên của Ban chỉ đạo là chỉ đạo các tổ chức Đảng trong hệ thống giáo dục đào tạo cả nước tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết TW9 khóa XI về xây dựng văn hóa con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trọng tâm là thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”.

2.2. Trước hội nghị tổng kết toàn quốc về vấn đề này, cần tổ chức điều tra xã hội học về thực trạng nhận thức về vị trí vai trò của văn hóa, văn hóa học đường, về mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và các giải pháp xây dựng văn hóa con người nói chung và xây dựng văn hóa trong các trường học nói riêng; điều tra xã hội học về thực trạng văn hóa học đường hiện nay.

Trên cơ sở của điều tra xã hội học khách quan khoa học giúp cho hội nghị tổng kết nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng, đánh giá đúng sự thật để có thể đánh giá đúng thực trạng, ưu điểm, thành tựu, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa con người, xây dựng văn hóa trong các trường học, rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, quy rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Hội nghị thông qua chương trình hành động xây dựng xã hội con người trong toàn ngành giáo dục và trong các trường học.

2.3. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội nghị tổng kết là thảo luận và thông qua chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng văn hóa học đường đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045. Trong chương trình này phải xác định rõ mục tiêu, tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030, 2045:

- Xác định rõ hệ giá trị cốt lõi chuẩn mực văn hóa học đường Việt Nam thể hiện trong văn hóa dạy và học, trong văn hóa ứng xử chung trong các cặp quan hệ Thầy – Trò, Trò – Trò, Nhà quản lý giáo dục – Thầy, cô giáo, Nhà trường với Phụ huynh, xã hội;

- Xác định rõ những thiết chế văn hóa cần phải được xây dựng và vận hành tốt như: thư viện, phòng truyền thống, phòng văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao để tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao bao gồm các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, các câu lạc bộ thể thao cùng hệ thống hội trường, sân vận động, khu thể thao trong khuôn viên từng trường.

Trong chương trình hành động phải xác định hệ thống các giải pháp về lãnh đạo, về quản lý, về xây dựng mới hoặc bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy, các cơ chế chính sách xây dựng văn hóa học đường; về xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách trực tiếp xây dựng văn hóa học đường, xác định rõ mức tăng nguồn

lực cho xây dựng văn hóa học đường: nguồn ngân sách, nguồn từ xã hội hóa để xây dựng cảnh quan văn hóa của các trường học, xây dựng và vận hành hệ thống thiết chế văn hóa của từng trường. Chương trình hành động phải phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện cho từng tập thể và cá nhân.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về xây dựng văn hóa học đường Việt Nam, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng văn hóa học đường Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 nhất định sẽ được hiện thực hóa thành công.

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI CỦA ĐOÀN, HỘI, ĐỘI VỀ CÁC GIẢI PHÁP PHỐI HỢP VỚI NGÀNH GIÁO DỤC TRONG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN HOÁ HỌC ĐƯỜNG

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Văn hóa học đường là những gì đang diễn ra trong trường học, đang được sử dụng để vận hành nhà trường, khi đạt tới chuẩn và các giá trị thì đó là văn hóa học đường. Trong nhà trường hoạt động quan trọng nhất là dạy và học, quan hệ quan trọng nhất là quan hệ giữa thầy và trò, các giá trị có thể khái quát nhất chính là chân - thiện - mỹ. Văn hoá học đường chính là vấn đề quan trọng thúc đẩy, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, những con người có đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới và xu thế hội nhập quốc tế. Đây là nhiệm vụ cấp bách và rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong bối cảnh bình thường mới của xã hội. Nhiệm vụ xây dựng văn hoá học đường đòi hỏi phải có kế hoạch, lộ trình và không chỉ riêng ngành giáo dục vào cuộc mà là sự chung tay của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội,... với mong muốn xây dựng một hệ sinh thái, không gian văn hoá cho các em học sinh được phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Trong những năm qua, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với vai trò là trường học xã hội của thanh niên, tạo môi trường rèn luyện, học tập, trau dồi đạo đức, lối sống, kiến thức, kỹ năng cho đoàn viên, thanh niên, đặc biệt là đoàn viên, thanh niên trong trường học đã phối hợp với ngành giáo dục để triển khai nhiều hoạt động, chương trình, sân chơi, nhằm tạo môi trường cho học sinh, hướng đến việc xây dựng văn hoá học đường trong trường học. Các hoạt động được triển khai rộng khắp, thu hút sự tham gia của đông đảo các bạn học sinh, được Ban giám hiệu các trường, phụ huynh học sinh ghi nhận và đánh giá cao, khẳng định vai trò quan trọng trong công tác phối hợp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và ngành giáo dục. Cụ thể như:

1. Phối hợp với ngành giáo dục triển khai các phong trào trong các khối đối tượng trường học, tổ chức tuyên dương danh hiệu “Học sinh 3 tốt”, “Học sinh 3 rèn luyện”, “Sinh viên 5 tốt” các cấp

Trong những năm qua, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh triển khai các phong trào xuyên suốt với từng đối tượng đoàn viên, thanh niên khối trường học: phong trào “*Học sinh 3 tốt*” trong đối tượng học sinh THPT, TTGD TX-GDNN; phong trào “*Học sinh 3 rèn luyện*” trong đối tượng trung cấp nghề; phong trào “*Sinh viên 5 tốt*” trong đối tượng sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện. Đối với mỗi phong trào, các cấp bộ Đoàn, Hội phối hợp với ngành giáo dục triển khai tuyên dương danh hiệu tương ứng từ cấp trường đến cấp Trung ương: danh hiệu “*Học sinh 3 tốt*”, “*Học sinh 3 rèn luyện*”, “*Sinh viên 5 tốt*” các cấp. Trong giai đoạn 2016 - 2021, Trung ương Đoàn phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyên dương được 1.076 gương sinh viên đạt danh hiệu “*Sinh viên 5 tốt*” cấp Trung ương; 662 học sinh đạt danh hiệu “*Học sinh 3 tốt*” cấp Trung ương; 91 học sinh đạt danh hiệu “*Học sinh 3 rèn luyện*” cấp Trung ương. Các tỉnh, thành đoàn, Hội Sinh viên

các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố tuyên dương được 10.231 gương sinh viên đạt danh hiệu “*Sinh viên 5 tốt*” cấp tỉnh, 118.836 sinh viên đạt danh hiệu “*Sinh viên 5 tốt*” cấp trường; 5.623 học sinh đạt danh hiệu “*Học sinh 3 tốt*” cấp tỉnh; 132 học sinh đạt danh hiệu “*Học sinh 3 rèn luyện*” cấp tỉnh.

Các danh hiệu đó là kết quả phần đầu qua quá trình tham gia các hoạt động phong trào của các bạn học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc nhất. Mỗi bạn học sinh, sinh viên khi đăng ký tham gia phong trào đều phải trải qua quá trình phấn đấu, rèn luyện để đạt được kết quả cao trong rèn luyện đạo đức, nỗ lực học tập, rèn luyện thể lực, rèn luyện kỹ năng,... Các danh hiệu được triển khai nhằm tạo ra môi trường lý tưởng để học sinh, sinh viên được rèn luyện, học tập và trưởng thành, góp phần vào việc xây dựng văn hoá học đường, được các cấp, các ngành và toàn xã hội đánh giá cao.

2. Phối hợp với ngành giáo dục triển khai các diễn đàn, cuộc thi nhằm giáo dục cho học sinh, sinh viên về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, giáo dục về lịch sử, văn hoá dân tộc

Thực hiện Chỉ thị 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Chỉ thị 08/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phối hợp với ngành giáo dục triển khai các cuộc thi, chương trình, diễn đàn với mục tiêu giáo dục cho học sinh, sinh viên về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lịch sử, văn hoá dân tộc, khơi dậy tình yêu bạn bè, thầy cô, tình yêu quê hương đất nước, hướng tới việc xây dựng văn hoá học đường trong trường học. Một số giải pháp cụ thể như:

2.1. Cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hoá dân tộc - “*Tự hào Việt Nam*”

Cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hoá dân tộc “*Tự hào Việt Nam*” do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp tổ chức dành cho đối tượng là học sinh đang theo học tại các trường Trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên cả nước. Cuộc thi được tổ chức nhằm khơi dậy tinh thần đam mê tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, văn hoá dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước, tự hào dân tộc, phát huy trách nhiệm của tuổi trẻ Việt Nam trong học tập, rèn luyện, lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuộc thi là giải pháp thiết thực trong việc tạo sân chơi lành mạnh cho các bạn học sinh khối THPT trong việc tìm hiểu kiến thức lịch sử, văn hoá dân tộc và nhiều kiến thức chung về xã hội. Cuộc thi Tự hào Việt Nam đã được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành từ năm 2015 với 4 lần triển khai. Các câu hỏi kiến thức trong Cuộc thi không chỉ dừng lại ở kiến thức về lịch sử, văn hoá dân tộc mà còn được mở rộng ra về các kiến thức chung về xã hội, con người,... đặc biệt những kiến thức về việc giáo dục đạo đức, lối sống, văn hoá cho học sinh, tạo môi trường cho học sinh cho học sinh hoàn

thiện đức và trí. Qua 4 năm triển khai, Cuộc thi Tự hào Việt Nam đã thu hút sự tham gia của hơn 1.500.000 học sinh khối THPT, có hơn 8.000.000 lượt dự thi, của hơn 2.000 trường THPT, TTGD TX-GDNN trên cả nước. Cuộc thi đã tiếp cận và lan tỏa sâu rộng tới các bạn học sinh, nhận được sự quan tâm của xã hội, được ngành giáo dục và phụ huynh ghi nhận và đánh giá cao.

2.2. Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - “Ánh sáng soi đường”

Bên cạnh các sân chơi dành cho khối THPT, đối với khối tượng sinh viên các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng trên cả nước, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - “Ánh sáng soi đường” với mục đích tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh niên là đối tượng hội viên, sinh viên trên cả nước, tạo cho đoàn viên, sinh viên môi trường rèn luyện đạo đức, tác phong, tư duy,...có cơ hội để học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Qua 4 năm triển khai, Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - “Ánh sáng soi đường” đã thu hút sự tham gia của hơn 2.000.000 hội viên, sinh viên khối đại học, cao đẳng, học viện, có hơn 12.000.000 lượt dự thi, của 280 trường đại học, cao đẳng, học viện trên cả nước và sinh viên của 10 Hội Sinh viên Việt Nam ở nước ngoài tham gia. Cuộc thi đã tiếp cận và lan tỏa sâu rộng khắp tới các bạn sinh viên trong và ngoài nước, là sân chơi tạo môi trường cho sinh viên phát huy tư duy, kiến thức, rèn luyện đạo đức, tác phong, có bản lĩnh, lý tưởng cách mạng, góp phần vào việc xây dựng văn hoá trong trường học.

2.3. Phối hợp với ngành giáo dục triển khai diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường” trong khối THPT

Vấn đề về bạo lực học đường trong học sinh, đặc biệt ở khối trung học cơ sở và trung học phổ thông ở nước ta thu hút nhiều sự quan tâm của xã hội bởi sự gia tăng về số vụ, sự phức tạp hơn về các hình thức biểu hiện. Theo số liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra gần đây nhất, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cứ khoảng trên 5.200 học sinh thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 09 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau. Nhiều vụ việc nghiêm trọng về bạo lực học đường trong học sinh phổ thông với nhiều hình thái được lan truyền trên mạng xã hội đã gây ra nhiều bức xúc và xôn xao dư luận.

Với mục tiêu xây dựng văn hoá học đường, hạn chế tối đa vấn nạn bạo lực học đường trong học sinh, nhằm tuyên truyền đến đoàn viên, thanh niên, học sinh toàn quốc về nêu cao ý thức xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường; góp phần xây dựng xã hội, môi trường học tập lành mạnh, học sinh thân thiện để thực hiện tốt phong trào đôi bạn cùng tiến, nêu cao tinh thần đoàn kết cho học sinh và xây dựng thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; góp phần xây dựng văn hóa học đường lành mạnh, giáo dục ý thức, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh, Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã ban hành nhiều văn bản

hướng dẫn và chỉ đạo các tỉnh, thành Đoàn xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai đồng bộ và hiệu quả diễn đàn “*Xây dựng tình bạn đẹp - Nói không với bạo lực học đường*” tại 100% các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên cả nước phù hợp với từng đặc thù của từng địa phương, đơn vị; trong đó nhấn mạnh việc phối hợp giữa Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với ngành giáo dục trong công tác triển khai diễn đàn.

Các cơ sở Đoàn đã chủ động phối hợp với ngành giáo dục, các nhà trường thường xuyên tuyên truyền về diễn đàn và những thông điệp diễn đàn mang lại thông qua hệ thống pano, băng rôn, khẩu hiệu tại khuôn viên nhà trường, ký túc xá, các địa điểm đông học sinh. Đồng thời, đã chủ động xây dựng, thiết kế các đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motiongraphic), video, clip, tranh cổ động,... để tuyên truyền, giới thiệu cho học sinh về các nội dung của diễn đàn xây dựng tình bạn đẹp, phòng chống bạo lực học đường. Trong giai đoạn 2017 – 2021, đã xây dựng được hơn 1.000 ấn phẩm tuyên truyền. Bên cạnh đó, sử dụng hiệu quả mạng xã hội facebook, instagram, youtube của tập thể, cá nhân để đăng tải thông tin và tương tác với học sinh trước, trong và sau khi tổ chức diễn đàn; phối hợp với cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình xây dựng các tuyến tin, bài; tổ chức ghi hình, phát sóng, tuyên truyền về diễn đàn, tuyên dương những gương người tốt, việc tốt, gương điển hình. Có 2.500 bài viết (cấp trung ương và cơ sở) đã được đăng giai đoạn 2017 - 2021. Tại các trường THPT, TTGDNN-GDTX thường xuyên tuyên truyền thông tin xây dựng môi trường văn hóa học đường và văn hóa ứng xử trong trường học qua giờ chào cờ, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt dưới cờ, các buổi ngoại khóa thu hút hơn 5.000.000 học sinh tham gia.

Diễn đàn “*Xây dựng tình bạn đẹp - Nói không với bạo lực học đường*” cung cấp thông tin về bạo lực học đường, hậu quả do bạo lực học đường gây ra, các kiến thức pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống để ngăn chặn bạo lực học đường hoặc tham gia giải quyết, đấu tranh với các hành vi bạo lực học đường; đây cũng là cơ hội để các em học sinh thể hiện nhận thức, sự hiểu biết pháp luật, kỹ năng giải quyết các mâu thuẫn; đồng thời các em học sinh cũng đã cởi mở, thẳng thắn trao đổi với nhau về chủ đề tình yêu, tình bạn tuổi học trò, được thể hiện quan điểm của mình về tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường, góp phần xây dựng văn hóa học đường lành mạnh trong các trường học và tham gia tích cực hoạt động đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; cùng chung tay đẩy lùi bạo lực ra khỏi trường học, để trường học thực sự là nơi giáo dục nhân cách tốt đẹp nhất của mỗi học sinh. Sau mỗi diễn đàn, các em học sinh có thêm kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống, có ý thức hơn trong việc giữ gìn tình bạn nơi nhà trường, có ý thức phòng, tránh bạo lực học đường, tạo nên một môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

3. Đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả triển khai công tác phối hợp giữa Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và ngành giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hoá học đường

Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo môi trường để các em học sinh được rèn luyện, trưởng thành và trau dồi kỹ năng sống, giáo dục các em những giá trị đạo đức tốt đẹp hướng tới việc

xây dựng văn hoá học đường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và ngành Giáo dục cần triển khai một số nội dung, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các cấp bộ đoàn, hội, đội phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục để triển khai nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong việc triển khai các nội dung gắn với việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, tình yêu quê hương, đất nước, văn hoá trong học đường.

Thứ hai, tiếp tục phối hợp để gia tăng số lượng, tần suất tổ chức các cuộc thi, chương trình, diễn đàn cho học sinh, sinh viên trong thời gian tới. Có thể xen kẽ tổ chức nhiều cuộc thi, diễn đàn, chương trình với tần suất mỗi quý một lần nhằm góp phần thường xuyên đưa nội dung thiết thực đến học sinh, chuyển tải thông điệp một cách thường xuyên và liên tục để hình thành thói quen trở thành ý thức và biến thành những hành động cụ thể trong học sinh.

Thứ ba, trong công tác phối hợp, cần quan tâm đến việc nâng cao nhận thức của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý về vai trò, tầm quan trọng của việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, tình yêu quê hương, đất nước, văn hoá ứng xử trong học đường; các cấp bộ Đoàn, Hội và ngành giáo dục cần tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng văn hoá học đường, xác định công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa cho học sinh là nhiệm vụ cơ bản, hàng đầu. Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động, chuyên đề giáo dục qua các hình thức như sân khấu hóa, hội thi, hội diễn, sinh hoạt ngoại khóa...

Thứ tư, cần quan tâm, tăng cường tập huấn, nâng cao kỹ năng cho đội ngũ các thầy cô giáo về vấn đề giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, tình yêu quê hương, đất nước, văn hoá trong học đường. Mỗi thầy cô giáo cần có kỹ năng, kinh nghiệm trong việc tổ chức các chương trình, hoạt động, cuộc thi, diễn đàn,... để tạo môi trường, sân chơi để các bạn học sinh có cơ hội được rèn luyện, học tập. Nhà trường cần tạo điều kiện để giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách Đoàn, Hội, Đội thường xuyên tổ chức các diễn đàn, tọa đàm, giao lưu, hội nghị, hội thảo và các hình thức phù hợp khác trao đổi các giải pháp, sáng kiến đối với việc xây dựng văn hoá học đường, tháo gỡ những rắc rối hay gặp ở tuổi học sinh liên quan tới vấn đề giao tiếp, ứng xử của các em.

Thứ năm, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lan toả ý nghĩa của diễn đàn; chú trọng sự vào cuộc của ban giám hiệu các trường trên cả nước trong việc quan tâm đến công tác tổ chức các hoạt động, sân chơi cho học sinh, sinh viên; đẩy mạnh công tác xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn cho cán bộ giáo viên phụ trách Đoàn, Hội, Đội; cần có sự tổng kết, đánh giá thường niên về những kết quả trong công tác phối hợp giữa 2 đơn vị về nội dung xây dựng văn hoá học đường.

MỘT SỐ NỘI DUNG NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHỐI HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “*Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững*”; “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại*” là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện nhiệm vụ này, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra các Nghị quyết chuyên đề chỉ đạo như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013) “*Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập*” và Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014) “*về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước*”.

Văn hóa được coi là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, làm hài hòa, lành mạnh các quan hệ xã hội. Thực tiễn đã chỉ rõ, văn hóa luôn luôn gắn liền với giáo dục và ngược lại giáo dục cũng song hành với văn hóa. Ngày nay, việc giáo dục, đào tạo học sinh, sinh viên, cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện cả đức - trí - thể - mỹ là nhiệm vụ quan trọng, góp phần tạo nên nguồn nhân lực tương lai của đất nước, góp phần kiến tạo tiền đề, tương lai của dân tộc.

Trong đó, văn hóa học đường là một điều kiện, môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân.

Trong những năm qua, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và khơi dậy khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, nhà trường và xã hội quan tâm. Công tác xây dựng văn hóa học đường đã có nhiều chuyển biến tích cực; tạo niềm tin cho xã hội về chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

Từ thực tiễn triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực tiễn công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và khơi dậy khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham góp một số định hướng, kế hoạch triển khai thực hiện công tác này.

1. Thực tiễn triển khai các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ gắn với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và khơi dậy khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ

Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu

nước, tự hào dân tộc, khơi dậy khát vọng công hiến cho thể hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, nhà trường và xã hội quan tâm. Công tác xây dựng văn hóa học đường đã có nhiều chuyển biến tích cực; tạo niềm tin cho xã hội về chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định, chỉ thị phê duyệt các đề án, chương trình về xây dựng văn hóa trong trường học, tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khơi dậy khát vọng công hiến, nâng cao sức khỏe học đường cho học sinh, sinh viên và xây dựng xã hội học tập, gồm: Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021, Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021, Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 và Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

Các văn bản nêu trên đã xác định những nội dung và giải pháp xây dựng văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, trụ cột của công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Trách nhiệm đó trước hết thuộc về ngành giáo dục và các ngành, địa phương có liên quan. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, một trong những biện pháp quan trọng là xây dựng trường đại học thực sự trở thành môi trường văn hóa và làm những giá trị, chuẩn mực hành vi văn hóa đó thấm sâu và chuyển hóa thành những phẩm chất và năng lực tốt đẹp trong sinh viên, định hình nên nhân cách sinh viên phù hợp với mục tiêu giáo dục và đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của xã hội, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo Nghị quyết của Đảng.

Trên thực tế, ở các trường đại học hiện nay phần lớn sinh viên vẫn giữ được những giá trị, nét đẹp văn hóa truyền thống như: tôn sư trọng đạo, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; nêu cao ý thức trách nhiệm, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, dám đấu tranh chống lại những tiêu cực; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ, tích cực nêu trên, trước sự tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, sự bùng nổ thông tin qua internet, các mạng xã hội; sự du nhập của các trào lưu văn hóa, quan niệm sống lai căng cùng với sự chống phá, lôi kéo từ hệ tư tưởng thù địch với những sản phẩm mang danh văn hóa, một bộ phận thanh niên, trong đó có sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng chạy theo lối sống thực dụng, xa lạ với các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, vô tổ chức, vô kỷ luật, thiếu ý chí vươn lên. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong sinh viên có chiều hướng gia tăng về quy mô, phức tạp về tính chất, gây nhức nhối cho gia đình, nhà trường và xã hội. Điều này đã được Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) chỉ rõ: *“Nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo làm cho xã hội lo lắng như sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy trò, bè bạn, môi trường sư phạm xuống cấp; lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, ăn chơi, nghiện ma túy, tệ nạn xã hội ở một bộ phận học sinh, sinh viên; việc coi nhẹ giáo dục đạo đức, thâm mỹ và coi nhẹ các bộ môn chính trị, khoa học xã hội và nhân văn”*.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là việc quá tập trung vào việc dạy tri thức, kỹ năng mà ít chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, tích cực cho học sinh, sinh viên. Điều này chứng tỏ kết quả giáo dục, xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường chưa đạt được như mong muốn.

2. Một số định hướng, nhiệm vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ở Việt Nam hiện nay, việc xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường là một bộ phận của công tác tư tưởng, đạo đức. Định hướng và chuẩn mực của nó phải phù hợp với lý tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tuân thủ pháp luật của nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hiệu quả giáo dục văn hóa học đường trong trường đại học là điều kiện để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng, để đào tạo ra những sinh viên có đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới và xu thế hội nhập quốc tế nhất là trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, của thị trường lao động trong kỷ nguyên số nền sản xuất của con người đạt đỉnh cao của sự thông minh, với các ứng dụng kỹ thuật sáng tạo không ngừng, với nền tảng công nghệ số, với mạng lưới internet của vạn vật và trí tuệ nhân tạo xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn.

Với trách nhiệm của mình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất một số nhiệm vụ trong việc xây dựng văn hóa học đường để tiếp tục triển khai Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường, cụ thể:

Nhiệm vụ thứ nhất: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa trong gia đình

Nội dung giải pháp thực hiện:

a) Ký kết Chương trình phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng chuyên mục “Giáo dục đời sống gia đình” định kỳ trên các phương tiện truyền thông đại chúng: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các báo, tạp chí ở Trung ương và địa phương.

b) Ký kết Chương trình phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục đạo đức, lối sống gia đình trong hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục đại học.

c) Ký kết Chương trình phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về giáo dục đạo đức, lối sống gia đình trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Nhiệm vụ thứ hai: Chỉ đạo, tăng cường sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao ở địa phương, cộng đồng dân cư để phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của học sinh, sinh viên

Nội dung giải pháp thực hiện:

a) Thành lập và duy trì các câu lạc bộ sở thích về văn hóa - nghệ thuật, vui chơi giải trí phù hợp với lứa tuổi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;

b) Tăng cường đầu tư kinh phí để mua sắm trang thiết bị và tổ chức các hoạt động phù hợp với lứa tuổi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;

c) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xã hội hóa các hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Nhiệm vụ thứ ba: Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác giáo dục thể chất, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa cho học sinh, sinh viên

Nội dung giải pháp thực hiện:

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của môn giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học.

b) Hằng năm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổ chức tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân gắn với triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” nhằm kích lệ tinh thần tích cực của cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên lựa chọn môn thể thao, hình thức luyện tập thể thao phù hợp, duy trì nề nếp, thói quen thường xuyên vận động thể lực để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần và phòng chống bệnh tật.

c) Phối hợp với các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao và các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, triển khai đề án, kế hoạch phát triển các môn thể thao trong nhà trường; đồng thời hỗ trợ đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thể dục thể thao cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông nhằm tạo điều kiện cho các trường học lựa chọn các môn thể thao phù hợp với điều kiện thực tiễn để phát triển phong trào và các em học sinh có cơ hội tự chọn các môn thể thao yêu thích để được tập luyện và kiểm tra, đánh giá kết quả môn học giáo dục thể chất.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở đào tạo, trường học bám sát mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo mới ban hành để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học một cách linh hoạt, phong phú, hấp dẫn phù hợp với điều kiện của từng địa phương, vùng miền, phù hợp với độ tuổi, thể trạng học sinh, tạo sự hứng khởi cho cả người dạy, người học, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn giáo dục thể chất.

đ) Phối hợp hướng dẫn các cơ sở đào tạo, trường học sử dụng hợp lý các loại dụng cụ, trang thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế; khuyến khích việc kết nối với âm nhạc phù hợp làm “nền” tạo không khí vui tươi, hưng phấn, sự đam mê, yêu thích cho học sinh, sinh viên khi tập luyện thể dục thể thao; đồng thời khuyến khích việc ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn, các tranh ảnh kỹ thuật, video clip để tổ chức các giờ học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao ngoại khóa sinh động và hiệu quả.

e) Phối hợp, hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục thể chất, hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa và hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học.

g) Tăng cường sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ thể thao phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học, cụ thể:

- Phối hợp với ngành Giáo dục, Lao động-Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất chính quyền địa phương các cấp quan tâm dành đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường, bảo đảm đủ giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho các cấp học và trình độ đào tạo.

- Hướng dẫn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục thể thao trong đó quy định: Trẻ em, học sinh, sinh viên, được miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ luyện tập thể dục, thể thao tại các cơ sở thể thao theo quy định của Chính phủ; Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh/thành, cấp huyện/quận, cấp xã/phường, trường học, cơ quan, đơn vị trong cả nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, trong đó quy hoạch chú trọng ưu tiên dành cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, ưu tiên xây dựng các nhà thiếu nhi, nhà văn hóa, khu vui chơi cho trẻ em, học sinh và ưu tiên dành ít nhất 30% thời gian sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp cho hoạt động của trẻ em, học sinh.

- Hướng dẫn các địa phương tổ chức liên kết giữa các trường học phổ thông với các trung tâm thể dục thể thao, các câu lạc bộ thể thao ngoài trường học để tạo điều kiện về cơ sở vật chất và chuyên môn, kỹ thuật cho học sinh được tập luyện, nâng cao trình độ môn các môn thể thao: bơi, võ cổ truyền, điền kinh, bóng đá, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, bóng bàn, aerobic, khiêu vũ thể thao, các môn thể thao dân tộc...

Nhiệm vụ thứ tư: Tiếp tục triển khai Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025. Ứng dụng hiệu quả thành tựu chuyển đổi số trong công tác xây dựng văn hóa học đường đối với các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Nội dung giải pháp thực hiện:

a) Tiếp tục triển khai Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong hệ thống cơ sở đào tạo thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Triển khai “Kế hoạch hành động nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên và xây dựng môi trường văn hóa học đường trong các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2018-2025”.

c) Tăng cường phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở đào tạo Văn hóa nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch.

d) Ứng dụng hiệu quả thành tựu chuyển đổi số trong công tác xây dựng văn hóa học đường đối với các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Môi trường văn hóa có tác động qua lại, tương hỗ với hoạt động dạy và học trong nhà trường. Vì vậy, để hoạt động dạy và học đạt đến mục đích phát triển toàn diện nhân cách người học, không thể không xem xét xây dựng môi trường văn hóa nhà trường. Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng môi trường văn hóa trong trường học càng có ý nghĩa thực tiễn, khi văn hóa học đường, văn hóa, đạo đức trong thanh thiếu niên có nhiều tín hiệu báo động. Để góp phần đưa nghị quyết của Đảng về xây dựng môi trường văn hóa vào đời sống căn bản và toàn diện giáo dục trong đời sống, chúng tôi cho rằng cần:

1) Xây dựng bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong trường học; Quy tắc ứng xử của người học trong nhà trường.

2) Xây dựng quy chế, nội quy hình thành các chuẩn mực về văn hóa đạo đức, hành vi ứng xử, xây dựng môi trường văn hóa học đường lành mạnh.

3) Tăng cường hoạt động giáo dục giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống cả ở chương trình đào tạo chính thức và ngoại khóa.

4) Tăng cường đầu tư và huy động các nguồn đầu tư từ vốn xã hội hoá, nâng cao vai trò tham gia hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên;

5) Nêu cao vai trò, tinh thần nêu gương của giáo viên, giảng viên trong việc thực hiện quy chế, chuẩn mực đạo đức trong nhà trường.

6) Cần xem sự tham gia của người học là một phân tất yếu của xây dựng môi trường văn hóa. Đây chính là các gợi mở chính sách có khả năng thúc đẩy xây dựng môi trường văn hóa trong trường học, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn, năng động, trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước, có số lượng dân cư đông đúc, có quy mô học sinh sinh viên lớn nhất phía Nam. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, lãnh đạo Thành phố luôn quan tâm việc xây dựng phát triển nguồn nhân lực Thành phố.

Ngành Giáo dục thành phố hiện có 2.366 trường với 1351 trường mầm non, 514 trường tiểu học, 286 trường THCS, 204 trường THPT, 51 Đại học và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 52 trường cao đẳng. Trong thời gian qua, Thành phố đã và đang đầu tư nhiều tài lực, vật lực, trí tuệ nhằm đưa chất lượng đào tạo thành phố đạt trình độ ngang tầm khu vực và thế giới. Không những giáo dục và đào tạo cho học sinh thành phố thành những con người tri thức, văn minh, hiện đại mà còn trở thành những người công dân cư xử có văn hóa, sống có lý tưởng cách mạng, sống có văn hóa, đạo đức, có lòng yêu nước, tự hào dân tộc nhằm đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Do đó, xây dựng văn hóa ứng xử học đường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trở thành việc làm hết sức quan trọng, luôn được lãnh đạo thành phố quan tâm. Văn hóa học đường là một môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân. Xây dựng văn hóa học đường chính là xây dựng môi trường học tập văn minh, lịch sự đúng với câu nói “Tiên học lễ - Hậu học văn” mà Ngành giáo dục Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh luôn hướng đến.

Nhằm triển khai hiệu quả công tác văn hóa học đường, Thành phố Hồ Chí Minh xác định xây dựng văn hóa học đường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố. Do đó, Thành phố quyết tâm cùng chung tay, phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện xây dựng nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống; tình yêu quê hương; giá trị di tích lịch sử văn hóa Thành phố, rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên thành những con người phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân.

Để thực hiện tốt đồng bộ, hiệu quả văn hóa học đường, Thành phố Hồ Chí Minh chủ động triển khai đồng bộ nhóm các giải pháp sau:

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, quán triệt thực hiện văn hóa học đường

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật, quy định của Nhà nước về văn hóa học đường; nâng cao, nhận thức văn hóa học đường là trong những nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt được triển khai thực hiện từ các cấp, Thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, gắn việc thực hiện triển khai các chương trình, kế hoạch năm:

- Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 2187/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng môi trường, giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường trên địa bàn thành phố.

- Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 – 2025” trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai đồng bộ theo ngành, lĩnh vực được phân công quản lý, phụ trách; phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội

- Các sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai đồng bộ theo ngành, lĩnh vực được phân công quản lý, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, các phòng ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ trong công tác xây dựng văn hóa học đường thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn. Đưa công tác xây dựng văn hóa học đường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo công tác xây dựng văn hóa học đường là hoạt động thường xuyên, liên tục.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, theo dõi, đánh giá thực hiện văn hóa học đường; quán triệt, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, thực hiện chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, không lãng phí tài sản, lãng phí thời gian, thực hiện văn hóa công sở, sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo, năng lực ứng xử sư phạm theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh, sinh viên thành phố cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; yêu đất nước, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Chỉ đạo hướng dẫn trong hệ thống Đoàn, Hội, Đội, tổ chức thực hiện hiệu quả văn hóa học đường qua hoạt

động các câu lạc bộ kỹ năng sống, câu lạc bộ Cán bộ Đoàn, câu lạc bộ Tổng phụ trách Đội; chỉ đạo các đơn vị báo chí của Đoàn xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn để tuyên truyền về văn hóa học đường trên địa bàn thành phố.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Quản lý, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện văn hóa học đường, bảo đảm môi trường thân thiện, không bạo lực tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đổi mới nội dung, triển khai việc lồng ghép giáo dục văn hóa học đường trong các chương trình sinh hoạt chính trị đầu năm, chương trình giáo dục ngoại khóa.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổ chức rà soát, sử dụng sân chơi, công trình văn hóa, thể thao phù hợp, hiệu quả đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh cho học sinh, sinh viên.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan báo chí, thông tin xây dựng các chuyên mục, chuyên đề về văn hoá học đường; lan toả tấm gương người tốt, việc tốt; các giá trị tốt đẹp; phê phán những hành vi lệch chuẩn về đạo đức, lối sống; kiểm soát chặt chẽ các ấn phẩm văn hoá dành có yếu tố bạo lực, mang định kiến về giới, dân tộc, khuyết tật, trái với truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc; thường xuyên rà soát, theo dõi hoạt động của các trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội; chủ động phát hiện, xử lý kịp thời đối với những đối tượng đưa thông tin xấu độc làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hoá học đường.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sở, ban, ngành, chính quyền địa phương, nhà trường:

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý xây dựng kế hoạch; phối hợp sử dụng chung các công trình văn hóa, thể thao; sử dụng các thiết chế văn hóa; có cơ chế để người học được hưởng các chế độ ưu tiên khi vui chơi, tham quan tại các công trình thể thao, văn hóa, sân chơi; chú trọng tổ chức hoạt động tìm hiểu, chăm sóc các di tích lịch sử, văn hóa, nghĩa trang, thăm hỏi, chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình chính sách.

+ Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn xã hội tích cực tham gia công tác xây dựng văn hóa học đường. Phối hợp tổ chức triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, chăm ngoan, nết nết” ở các địa phương; tổ chức giám sát việc thực hiện xây dựng văn hóa học đường.

+ Tạo sân chơi cho học sinh thành phố với tư tưởng phát triển con người toàn diện; phát huy nghệ thuật âm nhạc dân tộc Việt Nam; văn hóa, nghệ thuật trong trường học; giáo dục cho học sinh tính thẩm mỹ, giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong âm nhạc dân tộc; nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực; trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản; hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trong trường học với giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” như: sân chơi văn hoá², văn nghệ dành cho học sinh Thành phố; sân chơi thể thao³ hè 2022 vui khỏe, năng

² Tổ chức Liên hoan nhóm ca khúc “Chú ve con” lần thứ 25 năm 2022 tại Công viên nước Đầm Sen, với chủ đề “Khát vọng Tuổi trẻ”. Từ ngày 06/08/2022 đến ngày 10/9/2022.

³ Tổ chức Giải thể dục Aerobic – Aerobic Dance – Cheerdance Cup Milo lần V – Năm 2022 theo Kế hoạch số 1431/KH-SGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tổ chức Giải thể dục Aerobic – Aerobic Dance – Cheerdance Cup Milo lần V – Năm 2022: Thời gian thi đấu: Từ ngày 13/8/2022 đến 14/8/2022.

động; các chương trình⁴ mang ý nghĩa xã hội, giáo dục cho học sinh thành phố về lòng nhân ái, biết quan tâm đến bạn bè có hoàn cảnh khó khăn, biết quý trọng và giữ gìn sách vở, tạo điều kiện cho những học sinh gặp nhiều khó khăn có đủ sách giáo khoa, dụng cụ học tập khi đến trường; giáo dục bảo vệ môi trường⁵ cho toàn thể nhà giáo, học sinh-sinh viên ngành Giáo dục thành phố; triển khai⁶ nhân rộng, đánh giá và công nhận kết quả xây dựng “Trường học Xanh” theo Bộ tiêu chí đánh giá kết quả xây dựng “Trường học Xanh” và công tác chính trị tư tưởng⁷, giáo dục chính trị, đạo đức lối sống, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo, người lao động và học sinh, sinh viên thành phố.

3. Tăng cường nguồn lực thực hiện văn hóa học đường

- Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực giáo dục, thực hiện tốt sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ văn hóa học đường, khơi dậy và huy động tiềm năng sáng tạo của các tổ chức, doanh nghiệp và của toàn dân tham gia xây dựng văn hóa học đường tại Thành phố. Phát huy thế mạnh, hiệu quả của mô hình quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực trong tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng văn hóa học đường thực sự trở thành nền tảng xây dựng môi trường, giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

- Hằng năm, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ văn hóa học đường theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống; tình yêu quê hương; giá trị di tích lịch sử văn hóa địa phương. Tăng cường các giải pháp phù hợp, đồng bộ trong công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục văn hóa học đường cho học sinh, sinh viên thành phố.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

- Phối hợp thực hiện rà soát, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể và bảo đảm yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa phương. Bảo đảm các cơ sở giáo dục đạt mức tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định, trong đó chú trọng công tác quy hoạch các phòng học chức năng, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, các công trình vệ sinh, khu vui chơi, trồng cây xanh trong sân trường bảo đảm môi trường sư phạm thân thiện, an toàn.

⁴ Tổ chức hoạt động⁴ “Sách trao tay - Cầu nối yêu thương” năm 2022: trao sách, tập trắng, dụng cụ học tập, tiền cho học sinh: 3.000 bộ sách giáo khoa; 20.000 quyển tập trắng; học bổng cho học sinh tỉnh Kon Tum với tổng trị giá là 200.000.000 đồng: Từ ngày 09/8/2022 đến ngày 11/8/2022.

⁵ Thực hiện chương trình truyền thông học đường về bảo vệ môi trường: Tháng 09/2022 đến tháng 01/2023.

⁶ Tổ chức thi video clip cấp thành phố Hội thi⁶ Xây dựng “Trường học Xanh” năm học 2021 – 2022: Tháng 8/2022 – đến tháng 9/2022.

⁷ Tổ chức chương trình “Nét đẹp trường em” tuyên truyền về công tác chính trị, tư tưởng năm học 2022 – 2023, thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Cuộc thi dành cho các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh gồm trường học các cấp: Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Kiểm tra, đánh giá công tác văn hóa

- Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, chỉ đạo tổ chức kiểm tra, thanh tra về công tác văn hóa trường học và an toàn trường học trong công tác phối hợp kiểm tra liên ngành Thành phố.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát theo chuyên đề việc thực hiện chế độ công vụ, quy chế văn hóa công sở, quy chế tiếp công dân, quy tắc ứng xử trong thực thi nhiệm vụ, đảm bảo thời gian làm việc và thực hiện tốt văn hóa học đường của cán bộ, công viên chức, giáo viên và người lao động trên toàn địa bàn thành phố.

Thực hiện tốt đồng bộ, các giải pháp trên tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã đạt được các kết quả nhất định như sau:

- 100% cơ sở xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong trường học; thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh, sinh viên Thành phố cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; yêu đất nước, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong tổ chức triển khai công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, nhà trường và xã hội quan tâm.

- Các sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, Thủ trưởng đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai đồng bộ theo ngành, lĩnh vực được phân công quản lý, phụ trách; phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; gắn việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với việc thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật, quy định của Nhà nước về văn hóa học đường; nâng cao, nhận thức văn hóa học đường là trong những nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt được triển khai thực hiện từ các cấp, Thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, gắn việc thực hiện triển khai các chương trình, kế hoạch năm.

- Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trên địa bàn.

- Học sinh thành phố được tham gia sân chơi, công trình văn hóa, thể thao hoạt động tìm hiểu, chăm sóc các di tích lịch sử, văn hóa, nghĩa trang, thăm hỏi, chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình chính sách.

HƯỚNG ỨNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA THỦ ĐÔ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Văn hóa học đường là một môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân. Trong những năm qua, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, thành phố Hà Nội cùng các cấp, các ngành, nhà trường và xã hội quan tâm. Công tác xây dựng văn hóa học đường đã có nhiều chuyển biến tích cực; tạo niềm tin cho xã hội về chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã tham mưu cho UBND Thành phố đồng thời chủ động phối hợp các sở, ban, ngành triển khai những nội dung thực hiện văn hóa học đường trong trường học đạt hiệu quả thiết thực.

Thời gian qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nhưng với tinh thần “Tạm dừng đến trường, không dừng học” cùng sự nỗ lực, cố gắng, sáng tạo, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy và học phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND Thành phố đã có những chỉ đạo sát sao, quyết liệt để ngành Giáo dục và Đào tạo Thủ đô hoàn thành kế hoạch đề ra, đảm bảo an toàn cho hơn 2 triệu học sinh các cấp học và gần 150 nghìn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Năm học 2021-2022, quy mô giáo dục Hà Nội tiếp tục phát triển, mạng lưới trường, lớp được mở rộng, cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư xây dựng, theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân Thủ đô và yêu cầu đào tạo nhân lực trong thời kỳ mới. Mạng lưới các trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tiếp tục được rà soát, bổ sung.

Đến thời điểm hiện tại, toàn Thành phố có 2.835 trường mầm non, phổ thông và 01 trường trung cấp chuyên nghiệp với 70.199 lớp; 2.206.906 học sinh; 138.090 giáo viên; 72.796 phòng học (tăng 51 trường, 6.239 lớp và 67.219 học sinh so với cùng kỳ năm học trước). Trong đó, công lập có 2.237 trường, 48.073 lớp, 1.832.847 học sinh, 91.201 giáo viên, 47.147 phòng học (tăng 30 trường, 1.062 lớp và 24.191 học sinh so với cùng kỳ năm học trước); tư thục có 550 trường, 20.643 lớp, 321.298 học sinh, 42.284 giáo viên, 24.397 phòng học (tăng 21 trường, 4.787 lớp và 32.775 học sinh so với cùng kỳ năm học trước).

Sở Giáo dục và Đào tạo đang tiếp tục chỉ đạo các nhà trường thực hiện các văn bản trong toàn ngành, cụ thể: Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ

thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 18/8/2020 về Kế hoạch thực hiện đề án “Xây dựng văn hóa trong trường học” giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 585/KH-SGDĐT ngày 28/02/2018 của Sở GDĐT về thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống xâm hại bạo lực học đường; Kế hoạch số 3081/KH-SGDĐT ngày 21/9/2020 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025; Hướng dẫn số 1002/HD-SGDĐT ngày 19/4/2022 về hướng dẫn xây dựng môi trường văn hóa trong trường học ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025;

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch Liên tịch số 80/KH-LT ngày 12/01/2005 của Sở GDĐT và Công đoàn ngành Giáo dục về việc phát động phong trào Thi đua trong toàn Ngành thực hiện cuộc vận động “Xây dựng Nhà trường văn hoá - Nhà giáo mẫu mực - Học sinh thanh lịch”; theo Quyết định số 36/QĐ-SGDĐT ngày 10/8/2005 của Sở GDĐT về việc ban hành Tiêu chuẩn “Nhà trường văn hoá - Nhà giáo mẫu mực - Học sinh thanh lịch”;

Tham mưu cho UBND Thành phố ban hành Chỉ thị về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường trên địa bàn Thành phố Hà Nội, chỉ đạo các Sở, ban, ngành trên địa bàn Thành phố chủ động phối hợp cùng ngành GDĐT thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường;

Trên cơ sở nội dung 02 bộ quy tắc của Thành phố Hà Nội là: “Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội” và “Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội”, ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã xây dựng và ban hành văn bản Hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy tắc ứng xử trong môi trường học đường, trong đó quy định cụ thể những việc nên làm và không nên làm trong các mối quan hệ ứng xử, thể hiện thông qua trang phục, ngôn ngữ, hành vi ứng xử... Hướng dẫn thực hiện và nội dung quy tắc được niêm yết công khai tại các bảng tin, bảng thông báo, trang thông tin điện tử của mỗi nhà trường để CB-GV-NV và học sinh cùng thực hiện. Bên cạnh đó, chúng tôi đã yêu cầu Ban Giám hiệu nhà trường đẩy mạnh công tác giáo dục văn hóa ứng xử thông qua các hoạt động giáo dục, thực hành, tình nguyện vì cộng đồng; coi trọng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa của người học...

Ngành GDĐT đang tiếp tục triển khai dạy bộ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh cho học sinh Thủ đô đã thu được những kết quả rất khả quan. Học sinh hứng thú, yêu thích các tiết học và có chuyển biến rõ nét trong cách giao tiếp, ứng xử đồng thời nhận được sự hưởng ứng đồng tình của đông đảo cha mẹ học sinh. Hiện nay ngành GDĐT đang xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn và dạy cho các lớp mầm non 5 tuổi trên địa bàn Thành phố.

Chỉ đạo các nhà trường, phòng GDĐT các quận, huyện, thị xã thành lập bộ phận làm công tác tư vấn tâm lý trong trường học đến nay đã có 100% các đơn vị trường học (gần 1600 trường học) đã thành lập bộ phận tư vấn tâm lý với thành phần gồm đại diện BGH, giáo viên kiêm nhiệm hoặc hợp đồng chuyên trách, nhân viên y tế trường học, giáo viên phụ trách công tác Đoàn, Đội, đại diện phụ huynh học sinh.

Phòng tư vấn tâm lý bước đầu đã đi vào hoạt động ổn định và hoạt động khá hiệu quả với các nội dung:

- Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.

- Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.

- Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp (tùy theo cấp học).

- Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy tắc, văn hóa ứng xử phù hợp với từng nhà trường, phù hợp phong tục tập quán của địa phương nơi trường đóng trên cơ sở quy định chung của ngành và tập trung vào “*Việc nên làm*”, “*Việc không được làm*” trong đó (*Việc nên làm: Khuyến khích, động viên mang tính giáo dục để phát huy năng lực, tính tự tin, tự chủ, tự giác, tích cực của người học và các thành viên khác của nhà trường; Việc không được làm: Ngăn chặn, đẩy lùi, phòng, chống bạo lực học đường*)...

Trong thời gian tới, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tiếp tục tăng cường một số nội dung như

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh về công tác xây dựng văn hóa và thực hiện văn hóa trong trường học; Tăng cường và sử dụng hiệu quả các thiết chế như động viên, khích lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực, gương mẫu trong công tác xây dựng môi trường văn hóa và thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học;

- Chỉ đạo các nhà trường, xây dựng kế hoạch, xác định rõ mục tiêu, nội dung Văn hóa ứng xử trong trường học bảo đảm dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện;

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh, từ đó mong muốn lan tỏa đến phụ huynh học sinh;

- Tăng cường quản lý nền nếp, chất lượng dạy và học trong nhà trường; nắm bắt thông tin học sinh, nắm bắt hoàn cảnh, tâm tư tình cảm, nguyện vọng, diễn biến tư tưởng người học. Tiến hành khảo sát thông tin về học sinh ngay từ khi vào đầu cấp học và cập nhật thường xuyên để phục vụ cho công tác giảng dạy, hỗ trợ học tập, rèn luyện của học sinh. Các thông tin này được thu thập, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định hiện hành;

- Xây dựng môi trường cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn;

- Chủ động phối hợp cùng gia đình và xã hội trong việc xây dựng và thực hiện Văn hóa ứng xử trong trường học;

- Tổ chức các phong trào thi đua giữa các khối, lớp, trong toàn trường, các hoạt động trải nghiệm, văn hóa văn nghệ, TDTT, tình nguyện vì cộng đồng, tri ân, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, các câu lạc bộ cho phù hợp với lứa tuổi, cấp học;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thông tin truyền thông trong việc thực hiện Văn hóa ứng xử trong trường học.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức; khuyến khích tinh thần tự đọc, tự học tạo cơ sở để người học cập nhật tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực, hoàn thiện bản thân. Cụ thể, kết hợp giữa dạy chữ, dạy người, trang bị kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho người học; giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; tôn trọng ý kiến học sinh, sinh viên; phát triển cho học sinh, sinh viên những phẩm chất yêu đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm. Tuyên truyền, giáo dục và triển khai các giải pháp thiết thực để thực hiện hiệu quả, thực chất 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng. Giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên về tình cảm, tình yêu quê hương đất nước; bảo tồn những giá trị văn hóa, lịch sử của cộng đồng các dân tộc; xây dựng, phát triển giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua các hình thức khẩu hiệu, báo chí, phương tiện truyền thông, internet phù hợp với thuần phong mỹ tục, đúng mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường, của ngành. Đảm bảo công tác xây dựng văn hóa học đường là hoạt động thường xuyên, liên tục.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc đổi mới dạy và học môn đạo đức, giáo dục công dân, sinh hoạt Đoàn, Đội. Xây dựng văn hóa học đường gắn với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; khơi dậy tinh thần thi đua học tập, rèn luyện; ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp; giáo dục cho học sinh hình thành năng lực cảm thụ, đánh giá các giá trị văn hóa, truyền thống thông qua các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật; có ý thức tiếp thu, gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Quan tâm, bồi dưỡng tâm hồn, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, học sinh, thông qua các hoạt động trải nghiệm, các câu lạc bộ, hoạt động thể dục, thể thao trong và ngoài nhà trường. Tiếp tục chỉ đạo toàn ngành tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục. Quan tâm xây dựng mối quan hệ con người với con người; con người với tự nhiên trong môi trường giáo dục; phát huy vai trò nêu gương của người thầy, bảo đảm mỗi thầy cô giáo là tấm gương về tự học, đổi mới sáng tạo; đạo đức, lối sống, ý chí phấn đấu, khát vọng cống hiến.

- Đổi mới quản trị nhà trường, xây dựng môi trường học tập, sinh hoạt văn hóa, dân chủ, khơi dậy sáng tạo; bảo đảm mỗi ngày tới trường là một ngày vui; chỉ đạo đổi mới tổ chức, hoạt động của thư viện gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh văn hóa đọc trong các nhà trường.

NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

Thuật ngữ “văn hoá” xuất hiện từ lâu trong lịch sử nhân loại cũng như lịch sử dân tộc. Tuy từng giai đoạn lịch sử và cách tiếp cận khác nhau mà quan niệm về văn hoá cũng được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

Văn hóa là một hiện tượng xã hội đặc thù, là một hệ thống những giá trị chung nhất cả về vật chất và tinh thần cho một cộng đồng, một dân tộc, một thời đại hay một giai đoạn lịch sử nào đó, là kết quả của quá trình hoạt động thực tiễn của con người trong môi trường tự nhiên và trong các mối quan hệ xã hội. Hay nói cách khác, văn hoá là những giá trị vật chất và giá trị tinh thần tốt đẹp do con người sáng tạo ra trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, nhằm phục vụ cho cuộc sống. Vì vậy, có thể nói con người là giá trị văn hoá cao nhất.

Văn hoá học đường, theo Giáo sư Viện sĩ Phạm Minh Hạc, là “hệ thống các chuẩn mực, giá trị giúp cán bộ quản lý nhà trường, thầy cô giáo, các vị phụ huynh và các em học sinh, sinh viên có các cách thức suy nghĩ, tình cảm, hành động tốt đẹp”. Trường học là nơi giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người đáp ứng yêu cầu của xã hội, vì thế nhà trường trước hết phải là môi trường văn hoá thực sự.

Như vậy, nói đến văn hoá học đường là nói đến cách xử sự, giao tiếp văn minh, lịch sự, thân thiện giữa học sinh với học sinh, giữa học sinh với thầy, cô giáo; ý thức, thái độ của học sinh trong giờ học, sự lĩnh hội kiến thức môn học; cách phát ngôn, ăn mặc của giáo viên, học sinh trong giờ học cũng như ngoài giờ; hành vi, thái độ ứng xử trước mọi tình huống diễn ra trong và ngoài nhà trường. Nội dung của văn hóa học đường hiện nay rất phong phú, song có thể tóm tắt thành ba vấn đề cơ bản: Đó là xây dựng cơ sở vật chất trường học khang trang, đạt chuẩn; xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường, trong ký túc xá hay nhà trọ, ở gia đình, nơi công cộng; xây dựng “văn hóa ứng xử”, “văn hóa giao tiếp”. Tác dụng tích cực của văn hóa học đường là xây dựng nhân cách cho học sinh, chống lại lối sống tiêu cực. Chính vì thế, mỗi nhà trường cần có văn hóa học đường của mình.

Xây dựng văn hóa học đường là thực hiện một quá trình quản lý giáo dục trong mỗi nhà trường nhằm mục đích xây dựng, phát triển trường học thành môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, các thành viên trong trường có hành vi chuẩn mực và ngày càng ổn định theo chiều hướng phát triển bền vững. Hay nói cách khác, văn hóa học đường là một môi trường rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ sống có hoài bão, có lý tưởng cao đẹp. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết và thường xuyên của ngành Giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Công cuộc đổi mới “căn bản, toàn diện” giáo dục và đào tạo của cả nước nói chung và Nghệ An nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng, nhằm tạo điều kiện cho học sinh phát triển phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện nhân cách cho học sinh. Nội dung này đã và đang đặt ra yêu cầu cho ngành Giáo

dục phải xây dựng môi trường tốt cả về vật chất lẫn tinh thần. Đây thực sự là một cuộc cách mạng mang đậm chất văn hoá, đòi hỏi sự tham gia vào cuộc quyết liệt của toàn xã hội từ tế bào nhỏ nhất là gia đình đến sự đồng thuận của dư luận xã hội, sự tôn vinh các giá trị lao động đích thực mà kết quả sự tiến bộ của học sinh quan trọng hơn sự thành đạt về bằng cấp. Đó cũng chính là những nội dung cốt lõi của văn hoá học đường hiện nay.

Vào những năm của thập kỷ 50, 60 thế kỷ XX trở về trước, giáo dục nước ta tuy chưa phát triển như hiện nay, số trường lớp còn ít nhưng trường học rất kỷ cương, nề nếp, học sinh ngoan, lễ phép; thầy/cô giáo chuẩn mực về tư cách đạo đức. Đến khi chuyển sang cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, nhưng cũng gặp những thách thức không nhỏ khi bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

Văn hoá học đường nói chung, ở Nghệ An nói riêng cũng không nằm ngoài thử thách đó. Thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019, quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các Đề án: “Xây dựng văn hoá học đường trong trường học giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An”; “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2022 - 2030”. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường; xây dựng văn hóa học đường bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện... Tuy nhiên, văn hoá học đường vẫn có biểu hiện xuống cấp, đang là mối lo ngại, trở thành vấn đề “nóng” của xã hội. Nhiều trường học trên địa bàn tỉnh Nghệ An chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng văn hóa học đường dẫn đến những hành vi lệch chuẩn với các biểu hiện như:

Thứ nhất, bên cạnh đại đa số học sinh có kiến thức rộng, nhanh nhạy trong nắm bắt thông tin, quý trọng thầy cô, đoàn kết với bạn bè sống có kỷ cương, không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập và trong cuộc sống thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ học sinh ứng xử thiếu văn hoá như nói tục, chửi bậy, thô lỗ, cục cằn; kết bè, kết phái, gây gỗ, đánh nhau... Tình trạng bạo lực học đường không chỉ diễn ra ở thành thị mà còn ở nông thôn, không chỉ ở học sinh nam mà ở cả học sinh nữ; gây hậu quả đáng tiếc và tác động xấu đến môi trường giáo dục.

Thứ hai, một bộ phận học sinh có biểu hiện thờ ơ, vô cảm, buông thả, thiếu trách nhiệm với cha mẹ, thầy cô, bạn bè và với chính bản thân mình nên chây lười trong học tập, sa vào các thú vui không lành mạnh, các trò chơi điện tử, sống trong thế giới ảo của mạng xã hội, khép mình với thực tiễn cuộc sống xung quanh.

Thứ ba, có bộ phận học sinh hiện nay tâm sinh lý phát triển sớm, quan niệm tình yêu gắn liền với tình dục đã để lại những hậu quả khó lường. Có những bạn trẻ bị trầm cảm, tự tử hoặc đứng trước nguy cơ vô sinh, thậm chí đã có trường hợp bị vô sinh do nạo hút thai ở tuổi dậy thì; không ít học sinh đã “phải” làm cha, làm mẹ ở độ tuổi “ăn chưa no lo chưa tới” do quan niệm quá thoáng về tình yêu.

Thứ tư, những năm gần đây, hiện tượng thương mại hoá trong giáo dục đã xảy ra ở một số trường học, dẫn đến tình trạng thương mại hoá quan hệ giáo viên -

học sinh, giáo viên - phụ huynh; một số ít thầy/cô giáo vi phạm nghiêm trọng đạo đức nhà giáo như giáo viên xâm hại học sinh, giáo viên bạo hành học sinh...

Thứ năm, đa số học sinh được tiếp cận, hoà nhập với thời đại chuyển đổi số, công nghệ 4.0 và chịu nhiều chi phối, ảnh hưởng trực tiếp từ mạng xã hội. Bên cạnh những tiện ích do internet mang lại thì mặt trái của nó là không hề nhỏ. Vẫn còn một bộ phận học sinh chưa đủ kiến thức, lười biếng tìm hiểu, cập nhật, nắm bắt kịp thời các thông tin chính thống, không ngần ngại đưa ra các phát ngôn có tính kích động để tăng độ “nóng” cho các thông tin, sự kiện đang được dư luận quan tâm.

Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến thực trạng trên nhưng có thể nhận thấy nguyên nhân chủ yếu là do: Việc giáo dục học sinh trong một số gia đình hiện nay còn nhiều bất cập; sự đa dạng, phức tạp, tác động nhiều chiều của môi trường mạng; sự thiếu đồng bộ trong nhận thức của xã hội, việc đầu tư chưa đúng mức (nhân sự, kinh phí, giải pháp...) của các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý; công tác truyền thông chính thống còn nhiều hạn chế.

Nghệ An tự hào là mảnh đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng; là quê hương của những làn điệu dân ca Ví, Giặm trữ tình, sâu lắng. Người dân Nghệ An có lối sống giàu lòng nhân ái, thuỷ chung, tình nghĩa. Nói đến Nghệ An, đã từ lâu trong Thư tịch và tâm thức của người Việt đó là “Đất học”, bởi truyền thống hiếu học, khổ học và học giỏi như là mạch nguồn tuôn chảy, lưu truyền từ biết bao đời nay, từ thế hệ này đến thế hệ khác, đóng góp nhiều nhân tài cho quê hương, đất nước. Khi Nghị quyết 29 của Bộ Chính trị đi vào thực tiễn, thực hiện các chủ trương của ngành; tiếp nối ngọn lửa truyền thống của ông cha, Giáo dục Nghệ An đang trên đà đổi mới mạnh mẽ để phát triển và hội nhập. Việc xây dựng văn hoá học đường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục được ngành Giáo dục Nghệ An xác định là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, thường xuyên, với những giải pháp cơ bản sau:

1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và toàn thể nhân dân Nghệ An về tầm quan trọng của việc thực hiện đổi mới “căn bản, toàn diện” giáo dục và đào tạo và xây dựng văn hoá học đường. Tích cực, chủ động tham mưu để cấp uỷ, chính quyền ban hành nhiều cơ chế, chính sách về giáo dục, tạo điều kiện cho giáo dục phát triển

- Ngành chủ động thực hiện và chỉ đạo các cơ sở giáo dụcuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt: phổ biến, quán triệt; tổ chức nghiên cứu, thảo luận, trao đổi trong cán bộ, giáo viên, học sinh; viết bài trên các báo trung ương, địa phương và bản tin nội bộ của ngành; xây dựng các phóng sự, chuyên đề...

- Xây dựng chiến lược phát triển của ngành; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong toàn ngành tập trung xây dựng chiến lược phát triển, thống nhất từ quan điểm đến hành động trong cấp uỷ, lãnh đạo đơn vị đến từng cán bộ, giáo viên và học sinh. Phát huy vai trò nêu gương của người thầy, bảo đảm mỗi thầy, cô giáo là tấm gương về tự học, đổi mới sáng tạo; đạo đức, lối sống, ý chí phấn đấu khát vọng cống hiến.

- Tích cực, chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền để ban hành các cơ chế, chính sách, quyết sách về giáo dục. Sở GDĐT Nghệ An đã tham mưu thành lập Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo của tỉnh; ban hành 12 Nghị quyết về giáo dục; UBND tỉnh ban hành 23 quyết định phê duyệt các đề án, kế hoạch, trong đó có

13/16 nội dung cụ thể hóa Chương trình hành động số 33-CT/TU ngày 27/10/2014 về triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; Chủ động ký kết các chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục với các ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn (Sở Văn hoá, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học...); Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả các mô hình “Phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc và giáo dục trẻ”, “Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh phổ thông” nhằm huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận, thống nhất.

2. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng các thiết chế văn hoá; thí điểm xây dựng mô hình trường học tiên tiến, trường trọng điểm chất lượng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện năng lực bản thân.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh đã huy động được trên 1.157 tỷ đồng từ nguồn ủng hộ của phụ huynh học sinh và các doanh nghiệp, nhà hảo tâm; tranh thủ các nguồn lực lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để đầu tư cho giáo dục. Trong giai đoạn này, đã xây dựng thêm được 289 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia, với kinh phí 894.376 tỷ đồng. Tỉnh đã huy động mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục, trong đó quan tâm đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hóa, đồng bộ, từng bước hiện đại; đặc biệt đảm bảo năm học mới và chuẩn bị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các địa phương đã quan tâm đầu tư bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình đảm bảo phục vụ năm học mới chủ yếu từ nguồn lực địa phương và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An⁸.

Ngành đã chủ động tham mưu triển khai mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó tập trung chỉ đạo việc cam kết chất lượng giáo dục và chuẩn bị các điều kiện để thực hiện cam kết; thí điểm các mô hình trường trọng điểm chất lượng cao, trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế (sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; Chương trình giáo dục nhà trường; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Hệ thống đảm bảo chất lượng; Chuyển đổi số trong quản trị và dạy học; Môi trường giáo dục; Chuẩn đầu ra). Tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp nhằm tạo sự ổn định cho các trường THPT về công tác tuyển sinh, cơ cấu đội ngũ đáp ứng CT GDPT 2006 và CT GDPT 2018, tiếp tục duy trì và phát triển

⁸ Tính từ năm 2017 đến nay, ở các cấp học đã cải tạo, xây dựng tăng phòng học kiên cố cụ thể: Mầm non tăng 1.866 phòng học kiên cố (tăng tỷ lệ phòng học kiên cố từ 59,39% lên 75,70%); Tiểu học tăng 1.440 phòng (tăng tỷ lệ từ 66,16% lên 76,16%); THCS tăng 146 phòng (tăng từ 83,99 lên 89,47%); THPT: tăng 69 phòng (tăng từ 95,38 lên 96,64%); Đối với các phòng học phục vụ học tập kiên cố và bán kiên cố so với năm 2017: Tiểu học tăng 100 phòng; THCS tăng 437 phòng; THPT: tăng 129 phòng; Các phòng mộ môn (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học, ngoại ngữ..) cấp THCS tăng 158 phòng; THPT tăng 55 phòng; Hàng năm, từ các nguồn NSNN tỉnh và xã hội hóa các trường đã tập trung mua sắm thêm đồ dùng dạy học, thiết bị, hóa chất phục vụ thực hành, thí nghiệm... cơ bản đảm bảo cho việc dạy và học.

các trường PT DTNT THPT, trường THPT chuyên, đẩy mạnh thí điểm 05 trường THPT trọng điểm chất lượng cao.

3. Đổi mới công tác quản lý, quản trị giáo dục và đào tạo; tăng cường giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ các thể chế văn hoá (kế hoạch, quy chế...) phù hợp với quy định của pháp luật và các giá trị truyền thống, phong tục của địa phương Nghệ An nhằm tạo thói quen thực hành văn hoá, giao tiếp, ứng xử, học tập và làm việc khoa học, văn minh, lịch sự

UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Đề án: “Rà soát, phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ nhóm hỗ trợ, phục vụ trong các trường thuộc các cấp học trên địa bàn tỉnh, ban hành quy định khung về số tổ bộ môn, tổ phó tại các trường để thống nhất thực hiện; Rà soát, sáp nhập những điểm trường không còn phù hợp”; Phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị theo hướng giảm số người làm việc thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong các trường thuộc các cấp học theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 về phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT và định hướng đối với ngành GD&ĐT giai đoạn 2018 - 2021 và những năm tiếp theo.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua môi trường mạng; tiếp tục đầu tư, kiện toàn bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ chuyên trách và các công cụ, phương tiện của các Sở, ngành, đoàn thể và địa phương; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với các cơ quan chức năng như Ban Tuyên giáo, Công an, Đoàn thanh niên cùng cấp và các đơn vị chức năng ở địa phương trong công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với HSSV.

Song song với việc giáo dục tri thức thì những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương được các nhà trường lồng ghép đưa vào chương trình các môn học đạo đức, giáo dục công dân, sinh hoạt Đoàn, Đội, đặc biệt là Chương trình giáo dục địa phương, qua đó, trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân trọng và phát huy văn hóa truyền thống, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn, nhất là ở các vùng DTTS, miền núi và biên giới. Các nội dung được xây dựng trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phù hợp với đặc điểm văn hóa, các giá trị truyền thống của con người xứ Nghệ. Toàn ngành duy trì phong trào học và hát dân ca trong các nhà trường, góp phần đẩy mạnh phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, gắn với sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội nhằm gìn giữ, bảo tồn, giới thiệu, quảng bá và phát huy các giá trị văn hoá, tiêu biểu của các thể hát và trò diễn xướng Dân ca Ví, Giặm Xứ Nghệ đã được UNESCO công nhận là Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại và dân ca các vùng, dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp tiểu học được tích hợp với các hoạt động trải nghiệm, ở cấp THCS, THPT được thiết kế dưới hình thức lĩnh vực và chủ đề của lĩnh vực. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học tích cực nhằm phát huy tối đa tính tự giác, tích cực, sáng tạo của học sinh; tăng cường hoạt động thực hành gắn với môi trường, cuộc sống, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... của địa phương.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng quy chế văn hoá dựa trên triết lý riêng để khẳng định phong cách hệ thống giá trị, chuẩn mực đạo đức của nhà trường. Bên cạnh đó, ngành chú trọng tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho người học trong tiếp cận giáo dục và đào tạo, đặc biệt đối với vùng đồng bào dân tộc và miền núi⁹. Thường xuyên chỉ đạo, triển khai xây dựng trường học an toàn, trường học thân thiện tích cực; phát triển mô hình tư vấn học đường, mô hình giao dục truyền thống “Tìm về địa chỉ đỏ”, định hướng nghề nghiệp; tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh, nhằm tạo dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, lành mạnh, không bạo lực; hướng đến mục tiêu mọi trẻ em được đi học và hòa nhập trong ngôi trường hạnh phúc; Tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, thầy cô giáo và cha mẹ học sinh về nhóm học sinh yếu thế; bảo đảm an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn, phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; xây dựng, công khai và thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong các cơ sở giáo dục.

4. Đẩy mạnh đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, tạo điều kiện để học sinh chuyển vốn tri thức được học thành vốn văn hoá, kỹ năng sống, giá trị sống. Ưu tiên tập trung nguồn lực, chủ động triển khai nhanh chuyển đổi số trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, cải cách hành chính và phòng chống dịch

Tham mưu UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh¹⁰. Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu phân bổ chỉ tiêu người làm việc cho

⁹ QĐ số 67/2013/QĐ-UBND, ngày 17/11/2013 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ HS bán trú và HS THPT ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; NQ số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định về mức thu học phí trong các cơ sở GD&ĐT công lập thuộc tỉnh quản lý từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến 2020-2021; NQ số 57/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 quy định khoảng cách, địa bàn và tỷ lệ nấu ăn cho các trường PT DTBT và trường PT nấu ăn tập trung cho học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 16/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; NQ số 10/2019/NQ- HĐND ngày 12/7/2019 quy định chế độ hỗ trợ nhân viên các trường PTDTBT và PTDTNT; định mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho HS trường PTDTNT; NQ số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; NQ số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập; NQ số 32/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế hỗ trợ một phần học phí năm học 2021-2022 cho trẻ em mầm non và HS PT do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19; NQ số 03-NQ/TU ngày 19/11/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

¹⁰ UBND tỉnh ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 về việc Ban hành tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, 6 theo CT GDPT năm 2018 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 20/3/2021 về việc thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện đúng quy định, quy trình về giới thiệu, đề xuất SGK lớp 2,

các cấp học, hướng dẫn ưu tiên bố trí giáo viên dạy các lớp triển khai CTGDPT

2018 theo lộ trình, hướng dẫn bố trí đội ngũ phù hợp để thực hiện nhiệm vụ; Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý, giáo viên đại trà; Phối hợp với các nhà xuất bản SGK bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng SGK mới cho 100% giáo viên dạy CTGDPT 2018. Ngoài các nội dung bồi dưỡng thường xuyên thì ngành Giáo dục chỉ đạo, triển khai bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT.

Thực hiện điều chỉnh, tích hợp nội dung dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Linh hoạt, sắp xếp hợp lý các hoạt động sinh hoạt tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp giữa các khối lớp nhằm tiệm cận với chương trình hoạt động trải nghiệm trong Chương trình GDPT 2018. Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động thực hành, trải nghiệm rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Nhiều mô hình, về xây dựng văn hóa học đường được triển khai hiệu quả như: Phòng giúp phòng - Trường giúp trường; Tổ bộ môn giúp Tổ bộ môn; Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học, THCS kiểu mới; mô hình “Kỹ năng sống cho em” trong các trường phổ thông dân tộc nội trú; tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về “Thói quen tốt trong HSSV”, cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp”, diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp - Nói không với bạo lực học đường”, “Xây dựng văn hóa ứng xử trong học đường”, “Thanh niên sống đẹp, sống có ích”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Ngày hội đọc sách”, mô hình “Tiếng keng học bài”, “Gia sư áo xanh” tại các thôn, bản, xóm. Cuộc vận động “Giúp bạn tới trường” được các trường triển khai với nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả đã giúp cho học sinh nâng cao ý thức trách nhiệm với tập thể, với cộng đồng xã hội.

Toàn ngành chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, triển khai nhanh chuyển đổi số trong giáo dục, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kép, đảm bảo an toàn phòng chống dịch và hoàn thành nhiệm vụ năm học đúng kế hoạch; hoàn thành giai đoạn 1 Trung tâm điều hành giáo dục thông minh¹¹; chỉ đạo đổi mới tổ chức, hoạt động của thư viện gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh văn hoá đọc trong nhà trường. Triển khai quyết liệt, có kết quả công tác cải cách hành chính: 100% đơn vị trong ngành đã thực hiện chữ ký số và hạn chế phát hành văn bản giấy; năm 2021, Sở GD&ĐT đạt vị trí thứ 7 về Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (tăng 2 bậc so với năm 2020), xếp thứ 6/21 về Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh.

5. Phát huy dân chủ, đẩy mạnh công tác dân vận; tổ chức phong trào thi đua xây dựng “nếp sống văn hóa” trong nhà trường gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” của các địa phương

lớp 6; chỉ đạo các Hội đồng lựa chọn SGK thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Kết quả: đã lựa chọn 09 đầu SGK lớp 2 và 23 đầu SGK lớp 6.

¹¹ Thực hiện hiệu quả việc dạy học, hội học, tập huấn, hội thảo trực tuyến, online, là tinh có số lượng học sinh tham gia truy cập học trực tuyến lớn nhất cả nước; triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử trong cơ sở giáo dục.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở trong trường học; hàng năm tổ chức các cuộc đối thoại để trao đổi, chia sẻ nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ tư vấn tâm lý, tổ công tác xã hội trường học để kịp thời nắm bắt, tư vấn, hỗ trợ, định hướng cho học sinh giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống, trong học tập.

Các cơ sở giáo dục tham mưu cấp uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn để đăng cai tổ chức các hoạt động văn hoá; vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động văn hoá tại địa phương; chủ động bàn giao học sinh về sinh hoạt hè, hỗ trợ các địa phương tổ chức hoạt động bổ ích, thiết thực cho các em; từng bước xây dựng các nhà trường trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương; gắn xây dựng môi trường văn hoá của địa phương với môi trường văn hoá của nhà trường.

Để công tác xây dựng văn hoá học đường đạt được những kết quả như kỳ vọng, chúng tôi kiến nghị:

1. Bộ GDĐT phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có biện pháp quản lý, kiểm soát chất lượng các nội dung đăng tải trên mạng Internet, nhất là các kênh Youtube, Tictok...; cần có chế tài xử lý tình trạng bắt nạt trực tuyến nhằm đảm bảo môi trường mạng an toàn, lành mạnh cho học sinh.

2. Bộ GDĐT có văn bản hướng dẫn, định hướng việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường theo giai đoạn hoặc năm học để tạo sự đồng bộ, thống nhất; đồng thời quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục trong trường học như: cung cấp tài liệu Văn hóa học đường; xây dựng chuyên đề sinh hoạt Đoàn, Đội, giáo dục kỹ năng sống; chuyên đề văn hoá ứng xử trên mạng xã hội đối với HSSV, giáo dục đạo đức, lối sống. Tổ chức các chương trình, các lớp tập huấn về công tác xây dựng văn hoá học đường cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường học./.

KIẾN TẠO MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC PHÙ HỢP VỚI XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI – KINH NGHIỆM TỪ ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

*Phạm Mạnh Hùng, Đinh Văn Hải,
Nguyễn Phong Điền, Huỳnh Quyết Thắng
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.*

Nghị quyết số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đặt ra một trong những vấn đề quan trọng mà toàn ngành giáo dục cần được thực hiện đó là phải chuyển mạnh quá trình giáo dục từ “nặng” về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục “trọng” về hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Tập trung vào việc giáo dục những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống, đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho học sinh và sinh viên. Các cơ sở giáo dục cần chú trọng xây dựng môi trường và điều kiện giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân cho người học.

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với sứ mạng “phát triển con người, đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ và chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội và đất nước”. Các thế hệ cán bộ và sinh viên Bách khoa Hà Nội luôn duy trì và phát triển các giá trị cốt lõi bao gồm: *Chất lượng - hiệu quả, Tận tụy - cống hiến, Chính trực - tôn trọng, Tài năng cá nhân - trí tuệ tập thể, và Kế thừa - sáng tạo*. Động lực chính cho phát triển bền vững của Nhà trường là đổi mới sáng tạo dựa trên tiếp thu tinh hoa tri thức của nhân loại, kế thừa những thành quả đã đạt được và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp.

Là một trường khoa học kỹ thuật hàng đầu của cả nước, với gần 2000 cán bộ viên chức có chuyên môn tốt, học hàm, học vị cao và trên 35 ngàn sinh viên, học viên các hệ đào tạo, Nhà trường luôn nhận thức được việc xây dựng môi trường văn hóa ứng xử tốt đóng một vai trò quan trọng trong việc hoàn thành sứ mệnh của mình, đặc biệt đó sẽ là nền tảng cho việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân cho cán bộ và sinh viên.

Giải pháp kiến tạo môi trường và điều kiện xây dựng, duy trì văn hóa ứng xử tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Thực hiện đề án của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT về việc đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp để kiến tạo môi trường và xây dựng văn hóa, quy tắc ứng xử trong trường học.

Một là, xây dựng, ban hành các quy định, quy tắc, chỉ tiêu, thang đánh giá, hướng dẫn và kế hoạch triển khai công tác xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học như: Quy chế công tác cán bộ; Quy định truyền thông và Quản trị thương hiệu; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế sinh viên; Quy định đánh giá rèn luyện sinh viên;... Trên cơ sở cập nhật các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, định hướng của Nhà trường và thực tiễn công tác, các văn bản trên đã có những quy định đầy đủ cũng như hướng dẫn cụ thể về quy tắc ứng xử giữa đồng nghiệp, thầy cô, bạn bè,

gia đình và cộng đồng xung quanh. Đồng thời cũng lưu ý về việc cán bộ, sinh viên giữ gìn hình ảnh cá nhân, uy tín của Nhà trường.

Hai là, để đảm bảo sự định hướng, tính thống nhất và hiệu quả, đầu năm học, Nhà trường ban hành nhiệm vụ trọng tâm, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cán bộ viên chức nhà trường; ban hành khung đánh cán bộ cũng như đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên với các tiêu chí cụ thể về ý thức học tập, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm cộng đồng, ý thức tham gia các hoạt động văn thể mỹ. Trên cơ sở đó, các đơn vị nòng cốt như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Phòng Công tác Sinh viên, Khoa Lý luận Chính trị xây dựng các kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử cho sinh viên đảm bảo sự cộng hưởng, độ phủ tới các nhóm đối tượng khác nhau theo yêu cầu đề ra. Sinh viên chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện theo thiên hướng của cá nhân, đảm bảo tính định hướng của công tác giáo dục.

Ba là, đẩy mạnh việc tuyên truyền về văn hóa ứng xử trường học. Đặc biệt trú trọng giáo dục văn hoá ứng xử cho người học thông qua các hoạt động như: Tuần sinh hoạt công dân, học tập chuyên đề, nội quy, khẩu hiệu trong phòng học, giảng đường, khuôn viên và các kênh thông tin của Nhà trường với nội dung thông điệp rõ ràng và hình thức thể hiện thu hút. Bên cạnh đó, Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và Khoa lý luận chính trị tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa lồng ghép nội dung giáo dục giá trị truyền thống, văn hóa ứng xử, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm cộng đồng để sinh viên có cơ hội giao lưu, rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử. Tiêu biểu như các hoạt động như: *Cuộc thi sân khấu hóa SVBK thường niên; Chuyên mục "Học từ sự kiện"; "Lễ chào cờ truyền thống dành cho tân sinh viên" để giáo dục truyền thống cách mạng của người Bách Khoa; Kiểm tra định kỳ về mức độ nắm vững quy định, quy chế và hiểu biết pháp luật của sinh viên bằng hình thức Online; Chương trình vận động sinh viên tiết kiệm "Cốc trà đá vì cộng đồng" gây dựng Quỹ "Tuổi trẻ Bách Khoa nhân ái", hoạt động CLB văn thể mỹ. Các hoạt động đã thu hút được hàng trăm nghìn lượt sinh viên chủ động tham gia, góp phần tạo nên đời sống văn hóa tinh thần phong phú cho sinh viên.*

Bốn là, tăng cường hoạt động chuyên đổi số trong công tác thông tin, quản lý, theo dõi hoạt động chính khóa và ngoại khóa của sinh viên. Một trong số các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là xây dựng hệ thống cổng thông tin, kênh thông tin, sổ tay sinh viên online cho phép cài đặt quy trình, quy định chuẩn hóa việc tổ chức các hoạt động rèn luyện từ xây dựng kế hoạch đến ghi nhận kết quả tham gia hoạt động cho sinh viên. Ứng dụng công nghệ thông tin cho phép sinh viên dễ dàng tiếp cận thông tin, ghi nhận, báo cáo minh chứng tham gia hoạt động và theo dõi kết quả rèn luyện của cá nhân. Nhờ đó, nhà trường dễ dàng theo dõi tình hình, hỗ trợ sinh viên thúc đẩy sinh viên chủ động, tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện hoàn thiện bản thân. Hàng trăm ngàn minh chứng tham gia hoạt động ngoại khóa của sinh viên được ghi nhận, lưu trữ trên hệ thống số hóa của Nhà trường.

Năm là, dành nguồn lực đủ để hỗ trợ tổ chức các hoạt động, tạo sân chơi bổ ích, cơ hội trải nghiệm thực tế cho sinh viên. Nhiều cơ sở vật chất như phòng học, giảng đường, hội trường, nhà thi đấu và tập luyện thể thao, ký túc xá, khuôn viên

trường được tu bổ, chỉnh trang, đảm bảo điều kiện về số lượng cũng như chất lượng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho sinh viên. Với cơ sở hạ tầng xanh - sạch - đẹp, cảnh quan yên bình đã tạo ra không khí thân thiện văn minh cho sinh viên, giúp cho sinh viên thêm yêu, tự hào về Trường, xây dựng ý thức giữ gìn và phát huy hình ảnh con người Bách Khoa.

Bằng việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, kết quả là, các đơn vị hành chính, chuyên môn và đoàn thể đã phối hợp tốt trong việc triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, rèn luyện văn hóa ứng xử với nhiều hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với tình hình chính trị, văn hóa, xã hội để thu hút cán bộ và sinh viên tham gia. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và triển khai sâu rộng có hệ thống tới từng cán bộ và sinh viên, nên việc áp dụng các quy tắc văn hóa đạo đức cốt lõi được đề cao trong các giao tiếp ứng xử hàng ngày của cán bộ và sinh viên, góp phần duy trì, phát triển môi trường văn hóa trường học, giá trị thương hiệu Bách Khoa [6]. Các thành tích đạt được trong công tác này đã được cơ quan cấp trên ghi nhận và khen thưởng như: bằng khen của Bộ Trưởng Bộ GDĐT, Bằng khen TW Đoàn,...

Những thách thức và định hướng công tác trong thời gian tới

Việc hình thành nhận thức, xây dựng thái độ tích cực đối với sinh viên để duy trì được các chuẩn mực về văn hóa ứng xử luôn là nhiệm vụ không dễ dàng với bất kể cơ sở giáo dục đại học nào, trong đó có trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Sự phát triển của mặt trái nền kinh tế thị trường, mạng xã hội, nguồn thông tin xấu, độc đang dễ dàng tác động đến nhận thức của thế hệ trẻ hiện nay, trong đó có sinh viên. Chúng ta có thể thấy, có không ít sinh viên thiếu ý thức trong việc xây dựng môi trường vệ sinh xanh - sạch - đẹp trong nhà trường, nơi công cộng; một số sinh viên đang ứng xử chưa văn hóa, thiếu lễ phép với cha mẹ, thầy cô, cư xử chưa đúng mực với mọi người xung quanh; một số sinh viên thiếu suy nghĩ có những bình luận thiếu văn hóa, vô trách nhiệm trên không gian mạng, diễn đàn sinh viên làm ảnh hưởng không nhỏ tới lối sống, không thể hiện đúng với trình độ và cấp độ đang học.

Hàng năm, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đón nhận hơn 7,000 tân sinh viên với tuổi đời và vốn sống ít; đến từ mọi vùng miền với điều kiện kinh tế khác nhau; phạm vi sinh sống, học tập trong khi học đại học rộng khắp Hà Nội; sinh viên tự do thiếu sự quan tâm, giáo dục thường xuyên của gia đình. Để giải quyết các thách thức trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử cho sinh viên, trong thời gian tới, Nhà trường cần tiếp tục triển khai các giải pháp đã đem lại các kết quả tốt trong thời gian vừa qua, đảm bảo:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả tới toàn thể Cán bộ giảng viên, sinh viên bộ quy tắc ứng xử, nội quy và quy chế trong nhà trường nhằm điều chỉnh, hình thành và duy trì cách thức ứng xử của cán bộ giảng viên, sinh viên trong nhà trường theo thuần phong mỹ tục; tạo môi trường thân thiện, nếp sống cởi mở, văn minh, trách nhiệm, trung thực, dân chủ trong nhà trường và giao tiếp. Luôn đổi mới các hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử của các đơn vị, phát huy vai trò của các Câu lạc bộ sinh viên, vai trò của cán bộ quản lý lớp trong việc giáo dục, định hướng cho sinh viên trong lối sống và giao tiếp. *Xây dựng hình ảnh cán bộ, giảng viên mẫu mực để*

sinh viên noi theo, đồng thời đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Tăng cường các hoạt động hỗ trợ, tư vấn tâm lý, chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các khó khăn trong học tập, giải tỏa các áp lực và bức xúc phát sinh trong cuộc sống. Quan tâm hơn nữa trong việc phát triển các kỹ năng mềm thông qua các hoạt động trải nghiệm cho sinh viên. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát công tác xây dựng môi trường văn hóa, biểu dương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tổ chức có đóng góp trong công tác xây dựng và thực hiện môi trường văn hóa trong trường học.

Một số kiến nghị, đề xuất

- Các nhà trường cần tích cực hỗ trợ, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo môi trường cảnh quan xung quanh trường luôn xanh – sạch – đẹp, an toàn, an ninh trật tự. Quản lý các hàng quán gây mất mỹ quan đô thị, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, các tụ điểm phát sinh tệ nạn xã hội, chơi game gây sao nhãng việc học hành ở xung quanh trường, quản lý sinh viên nội ngoại trú.

- Bộ GDĐT, các cơ quan chức năng sớm ban hành các quy định, hướng dẫn chế tài xử lý cập nhật thực tiễn nhằm hỗ trợ công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa ứng xử; giúp nhận diện, xử lý mang tính răn đe đối với các phát ngôn bình luận thiếu văn hóa của sinh viên trên không gian mạng; ban hành tài liệu hướng dẫn bộ quy tắc ứng xử, quy chế làm việc; xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá cá nhân, đơn vị về thực hiện xây dựng VHUX; ban hành chính sách khen thưởng và xử phạt các đóng góp hoặc vi phạm VHUX.

- Bộ Nội vụ bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác văn hoá ứng xử trong trường học.

- Các cơ quan truyền thông tăng cường thông tin các tấm gương tốt việc làm tốt, hạn chế đăng tải các thông tin giật gân, gây sốc ảnh hưởng tới nhận thức không tốt của giới trẻ về xã hội, và cộng đồng xung quanh. Các đơn vị chuyên môn thường xuyên tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, chương trình đào tạo, giới thiệu đội ngũ chuyên gia tư vấn hỗ trợ nhà trường xây dựng các chương trình giáo dục văn hóa ứng xử trong học đường.

XÁC ĐỊNH HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA CẦN HÌNH THÀNH Ở HỌC SINH PHỔ THÔNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TS. Vương Thị Phương Hạnh
và nhóm nghiên cứu đề tài CT2019.08.01
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã tác động tích cực và kéo theo cả những mặt trái, tác động tiêu cực đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, giá trị sống và lối sống của thanh thiếu niên, tạo ra nhiều nguy cơ, thách thức đối với công tác giáo dục đạo đức, giá trị văn hóa (GTVH) cho các đối tượng này, trong đó có học sinh (HS) phổ thông. Chúng ta cũng phải đối mặt với một số biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống trên bình diện xã hội nói chung, môi trường học đường nói riêng với không ít chuẩn mực, giá trị (GT), niềm tin văn hóa (VH) truyền thống của nhà trường đã bị thay đổi theo nhiều chiều hướng với diễn biến khó lường. Những mặt tiêu cực trong hệ giá trị (HGT) sống đương đại đang là một thách thức đối với nền giáo dục nước nhà. Để giải quyết khó khăn này, nhất thiết phải xác định được những GTVH căn bản, cốt lõi cần hình thành ở HS và tìm ra con đường giáo dục GTVH đúng đắn, phù hợp với thực tiễn trường phổ thông Việt Nam hiện nay.

GTVH là những thành tựu của một cá nhân hay một dân tộc đã đạt được trong quan hệ với thiên nhiên, với xã hội và trong sự phát triển bản thân mình; nói tới GTVH là nói tới thái độ, trách nhiệm và những quy tắc ứng xử của mỗi người trong quan hệ của bản thân với gia đình, xã hội và thiên nhiên và những biểu tượng cho Chân - Thiện - Mỹ.

Ở trường phổ thông, giáo dục GT cho HS là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo nền tảng căn bản của nhân cách làm “kim chỉ nam” cho mọi hành động của các em. Giáo dục GT nói chung và giáo dục GTVH nói riêng không phải là giảng dạy về các GT mà là bồi dưỡng ý thức GT, khơi gợi, đánh thức ở cá nhân HS cách nhìn nhận, đánh giá riêng của mình về cái đúng, cái tốt, cái đẹp... với các sự việc, hành động của chính bản thân mình và người khác. Chỉ khi nào ý thức bên trong của mỗi cá nhân thức tỉnh, chấp nhận hay bác bỏ, thì các GT mới thực sự là có GT hay không có GT. Do đó, trong “giai đoạn mới” - giai đoạn thực hiện đổi mới giáo dục và triển khai chương trình GDPT 2018, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0... và đặc biệt là khi xã hội đang có những dấu hiệu xuống cấp về VH và đạo đức, vấn đề trước tiên là phải xác định được HGTVH cần hình thành ở HS, từ đó xây dựng mô hình giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp, nhằm khắc phục tình trạng nhiều HS biết về GTVH nhưng không hành động theo chuẩn GTVH do nhận thức chưa được chuyển thành niềm tin hay GTVH của chính các em.

Việc xác định HGTVH cần hình thành ở HS phổ thông trong giai đoạn mới là việc không dễ dàng và không dễ đạt được sự đồng thuận bởi “Cái mới, chưa chắc đã là cái tiến bộ. Và cái cũ, cũng chưa hẳn là cái lạc hậu hoàn toàn. Chưa kể,

xã hội có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu thang GT khác nhau”¹². Tuy nhiên, cũng có thuận lợi nhất định khi có thể học hỏi, kế thừa, chọn lọc từ nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước trước đó trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc và tiêu chí cơ bản để có thể lựa chọn các GT phù hợp.

1. Các căn cứ xác định hệ giá trị văn hóa

HGTVH cần hình thành cho HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới được xác định dựa trên cơ sở khoa học (lí luận và thực tiễn), trong đó tập trung nghiên cứu một số vấn đề như sau:

(1) Bối cảnh hiện nay (quốc tế và trong nước) cho thấy những tác động hai mặt của cách mạng công nghiệp, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường đặt ra vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam: tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái, sự khoan dung; trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng; cần cù, khiêm tốn, giản dị trong lối sống...

(2) Đặc điểm tâm lí – xã hội nổi bật của học sinh phổ thông Việt Nam hiện nay là: tự tin, sáng tạo, thích ứng nhanh, dần khẳng định được vai trò, vị thế xã hội của mình; các quan hệ xã hội phát triển về bề rộng và chiều sâu; tuy nhiên cũng có nguy cơ lan rộng tính ích kỉ, cá nhân, hưởng thụ.

(3) Nội dung chương trình GDPT 2018 (chương trình tổng thể) cho thấy có sự kết nối giữa HGT văn hóa và các phẩm chất, năng lực cơ bản cần hình thành ở HSPT. Tuy các phẩm chất, năng lực và GTVH không trùng lặp hoàn toàn về câu chữ nhưng về bản chất có sự tương đồng, giao thoa về quan niệm và biểu hiện của phẩm chất, năng lực hay GT đó ở HS trong nhận thức, suy nghĩ, thái độ, tình cảm, cư xử, mong muốn, hành động... Cả giáo dục phẩm chất, năng lực và giáo dục GTVH đều có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau và cùng hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện cho HS phổ thông hiện nay.

(4) Chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng VH, GTVH và con người Việt Nam đã được đề cập trong nhiều văn kiện qua các kì Đại hội như Nghị quyết 29, Nghị quyết 33..., gần đây nhất là ĐH XIII nhấn mạnh hơn yêu cầu về xây dựng HGT quốc gia, HGTVH và chuẩn mực con người, trong đó nhấn mạnh tinh thần yêu nước và nhân văn, sáng tạo trong lao động, tinh thần cộng đồng, khoan dung, cởi mở...

(5) Tổng hợp thành tựu nghiên cứu từ các công trình, bài viết, đề tài khoa học của các tác giả đã công bố có thể cho chúng ta thấy được bức tranh toàn cảnh về HGTVH, con người Việt Nam trong đó có những GT gắn liền với những đặc trưng làm nên bản sắc VH Việt Nam (Yêu nước, khoan dung...) và có những GT được hình thành trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay (Hòa bình, khai phóng...).

(6) Nhận định về tình hình biến đổi GTVH ở HS phổ thông Việt Nam hiện nay qua việc tìm hiểu biểu hiện của sự biến đổi GTVH ở HS (Lý tưởng sống, ước mơ, hoài bão của nhiều HS chưa xác định rõ, dẫn đến việc các em không có mục đích sống rõ ràng và chưa xây dựng được kế hoạch tương lai cho bản thân; Quan niệm về cái đúng, tốt, đẹp, có ích của một bộ phận có xu hướng lệch lạc so với

¹² Giáp Văn Dương (2015), *Định chuẩn bằng những giá trị phổ quát*, Tạp chí Tia sáng, 25/5/2015.

chuẩn mực chung; Hành động vị kỷ, đề cao lợi ích, nhu cầu cá nhân có xu hướng trở thành phổ biến trong giới trẻ; Biểu hiện cảm xúc thiếu chiều sâu...) và lí giải nguyên nhân của sự biến đổi GTVH ở HS (Sự thiếu chọn lọc GTVH trong môi trường mạng dẫn đến sự lệch lạc về chuẩn mực GT ở HS; Phương tiện công nghệ làm cho GT công nghệ trong mỗi cá nhân có xu hướng lấn át GT con người; Điều kiện sẵn có, nhu cầu luôn được đáp ứng làm ảnh hưởng đến động lực, lý trí, quyết tâm vượt khó của HS...). Từ đó định hướng những GTVH cần hình thành ở HS phổ thông là những GT hạn chế, giảm thiểu những biến đổi tiêu cực đồng thời phát huy được những biến đổi tích cực như: Nhân ái, Trách nhiệm, Kỷ luật, Hợp tác, Yêu nước, Tự chủ, Sáng tạo, Tự tin...

(7) Tổng kết kinh nghiệm quốc tế về xác định HGTVH đưa vào trong nhà trường phổ thông của một số quốc gia (Mỹ, Singapore, Nhật, Ấn Độ...) và tổ chức quốc tế cho thấy việc lựa chọn hay xác định các GT, HGT nói chung và HGTVH nói riêng cần dựa trên sự đồng thuận một số GT chung được lựa chọn từ GT, HGT tổng quát của quốc gia. Cách làm thực tế thường được sử dụng là sự phối hợp đa chiều từ nhiều góc độ: 1/ từ các văn bản chỉ đạo tầm quốc gia như Hiến pháp, các đạo luật có liên quan, các tuyên bố chiến lược; 2/ các ý kiến đóng góp từ cơ sở, các nhà trường, các nhà giáo dục; 3/ ý kiến tham vấn của các chuyên gia; 4/ các tham khảo quốc tế. Như vậy, không có cách thức chung cho việc lựa chọn HGT/HGTVH trong chương trình giáo dục quốc gia.

2. Các nguyên tắc xác định hệ giá trị văn hóa

Việc lựa chọn và xác định GTVH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như sau:

(1) Chỉ xác định những giá trị cốt lõi

GT cốt lõi là những GT được đa số cộng đồng, quốc gia lựa chọn; là những GT tinh hoa, điển hình, lưu giữ được những GT truyền thống, phù hợp với thời đại, khắc phục hoặc hạn chế những tác động tiêu cực; có khả năng đại diện cho những GT cùng loại hoặc tương đồng hoặc có sự giao thoa, ví dụ: GT Hòa bình đại diện cho các GT Dân chủ, Tự do, Đoàn kết. Những GT cốt lõi này có mối quan hệ tương hỗ với nhau, tạo thành một hệ thống và nhằm mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam nói chung và HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới nói riêng.

(2) Phù hợp với hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam

HGT Việt Nam tổng thể đã thể hiện khái quát, toàn diện và mô phỏng khá đầy đủ đặc tính cơ bản của con người và dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, dựa vào các tiêu chí cụ thể để lựa chọn các GTVH Việt Nam cốt lõi trọng điểm có tính đại diện, điển hình, phù hợp thời đại, trong đó có những GT mà đa số người Việt Nam còn thiếu, cần bổ sung hoặc đã có, cần phát huy.

(3) Kế thừa có chọn lọc các giá trị truyền thống

Việc xây dựng HGTVH con người Việt Nam nói chung, HGTVH ở HS phổ thông nói riêng phải lấy HGTVH truyền thống làm cơ sở, nền tảng bởi đó là một trong những yếu tố cấu thành sự vận động và phát triển của dân tộc, đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý “thương người như thể thương thân”, tinh thần đoàn kết, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, xây dựng và

bảo vệ đất nước... Tuy nhiên, cũng cần sàng lọc những giá trị đã trở nên lỗi thời, bị lịch sử vượt qua, trở thành vật cản cho sự phát triển.

(4) Tiếp thu, bổ sung những giá trị tinh hoa của nhân loại

Nhờ sự chủ động giao lưu VH giữa các quốc gia, phát huy những lợi thế của mình, chúng ta đã làm cho nhiều GT của bản sắc VH dân tộc được khẳng định, đồng thời qua đó học hỏi tiếp thu, bổ sung thêm nhiều GT mới, làm cho bản sắc VH dân tộc Việt Nam thêm phong phú, đa dạng hơn.

(5) Phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông

Chương trình GDPT 2018 được xây dựng trên cơ sở những nghiên cứu về đặc điểm con người, VH Việt Nam, các GT truyền thống của dân tộc và những GT chung của nhân loại; những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội, thành tựu nghiên cứu về tâm lý học và giáo dục học. Do đó, các GTVH cốt lõi cần hình thành ở HS phổ thông cần có tương quan chặt chẽ với các phẩm chất và năng lực cốt lõi đặt ra trong mục tiêu GDPT, cùng hướng tới việc “giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại”.¹³ Trong đó, các phẩm chất cần hình thành và phát triển cho HS bao gồm: (1) Yêu nước; (2) Nhân ái; (3) Chăm chỉ; (4) Trung thực; (5) Trách nhiệm và các năng lực: (1) Năng lực chung (gồm các năng lực: Tự chủ và Tự học; Giao tiếp và Hợp tác; Giải quyết vấn đề và Sáng tạo); (2) Năng lực đặc thù (gồm các năng lực: Ngôn ngữ, Tính toán, Khoa học, Công nghệ, Tin học, Thẩm mỹ, Thể chất). Các yêu cầu về phẩm chất, năng lực trong chương trình GDPT 2018 là cơ sở quan trọng trong việc xác định HGTVH cần hình thành ở HS phổ thông, góp phần thực hiện mục tiêu GDPT đặt ra.

Nhìn chung, HGTVH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam cần đảm bảo sự cân đối, hài hòa giữa tính truyền thống và hiện đại, giữa tính dân tộc và quốc tế, giữa việc kế thừa và phát triển, giữa mong muốn và điều kiện, khả năng thực tế có thể thực hiện. Cấu trúc của HGT cần đơn giản, gọn gàng, dễ nhớ, dễ vận dụng. Các GT đưa ra không nên quá trừu tượng mà phải gần gũi, thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng HS phổ thông Việt Nam hiện nay.

3. Các tiêu chí lựa chọn giá trị văn hoá

Trên cơ sở học hỏi, kế thừa, chắt lọc những GTVH đã được xác định trên phạm vi trong nước và quốc tế qua các công trình nghiên cứu, trong quan điểm của Đảng, trong chương trình GDPT 2018, để xác định HGTVH cần hình thành ở HS phổ thông trong giai đoạn mới đảm bảo toàn diện, phù hợp với đối tượng được giáo dục, phù hợp với giai đoạn hiện nay... cần đáp ứng các tiêu chí cơ bản sau đây:

(1) Tính phù hợp: những GT được lựa chọn có khả năng đưa được vào trong chương trình giáo dục nhà trường và góp phần thực hiện mục tiêu chương trình GDPT 2018, nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của HS như các GT Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm, Hợp tác, Sáng tạo...

(2) Tính đại diện: mỗi GT được lựa chọn có thể đại diện cho những GT cùng

¹³ Bộ GDĐT, *Chương trình tổng thể Chương trình giáo dục phổ thông*, 2018.

loại có sự tương đồng. Chẳng hạn như: GT Hòa bình đại diện cho các GT: Dân chủ, Tự do, Đoàn kết; GT Yêu nước đại diện cho các GT: Yêu quê hương, Tự tôn dân tộc, Trung thành với Tổ quốc; GT Khoan dung đại diện cho các GT: Nhân ái, Yêu thương; GT Tự trọng đại diện cho các GT: Khiêm tốn, Tự giác, Tôn trọng, Tự tôn; GT Trách nhiệm đại diện cho các GT Tự trọng, Chăm chỉ...

Tính đại diện còn thể hiện ở việc các GT được lựa chọn cũng đại diện cho các cấp độ GTVH khác nhau như: nhóm các GTVH cá nhân (Tự trọng, Trách nhiệm, Trung thực, Kỷ luật, Tự tin, Sáng tạo...), nhóm các GTVH xã hội (các GTVH dân tộc/quốc gia và quốc tế/toàn cầu) như Yêu nước, Hòa bình, Hợp tác, Khoan dung...).

(3) *Tính nhân văn*: chọn lọc những GT có “tính người và tình người” sâu sắc. Tính người là phẩm chất đầu tiên của con người, đảm bảo sự tồn tại của loài người. Tình người là phẩm chất cao quý của con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông, đồng cảm, tương thân tương ái... giữa con người với con người, giữa con người với môi trường xung quanh.

(4) *Tính truyền thống*: lựa chọn những GT được lưu truyền từ nhiều thế hệ, mang tinh hoa VH, thể hiện nét đặc thù, bản sắc của dân tộc Việt Nam, tạo sự khác biệt với dân tộc khác; cần giữ gìn, phát huy hoặc để khắc phục những hạn chế trong xã hội đương đại.

(5) *Tính hiện đại*: GT được lựa chọn đáp ứng các yêu cầu VH - xã hội hiện nay và hội nhập với thế giới trong bối cảnh kinh tế thị trường, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0...

(6) *Tính định hướng*: bối cảnh hiện nay đòi hỏi giáo dục phải tạo ra được những công dân toàn cầu, với mô hình nhân cách hiện đại, hội nhập với thế giới do đó cần lựa chọn những GT mang tính đón đầu, định hướng mà nhiều quốc gia đang thực hiện nhưng ở nước ta chưa có hoặc đã có nhưng chưa rõ nét, cần phát huy, phát triển.

4. Hệ giá trị văn hoá cần hình thành ở học sinh phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới

Giáo dục GT nói chung của mỗi quốc gia đều hướng đến những GT phù hợp với yêu cầu cụ thể về mô hình nhân cách của quốc gia đó, do đó ứng với một mô hình nhân cách có rất nhiều lựa chọn về GT. Vì thế, đạt được một sự đồng thuận về HGT hay tập hợp GT cho giáo dục GT nói chung, giáo dục GTVH nói riêng đưa vào trong nhà trường phổ thông trong phạm vi quốc gia là bài toán khó.

Căn cứ vào những nguyên tắc và tiêu chí đã phân tích ở trên, nhóm nghiên cứu xác định HGTVH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới gồm 10 GT: Yêu nước, Khoan dung, Hoà bình, Hợp tác, Trách nhiệm, Trung thực, Kỷ luật, Tự trọng, Tự tin, Sáng tạo.

(1) *Yêu nước*: Yêu nước là hệ thống quan điểm, tư tưởng, tình cảm, ý chí và hành động của mỗi người đối với đất nước; biểu hiện ở tình yêu quê hương, xứ sở, đồng bào và hành động cống hiến sức lực, trí tuệ, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trở thành động lực tinh thần to lớn góp phần vào sự trường tồn của dân tộc và sự phồn vinh của đất nước.

Yêu nước xét cho cùng là yêu những việc bình dị trong đời thường. Muốn cho GT này được phát huy mạnh mẽ nhất, thế hệ trẻ nói chung, trong đó có HS cần coi

đó là tài sản quý báu, là động lực lớn lao luôn khích lệ chính mình, để ra sức học tập, lao động, rèn luyện để hoàn thiện bản thân, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

(2) *Hòa bình*: Hòa bình là sự vắng bóng của chiến tranh, sự bình yên trong lòng, bình tĩnh và thư thái của trí óc; không đối đầu, đối kháng, mâu thuẫn giữa con người với con người và con người với tự nhiên. Quan điểm này đã chứa đựng cả ý nghĩa “hòa bình” mang tính toàn cầu (giá trị toàn cầu) và “hòa bình” mang tính cá nhân/con người (giá trị con người).

GT hòa bình mà nhà trường định hướng cho HS là “trường học thân thiện”, môi trường học tập an toàn, lành mạnh, mỗi HS sẽ có được sự yên bình, cảm giác tốt đẹp, sống hoà thuận với bạn bè, thi đua học tập thay vì ganh ghét, đấu đá lẫn nhau. Khi đứng trước những tình huống khó khăn, HS có kỹ năng thỏa hiệp, giải quyết xung đột thay vì sử dụng các hành vi bạo lực, biết đối thoại – thay vì đối đầu, đối kháng...

(3) *Khoan dung*: Khoan dung là phẩm chất tốt đẹp của con người; thể hiện bằng sự yêu thương, cảm thông và tôn trọng vẻ đẹp, sự khác biệt, khiếm khuyết, nhìn nhận những điểm tốt, bỏ qua những lỗi lầm của bản thân và người khác.

GT khoan dung được hiểu như là tổng hòa của lòng nhân ái; sự tôn trọng và biết sẻ chia với cộng đồng, dân tộc, ... của cá nhân, cộng đồng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, giúp xây dựng cuộc sống hài hòa hơn giữa con người – con người, tránh những xung đột, hiềm khích không đáng có. Ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, GT khoan dung nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục, bồi dưỡng nhân cách cho các cá nhân để hướng tới xây dựng một xã hội hòa bình, ổn định, mang đậm tính người.

(4) *Hợp tác*: Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc hay một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung. Tinh thần hợp tác phải xuất phát từ sự tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi và không làm phương hại đến lợi ích của những người khác. Trong mối quan hệ đó, mọi người cùng nhau bàn bạc, phối hợp nhịp nhàng, biết về nhiệm vụ của nhau, sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ nhau khi cần thiết. Theo đó, GT này gắn liền với cá nhân trong các hoạt động với người khác (hai hoặc nhiều hơn hai người) và có những biểu hiện thể hiện sự tương tác của cá nhân đó với người cùng hợp tác như: biết tổ chức để cùng hợp tác, biết tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động hợp tác và có tinh thần hợp tác tốt.

(5) *Kỷ luật*: Kỷ luật được hiểu dưới cả góc độ là những khuôn mẫu để mọi người cùng làm theo, cá nhân tự giác và chủ động thực hiện những quy định do bản thân, tổ chức đặt ra, là sự đào tạo hướng dẫn để con người có kỷ luật và là những hành vi phù hợp với các quy định của con người, hành động tự giác chấp hành theo những quy định của tổ chức, cộng đồng và những quy tắc của bản thân để giúp điều chỉnh, kiểm soát được bản thân và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Từ đó có thể thấy rằng từ góc độ khách quan: kỷ luật là nội quy, quy định mà mọi người tuân theo. Kỷ luật thường gắn với nhóm, tổ chức, cộng đồng. Từ góc độ chủ quan kỷ luật là tự giác, sẵn sàng, tự điều chỉnh, tự kiểm soát hành vi đạt được mục tiêu đặt ra và chấp hành nội quy, quy định chung và quy tắc của bản thân.

(6) *Sáng tạo*: Sáng tạo là một trong những GT quan trọng giúp con người

tạo ra sản phẩm mới, độc đáo, có giá trị xã hội, đồng thời duy trì và phát triển sự linh hoạt và cung cấp khả năng đối phó với các cơ hội và thách thức, là một phần của thế giới phức tạp và thay đổi nhanh chóng.

GT sáng tạo mà nhà trường định hướng cho HS là “học tập sáng tạo”, nhà trường là nơi khơi nguồn các ý tưởng sáng tạo của HS, HS tích cực chủ động trong học tập, tìm ra những cách giải quyết tối ưu, mới, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống.

(7) *Trách nhiệm*: Trách nhiệm mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích, vừa tạo ra các nguyên tắc đạo đức dẫn dắt, định hướng cách sống vừa có thể giúp chúng ta đạt được mục tiêu trong nhiều lĩnh vực. Trách nhiệm cho phép chúng ta trở thành người thành thật hơn (khi chúng ta có xu hướng nói sự thật và giữ lời hứa, những người xung quanh sẽ tin chúng ta và xem chúng ta là một người trung thực), độc lập hơn (khi chúng ta đưa ra quyết định và hành động nhanh chóng hơn) và đáng tin cậy hơn (bằng cách có trách nhiệm, chúng ta có được lòng tin của người khác và cũng sẽ có được niềm tin vào chính mình).

Đối với HS, trách nhiệm của các em thể hiện qua trách nhiệm với bản thân (rèn luyện và phát triển bản thân), trách nhiệm với gia đình, nhà trường và cộng đồng (Hoạt động và công việc trong quá trình tương tác, giao tiếp với những người khác). Trong đó hoạt động chủ đạo của các em đều gắn với việc học tập và rèn luyện bản thân.

(8) *Trung thực*: Trung thực là tiêu chí hàng đầu thể hiện sự lành mạnh, tiến bộ, văn minh của mỗi cá nhân, của mỗi cộng đồng, xã hội. Đặt GT trung thực vào mục tiêu phát triển nhân cách thì ngoài ý nghĩa là một GTVH không thể thiếu còn là yêu cầu cấp bách đối với hệ thống giáo dục và toàn xã hội. Với ý nghĩa đó, trung thực là luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí, lẽ phải; sống ngay thẳng, thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm.

Đối với HS, GT trung thực cần được phát huy như thẳng thắn nêu quan điểm, nói ra sự thật, nghiêm túc học thuộc bài và làm bài, không quay cóp, chép bài của bạn, không chạy điểm; trong giờ kiểm tra, làm bài với đúng khả năng của mình; khi bị điểm kém, hay lỡ làm điều gì không phải thì thẳng thắn nói ra, nhận lỗi với thầy cô, cha mẹ... Nhờ có trung thực trong học tập, chúng ta sẽ có được những kiến thức của chính mình chứ không do học vẹt, học qua loa, học máy móc hay đối phó. HS có trung thực thì thầy cô giáo mới đánh giá đúng năng lực để có kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao kiến thức.

(9) *Tự tin*: Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi công việc; dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn. Người tự tin là người hành động cương quyết dám nghĩ dám làm. Quan niệm này đã mô tả chi tiết hơn những biểu hiện của người có sự tự tin. Sự tự tin sẽ luôn đem lại cho HS một nền tảng vững chắc trong việc rèn luyện và tu dưỡng bản thân. Những HS tự tin, tự lập thường học tập tốt hơn, có tình cảm ổn định hơn, giao tiếp nhanh nhạy hơn, khả năng hoà đồng với các bạn tốt hơn... Giáo dục GT Tự tin giúp cho HS có thêm nghị lực, sức mạnh và sự sáng tạo để làm nên nghiệp lớn.

Tự tin không tự nhiên sinh ra mà đến từ lòng nhiệt huyết và những thành quả mà chúng ta nỗ lực đạt được. Tự tin phải gắn liền với khả năng thực, GT thực của

mỗi con người. Phải tìm ra những ưu điểm của mình, mạnh dạn nhìn thẳng và thừa nhận những điểm yếu để làm tiền đề cho lòng tin của mình. Khi tự tin, chúng ta sẽ ngày càng phát triển, học hỏi được nhiều điều hay, mới lạ. Tự tin cũng giúp chúng ta được mọi người yêu mến, gần gũi và muốn học hỏi. Không chỉ có vậy, tự tin còn giúp chúng ta trở thành người có cảm xúc, chính kiến và tư duy phản biện.

(10) *Tự trọng*: Tự trọng chính là nhận thức của cá nhân về GT của bản thân. Một số định nghĩa khác cho rằng tự trọng bao gồm nhận thức cả GT bản thân và GT của người khác. Theo chúng tôi, đây là một cách nhìn toàn diện hơn là chỉ xét đến GT của bản thân. Trong nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng “Tự trọng là coi trọng, giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình và mọi người”. Theo đó, các biểu hiện cụ thể của giá trị này là: biết tôn trọng, danh dự của bản thân; biết làm chủ nhu cầu của bản thân, kiểm chế được các nhu cầu của bản thân, tôn trọng và yêu thương với người khác... Đối với HS, có tự trọng sẽ giúp các em chủ động, tích cực trong học tập, đoàn kết với bạn bè, tôn trọng mọi người xung quanh, chấp hành nghiêm túc quy định của nhà trường và pháp luật... được bạn bè, thầy cô, gia đình yêu quý, nể phục, tôn trọng.

Với 10 GT nêu trên, chúng tôi đề xuất 2 phương án HGTVH cần hình thành cho HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới như sau:

+ Phương án 1: HGTVH đóng

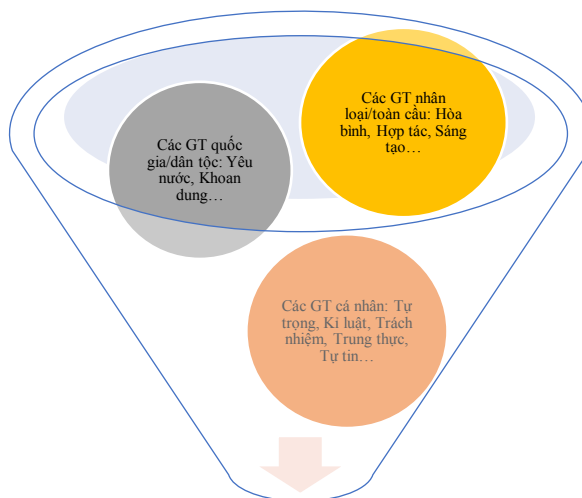
HGTVH cần hình thành cho HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới gồm 10 GT và mỗi GT trong HGTVH này đều có đặc trưng riêng đồng thời có tính tương quan chặt chẽ, giao thoa với nhau, vừa có tác động thúc đẩy vừa là điều kiện để phát triển những GT còn lại. Ví dụ giữa Tự tin và Sáng tạo: có Tự tin vào bản thân mình, tin mình làm được, làm tốt thì mới có thể có động lực để phát huy thế mạnh của bản thân, để có bản lĩnh vượt



qua hoàn cảnh, vượt lên chính mình để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra và từ đó mới có thể Sáng tạo. Các cặp GT khác có sự tương quan như: Yêu nước và Khoan dung; Hòa bình và Hợp tác; Tự trọng và Trách nhiệm; Trung thực và Kỉ luật. Với phương án này, khi tổ chức giáo dục GTVH trong nhà trường sẽ thực hiện với 10 GT đã đưa ra.

+ Phương án 2: HGTVH mở

Với phương án này, các GT trong HGT VH được phân định theo 3 cấp độ: (1) các GT mang tính cá nhân (như Tự trọng, Kỉ luật, Trách nhiệm, Trung thực, Tự tin...), (2) các GT đặc trưng cho dân tộc/quốc gia (như Yêu nước, Khoan dung...) và (3) các GT có xu thế toàn cầu/nhân loại (Hòa bình, Hợp tác, Sáng tạo...). Các GT trong HGT VH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới có sự sắp đặt trước sau, những GT mang tính đặc



HGT VH cần hình thành cho HSPTVN trong giai đoạn mới

trung dân tộc, những GT có xu thế toàn cầu được xếp ở phía trên so với những GT mang tính cá nhân. Tuy nhiên, sự sắp đặt này mang tính tương đối vì bản thân mỗi GT, phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể lại là một biến số. Với phương án này, khi tổ chức giáo dục GT VH, có thể linh hoạt điều chỉnh các GT trong các cấp độ cũng như bổ sung thêm những GT phù hợp với tiêu chí/lựa chọn của nhà trường.

Như vậy, có thể thấy HGT VH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới là sự gắn kết các GT theo các nguyên tắc và tiêu chí đã đề ra. Các GT trong HGT VH này mang tính phổ quát cho VH và con người Việt Nam nói chung, trong đó có sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại (có chú trọng đến các GT truyền thống đồng thời vẫn hàm chứa những định hướng tích cực của một con người hiện đại hướng đến việc thích nghi với cuộc sống hiện tại và tương lai), có sự cân bằng giữa các GT VH con người Việt Nam và con người quốc tế mang tầm vóc toàn cầu, thích nghi trong thế giới phẳng. Ngoài ra, các GT trong HGT VH góp phần hướng tới một lối sống nhân văn, lành mạnh, cùng nhau chung sống tích cực.

Chương trình GDPT 2018 tổng thể đã đặt ra 5 phẩm chất và 10 năng lực chung không thể thiếu, cần được hình thành và phát triển ở tất cả HS, theo cách hiểu phẩm chất cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người, để có tài thì phải có đức và ngược lại, thiếu tài đức thì cũng không trọn vẹn. Các phẩm chất, năng lực chung đó được xác định dựa trên truyền thống và nhu cầu thực tế của con người Việt Nam trong hội nhập thế giới ở thế kỉ XXI. Qua đó có thể thấy, các GT nêu trong HGT VH cần hình thành ở HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới với hệ thống các phẩm chất, năng lực trong chương trình GDPT 2018 không mâu thuẫn và khác biệt không lớn, đều giúp HS phát triển khả năng vốn có của bản thân, hình thành tính cách và thói quen; phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần; trở thành người học tích cực, tự tin; có những phẩm chất tốt đẹp và các năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động cần cù, có tri thức và sáng tạo.

Việc xác định HGT VH cần hình thành cho HS phổ thông Việt Nam trong giai đoạn mới là công việc không dễ dàng và khó đạt được sự đồng thuận. Tuy nhiên việc giáo dục GT VH không phải vì thế mà chưa được tiến hành. Trên thực tế, các nhà trường đã và đang giáo dục GT VH cho HS dưới nhiều con đường, hình thức khác nhau, mức độ khác nhau (tích hợp qua môn học, hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, việc thực hiện các quy tắc ứng xử trong trường học...). Để giáo dục GT VH đạt được hiệu quả cao hơn, nhà trường cần được quan niệm như một cộng đồng nhỏ của những thành viên học với nhau, học lẫn nhau và cùng nhau thực hiện những hoạt động mà từ đó có thể nảy sinh ý thức về GT, có thể hình thành ở mỗi thành viên tham gia những phẩm chất GT giống như chúng ta được hình thành trong VH của cộng đồng lớn. Nhà trường cần phải là một cộng đồng VH nếu không, những thành viên trong đó khó trở thành người có VH, khó đạt được những phẩm chất GT mong muốn. Đối với mỗi HS, GT không chỉ được tiếp thu mà còn do chính mình tự làm ra, tự trải nghiệm trong quá trình quan sát, chứng kiến, giao lưu, tham gia trong cộng đồng VH của mình. “Một trường học không trung thực, chạy theo thành tích, một nhà trường mà các thầy cô giáo không hợp tác với nhau và không yêu thương, tôn trọng HS thì khó mà mong HS của mình có được những GT tương tự”.¹⁴

Việc giáo dục GT VH trong nhà trường phổ thông có tầm quan trọng đặc biệt trên hai phương diện giáo dục từ bên ngoài và giáo dục từ bên trong. Trên thực tế việc giáo dục GT VH chỉ đạt hiệu quả thực sự khi kết hợp được cả hai phương thức trên, trong đó giáo dục từ bên trong thực chất là việc tổ chức cho HS tự hình thành HGT VH cho chính mình (không chỉ trong học đường mà trong cả cuộc đời) với sự hướng dẫn của GV và thông qua trải nghiệm, khám phá một cách tự giác. Tuy nhiên, giáo dục GT VH là một quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài, chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau và đòi hỏi sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng khác nhau trong và ngoài nhà trường.

5. Kết luận và kiến nghị

Việc xác định HGT quốc gia, HGT VH Việt Nam, HGT con người Việt Nam đã được đặt ra trong nhiều kỳ Đại hội và cần tiếp tục hoàn thiện “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy GT VH, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”.¹⁵

Để đưa được HGT VH này vào trong nhà trường phổ thông, để chuyển hóa những GT VH xã hội thành GT VH của cá nhân HS, góp phần phát triển ở các em những phẩm chất và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, có khả năng hợp tác và hội nhập, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay...nhóm nghiên cứu có một số kiến nghị như sau:

Đối với Bộ GDĐT:

- Cần có biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục GT nói chung, GT VH nói riêng nhằm thúc đẩy giáo dục GT VH trong nhà trường

¹⁴ Lê Ngọc Trà (2016), *Giáo dục giá trị trong sự hình thành nhân cách của học sinh*, Bài viết trong “Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục” – Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam. NXB Giáo dục Việt Nam

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, Tập II, Tr.336

như có quy định, hướng dẫn cụ thể cả về nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục GTVH cho HS. Đồng thời giáo dục GTVH phải là nội dung bồi dưỡng GV hàng năm.

- Xác định đúng vị trí của giáo dục GTVH trong chương trình giáo dục và xây dựng khung giáo dục GTVH quốc gia, trên cơ sở đó các địa phương/cơ sở giáo dục có căn cứ thực hiện hoặc thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn bảo đảm hành lang pháp lý cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình trên nền tảng giáo dục HGTVH.

Đối với các nhà nghiên cứu: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để thống nhất cách tiếp cận và xây dựng HGT đồng thuận trên cả ba phương diện khoa học, chính trị và đạo đức; vận dụng bài học, kinh nghiệm quốc tế trong giáo dục HGTVH với đối tượng HS phổ thông phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đối với GV: Xác định rõ tầm quan trọng, ý nghĩa của giáo dục GTVH cho HS trong nhà trường phổ thông và nắm được đặc điểm tâm lí – xã hội của HS phổ thông (3 cấp học) đã có những thay đổi để từ đó nhận diện được những vấn đề (tích cực và tiêu cực) của HS, từng bước khắc phục những hạn chế đang hiện hữu và có nguy cơ lan rộng đồng thời, khai thác mặt tích cực, thế mạnh của HS và lựa chọn các biện pháp giáo dục phù hợp để giúp các em dần hoàn thiện hơn về nhân cách, có cơ hội phát triển toàn diện hơn; xác định mô hình giáo dục và các con đường, biện pháp giáo dục khác nhau để đưa những giá trị văn hóa ấy vào trong nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 vì sự phát triển toàn diện của học sinh trong giai đoạn mới.

ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẾN VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

Lê Hồ Minh Giang , Bùi Minh An**

Văn hóa ứng xử trong môi trường giáo dục là một trong những vấn đề quan trọng, luôn được các nhà giáo dục quan tâm, nó ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong công tác giáo dục, đặc biệt là chất lượng giảng dạy và học tập của người dạy và người học. Mặt khác, trong những năm gần đây, chuyển đổi số trong giáo dục đang được đẩy mạnh ở nước ta, bước đầu đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, đặc biệt là trong công tác giảng dạy và học tập, hình thức dạy học trực tuyến đang là công cụ hữu hiệu giúp cho việc truyền thụ và tiếp nhận tri thức không bị gián đoạn trong thời gian dịch bệnh Covid -19 hoành hành. Bài viết này trình bày kết quả khảo sát thực trạng văn hóa ứng xử của người dạy và người học dưới tác động của chuyển đổi số, từ đó đưa ra những kiến nghị phù hợp.

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số không còn là một hiện tượng mới mà đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống, trong đó có Giáo dục. Nhiệm vụ của ngành GDĐT trong “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ như sau: “*Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép HSSV học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của HS trước khi đến lớp học*”.

Trên thực tế, chuyển đổi số đã đồng hành cùng ngành giáo dục trong nhiều năm qua, đã và đang được áp dụng rộng rãi trong nghiên cứu cũng như giảng dạy và quản trị, bước đầu đã mang lại những tín hiệu tích cực, đặc biệt trong giai đoạn gần đây, khi dịch bệnh bùng phát làm cản trở sự phát triển của rất nhiều lĩnh vực thì chuyển đổi số càng phát huy vai trò quan trọng của nó, giúp cho quá trình giáo dục không phải gián đoạn mà vẫn được tiếp diễn. Trong bối cảnh đó, một số vấn đề về văn hóa ứng xử trong các buổi dạy học online bắt đầu nảy sinh, nhiều thông tin tiêu cực về hành vi, thái độ, lời nói của người dạy và người học trong các giờ online. Vậy, những sự việc đó có phải đại diện cho sự xuống cấp trong văn hóa ứng xử của người dạy và người học hiện nay hay chỉ là những biểu hiện lệch lạc của một bộ phận không đáng kể. Do đó, việc nghiên cứu về thực trạng văn hóa ứng xử của người dạy và người học trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay là một vấn đề cấp thiết nhằm tìm ra giải pháp hữu ích giúp cho việc ứng xử của người dạy và người học trở nên nhẹ nhàng, thân thiện và chuẩn mực hơn, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, cũng chính là góp phần giúp công tác đào tạo đạt chất lượng hơn.

* Trường Cao đẳng Giao thông vận tải – Tp.Hồ Chí Minh

1. Các khái niệm cơ bản

1.1. Số hóa tín hiệu và số hóa dữ liệu

Đề cập đến số hóa, hiện nay có nhiều thuật ngữ khác nhau đã được sử dụng. Các thuật ngữ này bao gồm “số hóa tín hiệu – digitization”, “số hóa dữ liệu - digitalization” và “chuyển đổi số - digital transformation”. Theo Bảng thuật ngữ CNTT của Gartner, “số hóa tín hiệu” là “quá trình thay đổi từ dạng tín hiệu analog sang dạng số” và do đó là một quá trình kỹ thuật thuần túy. Tuy nhiên, “số hóa dữ liệu” khó định nghĩa hơn, Jason Bloomberg chỉ ra rằng thuật ngữ này có liên quan đến nhiều khía cạnh xã hội như về yếu tố vận hành và yếu tố tính kinh tế của một tổ chức[8]. Mặt khác, “số hóa dữ liệu” còn có thể được định nghĩa là “cách thức mà nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội được tái cấu trúc xung quanh cơ sở hạ tầng truyền thông và truyền thông kỹ thuật số”. Việc làm rõ thuật ngữ trở nên phức tạp hơn khi người ta phân biệt giữa “số hóa dữ liệu” và “chuyển đổi số”.

1.2. Chuyển đổi số

Theo Bloomberg, “số hóa dữ liệu” mô tả một quá trình duy nhất (xã hội, vận hành và / hoặc kinh tế). Đến lượt mình, “chuyển đổi số” là tổng thể của tất cả các quy trình số hóa cần thiết nhằm hướng tới sự thay đổi chiến lược của một tổ chức. Yếu tố quyết định ở đây là “chuyển đổi số” bao gồm nhiều thứ hơn là chỉ các quá trình số hóa. Tóm lại, Bloomberg phân biệt ba thuật ngữ như sau: “Chúng tôi số hóa tín hiệu các thông tin, chúng tôi số hóa dữ liệu về các quy trình và nhiệm vụ tạo nên hoạt động của một doanh nghiệp và chúng tôi chuyển đổi theo hướng số hóa dữ liệu và chiến lược của doanh nghiệp. Yếu tố nào cũng cần nhưng chưa đủ cho cái tiếp theo, và quan trọng nhất, số hóa tín hiệu và số hóa dữ liệu thực chất là về công nghệ, còn chuyển đổi số thì không”.

Theo đó, số hóa dữ liệu thực sự chỉ là một phần của chuyển đổi số, các thành phần khác là các yếu tố cần thiết cho mọi quá trình thay đổi bao gồm lập kế hoạch chiến lược phù hợp, tạo niềm tin, tư duy trong quá trình thực hiện, tích hợp tất cả các bên liên quan cũng như khuyến khích học tập của cá nhân, nhóm và tổ chức. “Chuyển đổi số” được hiểu là tổng hợp các quy trình kỹ thuật số cần thiết để đạt được một quy trình thay đổi cho phép chúng ta tận dụng thành công việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

Theo Tiến sĩ Tô Hồng Nam, chuyển đổi số là chuyển các hoạt động của chúng ta từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng. Sự tham gia ngày càng sâu rộng của công nghệ (chủ yếu là CNTT-VT) vào mọi mặt đời sống, kinh tế, xã hội đang làm thay đổi căn bản và toàn diện cách chúng ta sống, làm việc, liên hệ với nhau. Theo đó, mọi người tiếp cận thông tin nhiều hơn, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian, tiết kiệm về thời gian. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, diễn ra rất nhanh đặc biệt trong bối cảnh của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay.

1.3. Chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số trong giáo dục tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, NCKH. Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ..) để quản lý, điều

hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong ngành GDĐT một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university).

1.4. Văn hóa ứng xử

Theo tác giả Thanh Lê (2000)¹⁶, văn hóa ứng xử đã được đề cập gián tiếp qua lối sống, nếp sống, mức sống của người Việt Nam. Từ đó tác giả nêu lên giá trị của văn hóa đối với lối sống hiện nay là ủng hộ cái đẹp, phê phán cái xấu, hướng tới chân - thiện - mỹ.

Dưới góc độ tâm lý học, GS.TS Đỗ Long đã đưa ra khái niệm: "*Văn hóa ứng xử là hệ thống thái độ và hành vi được xác định để xử lý các mối quan hệ giữa người với người trên các căn cứ pháp lý và đạo lý nhằm thúc đẩy nhanh sự phát triển của cộng đồng, xã hội*".

Theo Tiến sĩ Nguyễn Thế Hùng, văn hóa ứng xử là thể ứng xử, là sự thể hiện triết lí sống, các lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cộng đồng người trong việc ứng xử và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội từ vi mô (gia đình) đến vĩ mô (nhân gian).

Như vậy, văn hóa ứng xử không đơn thuần được thể hiện qua mối quan hệ giữa người với người mà nó còn thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên và các sự vật hiện tượng xảy ra xung quanh chúng ta.

1.5. Văn hóa ứng xử trong môi trường giáo dục

Văn hóa ứng xử trong môi trường giáo dục là hệ giá trị, tư tưởng, nhận thức về quan hệ ứng xử giữa tất cả những cá nhân tham gia vào quá trình giáo dục với nhau, với các sự vật, hiện tượng xung quanh và với chính bản thân mỗi người, được thể hiện qua thái độ, hành vi, ngôn ngữ phù hợp với những qui định chung của ngành giáo dục, phù hợp với những chuẩn mực văn hóa, đạo đức được xã hội thừa nhận.

Như vậy, văn hóa ứng xử trong môi trường giáo dục được cụ thể hóa qua sự tương tác giữa các cá nhân với tổ chức giáo dục, với cơ sở vật chất, với cảnh quan, môi trường xung quanh; bên cạnh đó còn là sự tương tác giữa người với người: Các cấp lãnh đạo với nhau, Lãnh đạo - GV/nhân viên, GV - GV, GV - HS, GV - phụ huynh (PH), HS - HS; nhà trường - doanh nghiệp, nhà trường - địa phương... Chủ thể của văn hóa ứng xử trong môi trường giáo dục được đề cập trong bài viết này chủ yếu tập trung vào hành vi, thái độ ứng xử của hai chủ thể chính bao gồm người dạy là GV và SV tại các trường ĐH và CĐ trong quá trình dạy và học online.

2. Khảo sát thực trạng

2.1. Mục tiêu khảo sát

Hiện nay, quá trình dạy và học trực tuyến đã trở nên khá phổ biến, trong quá trình giao tiếp giữa GV và sinh viên (SV) gặp không ít khó khăn vì những lý do cả chủ quan và khách quan. Văn hóa ứng xử giữa người dạy và người học là nền tảng góp phần giúp các giờ lên lớp có đạt hiệu quả mong muốn hay không. Do đó, văn hóa ứng xử của GV và SV là vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đặc

¹⁶ Thanh Lê (2000), Văn hóa và lối sống, Nxb Thanh niên

biệt, khi chuyển đổi sang hình thức giảng dạy và học tập online, cả GV và SV đều có những lúng túng bước đầu trong việc xử lý các tình huống, cũng như có các cách hành xử còn mang tính chủ quan nóng vội. Mục tiêu của khảo sát này nhằm đánh giá thực trạng về văn hóa ứng xử của GV và SV trong quá trình dạy và học online nhằm tìm ra hướng khắc phục phù hợp, giúp tạo môi trường thuận lợi, thân thiện, kỷ luật, lành mạnh trong giáo dục.

2.2. Đối tượng khảo sát

- Văn hóa ứng xử của GV và của SV tại các trường cao đẳng, đại học trong giờ dạy trực tuyến.

2.3. Nội dung và phương pháp khảo sát

- Thực trạng văn hóa ứng xử của GV và SV tại các trường Cao đẳng, Đại học trong giờ dạy online.

- Phiếu khảo sát về thực trạng văn hóa ứng xử của GV và SV tại các trường Cao đẳng, Đại học được thiết kế dưới dạng câu trắc nghiệm một lựa chọn và trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chủ đề xoay quanh việc đánh giá mức độ thường xuyên có những hành vi, thái độ, lời nói chuẩn mực của GV và HS trong giờ dạy và học online, trong quá trình kiểm tra, đánh giá, trong quá trình tương tác trên các trang MXH hay các hội nhóm riêng tư khác.

2.4. Thời gian và phạm vi khảo sát

Khảo sát quá trình dạy và học online của GV và SV diễn ra từ Tháng 05 đến tháng 10 năm 2021 tại các trường Cao đẳng và Đại học.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

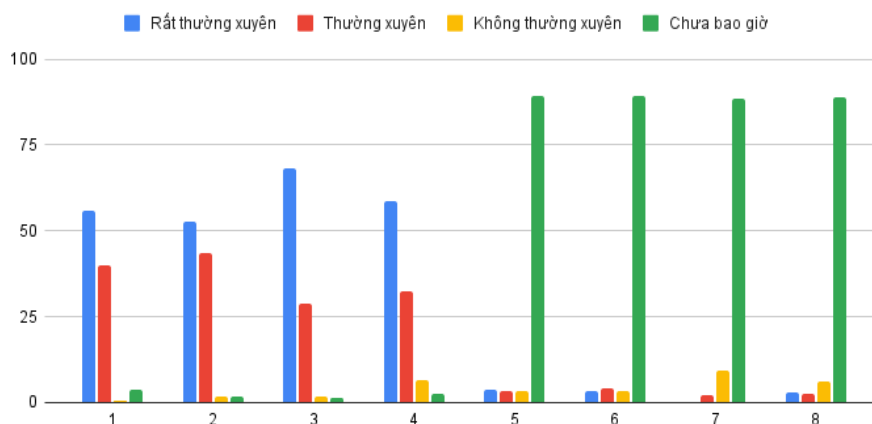
Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích, thống kê dữ liệu mẫu gồm 26 GV và 200 SV đang tham gia trực tiếp vào quá trình giảng dạy và học tập tại các trường Cao đẳng và Đại học.

2.6. Kết quả khảo sát

2.6.1. Ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đến người dạy trong quá trình dạy online

- Kết quả khảo sát về hành vi ứng xử của GV:

Kết quả khảo sát được quy đổi về số liệu tương đối (%) được thể hiện dưới dạng biểu đồ hình cột. Trong đó, trực tiếp thể hiện phần trăm trên tổng số 220 SV được khảo sát, trực hoành thể hiện mức độ thường xuyên có hành vi ứng xử chuẩn mực của GV được SV ghi nhận.



Hình 1: Biểu đồ kết quả khảo sát hành vi ứng xử của GV

Bảng 1: Kết quả khảo sát các hành vi ứng xử thường xuyên của GV

Số TT	Hành vi	Rất thường xuyên (%)	Thường xuyên (%)
1	Ứng xử công bằng trong học tập, kiểm tra, đánh giá cũng như xử lý các trường hợp SV vi phạm nội quy trong lớp học online	55,9	40
2	Giữ được sự bình tĩnh và xử lý hợp tình hợp lý trong giờ giảng online khi có các tình huống SV vi phạm nội quy lớp học	52,7	43,6
3	Có thái độ thân thiện, vui vẻ, sẵn sàng hỗ trợ khi SV có nhu cầu	68,2	28,6
4	Các GV có những bài chia sẻ tích cực, lành mạnh trên các trang MXH và các group riêng tư khác	58,6	32,3

Theo kết quả khảo sát, đa số các GV rất thường xuyên có hành vi ứng xử chuẩn mực trong giờ dạy online như: ứng xử công bằng trong học tập, kiểm tra, đánh giá cũng như xử lý các trường hợp SV vi phạm nội quy trong lớp học online; giữ được sự bình tĩnh và xử lý hợp tình hợp lý trong giờ giảng online khi có các tình huống SV vi phạm nội quy lớp học; bên cạnh đó hầu hết các GV đều có thái độ thân thiện, vui vẻ, sẵn sàng hỗ trợ khi SV có nhu cầu và thường xuyên có những bài chia sẻ tích cực, lành mạnh trên các trang MXH và các group riêng tư khác.

Bảng 2: Kết quả khảo sát các hành vi thiếu chuẩn mực của GV

TT	Hành vi	Không thường xuyên (%)	Chưa bao giờ (%)
5	GV có hành vi lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học	3,5	89,5
6	Xuyên tạc nội dung giáo dục trong lớp học online	3,2	89,5
7	GV mất kiểm soát trong hành vi, thái độ, lời nói khi có các tình huống không hay xảy ra trong lớp học online như SV vào lớp trễ, ra vào lớp không xin phép, nghỉ học, viện lý do không chính đáng	9,1	88,6
8	GV có biểu hiện tiêu cực trong kiểm tra đánh giá, thi cử	5,9	89

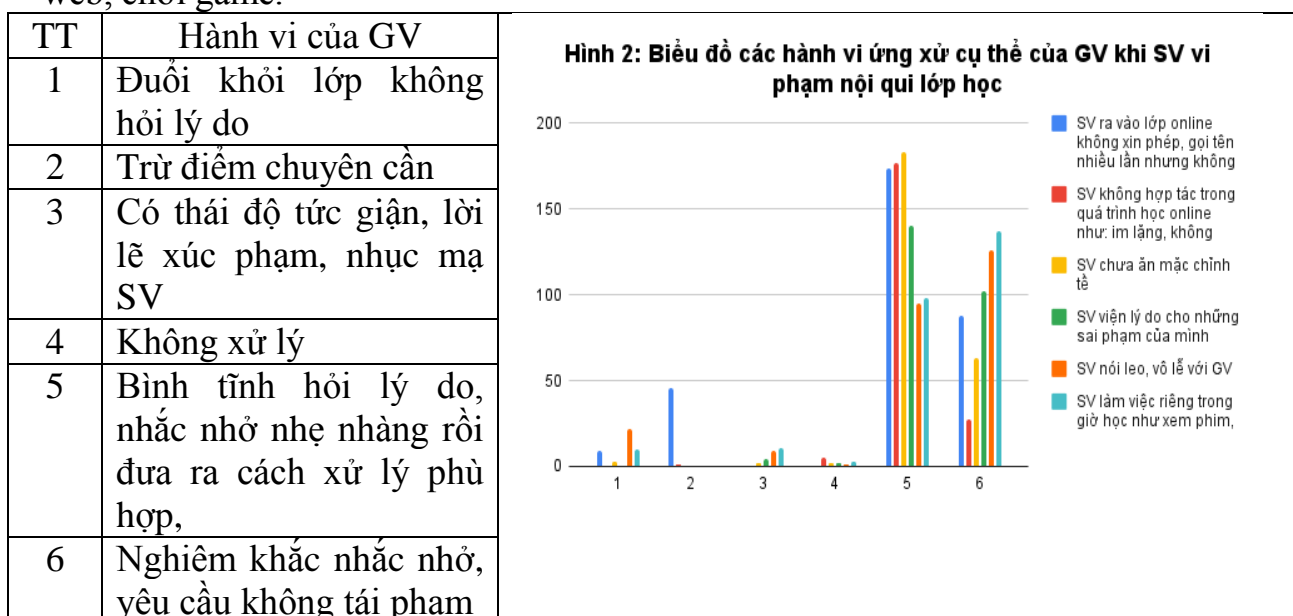
Số liệu thống kê cho thấy, đa số GV chưa bao giờ có những hành vi ứng xử thiếu chuẩn mực như: lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học (89,5), xuyên tạc nội dung giáo dục trong lớp học online (89,5%); mất kiểm soát trong hành vi, thái độ, lời nói khi có các tình huống không hay xảy ra trong lớp học

online như SV vào lớp trễ, ra vào lớp không xin phép, nghỉ học, viện lý do không chính đáng (88,6%) hay có biểu hiện tiêu cực trong kiểm tra đánh giá, thi cử (89%).

- Kết quả khảo sát về các hành vi ứng xử cụ thể của giáo viên:

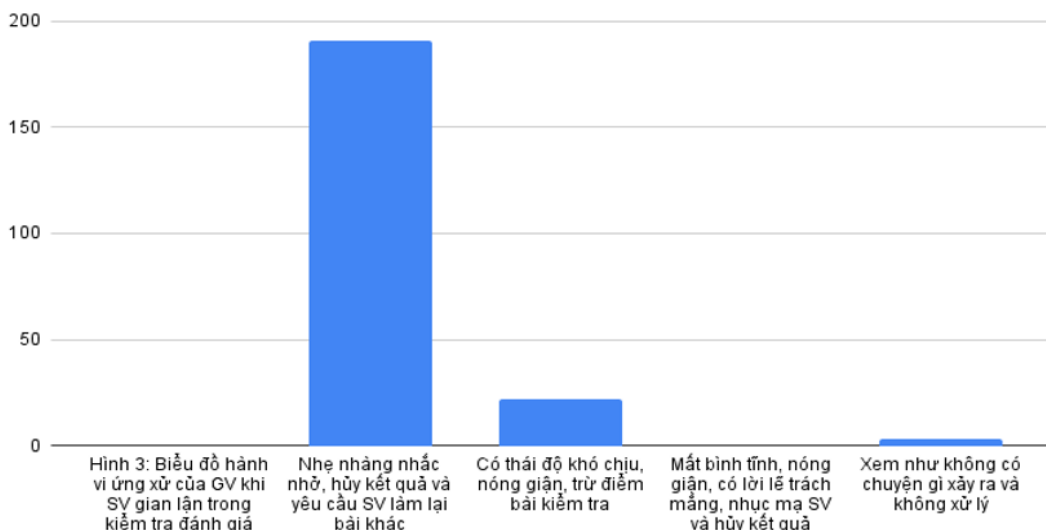
Các nội dung khảo sát được thiết kế dưới dạng câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn và dạng câu hỏi mở để thu thập, thống kê thêm ý kiến của SV, kết quả như sau:

SV cho rằng GV đã bình tĩnh hỏi lý do, nhắc nhở nhẹ nhàng rồi đưa ra phương án xử lý phù hợp và biện pháp nghiêm khắc nhắc nhở, yêu cầu không tái phạm khi SV vi phạm những lỗi sau: không hợp tác trong quá trình học online như: im lặng, không chủ động tương tác với GV, không làm bài tập, hoặc nộp bài tập trễ hạn (78%) hoặc khi có SV ra vào lớp online không xin phép, gọi tên nhiều lần nhưng không có mặt: 79,4% ; khi GV yêu cầu SV mở camera nhưng SV chưa ăn mặc chỉnh tề (82,1%), gặp những SV luôn viện lý do cho những sai phạm của mình, nói leo, vô lễ với GV; làm việc riêng trong giờ học như xem phim, nghe nhạc, lướt web, chơi game.



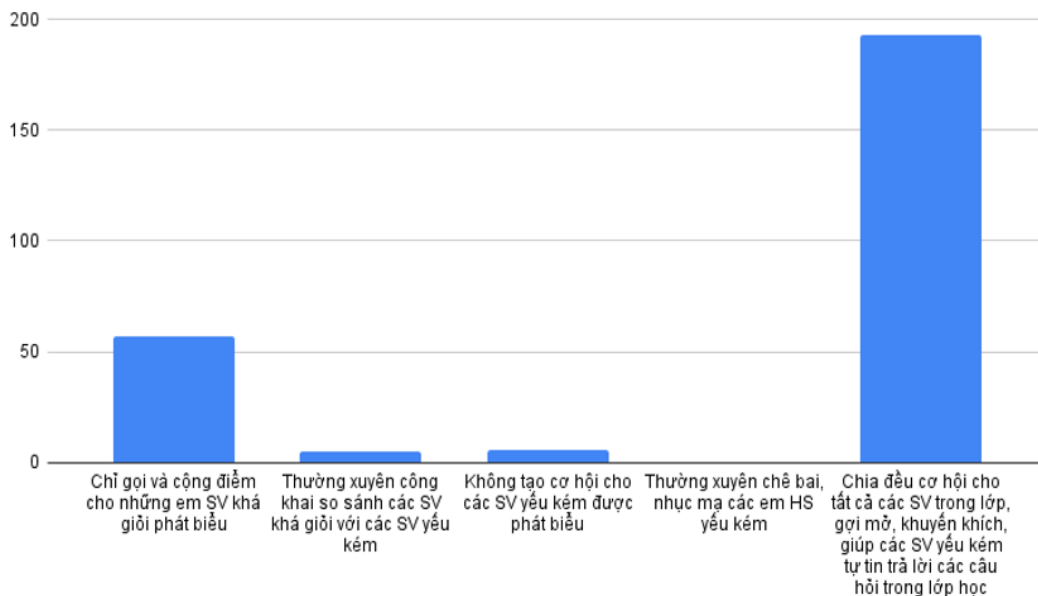
- Khi SV gian lận trong kiểm tra đánh giá: đa số GV đã nhẹ nhàng nhắc nhở, hủy kết quả và yêu cầu SV làm lại bài khác (85,6%).

Hình 3: Biểu đồ về hành vi ứng xử của GV Khi SV gian lận trong kiểm tra đánh giá



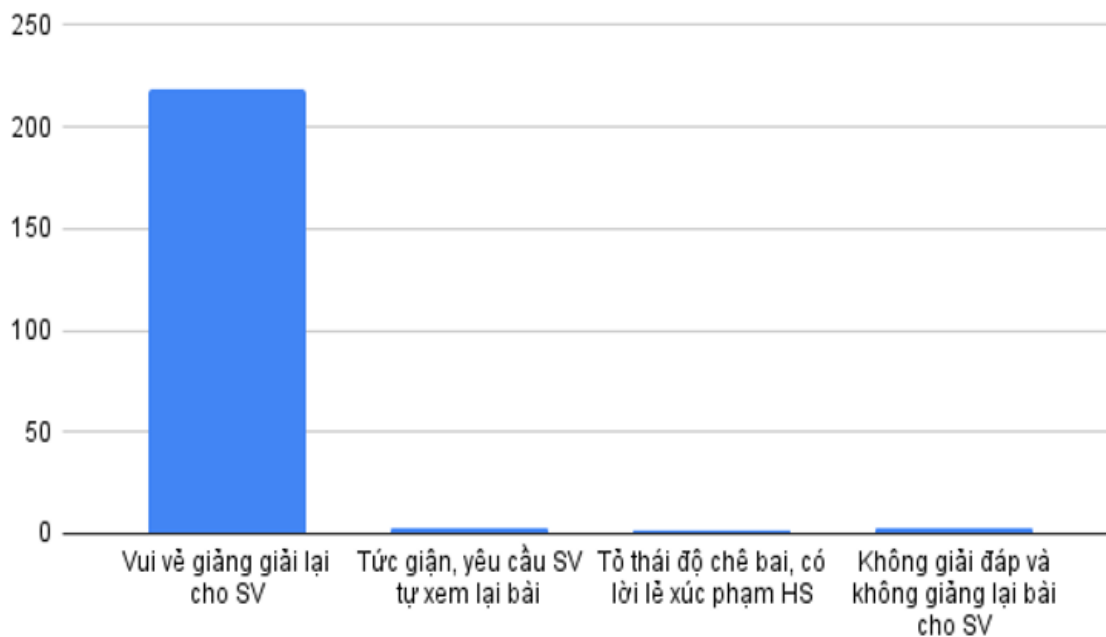
- Khi trong lớp có một số SV học khá, giỏi, luôn tích cực, xung phong phát biểu trong lớp online và ngược lại có những SV yếu kém, không bao giờ tích cực phát biểu trong giờ học: Có 86,5% SV cho rằng nhằm khuyến khích SV học tập, GV đã chia đều cơ hội cho tất cả các SV trong lớp, gợi mở, khuyến khích, giúp các SV yếu kém tự tin trả lời các câu hỏi trong lớp học.

Hình 4: Biểu đồ về hành vi ứng xử của GV nhằm khuyến khích SV học tập



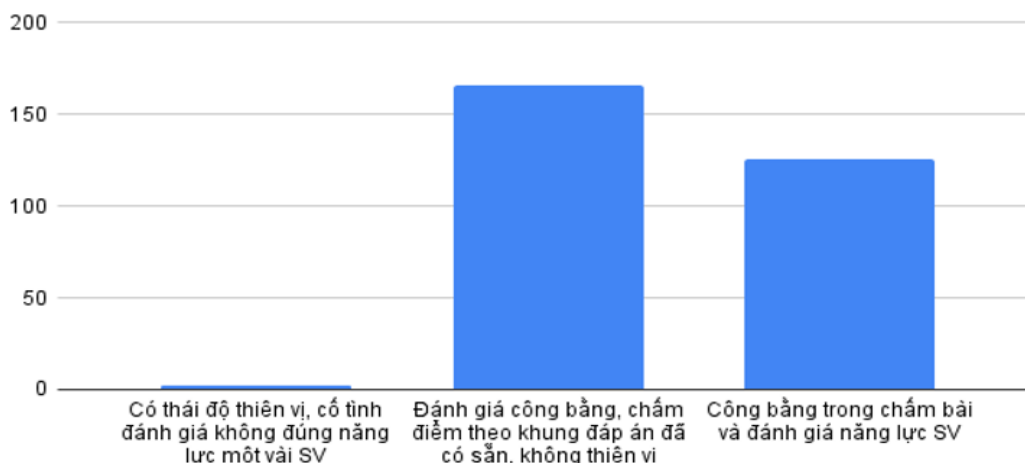
- Khi SV hỏi bài, yêu cầu giảng lại nội dung các em không hiểu: có 98,2% SV đồng ý rằng GV luôn vui vẻ giảng giải lại cho SV:

Hình 5: Biểu đồ về hành vi ứng xử của GV Khi SV hỏi bài, yêu cầu giảng lại nội dung các em không hiểu



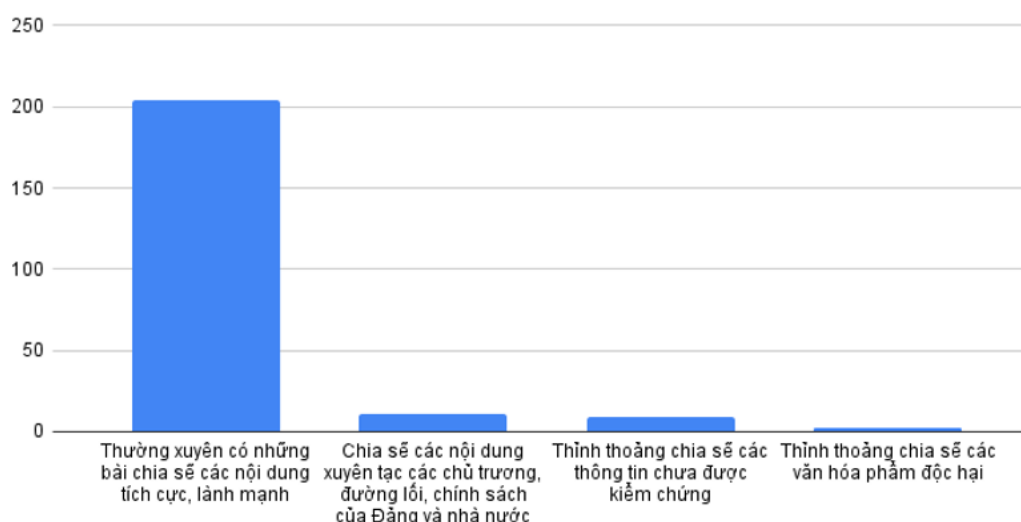
- Khi GV chấm bài kiểm tra, bài thi hoặc đánh giá SV: 75,1% SV cho rằng GV đánh giá công bằng, chấm điểm theo khung đáp án đã có sẵn, không thiên vị và 55% SV nhận định GV có công bằng trong chấm bài và đánh giá năng lực SV.

Hình 6: Biểu đồ về hành vi ứng xử của GV trong công tác đánh giá



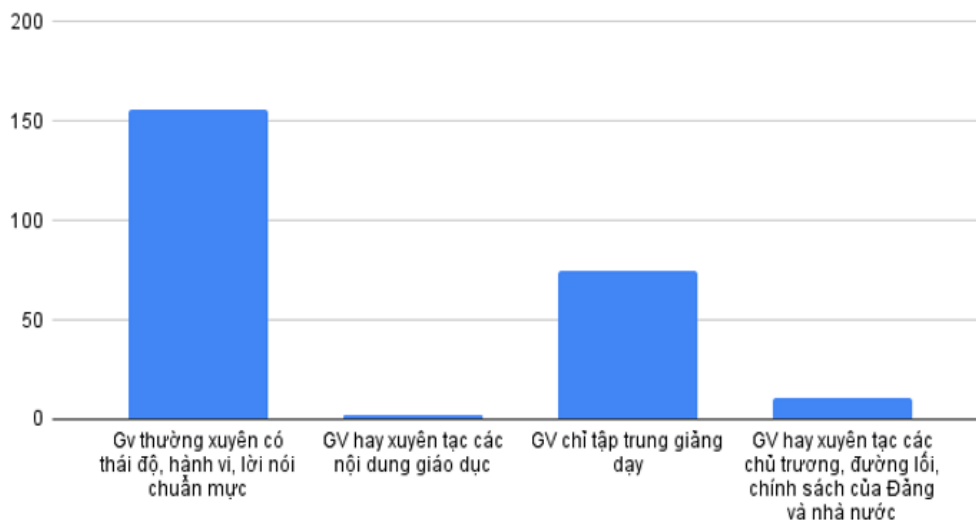
- Trên các trang MXH, các hội nhóm riêng tư trên mạng: có 91,4% SV cho rằng các GV thường xuyên có những bài chia sẻ các nội dung tích cực, lành mạnh.

Hình 7: Biểu đồ hành vi ứng xử của GV trên các trang MXH, các hội nhóm riêng tư trên mạng



- Trong quá trình giảng dạy: GV thường xuyên có thái độ, hành vi, lời nói chuẩn mực (70,1%), có 33,5% SV cho rằng GV chỉ tập trung giảng dạy.

Hình 8: Biểu đồ về hành vi ứng xử của GV trong quá trình giảng dạy

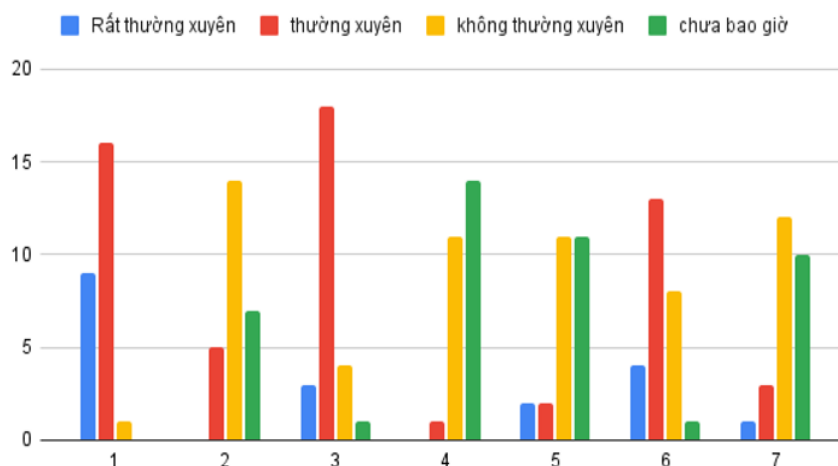


2.6.2. Ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đến người học trong quá trình dạy online

- Kết quả khảo sát về các hành vi ứng xử của sinh viên:

Theo kết quả khảo sát, đa số SV thường xuyên có lời nói, thái độ, cử chỉ chuẩn mực với GV trong quá trình học online (chiếm 61,5%); có 69,2% GV được khảo sát cho rằng SV cũng thường xuyên trao đổi với GV về nội dung bài học và các vấn đề cá nhân qua các ứng dụng trò chuyện trên mạng; 50% đồng ý rằng SV tích cực tương tác với GV trong giờ học online. Khảo sát cũng cho thấy SV có trao đổi, nhận xét, bình phẩm về GV trên các trang mạng XH hay các hội nhóm riêng tư, tuy nhiên đa số GV cho rằng chỉ ở mức độ không thường xuyên (chiếm 53,8%); Trong khi đó, mặc dù SV cũng có chia sẻ những thông tin không chính thống, chưa được kiểm chứng, thông tin cá nhân lên các trang MXH nhưng đa số GV cho rằng SV chưa bao giờ có hành vi này (53,8%) và nếu có thì cũng không thường xuyên (42,3%). Ngoài ra, SV cũng không thường xuyên (chiếm 42,3%) hoặc chưa bao giờ vi phạm nội quy lớp học (42,3%).

Hình 9: Biểu đồ về mức độ thường xuyên về hành vi ứng xử của SV



Bảng 2: Kết quả khảo sát mức độ thường xuyên về hành vi ứng xử của SV

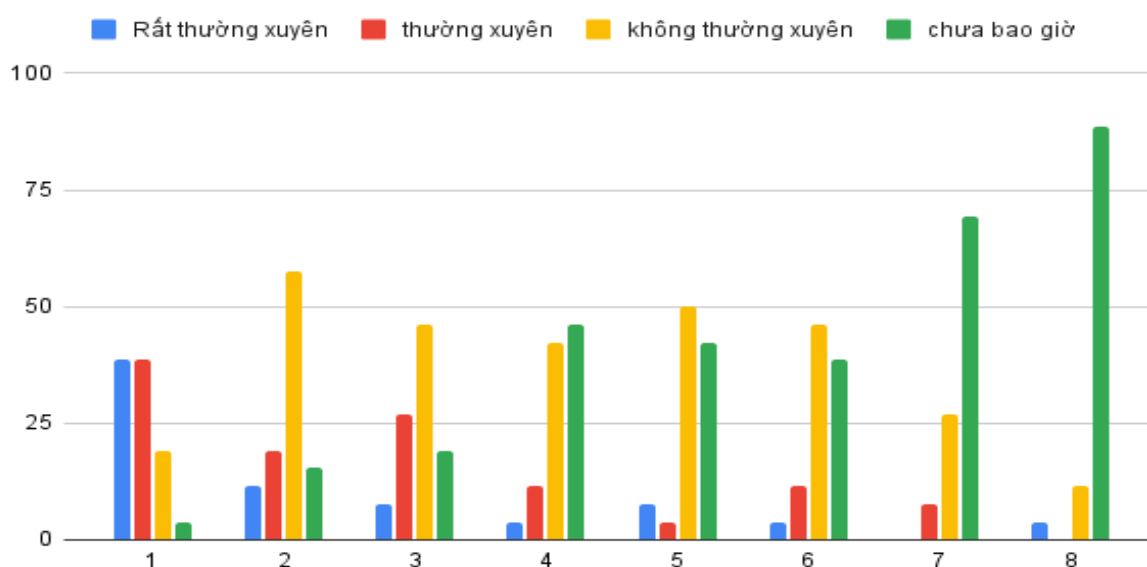
TT trực hoành	Hành vi của SV	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Chưa bao giờ
1	Lời nói, thái độ, cử chỉ chuẩn mực với GV trong quá trình học online	34,6	61,6	3,8	0
2	Trao đổi, nhận xét, bình phẩm về GV trên các trang mạng XH hay các hội nhóm riêng tư	0	19,2	53,9	26,9
3	Trao đổi với GV về nội dung bài học và các vấn đề cá nhân qua các ứng dụng trò chuyện trên mạng	11,5	69,2	15,3	3,8
4	Chia sẻ những thông tin không chính thống, chưa được kiểm chứng, thông tin cá nhân lên các trang MXH	0	3,8	42,4	53,8
5	Vi phạm nội quy lớp học	7,7	7,7	42,3	42,3
6	Tích cực tương tác với GV trong giờ học	15,4	50	30,8	3,8
7	Gian lận trong kiểm tra, thi cử online	3,8	11,5	46,2	38,5

2.6.3. Kết quả khảo sát về các hành vi ứng xử cụ thể của SV:

- Kết quả khảo sát về hành vi chấp hành nội quy của sinh viên:

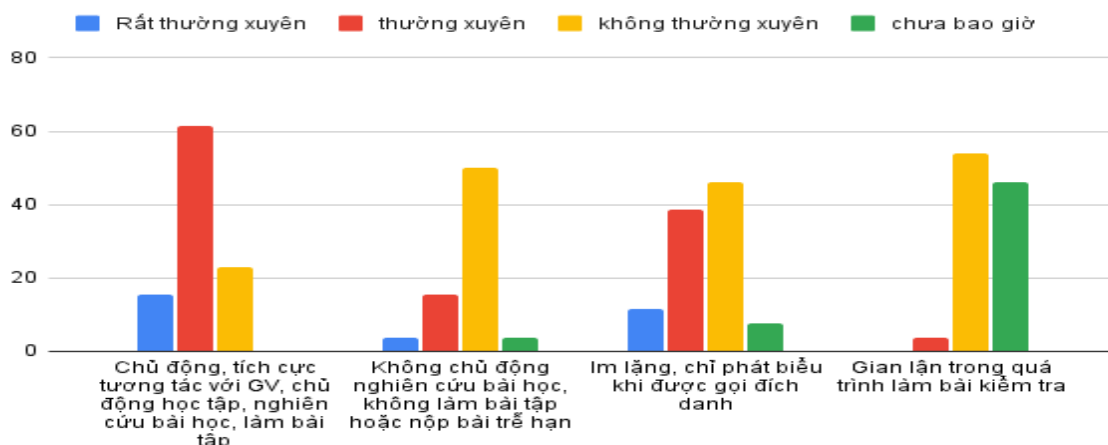
Theo kết quả khảo sát, đa số GV cho rằng đa số SV ra, vào lớp có xin phép, chào hỏi GV với thái độ lễ phép (thường xuyên – 38,5% và rất thường xuyên - 8,5%). Tuy cũng có SV đi học trễ có 57,7% GV cho rằng điều này xảy ra không thường xuyên. Tương tự như vậy, nhiều GV cho rằng SV không thường xuyên chỉ có mặt lúc điểm danh, ngủ trong giờ học; làm việc riêng trong giờ học như chơi game, lướt web, nghe nhạc, ăn uống, ăn mặc không chỉnh tề. Mặc dù có đến 88,5% GV cho rằng SV chưa bao giờ có hành vi, lời nói không chuẩn mực trong giờ học như: tranh cãi, gây mất trật tự, cố tình mở micro, camera với mục đích gây rối hoặc nói leo, không lễ phép (69,2%), vẫn có một số GV nhận định SV vẫn còn vi phạm các nội quy trên.

Hình 10: Biểu đồ về hành vi chấp hành nội quy của SV



T T	Hành vi của SV	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Chưa bao giờ
1	Ra, vào lớp có xin phép, chào hỏi GV với thái độ lễ phép	38,5	38,5	19,2	3,8
2	Vào lớp trễ	11,5	19,2	53,9	15,4
3	Làm việc riêng trong giờ học như chơi game, lướt web, nghe nhạc, ăn uống....	7,7	26,9	46,2	19,2
4	Ăn mặc không chỉnh tề	3,8	11,5	38,5	46,2
5	Chỉ có mặt lúc điểm danh	7,7	3,8	50	38,5
6	Ngủ trong giờ học	3,8	11,5	46,2	38,5
7	Có hành vi, lời nói không chuẩn mực với GV như: nói leo, không lễ phép	0	7,7	23,1	69,2
8	Có hành vi, lời nói không chuẩn mực trong giờ học như: tranh cãi, gây mất trật tự, cố tình mở micro, camera với mục đích gây rối	3,8	0	11,5	84,7

- Kết quả khảo sát thái độ của SV trong quá trình học online:
Hình 11: Biểu đồ thái độ của SV trong quá trình học online



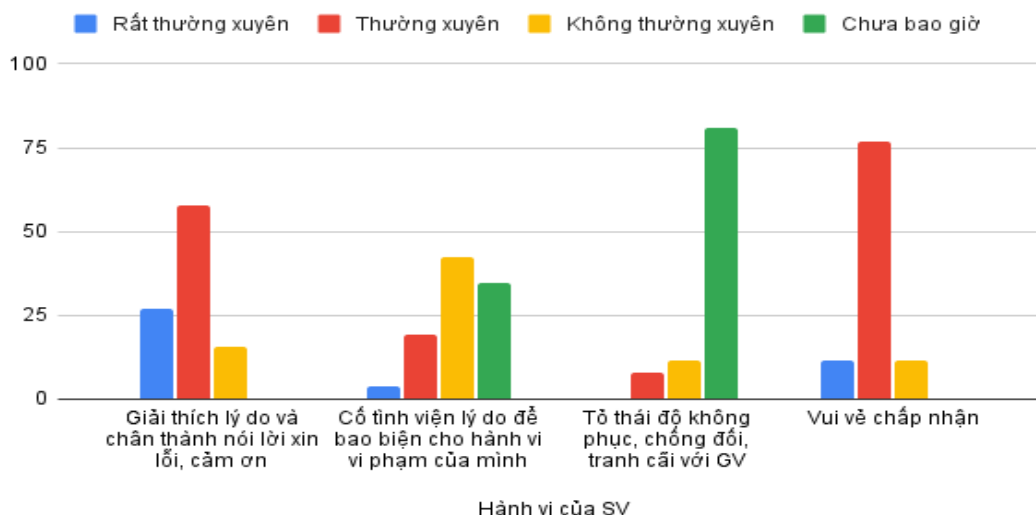
Theo bảng 4, có 61,5% GV đồng ý rằng SV thường xuyên chủ động, tích cực tương tác với GV, chủ động học tập, nghiên cứu bài học, làm bài tập; bên cạnh đó SV không thường xuyên không chủ động nghiên cứu bài học, không làm bài tập hoặc nộp bài trễ hạn (50%); 46,2% GV cho rằng SV không thường xuyên im lặng, chỉ phát biểu khi được gọi đích danh; SV cũng không thường xuyên gian lận trong quá trình làm bài kiểm tra (53,8%).

Bảng 4: Bảng kết quả khảo sát thái độ của Sv trong quá trình học online

Số TT	Hành vi của SV	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Chưa bao giờ
1	Chủ động, tích cực tương tác với GV, chủ động học tập, nghiên cứu bài học, làm bài tập	15,4	61,5	23,1	0
2	Không chủ động nghiên cứu bài học, không làm bài tập hoặc nộp bài trễ hạn	3,8	15,4	50	30,8
3	Im lặng, chỉ phát biểu khi được gọi đích danh	11,5	38,5	46,2	3,8
4	Gian lận trong quá trình làm bài kiểm tra	0	3,8	53,8	42,4

- Hành vi ứng xử của sinh viên khi bị giáo viên trách phạt:

Hình 12: Biểu đồ hành vi ứng xử của SV khi bị GV trách phạt



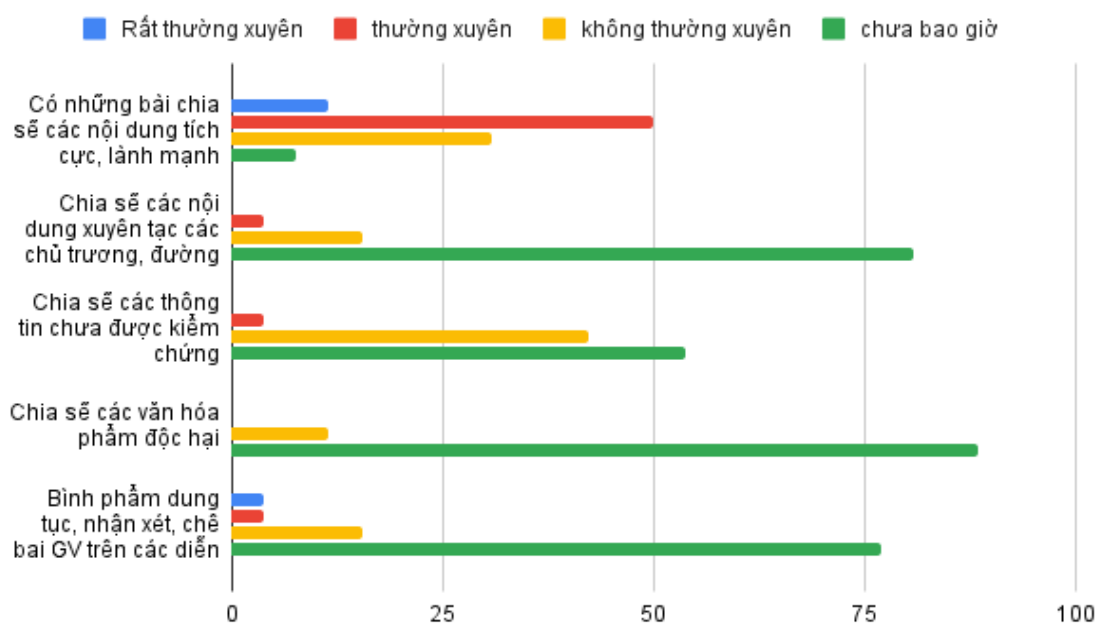
Bảng kết quả cho thấy, SV hầu như chưa bao giờ tỏ thái độ không phục, chống đối (80,8%); khá thường xuyên giải thích lý do và chân thành nói lời xin lỗi, cảm ơn (57,7% GV chọn phương án này); không thường xuyên cố tình viện lý do để bào biện cho hành vi vi phạm của mình (42,4%) và thường xuyên vui vẻ chấp nhận khi bị GV trách phạt (76,9%).

Bảng 5: Bảng kết quả khảo sát hành vi ứng xử của SV khi bị GV trách phạt

Số TT	Hành vi ứng xử của SV	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Chưa bao giờ
1	Giải thích lý do và chân thành nói lời xin lỗi, cảm ơn	26,9	57,7	15,4	0
2	Cố tình viện lý do để bào biện cho hành vi vi phạm của mình	3,8	19,2	42,4	34,6
3	Tỏ thái độ không phục, chống đối, tranh cãi với GV	0	7,7	11,5	80,8
4	Vui vẻ chấp nhận	11,6	76,9	11,5	0

- Hành vi của sinh viên trên các trang mạng xã hội và các nhóm riêng tư khác (zalo, facebook...):

Hình 13: Biểu đồ vi của SV trên các trang MXH và các nhóm riêng tư khác (zalo, facebook...)



Theo kết quả khảo sát, đa số GV đều nhận định rằng các SV thường xuyên có những bài chia sẻ các nội dung tích cực, lành mạnh (57,7%), các em ấy chưa bao giờ chia sẻ các nội dung xuyên tạc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước (80,8%), cũng như chia sẻ văn hóa phẩm độc hại (88,5%) và bình phẩm dung tục, nhận xét, chê bai GV trên các diễn đàn, các trang mạng XH hoặc các nhóm riêng tư khác (79,6%) và không thường xuyên (42,3%) hoặc chưa bao giờ chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng (53,8%)

Bảng 6: Bảng kết quả khảo sát hành vi ứng xử của SV trên các trang MXH và các nhóm riêng tư khác (zalo, facebook...)

Số TT	Hành vi của SV	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Chưa bao giờ
1	Có những bài chia sẻ các nội dung tích cực, lành mạnh	11,5	50	30,8	7,7
2	Chia sẻ các nội dung xuyên tạc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước	0	3,8	15,4	80,8
3	Chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng	0	3,8	42,3	53,8
4	Chia sẻ các văn hóa phẩm độc hại	0	0	11,5	88,5
5	Bình phẩm dung tục, nhận xét, chê bai GV trên các diễn đàn, các trang mạng XH hoặc các nhóm riêng tư khác	3,8	3,8	15,5	76,9

3. Giải pháp và kiến nghị

3.1. Giải pháp

3.1.1. Đối với người dạy

Mặc dù hầu hết các kết quả đều cho thấy, đa số các GV thường xuyên có những hành vi ứng xử khá chuẩn mực, cần tiếp tục phát huy và nhân rộng, tuy nhiên số liệu vẫn cho thấy, tuy không nhiều nhưng có một số GV đôi khi vẫn còn có những cách ứng xử chưa được chuẩn mực, điều này sẽ ảnh hưởng đến tâm lý không tốt của người học trong quá trình tiếp thu bài học, dẫn đến hiệu quả giáo dục không cao. Do đó, cần có những giải pháp quyết liệt hơn để khắc phục những hạn chế này. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin đề xuất những giải pháp sau:

- Chủ động nghiên cứu về đạo đức nhà giáo, rèn luyện bản thân để có thói quen ứng xử chuẩn mực của nhà giáo. Cụ thể, GV có thể rèn luyện hàng ngày thông qua các mối quan hệ xung quanh mình, thông qua các giờ lên lớp như kiểm chế cảm xúc, cơn giận, luôn có thái độ thân thiện, cởi mở, gần gũi với SV, đồng thời cũng cần nghiêm khắc trong những trường hợp SV vi phạm....

- Tích cực tham những buổi chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi, học tập lẫn nhau giữa các GV về các cách ứng xử trước những tình huống trong giảng dạy do nhà trường hoặc các tổ chức chính thống khác, đặc biệt là những buổi chia sẻ của các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, tâm lý về các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử.

- Luôn tỉnh táo trước những luồng thông tin không chính thống, không chia sẻ tùy tiện những thông tin sai lệch, chưa được kiểm chứng lên các trang MXH cũng như các hội nhóm riêng tư khác.

3.1.2. Đối với người học

Theo các kết quả khảo sát, hầu hết các GV đều đánh giá SV có những cách ứng xử khá phù hợp, song vẫn còn một số SV vi phạm các nội quy lớp học online, còn có thái độ chưa tích cực, chủ động trong giờ học trực tuyến, gian lận trong thi cử, có những chia sẻ chưa chuẩn mực trên các trang MXH cũng như các nhóm

riêng tư khác như zalo, messenger, facebook...Do đó, chúng tôi xin đề xuất các giải pháp sau nhằm điều chỉnh các hành vi ứng xử cho SV:

- Chủ động tìm hiểu về văn hóa ứng xử thông qua nhiều kênh chính thống như sách, báo, tạp chí, các trang thông tin chính thống trên internet hoặc các kênh truyền thông chính thức khác của Nhà nước, địa phương, nhà trường.

- Tích cực, chủ động rèn luyện bản thân hằng ngày qua việc quan sát xung quanh, qua các buổi gặp gỡ với mọi người, các buổi học tập online, bắt đầu bằng những hành động nhỏ như: chào hỏi, xin phép thầy cô mỗi khi ra vào lớp; chủ động nghiên cứu bài học trước khi vào lớp, kiên quyết nói không với gian lận trong kiểm tra, thi cử; nói không với các thông tin sai lệch, chống phá Đảng và Nhà nước, tránh xa các trang web không lành mạnh...

- Tích cực tham gia các buổi sinh hoạt, học tập do đoàn hội tổ chức, đặc biệt là các buổi chia sẻ của các chuyên gia liên quan đến nội dung văn hóa ứng xử để nắm bắt và rèn luyện cách ứng xử của bản thân.

3.2. Kiến nghị

Để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, có văn hóa ứng xử chuẩn mực, không chỉ dựa vào bản thân người dạy và người học mà còn cần sự chung tay của các cấp lãnh đạo, các đoàn thể trong mỗi nhà trường. Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi xin kiến nghị những nội dung sau:

- Nhà trường cần tuyên truyền sâu rộng về những quy định đạo đức nhà giáo được quy định cụ thể tại Quyết định 16/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT nhằm nhắc nhở GV phải có những hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nhà giáo

- Tổ chức Đoàn - Hội cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục văn hóa ứng xử cho SV trường mình

- Mỗi trường cần nghiên cứu xây dựng bộ quy tắc ứng xử phù hợp với đặc điểm tình hình của từng trường

- Nhà trường tổ chức những buổi chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi, học tập lẫn nhau giữa các GV về các cách ứng xử trước những tình huống trong giảng dạy.

- Mời các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, tâm lý về trường chia sẻ các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử cho GV và SV

- Hằng năm tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến SV về văn hóa ứng xử của GV để kịp thời nắm bắt thông tin và có hướng điều chỉnh hành vi, cử chỉ, lời nói cũng như văn hóa ứng xử của GV

Nghiên cứu đã nêu lên thực trạng văn hóa ứng xử của các GV và SV trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay, đã đề xuất một số giải pháp cụ thể cho GV và SV trong việc rèn luyện để nâng cao các cách ứng xử trong môi trường giáo dục; chúng tôi cũng đưa ra một số kiến nghị mà chúng tôi cho rằng đang rất cần thiết cho các nhà trường. Trong số các kiến nghị trên, việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử là quan trọng nhất vì nó sẽ cho chúng ta bộ công cụ chuẩn mực để mỗi cá nhân của nhà trường có thể tham chiếu, làm chuẩn mực để rèn luyện, đồng thời cũng là một công cụ quản lý hữu hiệu cho nhà trường, từ đó có thể sử dụng làm căn cứ xây dựng các quy tắc, chế tài giúp việc quản lý trở nên minh bạch và rõ ràng hơn nhằm mục đích xây dựng môi trường giáo dục thân thiện và lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

NHÌN TỪ VIỆC SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI AN TOÀN, VĂN MINH

*ThS. Đào Ngọc Quỳnh Thanh**

MXH là phương thức kết nối những thành viên trên mạng internet nhằm chia sẻ thông tin. Trong bối cảnh phát triển của công nghệ 4.0, MXH trở thành một nền tảng hữu hiệu, có những đóng góp cực kỳ quan trọng cho sự phát triển của bất cứ một quốc gia, tổ chức hay cá nhân nào. Dưới góc độ văn hóa, việc sử dụng MXH an toàn, văn minh hay không trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để “xếp hạng” thứ bậc văn minh, an toàn của chính quốc gia, tổ chức hay cá nhân đó.

Trong môi trường học đường, việc sử dụng MXH an toàn, văn minh của đội ngũ cán bộ, GV và sinh viên, HS đặc biệt có ý nghĩa. Đó không chỉ là việc sử dụng internet, MXH để khai thác thông tin, nâng cao trình độ tri thức, mà còn phản ánh nhân cách, lối sống, chuẩn mực đạo đức của chính những đối tượng này. Chính việc sử dụng MXH an toàn, văn minh sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và giữ gìn thương hiệu cho môi trường giáo dục.

Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp tư liệu, bài viết đi vào làm rõ hiện trạng sử dụng MXH trong môi trường học đường hiện nay, từ đó gợi mở những khuyến nghị nhằm sử dụng MXH an toàn, văn minh trong cán bộ, GV và sinh viên, HS, góp phần nâng cao hiệu quả việc xây dựng VHHD.

Kể từ khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3, còn gọi là cách mạng máy tính hay cách mạng số ra đời, cùng với sự phát triển vượt bậc của kỹ thuật công nghệ, MXH dần trở thành một phần tất yếu mỗi ngày của hàng triệu thành viên trên khắp thế giới.

MXH xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1995 với sự ra đời của trang Classmate nhằm mục đích kết nối bạn học. Tiếp theo đó là sự xuất hiện của hàng loạt trang giúp kết nối các thành viên không phân biệt không gian và thời gian, hướng tới việc giao lưu kết bạn, chia sẻ phim ảnh, thông tin... lần lượt ra đời. Đến năm 2004, sự ra đời của Facebook đã đánh dấu bước ngoặt mới cho hệ thống MXH trực tuyến với hàng trăm tính năng mới, góp phần làm gia tăng không ngừng số lượng người dùng MXH và thời gian các thành viên bỏ ra trên không gian mạng.

Hiện nay trên thế giới có hàng trăm MXH khác nhau như Facebook, Youtube, WhatsApp, Skype, Qzone, WeChat, Instagram, Twitter ... mang lại nhiều lợi ích tích cực cho sự phát triển của xã hội. Chúng giúp người dùng tìm kiếm thông tin, thể hiện bản thân và trải nghiệm cuộc sống; tương tác, gặp gỡ, giao lưu, gắn kết cộng đồng, trao nhận, chia sẻ tình cảm, truyền tải cảm hứng cho nhau; tìm kiếm việc làm, quảng cáo, kinh doanh và giải trí... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, thúc đẩy đổi mới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó không thể thiếu lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Bên cạnh những giá trị tích cực hiện hữu vốn có đối với giáo dục - đào tạo nói chung và HSSV, GV nói riêng trong việc kết nối giao lưu kiến thức và giải trí sau những giờ học tập căng thẳng thì MXH cũng trở thành “con dao hai lưỡi” khi

* Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Nghiệp vụ và Ngoại ngữ, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

thời gian thanh, thiếu niên dành cho MXH ngày càng tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, mất tập trung trong học tập và hình thành lối sống ảo. Đặc biệt, với đặc tính là thế giới ảo với tính năng ẩn danh, không ít người dùng đã có những hành vi ứng xử chưa văn minh khi lợi dụng các diễn đàn công khai để đả kích, nói xấu, bôi nhọ lẫn nhau, thậm chí “hẹn hò” nhau trên đời thực để “quyết chiến”. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận thông tin thiếu chọn lọc, mất định hướng có thể dẫn đến việc vô tình hay cố ý phát tán những thông tin xấu, độc, gây hoang mang dư luận xã hội.

1. Thực trạng sử dụng mạng xã hội trong học sinh, sinh viên, giáo viên

Theo báo cáo toàn cảnh ngành Digital trong năm 2021, tính đến tháng 1 năm 2021, dân số Việt Nam đạt mốc 97.8 triệu dân, với tỷ lệ dân thành thị là 37.7%. Trong đó, có khoảng 68.72 triệu người đang sử dụng Internet¹⁷ (chiếm 70.3% dân số) thông qua các nền tảng, ứng dụng khác nhau, với thời lượng trung bình là 6 giờ 47 phút - hơn ¼ thời gian của 1 ngày - đây được xem là khoảng thời gian tương đối lớn.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến việc giãn cách xã hội kéo dài, hạn chế tiếp xúc trực tiếp cùng với xu hướng phát triển của công nghệ, năm 2021 chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng của người dùng MXH tại Việt Nam với hơn 72 triệu người (chiếm 73.7% dân số), tăng 7 triệu người (11%) so với cùng kỳ năm ngoái¹⁸. YouTube và Facebook tiếp tục trở thành MXH được sử dụng nhiều nhất tại Việt Nam. Theo số liệu thống kê của NapoleonCat (công cụ đo lường các chỉ số MXH), tính tới tháng 6 năm 2021, tổng số người dùng Facebook tại Việt Nam là gần 76 triệu người¹⁹, chiếm hơn 70% dân số toàn quốc; người dùng trong độ tuổi từ 13 đến 24 tuổi chiếm 34%.

Dựa trên các tiêu chí riêng của mình, Microsoft thực hiện khảo sát vào tháng 4 và tháng 5 năm 2020 tìm hiểu nhận thức của thanh, thiếu niên và người trưởng thành trên 25 quốc gia về cuộc sống trên mạng và những trải nghiệm của các đối tượng này đối với 21 rủi ro do các hành xử không đúng mực gây ra, kết quả về chỉ số văn minh trên không gian mạng - Digital Civility Index (DCI) của Việt Nam tiếp tục đứng thứ 5/25 thế giới, sau Nga, Columbia, Peru và Nam Phi (chỉ số càng cao, mức độ văn minh càng thấp), mặc dù có cải thiện (giảm từ mức 78 điểm của năm 2019 xuống còn 72 điểm năm 2020)²⁰. Mặc dù các tiêu chí cùng với cách đánh giá của Microsoft chưa hẳn đã hoàn toàn phù hợp với cách thức ứng xử và cách tiếp cận của nền văn hóa Việt Nam, tuy nhiên, thông tin từ Microsoft cũng khiến chúng ta cần lưu ý và nghiêm túc nhìn nhận lại về văn hóa ứng xử của người Việt Nam, đặc biệt là ứng xử văn minh trên MXH.

Với tâm lý nhìn nhận MXH là một thế giới ảo, tham gia MXH với tâm thế “chơi” chứ không phải “sử dụng”, dựa vào tính năng ẩn danh, bí mật về thân phận của các trang mạng để không phải đối diện với người khác, không bị những ràng buộc về đạo đức, dư luận xã hội hay luật pháp mà tâm lý và cách ứng xử của người dùng ít nhiều bị chi phối. Từ đó cho ra đời ngày càng nhiều “anh hùng bàn phím”, thoải mái đưa ra những lời bàn luận, công kích, chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng mà không có cảm giác bản thân phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình.

¹⁷ Nguồn: Báo cáo thường niên “Digital 2021”, WeAreSocial và Hootsuite – datareportal.com.

¹⁸ Nguồn: Báo cáo thường niên “Digital 2021”, WeAreSocial và Hootsuite – datareportal.com.

¹⁹ Nguồn: Thống Kê Người Dùng Facebook 2021 - Facebook users in Viet Nam - NapoleonCat.com.

²⁰ Nguồn: Civility, safety & interaction online: Vietnam, microsoft.com.

Nghiên cứu việc sử dụng MXH trong HSSV, GV tại Việt Nam, có thể nhận thấy nổi bật lên những vấn đề cơ bản sau:

Một là, lối sống ảo thu hút sự chú ý của cộng đồng mạng bất chấp sự an toàn của bản thân và lên án của xã hội.

Hiện tượng sống ảo của giới trẻ hiện nay đang trở thành một xu thế, một trào lưu trên các trang MXH. Mỗi hình ảnh, trạng thái hay bất cứ điều gì trong cuộc sống được đăng tải lên MXH đều có mục đích tìm kiếm sự sẻ chia, đồng cảm hay đơn giản chỉ là thu hút chú ý bằng các lượt like và theo dõi. “Cuồng like” là hiện tượng phổ biến của giới trẻ hiện nay. Nhiều bạn trẻ, trong đó có HSSV tìm cách thu hút sự quan tâm của người khác bằng số lượt like, xem nút like là chuẩn mực để đánh giá bản thân hay người khác; thậm chí có người còn kêu gọi lượt like để thực hiện những hành động phản cảm hay gây nguy hiểm cho bản thân. Sự việc nữ sinh ở Khánh Hòa bị bỏng phải nhập viện khi châm lửa đốt trường sau khi đạt cột mốc 1.000 like cho status của mình với nội dung “đủ 1.000 like sẽ đốt trường” là một ví dụ [5]. Chính những nút nhấn like không nghĩ đến hậu quả, like theo cảm tính, like dạo, thậm chí nhấn like khi chưa đọc nội dung của những đối tượng ẩn danh, vô trách nhiệm với hành động của mình đã cổ vũ tinh thần mạnh mẽ cho nữ sinh gây ra những hành động thiếu suy nghĩ.

Bên cạnh đó, với mục đích nhận được tán thưởng của những người bạn ảo dành cho mình mà một bộ phận giới trẻ đã coi chiếc smartphone như vật “bắt ly thân”, từ đó luôn chụp ảnh tự sướng, livestream ở mọi lúc mọi nơi, dù là đi ăn, đi chơi, đám cưới, đám tang, đi chùa hay kể cả khi ngủ... Đồng thời, tâm lý muốn chứng tỏ bản thân, thể hiện đẳng cấp bằng hình thức bên ngoài, không ít bạn trẻ chìm đắm trong thế giới ảo, tự đánh bóng bản thân, khoe mẽ trá hình bằng những món đồ đắt tiền, ăn chơi xa hoa, đi du lịch, ăn uống, thậm chí cả những hành vi vi phạm pháp luật. Đặc biệt, thời gian gần đây nổi lên hiện tượng “khoe tiêm vaccine” vì “có ông chú làm bệnh viện”, “học trò của bố là bác sĩ” hay “ông anh là chủ tịch phường”. Mặc dù đã có nhiều cảnh báo, bị xử phạt hoặc lên án gay gắt của xã hội song hiện tượng này vẫn liên tục xảy ra.

Hai là, gia tăng tình trạng bạo lực mạng, ức hiếp trên mạng

Giới trẻ trong độ tuổi nổi loạn, thích thể hiện cá tính bằng cách dọa nạt, đe dọa, công kích người khác bằng những hình ảnh, tin đồn giả mạo. Họ xem đó là việc giải tỏa stress, thể hiện bản thân thượng đẳng; họ xem việc bắt nạt người khác như trò tiêu khiển trên mạng, tạo drama và tìm kiếm sự chú ý để thỏa mãn nhu cầu bản thân. Từ những thú vui trên thế giới ảo dẫn đến hệ lụy thật khi “cuộc chiến” trên mạng trở thành cuộc chiến ngoài đời thật với những vụ truy tìm, bắt giữ, hành hung, dạy cho nhau “một bài học”. Chưa dừng lại ở đó, họ còn quay video hay livestream các trận ẩu đả và đăng trên trang cá nhân để khẳng định bản lĩnh. Vụ án bé trai Hồ Trần Văn Đô (5 tuổi, ở Nghệ An) bị đối tượng Đào Ngọc Hoàng (HS lớp 11) bắt cóc, dẫn đến tử vong là một ví dụ điển hình cho xu hướng này²¹. Hoàng là con nghiện game, thường chơi các trò cảm giác mạnh như bắt cóc, giải cứu. Đối tượng này nghĩ ra việc bắt cóc và giấu nạn nhân Đô để khi mọi người đi tìm Hoàng

²¹ “Nghỉ can bắt cóc bé 5 tuổi ở Nghệ An nghiện game cảm giác mạnh”, <https://baonghean.vn/nghi-can-bat-coc-be-5-tuoi-o-nghe-an-nghien-game-cam-giac-manh-269012.html>, truy cập ngày 10/10/2021.

sẽ giả vờ tìm thấy, giải cứu để lập công. Ở một khía cạnh khác, hậu quả của việc bắt nạt trên mạng có thể dẫn đến việc tự tử của đối tượng bị công kích vì không thể vượt qua áp lực của dư luận cùng những lời lẽ cay độc. Vụ nữ sinh lớp 10 ở An Giang tự tử bất thành và để lại bức thư tuyệt mệnh đã làm cho chúng ta nhận rõ sự hoảng loạn tâm lý và cách ứng xử kém văn hóa của cô giáo chủ nhiệm [6]. Nó chứng minh một điều rằng chính sự hành xử không đúng mực, thậm chí vi phạm pháp luật của GV đôi khi ảnh hưởng trực tiếp đến sinh mệnh của học trò.

Không chỉ ức hiếp bạn cùng trang lứa, HSSV còn tham gia các nhóm nói xấu, xúc phạm danh dự thầy cô giáo của mình. Điển hình là vụ việc 8 HS trường THPT Nguyễn Trãi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị áp dụng hình thức kỷ luật vì sử dụng Facebook lập nhóm kín có tên “Động Cô Bích” để nói xấu, xúc phạm danh dự một số GV trong trường [7]. Mặc dù Sở GDĐT tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo Nhà trường thu hồi quyết định kỷ luật đối với 8 HS sau khi tiếp thu ý kiến dư luận và cân nhắc một số yếu tố, nhưng sự việc cũng đã gióng lên hồi chuông báo động về văn hóa ứng xử của HS trên không gian mạng.

Điều đáng buồn là không chỉ HSSV mà ngay cả thầy cô giáo đôi khi cũng có những hành vi bất cẩn, khiếm nhã trên internet, MXH. Nhiều vụ việc đã xảy ra: vụ thầy giáo ở trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đăng tải những lời lẽ thiếu văn hóa; thầy giáo ở trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh mắng học trò là “óc trâu”; cô giáo ở Quảng Trị xúc phạm, lăng nhục học trò trong giờ học trực tuyến hay sự việc cô giáo để lộ hình ảnh nhạy cảm khi đang tham gia tập huấn giảng online ở Sơn La... Thậm chí, có GV đã tập hợp các nhóm HS để nói xấu, chê bai ngoại hình, hoàn cảnh gia đình... chính học trò mình đã giảng dạy nhiều năm liền. Những hành vi đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới uy tín của HSSV, GV, tác động xấu đến quá trình xây dựng VHHD trong từng trường học.

Ba là, số lượng “anh hùng bàn phím” ngày càng gia tăng.

HSSV, và cả GV, nhất là GV trẻ là đối tượng dễ bị ảnh hưởng nhiều nhất từ các website xấu và các trào lưu của đám đông vì chưa được trang bị đầy đủ tri thức và kinh nghiệm về cuộc sống, xã hội. Có một thực tế không thể phủ nhận, rất nhiều cư dân mạng là HSSV không cần biết đầu đuôi câu chuyện thế nào, ai đúng, ai sai ... vẫn sẵn sàng a dua theo đám đông thoải mái thể hiện quan điểm cá nhân mà không cần suy nghĩ đến hậu quả những gì mình viết ra, vô tư bộc lộ suy nghĩ bằng những lời nói, ngôn từ có sức “sát thương” rất cao. Điển hình là thời gian gần đây số lượng HSSV quan tâm, tham gia vào các buổi livestream của nữ doanh nhân Nguyễn Phương Hằng “bóc phốt” nghệ sĩ Việt hay các vụ sao kê từ thiện của nghệ sĩ Việt ngày càng nhiều. Mặc dù chưa xác định thông tin đúng sai thế nào nhưng cư dân mạng, người ủng hộ, kẻ phản đối đã lập các nhóm đối nghịch để “đấu khẩu” lẫn nhau nhằm bênh vực cho “phe ta”. Thậm chí có người dành ra nhiều giờ liền ngồi chép lại và cộng các con số từ bản sao kê để soi mói, chất vấn đối phương, gây nên nhiều làn sóng tranh cãi trên MXH đến nay vẫn chưa đến hồi kết.

Bốn là, thông tin giả mạo, sai sự thật, xuyên tạc, bịa đặt... được chia sẻ tràn lan.

Có thể khẳng định, với sự phát triển của internet, MXH, bên cạnh những thông tin tích cực, chính thống, thì những thông tin giả mạo, xuyên tạc, hư cấu... có xu hướng ngày càng tăng. Đặc biệt, từ đầu năm 2020 đến nay, trước tình hình

diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, nhiều thông tin giả mạo, xuyên tạc xuất hiện với tần suất dày đặc gây tâm lý hoang mang cho người sử dụng MXH. Thực tế cho thấy, trong khi cả hệ thống chính trị cùng chung tay với người dân ra sức ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh thì không ít các thông tin giả, xấu, độc nhằm ý đồ xấu thường xuyên xuất hiện, như: tung tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh, về công dụng của thuốc, vật tư y tế trong phòng chống dịch; kêu gọi tự điều trị, chẩn đoán tại nhà không cần tuân thủ hướng dẫn của Bộ Y tế; công kích, bôi nhọ uy tín các cấp trong phòng chống dịch; kêu gọi tích trữ lương thực, gây tâm lý hoảng loạn trong quần chúng nhân dân... Trong số người dùng mạng chia sẻ những thông tin chưa kiểm chứng ấy có không ít đối tượng là HSSV, GV, và nhiều trường hợp đã bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí là xử lý hình sự. Những hành vi đó làm cho cuộc chiến với dịch bệnh có dấu hiệu ngày càng phức tạp, gây rối loạn xã hội, ảnh hưởng tới an ninh con người và tình hình an ninh, trật tự của đất nước.

2. Một số khuyến nghị góp phần nâng cao ý thức sử dụng mạng xã hội trong học sinh, sinh viên, giáo viên trong quá trình xây dựng văn hóa học đường

Thứ nhất, đối với học sinh, sinh viên

Mỗi HSSV cần xem MXH là tấm gương phản chiếu con người của mình thông qua những hành vi, lời nói và hội, nhóm mà mình tham gia. Có như vậy mới xác định rõ ràng mục đích sử dụng mạng, từ đó mới giữ được tinh thần lành mạnh cũng như đầu óc sáng suốt để nhận định các loại thông tin.

Môi trường MXH phức tạp chẳng kém gì so với xã hội đời thực, đặc biệt là các hội, nhóm với sự tham gia của các thành viên đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, do đó không thể tránh khỏi việc xung đột quan điểm và cách hành xử. Vì vậy, cần ghi nhớ quy tắc trong ứng xử văn minh trên không gian mạng là cảm thông, thấu hiểu và tôn trọng mọi cá nhân tương tác trực tuyến; tôn trọng sự khác biệt và các cách nhìn nhận đa dạng. Giữ cái đầu khôn ngoan, suy nghĩ thận trọng trước khi trả lời những bất đồng quan điểm, tránh các công kích cá nhân và tránh đăng tải hay gửi những nội dung có ảnh hưởng tiêu cực đến người khác. Việc cư xử đúng mực sẽ giúp chúng ta tránh khỏi những mâu thuẫn không đáng, giữ cho bản thân và người khác không bị tổn thương.

Để sử dụng mạng an toàn, nên thiết lập quyền riêng tư, giới hạn số người có thể xem thông tin cá nhân, không nên tương tác hay dễ dàng kết bạn với người lạ. Trước khi cài đặt bất kỳ ứng dụng nào cần đọc thật kỹ *Điều khoản sử dụng* trước khi bấm *Đồng ý* để tránh việc cho phép dịch vụ truy cập và đánh cắp thông tin cá nhân. Người dùng Facebook thường phàn nàn về việc mình bị nghe lén khi các trang quảng cáo thường xuất hiện ngay sau khi họ tìm kiếm hoặc nói về một sản phẩm hay dịch vụ nào đó, mà họ quên rằng chính mình đã đồng ý cho phép Facebook truy cập micro, sử dụng hình ảnh, thông tin cá nhân...

Bên cạnh việc trang bị kiến thức xã hội và kỹ năng sống để tránh xa các nội dung “giật tít” nhằm mục đích câu view; mỗi HSSV cần cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định đăng bất cứ thứ gì để tránh việc mất quyền kiểm soát thông tin mình đã đăng. Có thể tự trả lời một vài câu hỏi trước khi đăng như: mục đích, những người sẽ bị ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp), sự bổ ích, vấn đề bảo mật ...

Thứ hai, đối với phụ huynh học sinh

Phụ huynh cần cần nhắc kỹ sự cần thiết trước khi trao quyền cho trẻ sở hữu thiết bị công nghệ kết nối internet. Thiết lập và luôn nhắc nhở trẻ về các quy tắc, nguyên tắc trong việc bảo mật thông tin cá nhân, hạn chế tương tác với người lạ và giới hạn thời gian sử dụng thiết bị công nghệ.

Khuyến khích trẻ cởi mở hơn với cha mẹ trong việc bày tỏ cảm xúc, chia sẻ những vấn đề đang đối mặt hoặc đang trải nghiệm; tạo không khí thoải mái trong các cuộc trò chuyện thẳng thắn và trực tiếp để trẻ sẵn sàng trải lòng cùng cha mẹ; chỉ khi cha mẹ là bạn của con mình thì mới có thể hiểu được những suy nghĩ cũng như cách hành xử của trẻ, từ đó định hướng giúp trẻ tháo gỡ những nút thắt và trang bị thêm kiến thức đời sống xã hội cho con của mình.

Đặc biệt, cần có “cơ chế” để kiểm soát việc sử dụng internet, MXH tại trường học và tại gia đình của con cái như: xác định thời gian và đặt ra “quy chuẩn” sử dụng cụ thể; kết bạn facebook, zalo... với con để dễ dàng nắm bắt diễn biến tâm lý hay những hành động bất thường của con trong mối quan hệ với bạn bè, gia đình, xã hội; thường xuyên tiếp cận, nhắc nhở, thậm chí cảnh báo để con em mình chủ động trong việc sử dụng MXH an toàn, văn minh.

Thứ ba, đối với cơ sở giáo dục

VHHD không chỉ là mối quan hệ giữa HS với HS mà còn có cả mối quan hệ giữa thầy cô với học trò và giữa thầy cô với nhau. Do vậy, trong mọi hoàn cảnh, thầy cô phải luôn giữ vị thế, hình ảnh chuẩn mực của người thầy, cần ứng xử đúng mực với học trò và đồng nghiệp. Trước các tình huống bất đồng quan điểm hoặc khi phát hiện những hành vi sai trái của HSSV, đòi hỏi người thầy cần giữ cái “tâm lắng” để gạn đục khơi trong mà có những hành xử văn minh. Việc kỷ luật HS rất đơn giản nhưng làm sao để đưa những HS “cá biệt” ấy trở về lối đi đúng đòi hỏi ở người thầy bản lĩnh và cái tâm nhà giáo. Hình ảnh của người thầy sẽ xấu đi biết bao nhiêu khi tham gia “nhiều chuyện” phê phán, thóa mạ người khác một cách công khai; hình ảnh chuẩn mực ấy sẽ càng xấu hơn khi thầy và trò cãi tay đôi với nhau trên MXH. Với kiến thức cùng bản lĩnh của người mình, người thầy phải luôn là người cầm trịch trong các cuộc tranh luận, phải biết cách chuyển hướng không để các bất đồng trở nên gay gắt dẫn đến khó kiểm chế cảm xúc.

Mỗi thầy cô giáo là một tuyên truyền viên tích cực để giúp HS và phụ huynh tránh khỏi các tác động tiêu cực của nội dung thông tin, ứng dụng có hại trên Internet. Việc lồng ghép nội dung và đổi mới giảng dạy theo hướng văn hóa ứng dụng với các tình huống cụ thể và cách thức giải quyết vấn đề được đưa ra sẽ giúp HS có nhận thức đúng khi đưa những thông tin, hình ảnh lên MXH mà không ảnh hưởng đến người xung quanh và đảm bảo an toàn cho bản thân.

Trước sự bùng nổ của công nghệ, nhà trường cũng cần cởi mở và thích nghi với việc sử dụng MXH của HS và GV. Tuy không quá khắt khe nhưng cũng cần có biện pháp giám sát, kiểm tra bằng những quy định mang tính nhắc nhở, răn đe; kết nối và hỗ trợ để định hướng, khuyến khích HS, GV sử dụng MXH như một kênh thông tin lành mạnh, bổ ích, là địa chỉ đáng tin cậy để HS mạnh dạn phản ánh những hành vi sai trái.

Thứ tư, đối với nhà quản lý

Tăng cường công tác tuyên truyền Luật An ninh mạng (2019), Bộ quy tắc

ứng xử trên MXH (2021), các quy định mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ MXH... bằng những hình ảnh minh họa, thông tin súc tích, dễ nhớ, ví dụ cụ thể, phù hợp với từng đối tượng, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức sử dụng mạng an toàn cho đội ngũ GV, HSSV.

Đặc biệt, cần tính toán, có kế hoạch cụ thể để đưa nội dung giáo dục an ninh mạng, an toàn thông tin cả về lý luận lẫn kỹ năng nhận diện thông tin giả mạo, thủ đoạn lừa đảo, kỹ năng ứng phó với các tình huống xảy ra trên MXH vào chương trình giảng dạy phù hợp với từng đối tượng người học, trong từng môn học cụ thể, phù hợp. Mỗi HS, mỗi người dùng MXH khi được trang bị nhận thức đúng, nền kiến thức căn bản tốt chắc chắn sẽ không còn phải bận tâm về tác động tiêu cực của MXH.

Mặt khác, mỗi trường học cần xây dựng *Quy tắc ứng xử với MXH* trong trường học của mình và nội dung này cần quán triệt đến tất cả GV, HS của từng nhà trường. Việc xây dựng Bộ Quy tắc này không chỉ có tác dụng phòng ngừa, mà còn tạo hàng lang pháp lý để có thể xử lý, ban hành các quyết định xử phạt hợp lý, hợp tình đối với từng trường hợp vi phạm cụ thể.

Những giải pháp kỹ thuật công nghệ cần được ứng dụng có hiệu quả trong quản lý MXH. Các nhà chuyên môn nghiên cứu “bộ lọc” triệt để đối với những bài đăng sai sự thật, hình ảnh phản cảm, xúc phạm danh dự người khác... gửi đến nhà cung cấp dịch vụ và yêu cầu gỡ bỏ. Cùng với đó, tuân thủ các quy định của pháp luật, các nhà cung cấp mạng có trách nhiệm và nghĩa vụ xây dựng các giải pháp trong việc tạo ra môi trường mạng an toàn, văn minh, lành mạnh phù hợp với văn hóa, con người Việt Nam, góp phần tạo điều kiện phát triển đất nước bền vững.

3. Kết luận

Sử dụng MXH an toàn, văn minh góp phần xây dựng con người văn hóa, xây dựng nguồn nhân lực hội tụ đầy đủ những phẩm chất, yếu tố cần có của đức - trí - thể - mỹ; tận dụng lợi ích từ sức lan tỏa rộng rãi của MXH để kích thích khả năng sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu, tiếp cận tri thức một cách nhanh nhất... là nhu cầu tất yếu trong môi trường học đường. Vì lẽ đó, việc xây dựng các kế hoạch, chương trình, tổ chức các biện pháp... nhằm tuyên truyền, giáo dục, xác định trách nhiệm của HSSV, GV trong sử dụng MXH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điều đó không chỉ giúp cho HSSV, GV tránh xa những hành vi thiếu văn hóa, phản giáo dục; tránh bị lừa đảo, mua chuộc, khống chế, đánh cắp thông tin cá nhân, mà còn là yếu tố then chốt để bảo vệ uy tín của cá nhân, uy tín của trường học, góp phần xây dựng VHHD trong bối cảnh mới.

VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ: VAI TRÒ CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

*TS. Nguyễn Thanh Lý**

Quá trình thay đổi trong nhà trường là một vấn đề khó đoán, nhất là trong bối cảnh đại dịch toàn cầu như hiện nay. Nghiên cứu này sẽ làm rõ một số khái niệm như chuyển đổi số trong giáo dục, văn hoá kỹ thuật số, văn hoá nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu cũng sẽ tập trung làm rõ vấn đề vai trò của các nhà lãnh đạo trong việc quản lý văn hoá nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số cũng như đề xuất về mặt hành vi, tư duy, giá trị, các thực tiễn và giá trị nhà trường mà người lãnh đạo cần làm để thúc đẩy văn hoá nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trong giáo dục

Thuật ngữ số hoá, chuyển đổi số đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 749/QĐ-TTg vào ngày 03/6/2020 về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số thứ 2 sau lĩnh vực Y tế. Điều này cho thấy tầm quan trọng của giáo dục và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đối với xu thế phát triển chung của cả nước. Trong thời gian dịch Covid-19 vừa qua, nhiều địa phương đã phải chuyển sang giảng dạy online, cả hệ thống giáo dục gặp nhiều khó khăn thách thức về công nghệ, chất lượng giáo dục, cách đánh giá năng lực người học... mặc dù việc tiếp cận công nghệ hiện nay với cả GV và HS đều đã trở nên thuận tiện hơn rất nhiều do sự phát triển của các ứng dụng trên nền tảng di động, MXH giúp người dùng dễ dàng tương tác mọi lúc mọi nơi, đã tạo điều kiện cho giáo dục trực tuyến phát triển lên bậc cao hơn. Vậy chuyển đổi số trong giáo dục là gì, nền tảng cơ bản là những gì?

Nền tảng cơ bản của chuyển đổi số trong giáo dục dựa vào cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu số chuyên ngành, đường lối, chủ trương chính sách và đội ngũ lãnh đạo, cán bộ viên chức, giảng viên, GV, người học ... (Mai Ngọc Tuấn, 2021).

Tác giả Đỗ Thị Ngọc Quyên (2021) cho rằng chuyển đổi số trong giáo dục không đơn giản chỉ là số hóa các nguồn tài liệu mà còn bao gồm việc chuyển đổi phần cứng, kéo theo việc quản trị các nguồn lực dành cho giáo dục, đào tạo cũng thay đổi. Tác giả cho rằng đó là những thay đổi về các yếu tố đầu vào, quá trình giáo dục, kết quả đầu ra và về môi trường giáo dục. Trong đó, để giáo dục trực tuyến có thể thực hiện tốt, toàn bộ đầu vào cho quá trình giáo dục phải được số hóa, trong đó quan trọng nhất là học liệu, tài liệu, sách giáo khoa có những thay đổi căn bản. Quá trình giáo dục có những thay đổi căn bản. Phương thức thay đổi dẫn đến phương pháp, kỹ thuật sư phạm truyền thống không còn hiệu quả. Cách thức thực hiện, triển khai phương pháp bắt buộc phải thay đổi, đòi hỏi sự sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng và sử dụng các thiết bị, tính năng của công nghệ sao cho việc giảng dạy đạt kết quả kỳ vọng. Về kết quả đầu ra, chuyển đổi số phải đảm bảo việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện trong quá trình giáo dục, kể cả đánh giá kết quả đào tạo, và về môi trường giáo dục, cần có hệ thống chính sách cấp hệ thống

* Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

và cấp cơ sở giáo dục phù hợp để đào tạo trực tuyến được công nhận hợp pháp.

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục, nghĩa là việc áp dụng công nghệ, cũng dựa vào mục đích, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục và được ứng dụng dưới 3 hình thức chính: Ứng dụng công nghệ trong lớp học: Cơ sở vật chất lớp học, công cụ giảng dạy.

Ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học: Áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như Lớp học thông minh, Game hóa (Gamification), Lập trình, ... vào giảng dạy.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý: Công cụ quản lý và vận hành Chuyển đổi số trong GDĐT tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học (NCKH). Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong ngành GDĐT một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university) (Mai Ngọc Tuấn, 2021).

Như vậy khi thực hiện chuyển đổi số, có thể nói toàn bộ cái cách giáo dục, đào tạo được tổ chức, thực hiện và quản lý thay đổi. Trải nghiệm giáo dục khác sẽ khiến cho một số năng lực, kỹ năng đầu ra của người học không còn, nhưng đồng thời một số năng lực, kỹ năng mới sẽ hình thành. Trọng tâm của chuyển đổi số là trải nghiệm của người học sẽ hoàn toàn thay đổi. Chúng ta vẫn thấy chính sách giáo dục kêu gọi các trường học chuẩn bị cho người học những kỹ năng và kiến thức để làm việc trong xã hội tri thức toàn cầu, bao gồm định hướng về học tập suốt đời, quyền công dân tích cực, mạng lưới, tinh thần kinh doanh và kỹ năng giao tiếp để hiểu người khác (Field, 2000; Naval, Print, Veldhuis, 2002). Vấn đề là các trường học có thể làm như thế nào để tiếp nhận một nền văn hóa học tập kỹ thuật số không coi công nghệ là thứ yếu của việc học mà là người đồng sáng tạo trong môi trường học tập để thúc đẩy sự phát triển cả về học thuật và xã hội. Và trong nền giáo dục hiện đại, một vấn đề cấp thiết đặt ra là hiện đại hóa hệ thống phải thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế số.

Văn hoá kĩ thuật số, văn hoá nhà trường trong chuyển đổi kỹ thuật số

Khái niệm văn hoá kĩ thuật số

Năm 2004, Ủy ban Giáo dục của Liên minh Châu Âu đã xác định tám năng lực chính cần làm nền tảng cho giáo dục trong thế kỷ 21, trong đó “năng lực kỹ thuật số” là một. Họ tuyên bố rằng “Kỹ năng CNTT-TT bao gồm việc sử dụng công nghệ đa phương tiện để truy xuất, đánh giá, lưu trữ, sản xuất, trình bày và trao đổi thông tin, giao tiếp và tham gia vào các mạng thông qua Internet” (Snyder, 2007).

Động lực thúc đẩy các năng lực nói trên và tập trung vào mạng lưới và học tập suốt đời bắt nguồn từ những tiến bộ trong công nghệ và những thay đổi trong hệ thống tổ chức, kinh tế và quốc gia.

Kane và cộng sự (2016) cho rằng văn hóa tổ chức của các công ty kỹ thuật số phát triển đều có những đặc điểm chung như thử nghiệm nhanh, ham thích rủi ro mở rộng và đầu tư vào tài năng. Ngoài ra, họ coi trọng kỹ năng mềm ở người lãnh đạo hơn sức mạnh kỹ thuật. Các tính năng này được hỗ trợ bởi Schlaepfer et al. (2017) - người cho rằng văn hóa công ty phải cho phép tự do thử nghiệm, có sáng tạo và thử nghiệm liên tục. Có nghĩa là văn hóa cho phép thử nghiệm và sau đó học hỏi từ những sai lầm. Tuy nhiên, việc thiết lập một nền văn hóa như vậy đòi hỏi có sự cam kết mạnh mẽ và liên tục từ đội ngũ lãnh đạo, những người phải hỗ trợ chiến lược kỹ thuật số. Do đó, chuyển đổi kỹ thuật số thành công đòi hỏi các nhà lãnh đạo kỹ thuật số phải có khả năng quản lý sự phức tạp, truyền cảm hứng và phát triển các nền văn hóa kỹ thuật số có lợi cho sự thành công và thúc đẩy sự phát triển của các giải pháp kỹ thuật số sáng tạo bất chấp rủi ro đầu tư (Snyder, 2007).

Văn hóa doanh nghiệp và sự tập trung vào tương lai đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi kỹ thuật số thành công. Hofstede, Hofstede & Minkov (2010) định nghĩa văn hóa tổ chức là “[...] sự lập trình chung của tâm trí để phân biệt các thành viên của một tổ chức này với tổ chức khác”. Schlaepfer và cộng sự (2017) đề xuất tạo ra một “văn hóa chủ đạo đầy nhiệt huyết”, cho phép nhân viên theo đuổi các ý tưởng theo cách liên dòng và phi đạo đức và tổ chức các hoạt động của riêng họ. Kane và cộng sự (2016) cho rằng văn hóa tổ chức của các công ty kỹ thuật số phát triển đều có những đặc điểm chung như thử nghiệm nhanh, ham muốn rủi ro và đầu tư vào tài năng. Ngoài ra, họ coi trọng kỹ năng mềm ở người lãnh đạo hơn sức mạnh kỹ thuật. Các đặc tính này cũng được nhận định bởi Schlaepfer et al (2017), ông cho rằng văn hóa công ty phải cho phép tự do thử nghiệm, có chỗ cho sự sáng tạo và thử nghiệm liên tục. Đây thường được gọi là “văn hóa chuyên tiếp thất bại”, có nghĩa là văn hóa cho phép thử nghiệm và sau đó học hỏi từ những sai lầm. Tuy nhiên, việc thiết lập một nền văn hóa như vậy đòi hỏi một cam kết mạnh mẽ và liên tục từ đội ngũ lãnh đạo cấp cao và những người phải hỗ trợ chiến lược kỹ thuật số. Do đó, chuyển đổi kỹ thuật số thành công đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải có khả năng quản lý sự phức tạp, truyền cảm hứng và phát triển các nền văn hóa kỹ thuật số có lợi cho sự thành công và thúc đẩy sự phát triển của các giải pháp kỹ thuật số sáng tạo bất chấp rủi ro (Snyder, 2007)

Công nghệ đã đóng một vai trò tích hợp và tích hợp trong các hệ thống xã hội - con người của chúng ta, dẫn đến các giá trị, chuẩn mực và hệ thống biểu tượng mới vượt qua văn hóa của các quốc gia và các nhóm xã hội (Lull, 2000). Văn hóa kỹ thuật số là sự tái cấu trúc mối quan hệ giữa công nghệ và con người, cho thấy cả hai chiều đều là chủ thể và đối tượng thay thế cho nhau trong một biểu hiện văn hóa. Khái niệm này được đưa vào lý thuyết văn hóa, trong đó đặt ra rằng văn hóa là những giá trị, giá định, niềm tin, quy tắc và thực hành xã hội được chia sẻ làm phát sinh ý nghĩa và bản sắc. Theo đó, công nghệ đã trở thành một phần tích hợp trong hệ thống giao tiếp của con người chúng ta, và do đó nó là một phần của quá trình định hình ý nghĩa. Với sự kết nối toàn cầu ngày càng tăng cho việc học tập và cuộc sống ngày nay (Snyder, 2007)

Các tổ chức có nền văn hóa kỹ thuật số mạnh mẽ sử dụng các công cụ kỹ thuật số và thông tin chi tiết được cung cấp bởi dữ liệu để thúc đẩy các quyết định

và lấy Khách hàng làm trung tâm trong khi đổi mới và cộng tác trong toàn tổ chức. Khi được triển khai có mục đích, văn hóa kỹ thuật số có thể thúc đẩy hành động bền vững và tạo ra giá trị cho tất cả các bên liên quan.

Văn hóa kỹ thuật số là sự linh hoạt và có một lực lượng lao động có thể đáp ứng những thách thức mới để công ty của bạn không bị tụt lại phía sau. Đối với các doanh nghiệp, văn hóa kỹ thuật số giúp các công ty duy trì khả năng cạnh tranh theo các cách: thích ứng với môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng, sử dụng công nghệ hiệu quả, mang lại tác động bền vững cho các bên liên quan.

Văn hoá nhà trường trong chuyển đổi số

Tác giả Đỗ Thị Ngọc Quyên (2021) thì cho rằng Văn hóa giáo dục số, gồm các vấn đề về thái độ học tập, hiểu biết về đạo đức học thuật, tính tự giác, ý thức về học tập suốt đời (lifelong learning) cũng như cần được xây dựng phát triển trong cộng đồng người học và người dân nói chung. Đối với đào tạo trực tiếp, việc kiểm soát quá trình đào tạo phần lớn thuộc về cơ sở giáo dục và GV, trong khi đối với đào tạo trực tuyến, người học cũng phải chia sẻ nhiệm vụ này.

Theo tác giả, văn hoá nhà trường trong chuyển đổi số chính là toàn bộ cơ sở hạ tầng CNTT, các giá trị, niềm tin, hành vi, thái độ, hiểu biết về đạo đức học thuật, ý thức về học tập suốt đời, các nghi thức, nghi lễ của nhà trường đó để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số.

Văn hóa giống như một tảng băng trôi, bởi vì chỉ một số phần nhất định của nó mới có thể nhìn thấy được. Văn hóa tổ chức thể hiện trong hành vi và suy nghĩ của mọi người, những hành vi và tư duy này ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi các thực tiễn và giá trị của tổ chức. Việc chuyển đổi văn hóa rất khó khăn vì nó đòi hỏi phải thay đổi nhiều thứ: hành vi và suy nghĩ của nhân viên, các phương thức tổ chức ảnh hưởng đến họ và các giá trị của tổ chức. Vậy những hành vi, tư duy và giá trị nào thúc đẩy văn hóa kỹ thuật số? Văn hóa tổ chức hiện tại thường mâu thuẫn với văn hóa kỹ thuật số (cộng tác, đổi mới, thông tin chi tiết theo hướng dữ liệu và lấy khách hàng làm trung tâm). Đó là lý do tại sao điều quan trọng là phải nhận ra các hành vi, tư duy, giá trị và thực tiễn tổ chức ngăn cản hoặc thúc đẩy việc áp dụng.

Vai trò của các nhà lãnh đạo trong việc quản lý văn hoá nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số

Những thay đổi trong tổ chức được khởi xướng bởi lãnh đạo cao nhất, vì vậy họ cần nhận thức về sự cần thiết cùng các khía cạnh tích cực của sự thay đổi cho cả bản thân và tổ chức của mình. Quan điểm thay đổi này cho thấy tầm nhìn của nhà lãnh đạo có thể mang lại thành công và tăng trưởng cho tổ chức khi áp dụng bất kỳ hình thức chuyển đổi nào. Vì vậy, các nhà lãnh đạo trong các tổ chức lên ý tưởng về chuyển đổi kỹ thuật số chỉ đơn giản là để thoát khỏi những thói quen và mô hình cũ. Việc chuyển đổi kỹ thuật số không thể thực hiện được nếu không có một nhà lãnh đạo tạo ra nền tảng cho nó và thúc đẩy các bên liên quan hành động. Đó là các nhà lãnh đạo đưa ra ứng dụng công nghệ phù hợp để thúc đẩy thành công bền vững của tổ chức.

Fullan (2007) cũng cho rằng chìa khóa thành công không chỉ bao gồm các thành phần cần thiết của việc xây dựng năng lực thành công (thiết lập các tiêu

chuẩn, kiến thức đánh giá, lãnh đạo hướng dẫn, năng lực tổ chức, v.v.) mà còn bao gồm tầm nhìn dài hạn từ ban lãnh đạo và bảo lưu nhận định về tiến độ chậm hoặc hạn chế ở các trường cụ thể.

Hơn bao giờ hết, GV và CBQL trường học sẽ phải chịu áp lực vừa phải đương đầu với thách thức nâng cao kỹ năng cho bản thân, vừa phải nâng cấp nền tảng, nội dung giáo dục và phương pháp giảng dạy. Trong một môi trường đứng trước chuyển đổi số với vô số khó khăn về cơ sở vật chất, hạ tầng mạng, trang thiết bị (như máy tính, camera, máy in, máy quét), đường truyền, dịch vụ Internet ... còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu cho chuyển đổi số; cơ sở dữ liệu số hóa chuyên ngành (dữ liệu người học, dữ liệu GV / giảng viên, học liệu ...) đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo cho việc số hóa. Việc xây dựng kho học liệu số cũng cần phải có kế hoạch cụ thể và đồng bộ, tránh việc phát triển tự phát dẫn đến lãng phí, mất thời gian, công sức và tài chính. Việc thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số cần hành lang pháp lý chung phù hợp với các quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và luật chia sẻ cung cấp thông tin. Và việc xây dựng chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (khác với học truyền thống); quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn). Vậy một nhà lãnh đạo sẽ thúc đẩy văn hoá của nhà trường theo cách như thế nào.

Về hành vi cư xử, người lãnh đạo cần làm mẫu từ đầu, truyền đạt hành vi mong muốn, cung cấp phản hồi kịp thời, ngăn cản những hành vi không mong muốn, giải quyết nỗi sợ hãi và sự phản kháng, giúp các nhóm trong nhà trường hiểu các thói quen hiện tại và xây dựng những thói quen mới để hỗ trợ hành vi mong muốn cũng như cần giới thiệu các hành vi được khuyến khích. Về tư duy, người quản lý nhà trường cần truyền đạt những suy nghĩ mong muốn và cách chúng tác động đến hành vi cụ thể; Thảo luận về tư duy với tập thể để xác định điều gì đang cản trở họ khởi hành vi mong muốn đồng thời có thể thực hiện phương pháp tiếp cận hệ thống: Nếu một nhóm hoặc cá nhân phản kháng, hãy nhắm mục tiêu hành vi của những người xung quanh họ. (Nếu họ thấy người khác được khen thưởng vì những thay đổi, thì thái độ của họ đối với sự thay đổi sẽ được cải thiện). Về mặt giá trị, chúng ta hiểu rằng không có cách nào trực tiếp để thay đổi giá trị của người khác, vì vậy với tư cách là người lãnh đạo, hãy tập trung vào việc giúp tập thể nhà trường hiểu được sự chòng chéo của các giá trị cá nhân và tổ chức để tăng động lực cũng như có thể sử dụng cách kể chuyện để chia sẻ các giá trị của riêng bạn (và cách bạn khám phá ra những giá trị này), để mọi người có thể tự mình bắt đầu cuộc hành trình khám phá ra các giá trị này.

Về mặt tổ chức, các nhà lãnh đạo cần thông báo các chính sách, quy trình hoặc cách thức làm việc mới, thiết kế lại các chế độ khen thưởng và KPI để thưởng cho các hành vi mong muốn (ví dụ: bao gồm các chỉ số như giờ tự học, phản hồi từ các thành viên trong tập thể nhà trường); công bố thay đổi định hướng chiến lược, mô hình hoạt động và đồng thời cần nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, giới thiệu

công nghệ mới. Về giá trị tổ chức, cần xây dựng tầm nhìn về tác động xã hội mong muốn của nhà trường và trải nghiệm của toàn thể cán bộ, GV. Người lãnh đạo cũng cần đặt mục tiêu để đưa tác động của các bên liên quan hiện tại phù hợp với tầm nhìn nhà trường và thảo luận cởi mở về sự đánh đổi và ưu tiên. Người lãnh đạo nhà trường cũng nên sử dụng cách kể chuyện để làm nổi bật các giá trị cốt lõi của tổ chức. Như vậy có thể thấy, trong việc thiết lập văn hóa trường học, quản lý trường học đóng một vai trò thiết yếu, chuyển đổi kỹ thuật số tác động đến quản lý trường học và văn hóa tổ chức và tất yếu tác động đến chất lượng giáo dục. (World Economic Forum, 2021)

Kết luận

Như vậy, chuyển đổi số chính là sự thay đổi và nhà lãnh đạo đóng vai trò là người tiên phong thực hiện những thay đổi này trong tổ chức và thúc đẩy sự sẵn sàng của tổ chức mình đối với những thay đổi này bằng cách đề xuất và thực hiện các điều chỉnh cần thiết trong chính bản thân mình và về mặt tổ chức. Các nhà nghiên cứu cũng cho rằng, để thành công thì các nhà trường cũng cần đầu tư vào việc phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục, đến từng địa phương, nhà trường, giảng viên, GV, CBQL; xây dựng văn hoá số trong ngành giáo dục; đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số trong toàn ngành; Tăng cường kết hợp công nghệ như Big data, AI, Blockchain... với cơ sở dữ liệu số chuyên ngành, cũng như cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị CNTT thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện; thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học; triển khai MXH giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất và đặc biệt cần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, nhà giáo kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Hiểu các nguyên tắc đằng sau sự lãnh đạo chiến lược cần thiết để tạo ra sự thay đổi trong các tổ chức học tập là rất quan trọng để ban hành các sáng kiến mới hoặc chuyển đổi trên diện rộng thành công.

VĂN HOÁ HỌC ĐƯỜNG VÀ SỰ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

*Ths. Lê Thị Phương**

Văn hoá học đường là một trong những nội dung đa dạng, phức tạp và quan trọng trong giáo dục bởi vì nó liên quan đến sự phát triển, cải tiến của Nhà trường, nhưng nó cũng là một trong những nội dung bị bỏ quên nhiều nhất (Stool, 1998). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa văn hoá học đường và hiệu quả của dạy - học trong trường học. Điều này có nghĩa rằng, VHHD có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hiệu quả hoạt động và hiệu quả lâu dài của người học, các đối tượng liên quan trong nhà trường (Dogan, 2017). Nghiên cứu tiến hành tổng hợp các tài liệu về VHHD và xem xét những ảnh hưởng của nó đối với GV và HS trong Nhà trường, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, bài báo đưa ra các đề xuất trong việc xây dựng văn hoá học đường lành mạnh.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, ngành GDĐT nước ta đang có nhiều cơ hội để phát triển, song song đó cũng đứng trước nhiều thách thức mới trong việc giáo dục toàn diện cho người học ở các cấp bậc học. Nhận thức rõ vai trò của giáo dục trong quá trình hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đã xác định giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu và có những chủ trương đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục, trong đó yêu cầu quan trọng là xây dựng văn hoá học đường.

Xây dựng VHHD được coi là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở đào tạo ngay từ những giai đoạn đầu hình thành và phát triển giáo dục. Đảng đã đề ra Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 9 năm 2001; Bộ GDĐT và Bộ văn hoá - Thông tin đã ký kế hoạch phối hợp số 2723 /CTCT ngày 12/4/2001 về việc “Phối hợp thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong trường học”. Ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị khoá XI ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Một trong những nội dung chủ yếu của Chỉ thị đó là "Coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ". Văn hóa học đường là một khái niệm mới xuất hiện trong hơn chục năm gần đây và bao hàm nội dung của “trường học thân thiện” (thân thiện với địa bàn hoạt động, thân thiện trong tập thể sư phạm với nhau, thân thiện giữa thầy và trò, có đủ cơ sở vật chất) do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đề xướng từ những thập kỷ cuối thế kỷ XX. Năm 2008, Bộ GDĐT đã phát động phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, nhằm “xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu của xã hội” (Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT, ngày 22/7/2008). Ngoài ra, chương trình bồi dưỡng Hiệu trưởng do Bộ GDĐT chỉ đạo thực hiện theo hình thức liên kết Việt Nam-Singapore giai đoạn 2008-2010, chuyên đề về “Văn hóa học đường” là một trong bảy nội dung được rất nhiều nhà lãnh đạo đánh giá cao và được nhìn nhận như

* Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

là một trong những yếu tố đóng góp cho sự thành công của việc nâng cao chất lượng giáo dục tại nhà trường (Bộ GDĐT, 2009). Nhìn chung, ở mức độ chủ trương, Đảng và Nhà nước đã ban hành các quy định, điều kiện để xây dựng và phát triển văn hoá học đường. Tuy nhiên, ở mức độ thực hiện và phạm vi quản lý, phạm trù văn hoá học đường “chưa được đưa vào phạm vi quản lý nhà trường chúng ta, chưa có tiêu chí, chưa ai khảo sát, đánh giá” (Phạm Minh Hạc, 2009 trích từ Phạm Minh Hạc, 2012).

Trong những năm trở lại đây, sự bùng nổ mạnh mẽ về CNTT đã mang đến nhiều biến đổi lớn trong giáo dục. Khi công nghệ ngày càng phát triển trong mọi lĩnh vực, các cơ sở GDĐT phải chịu áp lực trước những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và người học. Điều này có nghĩa rằng, nhà trường cần đổi mới, bắt kịp với các xu hướng dạy – học hiện đại. Cải tiến không chỉ là thay đổi chương trình dạy – học, các chiến lược mà còn là thay đổi những tư duy phức tạp, quan niệm và niềm tin không còn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số (có sự dịch chuyển rõ rệt của những hành vi, thói quen và nhu cầu mới) cũng như là đòi hỏi sự hiểu biết, tôn trọng với người học và các nhà giáo dục (Dogan, 2017). Mối quan tâm chính của giáo dục và chính sách quốc gia liên quan trong trường học là tăng cường hiệu quả và cải thiện thành tích của học trò. Để thực hiện được mục tiêu này cần tập trung vào VHHĐ để tạo ra môi trường, điều kiện tốt nhất có thể cho các chương trình giảng dạy - học tập cũng như gắn kết các cá nhân và tập thể nhà trường. Một bằng chứng từ các hiệu trưởng nhà trường thành công cho thấy rằng tập trung vào phát triển VHHĐ như một môi trường học tập là điều cơ bản để cải thiện tinh thần của người dạy và kết quả học tập của người học (MacNeil, Prater, & Busch, 2009).

Donahoe (1997) phát biểu rằng “mọi thứ sẽ thay đổi nếu văn hóa thay đổi” vì nó ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của trường học, bao gồm cách ăn mặc của nhân viên (Peterson & Deal, 1998), những gì nhân viên nói, cách GV trang trí lớp học của họ, sự nhấn mạnh của GV vào một số khía cạnh của chương trình giảng dạy và sự sẵn sàng thay đổi của họ (Hargreaves, 1997). Sự ra đời của CNTT và truyền thông (Information Communication Technology: ICT) có tác động đến nền kinh tế toàn cầu, đời sống của con người, cũng như hệ thống giáo dục, đặc biệt là trong các trường học. Cách thức quản lý trường học và cách thức học tập - giảng dạy đã thay đổi do việc sử dụng các công nghệ mới; từ đó việc học tập, giảng dạy và lãnh đạo thông qua kỹ thuật số có tầm quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiêu chuẩn hiện đại trong học tập và thực hành giảng dạy đảm bảo chất lượng (Altinayl, 2015). Chính vì vậy, vấn đề cần thiết là phải quan tâm xây dựng VHHĐ và quản lý nó trong quá trình thích ứng với bối cảnh giáo dục đang trong giai đoạn chuyển đổi số

Bài báo này đánh giá các tài liệu về VHHĐ và ảnh hưởng của nó đối với người dạy và người học trong bối cảnh chuyển đổi số. Các vấn đề sau đây được giải quyết: định nghĩa VHHĐ, ảnh hưởng của văn hóa đối với trường học nói chung và người dạy và người học; xây dựng văn hoá học đường lành mạnh, tích cực.

1. Văn hoá học đường

1.1. Khái niệm văn hoá học đường

Thuật ngữ văn hoá học đường xuất hiện ở các nước nói tiếng Anh vào khoảng đầu những năm 1990 (Deal & Peterson, 1993), đơn giản nhất nó được hiểu

là một "thực tế bên trong". Năm 1995, hai tác giả Robbins và Alvy đã mở rộng định nghĩa trên bằng cách nói rằng "Thực tế bên trong này phản ánh những gì các thành viên trong tổ chức quan tâm, những gì họ sẵn sàng dành thời gian làm, cách thể hiện và bàn về nó"; hay, theo McBrien & Bandt (1997) nó là cách mà giảng viên và các nhân viên khác trong trường làm việc cùng nhau (dẫn theo Jay & Stong, 2008).

Các tác giả như Deal và Perterson (1999), Fullan (2001), Hinde (2004) đồng ý rằng VHHD là tập hợp các chuẩn mực, giá trị và niềm tin, nghi lễ biểu tượng và những câu chuyện tạo nên "tính cách" của trường học, định hình rõ ràng cách thức vận hành nhà trường. Nó là một thứ vô hình nhưng vẫn luôn hiện hữu; cung cấp ý nghĩa, định hướng và đóng vai trò là cơ sở cho hành động. Văn hoá học đường ảnh hưởng đến cách mà các nhân viên, nhà quản lý tiếp cận các vấn đề, phục vụ người học, phụ huynh và cũng như tiến hành các hoạt động hiện tại và trong tương lai (Pieterse, 2000). Hay nói cách khác, VHHD có thể được định nghĩa là các truyền thống, niềm tin, chính sách và chuẩn mực trong một trường học có thể được định hình, nâng cao và duy trì thông qua hiệu trưởng của nhà trường, các CBQL và giảng viên (Short & Greer, 1997).

Tác giả Phạm Minh Hạc cho biết dù có nhiều ý kiến khác nhau nhưng đều thống nhất mỗi trường học đều có VHHD của mình. Ông cho rằng (Phạm Minh Hạc, 2012):

"Văn hóa học đường là hệ các chuẩn mực, giá trị giúp CBQL nhà trường, thầy cô, phụ huynh, HSSV có cách thức suy nghĩ, hành động, tình cảm tốt đẹp"

Stoll (1998) định nghĩa về VHHD trên bốn khía cạnh nhận thức như sau:

1. *Lịch sử của nhà trường có thể ảnh hưởng đến sự thay đổi văn hóa; xác định bản sắc văn hóa, làm rõ niềm tin và giá trị của Nhà trường.*

2. *VHHD bị ảnh hưởng bởi bối cảnh bên ngoài của trường học. Những thay đổi tiên tiến trong xã hội, chính sách giáo dục quốc gia và sự khác biệt về kinh tế có ảnh hưởng đến VHHD.*

3. *VHHD ở mỗi cấp học là khác nhau, ví dụ như HS tiểu học cảm thấy thuộc về văn hóa hơn nhưng HS trung học có thể định hình lại và ảnh hưởng đến văn hóa.*

4. *VHHD bị ảnh hưởng bởi HS của trường và nền tảng xã hội của họ. Mỗi HS có hoàn cảnh gia đình khác nhau như giá trị, niềm tin và kinh tế xã hội. VHHD kết hợp và tạo ra một nền văn hóa chung cho bản sắc của họ và đạt đến mức độ cao hơn.*

Tổng hợp quan điểm của Schoen & Teddlie (2008), (Maslowski, 2001) Powers (2009) và các tác giả nói trên, có thể rút ra kết luận rằng ở trong tiến trình nào thì thuật ngữ VHHD thường được dùng để chỉ: 1/ văn hóa tổ chức có vị trí trong nền giáo dục (hình thành và phát triển trong một quá trình dài); 2/ tạo thành các giả định, quy ước và nguyên tắc cơ bản được chia sẻ bởi các thành viên trong trường; 3/ thể hiện thói quen, truyền thống, các thủ tục và định hình sự tương tác giữa GV và HS cũng như tương tác giữa các GV, các cá nhân khác trong nhà trường và 4/ làm nên "nét đặc trưng riêng" của nhà trường.

1.2. Các nội dung cơ bản của văn hoá học đường

Nguyễn Ngọc Phú (2009) cho rằng văn hoá học đường cần được xem xét tổng hợp từ sự phát triển văn hoá của các thành phần có trong nhà trường: văn hoá người

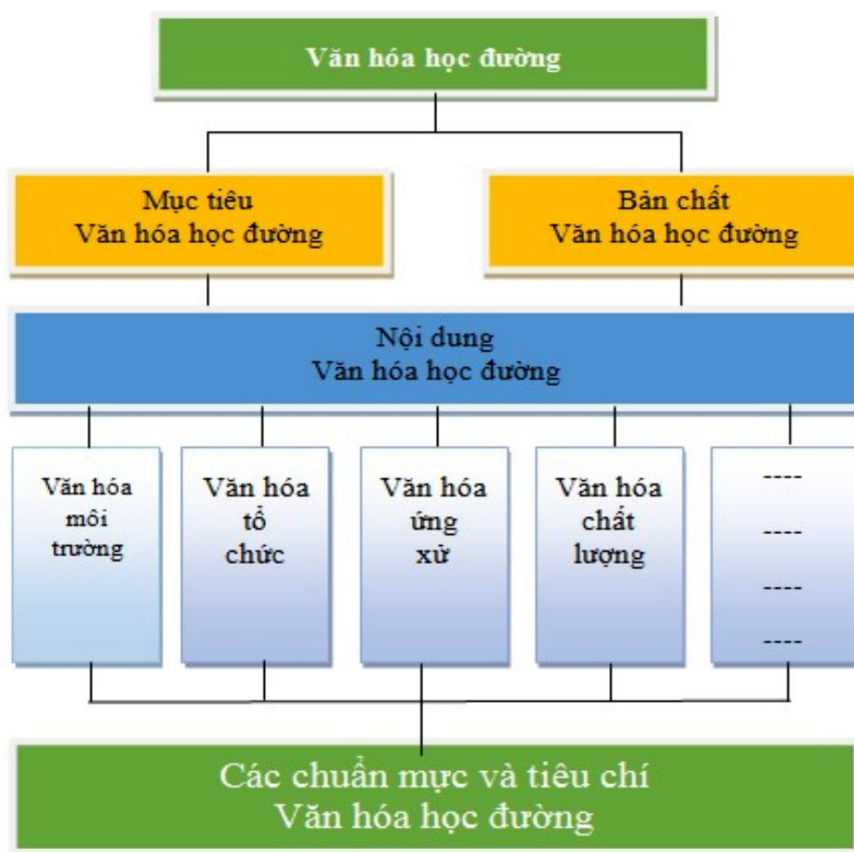
thầy, văn hoá người học, văn hoá của các lực lượng quản lý giáo dục trong trường và các quan hệ ứng xử giữa các thành phần, các lực lượng đó. Cơ sở để đưa ra các nội dung này được dựa trên mối quan hệ tương tác giữa các đối tượng trong nhà trường.

Các mối quan hệ Các thành phần trong trường	Đối với mình	Đối với người	Đối với công việc	Đối với môi trường TN, XH, thế giới đồ vật xung quanh
NGƯỜI DẠY (Thầy, cô giáo)	<ul style="list-style-type: none"> - Có tri thức về đạo đức, đạo lý làm người, làm thầy - Trung thực - Giản dị trong sinh hoạt - Mò phạm, đức độ, mẫu mực trong hành vi - Trong sạch trong lối sống 	<p>* Đối với người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hết lòng vì người học thân yêu, hết lòng vì sự nghiệp trồng người, vì sự nghiệp xây dựng đất nước; + Sẵn sàng tham gia đào tạo, giúp đỡ, chỉ bảo tận tình người học + Mò phạm trong quan hệ ứng xử với người học. <p>* Đối với đồng nghiệp:</p> <p>Trung thực; Biết lắng nghe, sẵn sàng học hỏi, cầu tiến bộ;</p> <p>Khiêm tốn; Đoàn kết; Nhân ái; Sẵn sàng cộng tác, sẵn sàng giúp đỡ;</p> <p>* Đối với người khác, với các LLQLGD trong trường:</p> <p>Giản dị, khiêm tốn, mẫu mực trong hành vi ứng xử với tư cách là nhà sư phạm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỉ luật, tận tụy, trách nhiệm, sáng kiến, sáng tạo vì chất lượng dạy học - Hết lòng vì người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Là chủ thể tích cực xây dựng môi trường TN, XH, môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh theo khả năng và chức trách được giao
NGƯỜI HỌC (học sinh, sinh viên)	<ul style="list-style-type: none"> - Trung thực - Không kiêu căng, tự cao, tự đại - Ham học hỏi, cầu tiến bộ - Giản dị, khiêm tốn - Biết đòi cao với mình - Tự tôn trọng mình. - Không nói tục chửi bậy - Thành khẩn, sẵn sàng nhận lỗi - Không bảo thủ, sẵn sàng sửa lỗi lầm 	<p>* Đối với thầy, cô giáo</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kính yêu thầy, cô giáo, biết ơn công lao thầy, cô giáo đã dạy dỗ mình + Chăm chỉ học tập, không phụ lòng dạy dỗ của thầy, cô <p>* Đối với bạn học cùng lớp, cùng trường:</p> <p>Đoàn kết, thân ái, sẵn sàng giúp đỡ</p> <p>* Đối với các LLQLGD trong trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kính trọng các bác, cô chú như kính trọng cha mẹ mình + Vâng lời chỉ dẫn của các bác, cô chú; gương mẫu thực hiện tốt nội quy nhà trường + Sẵn sàng giúp đỡ các bác, cô chú thực hiện tốt các công việc do nhà trường đề ra 	<ul style="list-style-type: none"> - Say mê, thích thú học tập - Kỉ luật, tự giác quyết tâm làm chủ tri thức để phụng sự đất nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Quý trọng bảo vệ của công, bảo vệ các phương tiện kĩ thuật dạy học
CÁC LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC trong trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có tri thức về đạo đức, đạo lý làm người, làm thầy - Trung thực - Giản dị trong sinh hoạt - Mò phạm, đức độ, mẫu mực trong hành vi - Trong sạch trong lối sống 	<p>* Đối với người học:</p> <p>Nhân ái, sẵn sàng chỉ bảo hướng dẫn tận tình, sẵn sàng giúp đỡ</p> <p>* Đối với thầy, cô giáo:</p> <p>Tôn trọng, sẵn sàng phối hợp với các thầy, cô giáo giáo dục tốt các em</p> <p>* Đối với đồng nghiệp:</p> <p>Đoàn kết, nhân ái vì mục đích nâng cao chất lượng giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỉ luật, tận tụy, trách nhiệm, sáng kiến, sáng tạo trong công tác QLGD theo chức trách được giao - Hết lòng vì người học 	

Hình 1. Các nội dung cơ bản của văn hoá học đường

Căn cứ vào đặc trưng chủ đạo của Nhà trường là hoạt động dạy – học, tác giả Phạm Văn Khanh (2013) cho rằng bản chất của xây dựng VHHD là hoạt động, gồm hoạt động của người dạy (nhà trường, nhà giáo dục) và hoạt động của người

học (HSSV). Từ đây, tác giả đưa ra một mô hình cấu trúc nội dung của văn hoá học đường như Hình 2



Hình 2. Sơ đồ cấu trúc nội dung của văn hoá học đường

Ngược lại, tác giả Phạm Minh Hạc năm 2009 đã đưa ra ba nội dung của VHHD ở Việt Nam gồm: Cơ sở vật chất đảm bảo, môi trường giáo dục tốt và văn hóa ứng xử, giao tiếp (Phạm Minh Hạc, 2012). Sự phân chia nội dung này được cấu thành dựa trên yếu tố về con người, mối quan hệ và các điều kiện thực hiện.

Như vậy, dù trong bối cảnh nào thì văn hoá học đường cũng thể hiện ba nội dung cơ bản như sau:

Văn hoá học đường là văn hoá môi trường: để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bên cạnh các chủ thể chính là GV, HS, đội ngũ hỗ trợ, các yếu tố như cơ sở vật chất, cảnh quan, không gian, cách bày trí lớp học, logo, phòng thí nghiệm, băng rôn, khẩu hiệu, trang phục, cơ cấu tổ chức bộ máy, vệ sinh, an toàn, nội dung chương trình cũng là rất quan trọng. Nó biểu hiện thông qua các cấu trúc hữu hình dễ nhận diện, quan sát và giúp phân biệt giữa cơ sở này với các cơ sở khác. Với sự cạnh tranh gay gắt của các cơ sở đào tạo trong cuộc đua cả về “số lượng và chất lượng”, các Trường cần tạo ra “bộ nhận diện” văn hoá học đường mang đậm dấu ấn từng cơ sở.

Văn hoá học đường là văn hoá tổ chức: mỗi Nhà trường là một tổ chức, do đó văn hoá học đường cũng là văn hoá tổ chức. Trải qua quá trình xây dựng, tồn tại và phát triển đã từng bước hình thành nên các chuẩn mực, lễ nghi, niềm tin và giá trị phù hợp với yêu cầu của xã hội. Đây là đời sống tinh thần của tổ chức Nhà trường, giúp gắn kết các thành viên lại với nhau. Hiện nay, dưới tác động mạnh mẽ

của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên mọi phương diện bao gồm cả giáo dục, một số xu hướng, quan niệm, giá trị mới được hình thành và lan rộng. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi các Nhà trường cần phải điều chỉnh, định hướng lại chiến lược phát triển đồng thời giữ vững và phát huy các GTVH cốt lõi.

Văn hoá học đường là văn hoá ứng xử: đó là ứng xử của thầy, cô giáo với HS và ngược lại; ứng xử giữa lãnh đạo với GV, nhân viên; giữa các đồng nghiệp, HS với nhau. Tất cả các ứng xử trong nhà trường là nhằm xây dựng một môi trường giáo dục văn minh, lịch sự. Đặc biệt trong bối cảnh công nghệ số, người dạy và người học có nhiều cơ hội tiếp cận nhanh và nhiều với các khối lượng thông tin, giao tiếp diễn ra thường xuyên hơn trên các không gian mạng. Các phương thức giao tiếp truyền thống thiên về sự kín đáo, tế nhị được thay thế bằng các thành tựu công nghệ hiện đại, “không gian mở” là những thách thức lớn đặt ra cho Nhà trường, cần được quan tâm kịp thời.

2. Sự tác động của văn hoá học đường đối với giảng viên, sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số

Công nghệ kỹ thuật số bắt đầu xuất hiện ở nhiều trường học vào những năm 1980 và đến những năm 1990, được sử dụng trong môi trường giáo dục (Crompton, 2013). Kể từ khi công nghệ kỹ thuật số xuất hiện trong xã hội nói chung, các trường học tương đối chậm trong việc áp dụng những công nghệ mới này (Bruce, 1993; Cuban, 2001; Harrison, Lunzer, Tymms, Fitz-Gibbon & Restorick, 2004). Trong một thời gian dài, các triết gia, học giả và chính phủ đã tranh cãi về lợi ích và tiêu cực của việc đưa công nghệ vào hệ thống giáo dục (Crompton & Burke, 2015). Giáo dục từ lâu đã được quan niệm là dựa trên lớp học và chủ yếu là “ít vận động” (Merchant, 2012). Sau này khi có sự xuất hiện của Internet đã mang lại một kỷ nguyên kỹ thuật số mới trên toàn cầu, cả người dạy và người học đều không “cố định” mà có thể học ở mọi nơi, bất cứ lúc nào. Ngoài việc họ được thoải mái kết nối với các nguồn tài nguyên học tập đa dạng, các công cụ đa phương tiện cũng được cung cấp cho sinh viên, giảng viên qua các nền tảng. Điều này cho phép sinh viên không chỉ trở thành người tiếp nhận kiến thức, mà còn là người sáng tạo và người quản lý (Kukulka-Hulme, 2010), do vậy ở một mức độ nào đó nó đã tạo ra sự thay đổi trong nhận thức của các cả người dạy và người học trong quá trình tiếp nhận tri thức. Chính vì vậy, không sai khi nói rằng, chuyển đổi số đã tạo ra sự thay đổi văn hóa rất lớn trong quá trình học tập.

Các nhà xã hội học đã nhận ra tầm quan trọng của VHHĐ ngay từ những năm 1930, nhưng phải đến cuối những năm 1970, các nhà nghiên cứu giáo dục bắt đầu rút ra mối liên hệ trực tiếp giữa chất lượng của văn hoá học đường và kết quả giáo dục của nó (Jerald, 2016). Trong nhiều nghiên cứu đã chỉ ra GV không phải là yếu tố duy nhất liên quan đến thành tích của HS, mà VHHĐ cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của họ. Khi công nghệ ngày càng phát triển trong mọi lĩnh vực, các cơ sở đào tạo đều phải chịu áp lực trước những đòi hỏi ngày càng cao của các chính sách giáo dục; vì vậy, VHHĐ được coi là “chìa khoá” quan trọng trong việc xây dựng các chính sách giáo dục và điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong tổ chức, cũng như phát huy hiệu quả của nhà trường.

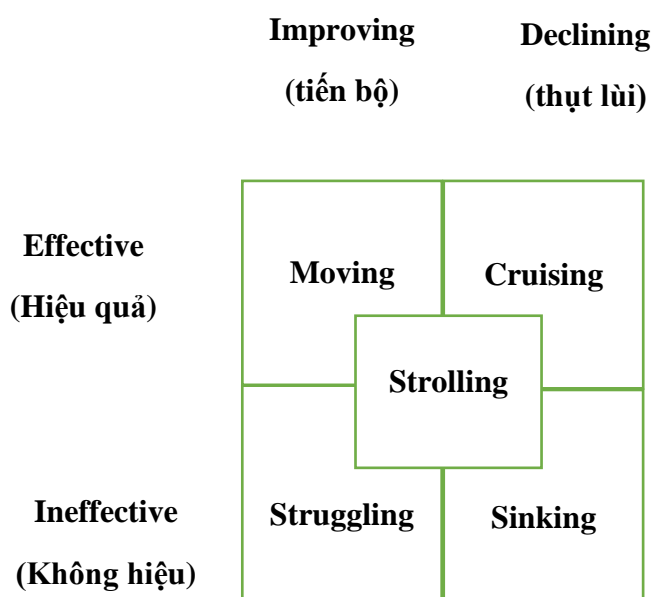
Một cách ví von rất hay của Freiberg (1998), VHHD được mô tả tương tự như không khí chúng ta hít thở; không ai nhận ra nó cho đến khi nó trở nên ô nhiễm. Theo một cách nào đó, văn hoá của nhà trường có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến việc dạy - học, hoặc nó có thể kìm hãm nghiêm trọng hoạt động của trường học (Rossman, 2008). Hanson và Childs (1998) mô tả một trường học có không khí học đường tích cực là “một nơi mà người học và người dạy thích ở đó”; là nơi có môi trường hỗ trợ và khuyến khích cá nhân phát triển. Chính vì vậy, VHHD và sự thay đổi được cho là có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, là hai mặt của cùng một xu hướng trong đó VHHD tác động đến sự thay đổi và quá trình thay đổi tác động ngược trở lại VHHD.

2.1. Văn hoá học đường và trường học hiệu quả

Deal và Kennedy (1983) lập luận việc thuyết phục nhà trường rằng một nền văn hóa mạnh mẽ là điều cần thiết để nâng cao thành tích của HS. Trong một ngôi trường có hàng trăm HS, ban giám hiệu khó có thời gian để phát triển mối quan hệ chặt chẽ và quan tâm đến từng HS (Leonne, 2009). Vì vậy, nếu nhà trường tạo cơ hội cho HS phát triển niềm tin vào các mục tiêu chung của trường, điều đó sẽ khuyến khích bầu không khí mạnh mẽ trong tổ chức. Các nhà giáo dục và quản lý liên tục làm việc cùng nhau để tìm ra những cách cải thiện thành tích của HS.

Scheerens (2013) chỉ ra ngày càng có nhiều quan tâm đến việc xây dựng VHHD trong trường học như một giải pháp khả thi cho hiệu quả của trường học. Văn hóa hợp tác trong trường học gắn liền với động lực và thành tích cao hơn của HS, sự cộng tác của GV và thái độ đối với công việc của họ (Demirtaş, 2010). Sự cộng tác trong một trường học tạo ra bầu không khí thoải mái giữa các GV và ban giám hiệu; và điều này sẽ dẫn đến hiệu quả tích cực đối với thành tích của HS. Trên thực tế, trong nền văn hóa tổ chức mạnh mẽ, tất cả nhân viên đều “nội tâm hóa” các GTVH bằng quá trình như dạy, học, tạo điều kiện và chia sẻ. Bằng cách này, giúp gia tăng hiệu suất của nhân viên bên cạnh động lực và lòng trung thành của họ (Yolcu, 2016).

Hình 1. Văn hoá học đường và Nhà trường hiệu quả (Stoll & Fink, 1996)



Trong mô hình của Stoll và Fink (1996) tập trung vào hiệu quả hiện tại của trường học, các tác giả cho rằng tốc độ thay đổi nhanh chóng sẽ làm cho Nhà trường hoặc “đứng vững” hoặc “suy thoái”, hoặc trở nên tốt hơn hoặc trở nên tồi tệ hơn. Có hai cặp khái niệm quan trọng cho phép kiểm tra văn hóa trường học “tính hiệu quả - không hiệu quả và sự tiến bộ - thụt lùi”. Cấp độ cao nhất thể hiện văn hóa học đường đang có sự tiến bộ và hiệu quả (di động: moving). Cấp độ thấp được định nghĩa là tụt dốc (chìm: sinking), đó là sự thất bại của VHHĐ. Ở cấp độ trung gian (strolling: không tiến – không lùi) thể hiện văn hóa học đường đang ở mức hiệu quả hoặc là không hiệu quả (Dogan, 2017). Một nền văn hóa mạnh mẽ tạo ra sự thay đổi bền vững trong trường học, nó có thể tác động tích cực đến hiệu quả. Hiệu quả của trường học liên quan đến cấu trúc và văn hóa của tổ chức cũng như cách những điều này được thể hiện trong các chính sách và thực tiễn của tổ chức; đặc biệt là cách chúng liên quan và thúc đẩy các mục tiêu chung của trường học và hiệu quả của GV ở cấp lớp học (Hargreaves, 2001).

Một nền VHHĐ tích cực gắn liền với động lực và thành tích cao hơn của HS, tăng cường sự hợp tác của GV và cải thiện thái độ của GV đối với công việc của họ (Stolp & Smith, 1995). VHHĐ được coi là chất keo chuẩn mực gắn kết một trường học cụ thể với nhau (Sergiovanni, 2000). Đồng thời, VHHĐ với tư cách là đại diện cho các mối quan hệ tập thể, các nghi lễ và nghi thức trong một trường học, là một chỉ số không thể thiếu để đánh giá hiệu quả của một trường học (Treputtharat & Tayiam, 2014; Hartnell, Ou & Knicki, 2011). VHHĐ tích cực là nơi GV dồn hết tâm huyết vào công việc giảng dạy để cải tiến và nâng cao chất lượng công việc; đề cao tinh thần tập thể và sự phát triển của cá nhân.

2.2. Văn hoá học đường tác động đến giáo viên và học sinh trong bối cảnh chuyển đổi số

Văn hóa học đường không phải là một thực thể tĩnh, nó liên tục vận động và hình thành thông qua tương tác, qua những phản ánh về cuộc sống và thế giới nói chung (Finnan, 2000). Từ những năm 1970, nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra nhận định rằng khi đối mặt với những tình huống thay đổi, sẽ nhận ra tác động của VHHĐ. Quan điểm này xuất phát từ quan niệm cho rằng cả thực tiễn nhà trường và quá trình giáo dục đều là một phần của các quá trình văn hóa rộng lớn hơn (Gonçalves & Faria Fo, 2005) và do đó, mỗi khi có những thay đổi trong cấu trúc vĩ mô văn hóa, sẽ phản ánh VHHĐ. Vì vậy, khi xã hội phát triển, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục số, giá trị, vai trò của các đối tượng liên quan nhà trường cũng cần có “sự cải cách” để thích ứng và phát triển.

Hughes và Burke (2014) cho rằng trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của người lãnh đạo mà đặc biệt là Hiệu trưởng là rất quan trọng. Nhà lãnh đạo cần tạo ra văn hóa hợp tác trong môi trường kỹ thuật số để đảm bảo tích hợp thành tựu của công nghệ cho việc học tập và giảng dạy. Mô hình hóa và thúc đẩy sử dụng công nghệ hiệu quả để học tập, đồng thời truyền đạt thông tin liên quan cho GV. Bởi vì, trong thế giới kỹ thuật số ngày nay, tất cả các cơ sở giáo dục đều có kết nối mạng, lưu trữ thông tin trên hệ thống máy chủ với các mức độ tự chủ khác nhau. Nhà lãnh đạo cần khuyến khích sự hợp tác, giao tiếp giữa các thành viên trong môi trường số và trao quyền cho các cá nhân để thông tin kịp thời và phù hợp cho cộng đồng

trường học. Điều này có nghĩa là cần tạo ra văn hoá chia sẻ, tin tưởng trong nhà trường cũng như thúc đẩy việc tạo ra văn hóa học tập trong thời đại kỹ thuật số; bao gồm việc thúc đẩy đổi mới trong giảng dạy và đánh giá, cũng như kết hợp công nghệ để tăng cường học tập thông qua mô hình hóa việc sử dụng công nghệ hiệu quả cho nhân viên, GV và HS.

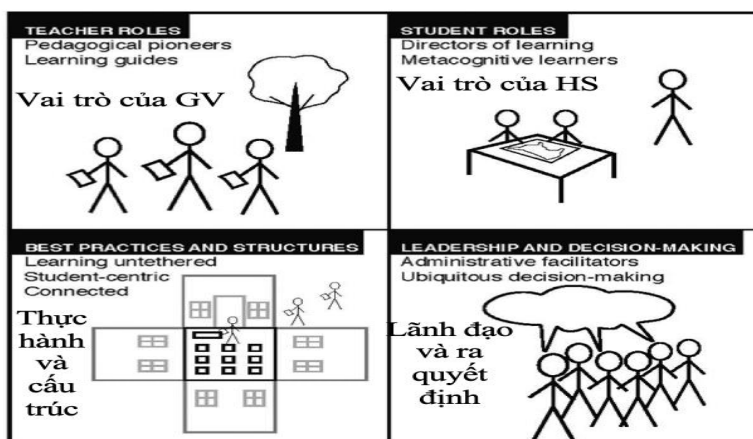
Nghiên cứu của Kitchenham (2009) xem xét mối quan hệ của công nghệ, VHHĐ và sự chuyển đổi của GV ở ba trường của Hoa Kỳ là Springtime, Springdale và Springwood. Kết quả cho thấy rằng công nghệ làm thay đổi rất nhiều đến cả GV và VHHĐ; không chỉ dẫn đến sự truyền bá công nghệ trong các lớp học riêng lẻ mà còn dẫn đến sự thay đổi lâu dài trong văn hóa trường học vì vậy có thể ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ và chuyển đổi GV.

Finnan (2000) đã xác định năm giả định cơ bản ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của việc thực hiện cải cách:

1. Giả định về vai trò và trách nhiệm của người lớn;
2. Những giả định mà người lớn đưa ra đối với HS;
3. Giả định về các phương pháp và cấu trúc tốt nhất để giáo dục HS;
4. Giả định về lãnh đạo và ra quyết định;
5. Giả định về giá trị của sự thay đổi

Từ mô hình của Finnan (2000), Crompton và Burke (2015) đã xây dựng khung phân tích thông qua năm câu hỏi tương ứng được đặt ra.

1. Vai trò và trách nhiệm của GV là gì? (*what are the roles and responsibilities of the teacher?*)
2. Vai trò và trách nhiệm của HS là gì? (*what are the roles and responsibilities of the student?*)
3. Các phương pháp thực hành và cấu trúc tốt nhất để giáo dục cho HS là gì? (*what are best practices and structures for educating students?*)
4. Ai lãnh đạo và ra quyết định? (*who provides leadership and who makes the decisions?*)
5. Giá trị của sự thay đổi? (*what is the value of change?*)



Hình 2. Văn hoá học đường trong thời đại số

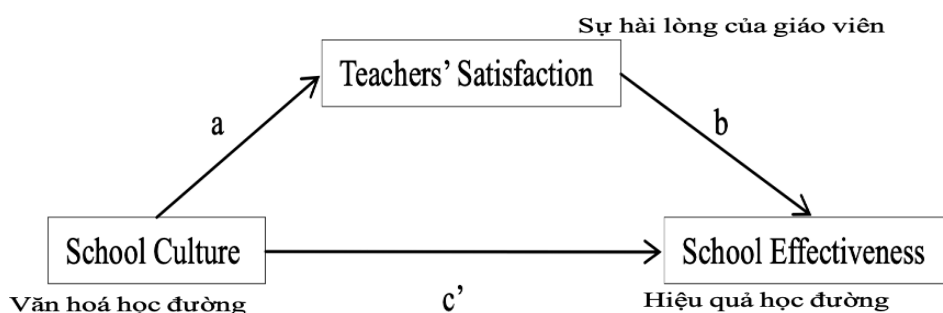
Trong nghiên cứu này, tác giả áp dụng khung nghiên cứu của Crompton và Burke (2015) khi xem xét ảnh hưởng của văn hoá học đường trong bối cảnh chuyển đổi số, trên hai khía cạnh người dạy và người học

2.2.1. Ảnh hưởng của văn hoá học đường với người dạy

Việc đưa các công nghệ vào trường học tạo ra một sự thay đổi đáng kể khi GV và HS được tiếp cận với phương pháp học tập mọi lúc mọi nơi. Papert đã công nhận “Bạn không thể dạy mọi người mọi thứ họ cần biết. Điều tốt nhất bạn có thể làm là đặt họ ở nơi họ có thể tìm thấy cái họ cần biết khi họ muốn biết” (E-learning Centre, 2005). Công nghệ kỹ thuật số đòi hỏi người dạy trở nên linh hoạt hơn, sẵn sàng chấp nhận sự mơ hồ và sẵn sàng thử nghiệm cách những công nghệ này có thể được sử dụng để giảng dạy chủ đề của họ (Mishra, Koehler & Kereluik, 2009). Nhiệm vụ của nhà giáo không chỉ là truyền đạt kiến thức mà là giáo dục hoặc vun đắp những GTVH xã hội, tinh thần và tình cảm trong quá trình giáo dục. Ngoài ra, GV còn giữ vai trò là tác nhân của sự biến đổi; thông qua vai trò này, GV giúp người học “chuyên mình” sang một mức độ tốt hơn.

Công nghệ ra đời, nhiều GV phải đối mặt với khả năng thay đổi phương pháp giảng dạy bằng các ứng dụng các nền tảng, sử dụng các loại app, MXH khác nhau được tạo để chia sẻ và cộng tác trực tuyến. Chính vì vậy, các thách thức mà giảng viên phải đối mặt là vô cùng lớn nếu họ chưa có tâm lý sẵn sàng, đặc biệt chưa được hướng dẫn điều chỉnh các hành vi trước những thách thức trên sao cho phù hợp với văn hóa của nhà trường, văn hoá học đường.

Liên quan đến trách nhiệm của GV Muslich và Masnur (2009) giải thích: "GV phải biết và hiểu các giá trị, chuẩn mực, đạo đức, xã hội và cố gắng cư xử và hành động theo các giá trị và chuẩn mực này. GV cũng phải chịu trách nhiệm về tất cả hành động của các em trong học tập ở trường và trong đời sống xã hội. Sheppard, Hurley, và Dibbon (2010), thông qua nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng GV có xu hướng cải thiện tinh thần và động lực thông qua văn hóa trường học. Barbosa và Vieira (2020) đã chứng minh trong nghiên cứu của họ rằng văn hóa trường học, hiệu quả trường học và sự hài lòng của GV có mối tương quan thuận với nhau. Sự hài lòng trong công việc của GV có tương quan với hiệu quả của trường học (Judge, Thoresen, Bono & Patton, 2001).



Hình 3. Mối quan hệ giữa sự hài lòng của GV với VHHD và hiệu quả học đường (Duan, Du & Yu, 2018)

Các tác giả như Aziri (2011); Grayson và Alvarez (2008) phát hiện rằng sự hài lòng trong công việc của GV là quan trọng trong mối quan hệ giữa VHHD và hiệu quả của nhà trường. Những GV hài lòng với công việc của họ sẽ hiệu quả hơn (Treputharat & Tayiam, 2014). Sau đó, vai trò của GV chuyển từ một nhân vật có thẩm quyền sang một trong những người hỗ trợ và hỗ trợ sự phát triển của HS trong việc trở thành một người học có trách nhiệm và thành công (Dede, 2010).

Các trường học được tiến hành trong một nền văn hóa thể hiện những phẩm chất tích cực sẽ tạo điều kiện cho GV sẵn sàng thay đổi. Ngược lại, các trường có văn hóa không lành mạnh là nơi mà những cảm xúc, hành vi tiêu cực chi phối các cuộc trò chuyện, tương tác và lập kế hoạch; những câu chuyện duy nhất được kể lại là thất bại (Deal & Peterson, 2010). Không ai muốn sống và làm việc trong những trường học kiểu này vì chúng có những khuôn mẫu văn hóa không phục vụ cho sự phát triển của GV, nhân viên và HS.

2.2.2. Ảnh hưởng của văn hoá học đường với người học

Một nghiên cứu có hệ thống về tác động của VHHĐ đối với HS (Maehr & Fyans, 1989) đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năm cấu trúc quan trọng đặc trưng cho văn hóa của một trường học hướng tới thành tích, sự công nhận, quyền lực, sức mạnh của môi trường nhà trường và sự liên kết. Các loại hình VHHĐ khác nhau có tác động khác biệt có thể đo lường được đối với động lực và thành tích của HS. Sự tiến bộ trong thành tích của HS sẽ xảy ra ở trường học có VHHĐ tích cực (Deal & Peterson, 1999). Các nghiên cứu của Williams (2011), Mitchell (2008) và Pritchard, Morrow, và Marshall (2005); Nagy (2011) và Marzano (2003) đã đo lường thành tích của HS có liên hệ với văn hoá học đường tích cực hoặc hiệu quả (dẫn theo Smith, 2014). Điều này có nghĩa là, có mối tương quan tích cực giữa thành tích của HS và văn hóa trường học trong các nghiên cứu của họ. MacNeil và các cộng sự (2009) cũng khám phá mối liên hệ giữa VHHĐ tích cực, ảnh hưởng đến động lực, thành tích học tập của HS (Badri, Amani-Saribaglou, Ahrari, Jahadi & Mahmoudi, 2014). VHHĐ tích cực liên quan đến các giá trị xã hội, chẳng hạn như lễ phép, chào hỏi, chào hỏi, tình bạn, sự giúp đỡ lẫn nhau. Hơn nữa, VHHĐ cũng thấm nhuần các giá trị chính trong quá trình học tập, đó là giá trị của tính kỷ luật cao, giá trị của trách nhiệm, sự cộng tác và nhu cầu tiếp tục nỗ lực (Muhsin, Indartono, & Astuti, 2020).

Ngoài ra, nghiên cứu về mối tương quan giữa nhận thức, thái độ và hành vi văn hoá học đường của người học, cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa hiểu biết của họ về khái niệm hành vi VHHĐ với sự quan tâm, cũng như cách họ thể hiện hành vi VHHĐ (Nguyễn Thị Bích Phượng & Trần Lương, 2020). Văn hoá học đường tích cực có liên quan đến việc giảm tỷ lệ nghỉ học kinh niên (National Collaborative on Education & Health, 2015), ảnh hưởng động lực học tập, phát triển bản sắc của HS, tỷ lệ bỏ học, sự hài lòng, bạo lực học đường, thành tích học tập (Kwong & Davis, 2015).

3. Xây dựng văn hoá học đường lành mạnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Bulach (1999) tuyên bố rằng một nhà lãnh đạo phải xác định văn hóa hiện có của trường trước khi cố gắng thay đổi nó. Pritchard, Morrow, Marshall (2005) kết nối VHHĐ và thành tích của HS bằng cách giúp HS có tiếng nói trong việc đánh giá văn hóa của trường mình. Mặc dù tiếp cận ở các góc độ khác nhau, nhưng các nghiên cứu đều khẳng định văn hóa nhà trường là yếu tố nền tảng, tạo lập sự phát triển bền vững của tổ chức nhà trường. VHHĐ là văn hóa diễn ra trong trường học, thể hiện các chuẩn mực đạo đức của xã hội, trong đó, quan hệ giữa thầy với thầy, giữa thầy với trò, giữa trò với trò là quan hệ chủ đạo. Xây dựng VHHĐ có ý nghĩa quyết định tới chất lượng GDĐT và có ảnh hưởng rất lớn tới cộng đồng xã hội.

Phillips (2003) phát biểu rằng “học tập tích cực chỉ có thể diễn ra ở môi trường văn hoá tích cực. Văn hoá học đường lành mạnh sẽ ảnh hưởng nhiều đến thành công của HS và GV hơn bất kỳ công cuộc cải cách hoặc nỗ lực cải thiện trường học nào đang diễn ra”. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng để đảm bảo sự thành công và khả năng “phục hồi” của HS, GV thì điều cần thiết là phải phát triển một môi trường học đường tích cực. Chính vì vậy, việc xây dựng văn hoá học đường lành mạnh được xem là yếu tố quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Madden (2017) đưa ra bốn trụ cột để xây dựng văn hoá học đường tích cực:

1. Tính nhất quán và tính sáng tạo trong dạy học.
2. Cá nhân hoá chương trình dạy học: chương trình giảng dạy được điều chỉnh cho phù hợp với HS.
3. Sự tham gia của người học: trường học có văn hoá học đường tích cực là nơi HS được khuyến khích tham gia các hoạt động bao gồm tự đánh giá kết quả học tập, đánh giá hiệu quả giảng dạy của giảng viên, bày tỏ ý kiến và là “đối tác tích cực” thay vì người tiêu thụ.
4. Mối quan hệ với bên ngoài nhà trường: phụ huynh, các cơ quan, tổ chức,... là những đối tác quan trọng của Nhà trường. Sự tham gia và mối quan hệ với các khách hàng này sẽ giúp Nhà trường thay đổi và lập kế hoạch đánh giá lại kế hoạch xây dựng, kế hoạch chiến lược nhằm phát triển văn hoá học đường tốt hơn, phù hợp hơn.

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu của Baroody, Rimm-Kaufman, Larsen, & Curby, (2014), Caldarella, Shatzer, Grey, Young, & Young, 2011; Flannery, Frank, Kato, Doren, và Fenning (2013); Bosworth & Judkins (2014); Hopkins (2015) về văn hoá học đường, Confeld (2016) cho rằng để xây dựng văn hoá học đường tích cực cần áp dụng ba chiến lược sau:

1. Tiếp cận mô hình hỗ trợ hành vi tích cực rộng rãi trong toàn trường (School-wide Positive Behavior Support: SWPBS). SWPBS có mục tiêu bao quát là phát triển và cải thiện VHHĐ tích cực, cũng như thiết lập các hỗ trợ về hành vi để giúp giảm thiểu nguy cơ và công nhận các hành vi được xã hội ủng hộ. SWPBS tập trung nhiều hơn vào việc mô hình hóa và khen thưởng hành vi tích cực hơn là cách tiếp cận trừng phạt hoặc loại trừ, gồm ba cấp: cấp đầu tiên là can thiệp phổ cập, toàn trường học; cấp thứ hai là can thiệp có mục tiêu và cấp thứ ba là can thiệp chuyên sâu. Các biện pháp can thiệp toàn trường được thiết kế cho tất cả HS, GV và nhân viên, áp dụng cho tất cả các môi trường học. Khi những biện pháp can thiệp này không hiệu quả đối với HS, HS đó sẽ nhận được các dịch vụ chuyên sâu là cấp thứ hai. Cuối cùng, cấp độ thứ ba là cấp độ can thiệp chuyên sâu nhất và dành cho những HS không đáp ứng với hai cấp độ can thiệp trên. Ngoài ra, các tác giả thống nhất rằng để cải thiện VHHĐ và thiết lập hỗ trợ hành vi, nhóm lãnh đạo có thể thảo luận về các chiến lược ở cấp độ toàn trường và nỗ lực vận động cho các lớp học tích cực và ổn định, cũng như một môi trường học lành mạnh. Nếu thành công trong việc thực hiện các chiến lược hiệu quả trong toàn trường, thì đa số HS sẽ không cần can thiệp thêm. Ngoài ra, để thành công trong việc triển khai SWPBS, đội ngũ lãnh đạo phải xác định rõ ràng những kỳ vọng trong nhà trường và dạy những mong đợi đó

2. Tiếp cận văn hóa phục hồi (Restorative Justice: RJ): Nhiều trường học đã bắt đầu áp dụng cách tiếp cận này như là công cụ chủ động để ngăn ngừa tổn hại và xung đột, xây dựng mối quan hệ và sửa chữa tổn hại bằng cách cho phép mọi người giao tiếp hiệu quả và tích cực. Hopkins (2015) đã tạo ra một khung thực hành phục hồi rõ ràng và dễ dạy, với tên gọi là mô hình 5: 5: 5, đại diện cho năm niềm tin cốt lõi. Mô hình này giúp các HS, GV và các cá nhân trong nhà trường thực hành vào văn hóa nơi làm việc của mình.

3. Tiếp cận lớp học đáp ứng (The Responsive Classroom: RC): Khi các trường học áp dụng SWPBS như một biện pháp can thiệp bao quát trong trường học và kết hợp các phương pháp phục hồi vào các hoạt động hàng ngày, trường học có khả năng và nguồn lực để tạo ra một VHHĐ tích cực và thành công. Khi GV và HS hiểu đầy đủ về niềm tin và các giai đoạn trong nền văn hóa phục hồi, GV sẽ cảm thấy có khả năng và được trao quyền để tạo ra sự thay đổi cho HS và thậm chí có thể là chính bản thân họ. Tiếp cận lớp học đáp ứng (RC) được hoàn toàn thực hiện bởi GV, tập trung một cách đơn giản vào việc hình thành các mối quan hệ tích cực giữa HS và GV. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng những HS có mối quan hệ HS - GV chặt chẽ hơn sẽ có mức độ tham gia và thành tích học tập cao hơn và điều chỉnh trường học tốt hơn. Cách tiếp cận RC tương tự như văn hoá phục hồi vì nó có các nguyên tắc và thực hành cụ thể được đưa vào lớp học hàng ngày.

Dựa trên các cơ sở đó, tác giả đưa ra các đề xuất cho xây dựng văn hoá học đường tích cực trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam:

Xây dựng môi trường dạy - học tích cực: để phòng ngừa hành vi lệch chuẩn học đường, cần xây dựng nội quy, quy định rõ ràng, thực tế và phù hợp với hoàn cảnh nhà trường. Xây dựng hệ giá trị, niềm tin vào GV, trường học, hướng người học là trung tâm trong việc tạo ra giá trị nhà trường. Xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường thân thiện, xanh - sạch - đẹp, cũng góp phần tích cực vào việc xây dựng VHHĐ. Để thực hiện được mục tiêu này, đòi hỏi sự chuẩn mực của CBQL, GV và nhân viên trường học là yếu tố quan trọng.

Nâng cao chất lượng dạy học bằng dạy thực - học thực: Thầy có trách nhiệm, tâm huyết và truyền được cảm hứng học tập, nghiên cứu; trò có trách nhiệm và say mê với việc học, từ đó tạo ra môi trường dạy và học tích cực. Cung cấp nhiều trải nghiệm học tập và sự đa dạng trong chương trình giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ, đảm bảo mỗi cá nhân có điều kiện phát huy tối đa năng lực của bản thân.

Nghiên cứu, học tập các mô hình văn hoá học đường tiên tiến, hiện đại trên cơ sở điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Nhà trường Việt Nam, đồng thời bảo tồn các giá trị truyền thống.

Xây dựng các hệ giá trị: Các hệ thống giá trị này phải phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục trên cơ sở đổi mới;

Xây dựng các chính sách hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi cho người học: Đảm bảo nhà trường đã thiết lập các chính sách thích hợp để hỗ trợ một môi trường an toàn và quan tâm đến người học, người dạy và nhân viên. Một số các chiến lược như học tập và hạnh phúc, chính sách chống bạo lực học đường, xây dựng môi trường học tập xanh,... và tạo cơ hội cho tất cả HS được tôn vinh ở một lĩnh vực cụ thể nào đó.

Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường: trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi chủ thể trong các quan hệ ứng xử. Đồng thời, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, GV, nhân viên trong giáo dục văn hóa học đường cho HS. Xây dựng bầu không khí nhà trường và hành vi ứng xử tích cực, đó là thiết lập môi trường ủng hộ, khuyến khích để người dạy và người học thấy được giá trị và hoàn thành tốt nhiệm vụ, ứng dụng các phương pháp dạy học khuyến khích học sáng tạo và gắn liền thực tiễn.

Cần tập trung rà soát và xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể về văn hoá học đường tích cực, đặc biệt văn hoá ứng xử trong môi trường số, không gian lận trên không gian mạng.

Phối hợp giữa Nhà trường, các tổ chức Đoàn, Hội thanh niên, sinh viên lồng ghép vào trong tất cả các hoạt động của trường về nội dung xây dựng văn hoá học đường.

Phát huy vai trò của chủ thể giáo dục văn hoá học đường: Vai trò của lãnh đạo là yếu tố quyết định cho văn hoá học đường đi nhanh, đi đúng hướng và thành công.

Đẩy mạnh truyền thông nội bộ trong Nhà trường: Cụ thể hóa nội dung xây dựng văn hoá học đường vào trong các nội qui, qui định của trường. Đồng thời công bố qua nhiều kênh thông tin cho các cá nhân trong toàn trường được biết và thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt, cung cấp thông tin và nâng cao cách Nhà trường hỗ trợ HS và nhân viên.

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục văn hoá học đường phù hợp với mục đích giáo dục: Đảm bảo các nội dung giáo dục là thiết thực, có tính ứng dụng và phù hợp với thực tiễn.

Tập huấn, hướng dẫn GV xây dựng sự hiểu biết tốt hơn về văn hóa trường học; từ đó nghiên cứu sâu các phương pháp và triết lý hỗ trợ sự thành công của HS.

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường gắn liền với phát triển văn hoá học đường: phong trào cải tiến trường học, nâng cao chất lượng văn hoá nhà trường kết nối mạnh mẽ với các hệ thống giáo dục, các mục tiêu xã hội và dựa trên chính sách của giáo dục để đạt được hiệu quả tốt nhất.

4. Kết luận

Văn hóa học đường là tổng thể các giá trị của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. VHHĐ tích cực không chỉ có tác động đến HS mà còn ảnh hưởng đến hoạt động và chất lượng của GV. Bằng cách thực hiện VHHĐ tích cực và với sự hỗ trợ của các cơ sở vật chất, nền tảng công nghệ hiện đại, thích hợp và các giá trị tích cực được tin tưởng vào nhà trường, sẽ có thể nâng cao tính chuyên nghiệp của GV, tính chủ động của HS. VHHĐ đối thoại với những thay đổi xã hội to lớn (vĩ mô) và thể hiện ra những thay đổi trong thực hành và quy trình sư phạm. Trong những thay đổi đó, GV và HS cần phải “điều hướng” cho phù hợp với các giá trị, quan điểm, niềm tin của tổ chức; qua đó thúc đẩy liên tục theo đuổi để thỏa mãn những nhu cầu mới và đòi hỏi của các thể hệ mới và của xã hội (Barbosa & Vieira, 2020).

MỐI QUAN HỆ GIỮA BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VỚI ĐẦU TƯ VÀO VỐN CON NGƯỜI TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NHẪM ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

*PGS. TSKH. Phạm Đức Chính**
*ThS. Ma Thị Ngân***

Bài viết này xem xét vấn đề văn hóa chất lượng thông qua đầu tư vào vốn con người trong mối quan hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế quốc gia. Nguồn vốn con người không chỉ thuần túy là số lượng người của một quốc gia như trong các mô hình cổ điển, mà là kiến thức, kỹ năng, phát minh, sáng chế, đổi mới, sáng tạo và những khả năng nghiên cứu, phát triển, tức là vốn con người liên quan chặt chẽ với giáo dục, đặc biệt là đại học. Vốn con người sẽ quyết định tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo tồn văn hóa dân tộc và ngược lại tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng thêm nguồn lực đầu tư cho giáo dục, nghiên cứu, phát triển vốn con người, gìn giữ bản sắc văn hóa. Các nguồn lực vật chất, càng khai thác sẽ càng cạn kiệt, không thể tái sinh. Trong khi đó, nguồn vốn con người là vô hạn, không bị cạn kiệt. Các quốc gia đi theo con đường phát triển kinh tế theo hướng bền vững đều phải chú trọng vào việc khai thác, phát triển nguồn vốn con người. Trên cơ sở đó, mối quan hệ chặt chẽ, tác động trực tiếp giữa giáo dục đại học với vốn con người, và bản sắc văn hóa dân tộc cần phải được nghiên cứu nghiêm túc và thấu đáo nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững quốc gia.

1. Giới thiệu

Trong mô hình tăng trưởng dài hạn, các nhà nghiên cứu kinh tế thường bắt đầu với khái niệm *Hàm sản xuất*. Khái niệm này xem tổng sản phẩm quốc dân là một hàm của nhiều nhân tố sản xuất như: vốn con người, vốn văn hóa, vốn vật chất, tài nguyên thiên nhiên và môi trường xã hội. Sự tích lũy của vốn vật chất để đưa đến tăng trưởng kinh tế đã được nhấn mạnh trong các mô hình nghiên cứu trước đó. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên đã được Hotelling (1931) phân tích trong những nghiên cứu về ngành kinh tế của các tài nguyên không thể tái sinh.

Lucas (1988) và Romer (1990) là những tác giả tiêu biểu của mô hình tăng trưởng nội sinh (Endogenous Growth Models). Những mô hình này giải thích sự tích lũy của vốn con người và nhấn mạnh đến kiến thức cũng như lợi ích ngoại tác của giáo dục đại học như một động cơ chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Là người đi tiên phong trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn con người với tăng trưởng kinh tế, Paul Romer đã được công nhận và trao giải Nobel Kinh tế học năm 2018.

Một khác biệt cơ bản giữa mô hình tăng trưởng nội sinh và mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn vốn vật chất là quan hệ nhân quả giữa vốn con người và kinh tế. Vì Giáo dục vắng mặt trong mô hình Tân cổ điển Solow-Swan, khi đó vốn con người đồng nghĩa với dân số quốc gia. Trong mô hình này, tăng trưởng vốn con người sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế, nhưng tăng trưởng kinh tế không ảnh hưởng gì đến vốn con người. Trái lại, trong mô hình tăng trưởng nội sinh, vốn con

* Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Việt Bắc.

người tùy thuộc vào dân số và giáo dục, nghiên cứu. Do đó, giáo dục, văn hóa và kinh tế tương tác ba chiều: giáo dục, nghiên cứu tốt làm tăng kiến thức, phát minh và vốn con người, văn hóa dân tộc dẫn đến tăng trưởng kinh tế; và tăng trưởng kinh tế làm tăng nguồn lực dành cho giáo dục, nghiên cứu và phát triển văn hóa. Như vậy, tình hình văn hóa, giáo dục của một quốc gia nhất thiết sẽ phản ánh sự phát triển kinh tế của nước đó.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sẽ giới thiệu vốn con người thông qua giáo dục đại học với tăng trưởng kinh tế và văn hóa dân tộc. Những phân tích thực tế từ kinh nghiệm của các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan sẽ giúp chúng ta lý giải rõ ràng hơn các mô hình tăng trưởng hiện đại, đã đi theo con đường phát triển kinh tế theo mô hình nội sinh, khai thác hiệu quả nguồn vốn con người, cùng với đó là gìn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc và là mô hình tiêu biểu, hữu ích để Việt Nam có thể học hỏi và kế thừa.

2. Vốn con người và tăng trưởng kinh tế

Mối quan hệ giữa vốn con người và tăng trưởng kinh tế từ lâu đã là mối quan tâm của các nhà nghiên cứu, nhất là trong thời đại kinh tế tri thức. Ngày nay, quan điểm phổ biến vẫn được cho rằng, vốn con người sẽ quyết định mức độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, mối quan hệ này phức tạp hơn nhiều so với những gì chúng ta thường nhận định. Nhiều nhà nghiên cứu đương thời đã đưa ra những nhận định khác: Giáo dục và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ phụ thuộc, và không phải giáo dục đại học, mà chính nguồn vốn con người, mới là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế. Do vậy, vấn đề không phải là chúng ta đi học bao nhiêu năm, mà là trong những năm tháng ấy, người học tích lũy được những gì, và liệu nền giáo dục có trang bị cho người học những kỹ năng để có thể tự học suốt đời hay không. Do vậy, mối quan hệ giữa nguồn vốn con người và tăng trưởng kinh tế mới là bản chất của cạnh tranh, cho nên trên thế giới hiện nay đang diễn ra cuộc đua quyết liệt giữa các quốc gia, các doanh nghiệp trong việc giành lấy những người tài.

Việc đo lường chỉ số vốn con người có ý nghĩa quan trọng trong cả Lý thuyết lẫn thực tiễn, giúp cho các nhà nghiên cứu kinh tế và hoạch định chính sách giải thích nguồn gốc tăng trưởng và đề ra gợi ý chính sách cho việc phát triển kinh tế thông qua đầu tư phát triển vốn con người. Tuy nhiên, đây là một vấn đề rối rắm, phức tạp và gặp rất nhiều khó khăn. Các nhà thống kê đưa ra một số phương pháp đang được áp dụng như sau:

Phương pháp thứ nhất, dựa vào chi phí đầu tư. Phương pháp này tính toán tổng các khoản đầu tư trong quá trình tích lũy vốn con người (chi phí đầu tư của bản thân và gia đình người đó, của người sử dụng lao động và các khoản đầu tư của Chính phủ), kể cả khấu hao giá trị của khoản đầu tư vào giáo dục đại học bao gồm cả chi phí cơ hội, đào tạo cơ bản (giáo dục phổ thông), y tế, cũng như các khoản đầu tư vào chăm sóc nuôi dưỡng ban đầu và trong quá trình lớn lên.

Tuy nhiên, khi vận dụng phương pháp này cần chú ý rằng, không giống như vốn vật chất, các kỹ năng của con người có thể tiếp tục được hoàn thiện để sử dụng khi tăng đầu tư, nhưng một số khác lại mai một đi. Điều này cũng tương tự như năng lực tư duy, kỹ năng lao động và thể chất của cá nhân sẽ suy giảm theo độ tuổi. Thêm vào đó, nếu tính theo phương pháp này thì đã vô tình đồng nhất tiềm

năng của mỗi con người là vô hạn và luôn nhận được hiệu quả tích cực từ các đầu tư. Vì vậy, cần phải tính toán sự khác biệt, hao mòn, suy giảm và tăng trưởng yếu tố vốn con người trong mỗi cá nhân khi đo lường. Vấn đề này thực sự rất phức tạp, chứ chưa muốn nói đến là không thể đo lường được. Thêm vào đó, chúng ta đều thống nhất rằng, chất lượng giáo dục đại học không thể dễ dàng đo lường bằng công cụ thị trường như giá cả, thí dụ không thể đơn giản cho rằng giá cao hoặc chi phí cao thì chất lượng sẽ cao, bởi lẽ dịch vụ giáo dục vô hình, và giá trị của nó, trải dài trong cả quãng đời người được đi học, cho chính người đó và toàn xã hội, do đó cần có vai trò của xã hội trong việc đặt ra tiêu chuẩn để kiểm tra chất lượng. Do vậy, chỉ dựa vào chi phí đầu tư cho GDĐT thì chưa thể phản ánh đầy đủ chất lượng nguồn vốn con người.

Phương pháp thứ hai, dựa vào trình độ học vấn hay đào tạo của dân số trong độ tuổi lao động. Cách đơn giản nhất để miêu tả trình độ học vấn là tỷ lệ dân số đã hoàn thành các bậc học chính quy. Chỉ số này cho biết có bao nhiêu người hoàn thành mỗi cấp học, bậc học. Tuy vậy, phương pháp này quá đơn giản không cho chúng ta biết được tổng chi phí của đầu tư là bao nhiêu, hay ngược lại lợi ích thu được như thế nào. Hơn nữa, trong một nền giáo dục kém phát triển thì đôi khi những con số này rất đẹp (số người biết chữ, tốt nghiệp tiểu học, phổ thông, số người có trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ, và v.v..), nhưng lại không cho thấy ý nghĩa thực sự của đầu tư. Bởi lẽ, một nền giáo dục có thể tạo ra những con số rất đẹp về tỷ lệ bằng cấp mà những người dân của quốc gia có thể đạt được, nhưng lại không tương thích với các kiến thức, kỹ năng cần có của hệ thống giáo dục. Khi chuẩn đầu ra của hệ thống giáo dục bị hạ xuống, hoặc cơ chế giám sát không làm tốt nhiệm vụ sàng lọc ra những người có kiến thức và kỹ năng tương ứng đều làm cho những con số về tỷ lệ người tốt nghiệp các bậc học, cấp học cao hơn thực tế. Do vậy, vấn đề cơ bản ở đây là, mối tương quan như thế nào giữa chất lượng của Giáo dục, Đào tạo và nguồn vốn con người²².

Phương pháp thứ ba, dựa vào lợi ích nhận được thông qua tiền công, tiền lương. Sự tính toán được dựa trên tổng thu nhập cá nhân kết hợp với trình độ của các nhân đó. Tức là, dựa vào chênh lệch tiền lương gắn với các bậc học đào tạo của người lao động, là tỷ lệ tiền lương của người lao động có trình độ học vấn cao nhất và thấp nhất. Để tính trung bình, chúng ta tính chênh lệch giữa các nhóm của tổng lực lượng lao động theo trình độ, bậc học.

Ngoài các phương pháp định lượng được sử dụng trên đây cùng với những giới hạn của nó thì, các nhà thống kê còn dùng các chỉ tiêu đo lường khác, như:

²² Nhiều quan điểm cho rằng, ở Việt Nam khi chuyển đổi sang thị trường sẽ có một môi trường đầu tư hấp dẫn các doanh nhân nước ngoài, đó là lao động giá rẻ. Nhưng quá trình hội nhập vào kinh tế thế giới đã cho chúng ta thấy rõ, đó không phải là lợi thế mà ngược lại, là một sự yếu kém của chất lượng nguồn vốn con người. Công trình nghiên cứu do TS Phan Minh Ngọc (ĐH Kyushu, Nhật Bản) và GS-TS Eric Ramstetter, thuộc Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Phát triển Đông Á (ICSEAD) của Nhật tiến hành, đã sử dụng bộ số liệu của Tổng cục Thống kê công bố để tính toán tác động của một số yếu tố chính, trong đó có dân số, trình độ đào tạo của nguồn nhân lực, đầu tư, thương mại, và đầu tư trực tiếp nước ngoài lên tăng trưởng GDP trên đầu người trong thời kỳ 1995-2003. Một trong những kết quả được công bố là, biến số nhân lực lại có tác dụng tiêu cực đáng kể về mặt thống kê đến tăng trưởng GDP/đầu người ở Việt Nam trong thời kỳ này. Nói cách khác, có xu hướng chung là địa phương nào càng có nhiều người có trình độ cao (số lượng người có bằng cấp) thì tăng trưởng GDP/đầu người càng chậm. Kết luận này đúng với nhiều trường hợp có sử dụng những thuật toán khác nhau.

biểu hiện trạng thái sức khỏe, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của nguồn nhân lực và chỉ số phát triển con người (HDI) - Human Development Index. HDI là thước đo tổng hợp về sự phát triển con người trên ba phương diện: sức khỏe, tri thức và thu nhập. Ba chỉ tiêu phản ánh các khía cạnh: một cuộc sống dài lâu là khỏe mạnh, được đo bằng tuổi thọ trung bình. Kiến thức đo bằng tỷ lệ người biết chữ và tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Mức sống đo bằng GDP thực tế đầu người. Chỉ số HDI không chỉ đánh giá sự phát triển con người về mặt kinh tế, mà còn nhấn mạnh đến chất lượng cuộc sống và sự công bằng xã hội.

Từ những phân tích trên đây cho thấy, tăng trưởng kinh tế và vốn con người có mối quan hệ phụ thuộc. Nhận định này khác với quan điểm phổ biến, chiếm ưu thế trong giới chuyên gia về Giáo dục và Kinh tế, là Giáo dục đại học sẽ quyết định mức tăng trưởng kinh tế.

Nó cũng đối lập với nhận định chung, dựa trên dữ liệu so sánh quốc tế²³, rằng các nước có tỉ lệ người đi học sau trung học cao nhất thì cũng có thu nhập cao nhất (tức là có sự tăng trưởng trên cơ sở bền vững). Một phản dẫn chứng khác có thể thấy trong những nghiên cứu thực nghiệm dựa chủ yếu trên dữ liệu sau năm 1960, cho thấy, Giáo dục (được định nghĩa là số năm theo học ở nhà trường, bằng cấp cao nhất đạt được hay một vài tiêu chuẩn định lượng khác) xét về mặt thống kê có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế. Theo những nghiên cứu này, các nước có số năm đi học trung bình cao hơn (sau khi điều chỉnh một số ảnh hưởng ban đầu của thu nhập và chất lượng giáo dục) có xu hướng có tỉ lệ tăng trưởng vững chắc hơn so với những nước có số năm đi học trung bình thấp hơn²⁴.

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa “Giáo dục đại học và tăng trưởng kinh tế”, Malcolm (2000) đã đưa ra một nhận định: *“hai nhân tố này có mối quan hệ phụ thuộc, và không phải Giáo dục đại học, mà chính nguồn vốn con người, mới là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế”*. Ông lý giải nhận định của mình từ ba góc độ với những dữ liệu nhìn bên ngoài có vẻ rất thuyết phục này. Một là, các dữ liệu so sánh quốc tế không đưa ra được những bằng chứng thuyết phục (nếu không muốn nói là mơ hồ) để hỗ trợ cho quan điểm coi Giáo dục đại học là nhân tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế. Các nước giàu (tức là những nước có sự tăng trưởng trên cơ sở bền vững) có số sinh viên vào đại học cao (Kuznets, 1966). Nhưng ngược lại thì lại không đúng, không phải tất cả các nước có tỉ lệ người dân học đại học cao đều là nước giàu (Fischer, 2009). Khi nghiên cứu tỷ lệ học đại học ở các nước có thu nhập thấp được xem xét như một nhóm, mối quan hệ này bị phá vỡ. Các nước có số người học sau trung học thấp thì có thu nhập thấp (tức là, không

²³ World Development Indicators (Ngân hàng Thế giới 2009) cho rằng trong các nước thu nhập cao (những nước có thu nhập đầu người trên \$11.456 theo giá năm 2007) tỉ lệ học đại học là 67%. Dữ liệu tương ứng ở các nước thu nhập thấp (thu nhập dưới \$935 theo giá năm 2007) là 6% và các nước có thu nhập trung bình, 24% (WDI, 2009, Bảng 2.12, tr. 86).

²⁴ Các nghiên cứu của Pritchett (1996, 2001) và Sanders (2003) đã thất bại trong việc tìm mối quan hệ tích cực giữa số năm đi học và mức tăng trưởng kinh tế. Gần đây hơn, Ciccone và Jaroncinski (2008) cho thấy mối quan hệ giữa giáo dục và tăng trưởng kinh tế khá nhạy cảm với quãng thời gian được khảo sát. Các nhà nghiên cứu khác chỉ ra rằng, phương pháp của Pritchett phạm sai lầm khi mặc nhiên thừa nhận số năm đi học như nhau ở các nước khác nhau. Nhưng các nghiên cứu khác nhau có cách tiếp cận cho phép sự khác nhau trong chất lượng giáo dục, mối quan hệ tích cực lại được khẳng định.

tăng trưởng trên cơ sở bền vững). Nhưng, điều không kém phần quan trọng là tất cả các nước có thu nhập thấp thì đều có tỉ lệ người đi học sau trung học thấp.

Hai là, một phân nhánh chính của các nghiên cứu về Lý thuyết Kinh tế học, mà các tác giả hiện đại ghi nhận là có nguồn gốc từ Kinh tế chính trị học cổ điển Adam Smith, đã liên kết nguồn vốn con người chứ không phải Giáo dục với sự tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn con người để chỉ năng lực sản xuất của mỗi con người như một đơn vị sản xuất tạo ra ra thu nhập trong nền kinh tế. Những nghiên cứu này hoàn toàn thừa nhận rằng, Giáo dục chính quy (cụ thể là Giáo dục đại học) đóng góp vào sự hình thành nguồn vốn con người bằng cách phát triển kỹ năng, mở rộng tri thức và định hình thái độ. Thế nhưng, nó cũng làm rõ rằng, Giáo dục chính quy chỉ là một nhân tố tạo ra, duy trì, và nâng cao nguồn vốn con người trong những năm hình thành nhân cách và trong cả cuộc đời của một con người. Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh rằng, lợi ích xã hội của việc bảo đảm cho các kỹ năng tiếp nhận tri thức cũng như những kỹ năng phi kinh nghiệm được xây dựng từ tuổi nhỏ. Trong thực tế, phần lớn những gì chúng ta học được và biết được là từ những nguồn nằm ngoài các tổ chức giáo dục chính quy (Outlook, 2001). Điều này đã phần nào giải thích tầm quan trọng của việc phát triển chuyên môn và các tổ chức giúp cho việc học tập suốt đời, một hiện tượng gắn bó mật thiết với mức độ mà kinh tế và xã hội kích thích việc học tập, ban thưởng cho sự thích nghi và thúc đẩy sự tiến bộ nói chung.

Ba là, bất chấp những bằng chứng kinh tế lượng được chọn lọc kỹ và được đo lường chặt chẽ, sự tăng trưởng kinh tế không được xác định, bị điều khiển, hay có thể chọn bất kì từ nào chỉ một cái gì đó như là quan hệ nhân quả, bởi số năm đi học (một trình độ) hay một tiêu chuẩn tương đương nào đó được điều chỉnh để đo chất lượng.²⁵ Coi mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế với một số tham số được chọn lọc (như mức độ giáo dục) như một phương trình quy ước thông thường, mà những kết quả nghiên cứu thực nghiệm nêu trên đã dựa vào, về căn bản là không thích hợp đối với việc mô hình hóa, hay cho việc nắm bắt một mối quan hệ phức tạp như thế. Giá trị duy nhất mà một mô hình như thế có thể có là nếu khoảng thời gian được khảo sát quá ngắn thì phản hồi từ sự tăng trưởng kinh tế (chẳng hạn, sự tăng thu nhập) đối với Giáo dục có thể sẽ bị bỏ qua. Tuy vậy, điều này không phải là mục đích mà phương trình ấy muốn ước lượng.

Trước mối quan tâm của các nhà hoạch định chính sách về vai trò độc lập của giáo dục đại học trong việc nâng cao tỉ lệ tăng trưởng kinh tế bền vững, phương trình hồi quy tăng trưởng đang làm đường lạc lối (trong trường hợp khá nhất) và phản tác dụng (trong trường hợp xấu nhất). Để bắt đầu sắp xếp mối quan hệ giữa giáo dục đại học và tăng trưởng kinh tế, các nhà phân tích đòi hỏi một hệ phương trình đa biến gồm những tác động qua lại đa chiều, phản hồi và dây chuyền (trong đó có một sự thật là qua nhiều thời kỳ chính sách, tăng trưởng kinh tế vẫn là nhân tố quyết định của chính nó)²⁶.

²⁵ Không ai tranh cãi về việc các cá nhân có học nhiều hơn thì kiếm được trung bình nhiều hơn so với những người ít được đào tạo hơn. Nhưng, điều này cho thấy thu nhập có liên hệ với mức độ đạt được từ Giáo dục (và ngược lại) chứ không chỉ ra mối liên hệ giữa mức độ giáo dục (dù cho được đo cách nào đi nữa) với sự tăng trưởng kinh tế.

²⁶ Gunnar Myrdal dùng thuật ngữ “nhân quả tích lũy” để miêu tả một nền kinh tế đang tăng trưởng sẽ tạo ra các điều kiện kích thích sự tăng trưởng hơn nữa của nó như thế nào (Ricoy 1998). Chẳng hạn, những người lạc quan về triển

Tuy có thể tiện lợi nếu xem rằng có một số kỹ thuật riêng khác là đã đủ, thì cũng như những nghiên cứu thực nghiệm, nó chẳng giúp được gì cho các nhà hoạch định chính sách trong việc nắm được những động lực của kinh tế²⁷.

Phải nhấn mạnh một sự thật hiển nhiên rằng, tăng trưởng kinh tế là một quá trình chứ không phải một sự kiện. Nó là kết quả của dòng lưu chuyển sản xuất, thu nhập và tiêu dùng có tính tương tác và năng động. Đóng góp vào dòng chảy này là những dịch vụ được tạo ra trong các tổ chức giáo dục đại học, chi phí để tạo ra những dịch vụ ấy và thu nhập do những dịch vụ ấy mang lại. Một số yếu tố trong vòng quay này có những tác động tích cực, chẳng hạn, sự tích lũy kỹ năng và vốn xã hội, sự sáng tạo kỹ thuật mới hay mở cửa những thị trường mới. Một số yếu tố, như tham nhũng hay quản lý kém kinh tế vĩ mô, sẽ có ảnh hưởng tiêu cực.

Giáo dục đại học có những tác động tương tự. Nó bổ sung thêm kỹ năng và tri thức vào nguồn cung (nâng cao tăng trưởng) nhưng trong quá trình ấy nó cũng sẽ khiến các kỹ năng và tri thức khác bị giảm giá trị hay thành ra lỗi thời (suy yếu sự tăng trưởng). Tương tự như vậy, sự tăng trưởng kinh tế sẽ đem lại nguồn lực bổ sung cho sự mở rộng Giáo dục đại học và nâng cấp chất lượng của nó ngay cả khi việc tăng thu nhập khiến những thách thức đối với những vấn đề liên quan đến Giáo dục đại học thêm phần phức tạp²⁸. Ý nghĩa của điều này là, ngay cả khi không có sự khẳng định mà mô hình phương trình đa biến chính thức mang lại²⁹, mối quan hệ thiết yếu nhất đối với mục đích hoạch định chính sách là sự tăng trưởng kinh tế và sự mở rộng Giáo dục đại học cần được nhìn như một sự phụ thuộc lẫn nhau³⁰. Cái này không xác định, hay quyết định cái kia với bất cứ ý nghĩa nào.

vọng tăng trưởng tăng mức đầu tư và năng lực sản xuất, những thứ này đến lượt nó, cũng kích thích tăng trưởng. Hiệu ứng lan tỏa này là trọng tâm trong mô hình tăng trưởng nội sinh, nhấn mạnh vào việc làm thế nào gia tăng tri thức, đầu tư và tăng trưởng (Romer 1986; Lucas 1988; Warsh 2005).

²⁷ Sự tập trung cao độ của các chuyên gia tăng trưởng vào các phương pháp sử dụng phương trình đơn đã dẫn đến việc bỏ qua một sự thật: tăng trưởng kinh tế là kết quả của sự tương tác năng động giữa các yếu tố đẩy nền kinh tế tiến tới và những yếu tố đang kéo lùi nó lại (McFadden 2008; Lutz, Cuaresma & Sanderson 2008; Cicone & Jarocinski 2008). Có những yếu tố làm cả hai việc ấy. Dân số và tổng lượng vốn là những ví dụ hiển nhiên. Tăng trưởng dân số (phía nhu cầu) mở rộng thị trường và thúc đẩy tăng trưởng. Nhưng, thêm người (phía nguồn cung) sẽ thu hút thêm nguồn lực chi để giữ “nguồn vốn xã hội trên đầu người” ở mức hiện nay. Tương tự như vậy, đầu tư làm tăng tổng lượng vốn, nhưng nguồn vốn lớn hơn sẽ đòi hỏi nguồn lực bổ sung để trang trải sự bảo trì và khấu hao.

²⁸ Một đặc trưng chủ yếu của mọi nền kinh tế đang tăng trưởng là sự thay đổi hệ thống trong các kỹ năng mà nó đòi hỏi và được cung cấp (Blanchard, 1995; ILO, 1998; Acemoglu & Zilibotti 2001; Ramcharan, 2002; FRBD, 2004). Nhu cầu về những kỹ năng khác nhau nảy sinh từ cấu trúc của nền kinh tế đang tăng trưởng. Giáo dục, đào tạo, học tập trong công việc, hoặc tự học giúp người lao động điều chỉnh kỹ năng của họ để phù hợp với những nhu cầu đang thay đổi. Thay đổi trong thang bậc lương thường sẽ gián tiếp điều chỉnh bằng cách thưởng cho việc đạt được những kỹ năng vừa khó đạt được, vừa thiếu nguồn cung. Sự mở rộng của nền kinh tế tri thức toàn cầu trong mấy thập kỷ vừa qua đã đặt ra một phần thưởng to lớn cho khả năng thích nghi. (FRBD, 2004; World Bank, 2002; Kochan, 2004). Lau, (2009) cho rằng các trường đại học có thể và cần phải đóng góp vào điều này. Ông lưu ý rằng “trường đại học cần phải dạy những thứ tổng quát hơn là những kỹ năng chuyên ngành; họ phải dạy sinh viên nghệ thuật học và tự học thay vì dạy bản thân kiến thức...”

²⁹ M.Pherson đã kết luận rằng, không thể tìm được bất cứ mô hình hệ phương trình thống kê nào chỉ ra mối quan hệ giữa Giáo dục đại học và tăng trưởng kinh tế trong các tư liệu nghiên cứu chính thống. Bộ khung được dùng trong tác phẩm của Appiah & McMahon (2002) thể hiện nhiều quan hệ qua lại giữa Giáo dục chính thức (mọi cấp độ), tăng trưởng kinh tế, sức khỏe, và nhiều tham số khác nữa. Nó đưa ra các lựa chọn chính sách dựa vào kinh nghiệm mô phỏng.

³⁰ Có nhiều chiều hướng trong mối quan hệ phụ thuộc giữa tăng trưởng kinh tế và giáo dục (thường thông qua vốn nhân lực) đã được nghiên cứu (Goldin & Katz, 1999; Bils & Klenow, 2000; Birdsall, 2001). Khung liên kết giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển nhân lực được xây dựng trong Báo cáo Phát triển Nhân lực năm 1996 và Ranis et

Từ những lập luận trên đây, chúng ta có thể thấy để sử dụng các kỹ năng và tri thức được tạo ra trong giáo dục đại học một cách hiệu quả nhất, cần phải tạo ra và duy trì những điều kiện phù hợp cho tỉ lệ tăng trưởng cao. Những điều kiện này gồm có sự quản lý vĩ mô một cách khôn ngoan có thể giữ tình trạng lạm phát trong vòng kiểm soát (để sự khác biệt trong tiền lương có một ý nghĩa thích hợp); hỗ trợ của Nhà nước đối với thí nghiệm và nghiên cứu; cải thiện cơ sở hạ tầng để giảm thiểu chi phí liên lạc, giao dịch và truyền thông; và những cuộc tranh luận rộng rãi về quản lý kinh tế xã hội cũng như định hướng chính sách xã hội.

Đề nghiên cứu về việc nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế qua năng suất và sức cạnh tranh, thì vấn đề mấu chốt cần khảo sát xem việc phát triển nguồn nhân lực đóng góp như thế nào cho sự thích ứng trong nền kinh tế. Năng suất và sức cạnh tranh có mối quan hệ cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Năng suất được định nghĩa là kết quả đầu ra trên mỗi đơn vị đầu vào. Sức cạnh tranh là một khái niệm đặc thù không được định nghĩa trực tiếp³¹. Trong các nghiên cứu của mình, Porter (2008) cũng đã rút ra kết luận, “sức cạnh tranh của nền kinh tế phụ thuộc vào năng suất, năng suất này biểu thị việc một quốc gia sử dụng vốn con người, vốn vật chất và tài nguyên thiên nhiên của mình như thế nào”. Năng suất, ngược lại, phụ thuộc vào giá cả trong một thị trường mở, tính hiệu quả của việc sản xuất và “khả năng của nền kinh tế trong việc huy động nguồn nhân lực của mình”. Ketels et al., (2009: 57) tổng kết rằng, sức cạnh tranh nắm giữ nền tảng kinh tế trung hạn là cái rút cục xác định mức độ thịnh vượng của một nền kinh tế mà nhân dân được hưởng. Ở cốt lõi của nó, sự thịnh vượng được quyết định bằng năng suất mà các công ty đạt được ở một địa phương và khả năng của một nền kinh tế trong việc huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực con người, cho những hoạt động sản xuất kinh tế. Như vậy, năng suất của nền kinh tế gắn kết chặt chẽ nguồn lực vốn con người (hay lực lượng lao động có trình độ) với sức cạnh tranh.

Một thước đo hữu ích dùng để đo sức cạnh tranh là đơn giá lao động. Các doanh nghiệp có sức cạnh tranh nếu đơn giá lao động của họ thấp hơn hoặc bằng những doanh nghiệp cùng loại ở nơi khác. Đơn giá lao động đo bằng phần tiền lương trong một đồng tiền chung tức là $(w.L/Q)/e$, trong đó w là tiền lương của mỗi công nhân tính bằng đơn vị tiền tệ, L là số lượng người lao động, Q là giá trị của sản lượng qui đổi bằng đơn vị tiền tệ và e là tỉ giá giữa đồng nội tệ trên mỗi đồng ngoại tệ dùng để qui đổi (như Đôla Mỹ). Các công ty, doanh nghiệp có thể giữ đơn giá lao động của mình thấp hơn những đối thủ cạnh tranh sẽ là những đơn vị có giá thành sản phẩm thấp hơn, và chiếm được thị phần.

Việc bố trí lại đồng nhất thức như $w \div e \div Q/L$ tập trung chú ý vào ba tham số có ý nghĩa đối với chính sách, đó là mức lương, tỉ giá và năng suất lao động. Chi phí lao động đơn vị giảm (tức sức cạnh tranh tăng) khi giá trị tiền lương giảm

al., (2000). Giáo dục, đào tạo và học hỏi đóng góp vào những liên kết (hoặc “chuỗi”) từ tăng trưởng kinh tế và phát triển nhân lực, và ngược lại.

³¹ Báo cáo về Cạnh tranh của Singapore 2009 (Ketels, Lall & Boon 2009, tr.57) nói rằng: “Sức cạnh tranh nắm giữ nền tảng kinh tế trung hạn là cái rút cục xác định mức độ thịnh vượng của một nền kinh tế mà nhân dân được hưởng. Ở cốt lõi của nó, sự thịnh vượng được quyết định bằng năng suất mà các công ty đạt được ở một địa phương và khả năng của một nền kinh tế trong việc huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực con người, cho những hoạt động sản xuất kinh tế”. Garelli (2003) có một tổng thuật xuất sắc về nhiều cách định nghĩa cạnh tranh khác nhau.

và năng suất lao động tăng. Mức lương được xác định bằng nguồn cung tổng quát và nhu cầu về lao động, và cụ thể là sự sắp xếp của các cơ quan tổ chức nhằm khuyến khích người lao động thích nghi với những điều kiện thị trường đang thay đổi. Sự thích nghi này có thể bao gồm cả hiện tượng di cư từ vùng có tỉ lệ thất nghiệp cao đến vùng có nhiều công việc đang được mở rộng, sự thay đổi nơi sống và làm việc của những người lao động có trình độ đến những doanh nghiệp đang có nhu cầu về những kỹ năng của họ, kèm theo những sáng kiến nâng cao tình trạng mức sống của người lao động, cùng các hoạt động học tập hay đào tạo giúp nâng cao năng lực của người lao động. Tỉ giá được xác định qua các thị trường giao ngay (chính thức hoặc song hành) được điều chỉnh ở mức độ mà Chính phủ có thẩm quyền quyết định có thể điều khiển nó hay không.

Năng suất lao động có liên quan đến kỹ năng của người lao động, sức khỏe và tình trạng cuộc sống của họ (bao gồm sự bảo đảm đủ ăn), năng lực mà họ có trong việc thích ứng với sự quản lý và tổ chức các hoạt động sản xuất, chất lượng của sự phối hợp giữa nguồn vốn và các nguồn lực khác, và tình trạng của nhu cầu lao động nói chung. Nhân tố sau cùng trên đây phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế trong chu trình phát triển của nó. Điều này, liên quan tới một số tham số trọng yếu đã nói trên đây, làm ảnh hưởng tới tỉ giá, thiếu hụt tài chính, nợ vay và lạm phát. Một nhân tố khác nữa là chất lượng của cơ sở hạ tầng theo nghĩa rộng, và cách tổ chức bên trong các cơ quan doanh nghiệp, trong đó các đơn vị sử dụng lao động đang vận hành (Miller & Schmitz, 1996),

Mô hình “*Kim cương cạnh tranh*” của Michael Porter đã chỉ ra một cái nhìn tổng quan có tính chất chi tiết hơn về những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh, nhất là áp lực và đòi hỏi về một lực lượng lao động hiện đại và có định hướng toàn cầu. Trong khuôn khổ tham chiếu này, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào “sự tăng trưởng của doanh nghiệp”, là điều gắn liền với điều kiện cung cầu của lực lượng lao động. Để có tăng trưởng, các doanh nghiệp cần phải có những người lao động với những kỹ năng thích hợp. Và khi các doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng, họ sẽ đòi hỏi thêm nhiều người lao động có kỹ năng hơn nữa. Đây chính là bản chất đích thực của mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và nguồn vốn con người. Nhưng để có một nguồn vốn con người đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng thì hệ thống giáo dục đóng vai trò quyết định quan trọng.

3. Các mô hình tăng trưởng thực tế dựa trên vốn con người

Kể từ cuối những năm 1980 đến nay, nhiều mô hình đã được xây dựng với mục đích làm sáng tỏ cơ chế nội sinh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như đầu tư có thể dẫn tới tăng trưởng liên tục. Ý nghĩa dễ nhận thấy các mô hình tăng trưởng nội sinh là, tốc độ tăng trưởng dài hạn có thể phụ thuộc vào hành động của Chính phủ. Trên cơ sở đó, có hai nhánh chủ yếu trong các lý thuyết và mô hình tăng trưởng nội sinh. Nhánh thứ nhất đưa ra quan điểm cho rằng lực lượng thúc đẩy tăng trưởng là sự tích lũy kiến thức, chúng có ý nghĩa khác nhau liên quan đến các yếu tố xác định tốc độ tăng trưởng trạng thái dừng của một nền kinh tế. Nhánh thứ hai lại có cái nhìn rộng hơn về vốn, cho rằng vốn bao gồm cả vốn con người.

Một số đại diện tiêu biểu cho hai nhánh mô hình tăng trưởng nội sinh, bao gồm (1) Mô hình học hỏi của Arrow (1962), (2) Mô hình nghiên cứu và phát triển

của Romer (1990), (3) Mô hình vốn con người của Mankiw, et al., (1992), (4) Mô hình AK của Rebelo (1991) và (5) Mô hình học hay làm của Lucas (1988).

Vấn đề đặt ra đối với lý thuyết tăng trưởng Tân cổ điển là các nước nghèo đã không tăng trưởng nhanh hơn các nước giàu, và những khác biệt trong suất sinh lợi trên vốn không lớn như mô hình dự báo. Vốn không chảy vào thế giới đang phát triển để tận dụng suất sinh lợi to lớn như Solow (1956) và sau này là Mankiw et al. (1992) và Lucas (1988) dự báo. Họ đề xuất rằng các nước đầu tư thu nhập quốc gia với tỉ lệ lớn hơn vào vốn vật chất và vốn con người sẽ không chỉ đạt được thu nhập ở trạng thái dừng cao hơn như trong mô hình Solow, mà còn tiếp tục tăng trưởng *nhanh hơn*. Điều này có nghĩa là tốc độ tăng trưởng dài hạn là nội sinh đối với mô hình, nói cách khác, tốc độ tăng trưởng không đơn thuần là hình ảnh phản chiếu của các yếu tố bên ngoài như tăng trưởng lực lượng lao động và tốc độ thay đổi công nghệ toàn cầu.

3.1. Mô hình tăng trưởng dựa vào nghiên cứu và phát triển

Romer (1986) đã quan sát và cho rằng, một số loại tri thức là không có tính cạnh tranh, nghĩa là chúng không thể bị sử dụng hết như hàng hóa và dịch vụ thông thường. Do đó chi phí cố định của sự phát minh được hưởng thưởng dưới hình thức năng suất cao hơn. Bản chất không cạnh tranh của ý tưởng có nghĩa là suất sinh lợi từ một số hoạt động đổi mới sáng tạo không hoàn toàn thuộc về người làm ra nó, hay công ty tài trợ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển. Tri thức lan tỏa từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác đều có giá trị kinh tế, thực tế là rất nhiều giá trị vì mặc dù suất sinh lợi trên vốn có thể giảm dần cho mỗi doanh nghiệp, nhưng tính tổng nền kinh tế thì nó lại không đổi hoặc tăng dần. Việc tích lũy các phát minh sẽ tốn kém thời gian và tiền bạc, nhưng những đổi mới sáng tạo này mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, không chỉ cho những người đưa ra ý tưởng ban đầu. Do đó phát minh là một dạng ngoại tác tích cực. Khi tri thức lan tỏa, các công ty và cá nhân phát minh sẽ tận dụng để tạo ra sản phẩm mới, cải thiện sản phẩm cũ, hoặc nâng hiệu quả sản xuất. Giả định suất sinh lợi không đổi theo qui mô của mô hình Solow (1956) có thể không phải là mô tả chính xác các mối quan hệ giữa lượng vốn và lao động sử dụng với năng suất lao động. Hơn nữa khác với Solow (1956), tốc độ thay đổi công nghệ tác động lên tốc độ tăng trưởng, không chỉ mức thu nhập ở trạng thái dừng (không có trạng thái dừng).

Romer (1986) giả định rằng năng suất lao động do trữ lượng tri thức (E) quyết định, sao cho sản lượng gộp được xác định bởi: $Y = F(K, L, E) = K^\alpha L^{1-\alpha} E^\eta$, trong đó $\eta < 1$.

Một hàm ý quan trọng của mô hình Romer là các doanh nghiệp có thể đầu tư không đủ vào nghiên cứu và phát triển vì họ không thể nắm bắt toàn bộ lợi ích từ đổi mới sáng tạo. Điều này gợi ý rằng các chính sách khuyến khích nghiên cứu và phát triển như miễn thuế cho chi tiêu đổi mới và sáng tạo hoặc các nghiên cứu do chính phủ tài trợ, có thể đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng.

Romer (1986), quan tâm đến nội sinh quá trình công nghệ bằng cách đưa vào mô hình sự tìm kiếm các ý tưởng mới của các nhà nghiên cứu quan đến lợi nhuận từ những phát minh và cải tiến của họ. Hàm sản xuất gộp trong mô hình

Romer mô tả vốn (K), lao động (L_Y), được kết hợp để sản xuất đầu ra (Y), tập hợp các ý tưởng (A), lao động tăng trưởng theo một tỉ lệ không đổi và ngoại sinh (n).

Mô hình tăng trưởng dựa trên quá trình học tập được lan tỏa trong làm việc (learning or doing) của Lucas (1998) sau này, cũng xây dựng bắt đầu từ hàm sản xuất có xét đến vai trò của vốn con người: K : vốn vật chất; H : vốn con người, u là phần thời gian được sử dụng trong sản xuất, $(1-u)$ thời gian được sử dụng trong giáo dục.

3.2. Mô hình tăng trưởng dựa trên thước đo vốn con người (AK)

Một mô hình đơn giản xem xét sản xuất có lợi tức không đổi theo quy mô đối với cả tổ hợp vốn vật chất và vốn con người chính là mô hình AK do Romer (1986), Barro (1990), Rebelo (1991), và nhiều người khác đề xuất. Mọi đầu vào của mô hình này đều được coi là vốn có thể tái sản xuất, không chỉ là vốn vật chất mà cả vốn con người.

Cụ thể, mô hình này đặt K là thước đo tổng hợp của vốn, hàm sản xuất có dạng tuyến tính như sau: $Y=AK$. Trong đó, A lại là tham số thể hiện mọi nhân tố tác động tới trình độ công nghệ. Có thể tính được tốc độ tăng trưởng vốn bình quân lao động ở trạng thái bền vững. Nếu không có tiến bộ công nghệ, thì ở trạng thái bền vững chúng ta có tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân chính là tốc độ tăng trưởng của vốn bình quân.

Bản chất cách tiếp cận của mô hình AK là bỏ hẳn lao động (số lượng người tham gia trong nền kinh tế) ra khỏi mô hình và thay vào đó là giả định rằng vốn, gồm vốn vật chất và vốn con người, nhận tất cả thu nhập quốc gia. Điều này có thể là những chi phí cho yếu tố sản xuất được trả cho công nghệ bao hàm trong vốn và cho kỹ năng bao hàm trong lao động, chứ không phải bản thân lao động. Mô hình 'AK' (Rebelo, 1992) giả định rằng tiến bộ công nghệ là suất sinh lợi không đổi theo vốn vật chất và vốn con người ($\alpha = 1$) và không có tăng trưởng dân số. Luận điểm quan trọng của mô hình này chính là tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là một hàm tăng dần theo đầu tư, tức là nếu TFP cao, thì nền kinh tế sẽ tăng trưởng.

Miễn là đầu tư lớn hơn khấu hao, thì tăng trưởng là một hàm tăng dần theo tốc độ đầu tư. Tăng trưởng dài hạn là nội sinh trong mô hình này vì nó không còn phụ thuộc vào số dư không xác định. Đầu tư tác động trực tiếp lên tăng trưởng, không chỉ mức thu nhập dài hạn như trong mô hình Solow (1956). Hàm ý chính sách quan trọng từ mô hình này là bất kỳ điều gì làm giảm tốc độ tích tụ vốn thì sẽ có tác động trực tiếp và lớn lên tốc độ tăng trưởng. Chẳng hạn, nếu chính sách thuế chỉ chú trọng đến nguồn thu mà không quan tâm đến khuyến khích đầu tư sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng và mức thu nhập trong dài hạn.

Những phiên bản khác cũng được đề xuất. Tiếc thay chúng ta không có cách nào để kiểm chứng những mô hình này về mặt thực nghiệm vì chúng dựa nhiều vào những biến số mơ hồ, không quan sát được như tổng tri thức và tiến bộ công nghệ. Chúng ta nhớ lại rằng, mô hình Solow (1956) không bao giờ đo lường thay đổi công nghệ, nhưng thay vào đó giả định rằng số dư không giải thích được (nghĩa là những thứ khác ngoài vốn và lao động) là thước đo khái quát về sự tiến bộ.

Một vấn đề khác với các mô hình tăng trưởng nội sinh là chúng ám chỉ quá nhiều sự phân kỳ thu nhập theo thời gian. Như Solow đã chỉ ra, ngay cả một ít suất sinh lợi theo quy mô ở tốc độ đầu tư vừa phải cũng tạo ra sản lượng quốc gia vô hạn trong khoảng thời gian ngắn cỡ 200 năm (Solow, 1994). Mặc dù mô hình AK

tránh được vấn đề này nhờ suất sinh lợi không đổi theo qui mô, nhưng cũng không rõ tại sao suất sinh lợi trên vốn có thể chính xác bằng 1. Bất kỳ sự chuyển dịch nào đến suất sinh lợi giảm dần hay tăng dần theo qui mô đều hoàn toàn triệt tiêu được các kết luận của mô hình này.

Khác với các mô hình Solow-Swan và Mankiw-Romer-Weil, ý nghĩa quan trọng của mô hình AK là, chính tỷ lệ tiết kiệm sẽ quyết định tăng trưởng. Tỷ lệ tiết kiệm tăng sẽ làm tăng tốc độ tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người một cách liên tục. Ngoài ra khác với mô hình Tân cổ điển (cho rằng các nước nghèo tăng trưởng nhanh hơn các nước giàu trong quá trình chuyển dịch tới trạng thái bền vững), mô hình AK cho thấy, các nước nghèo có cùng trình độ công nghệ sản xuất như các nước giàu sẽ tăng trưởng cùng tốc độ với các nước giàu, bất kể mức thu nhập ban đầu là bao nhiêu. Vì vậy, mô hình AK không dự báo có sự hội tụ thu nhập bình quân đầu người cho dù các nước có cùng công nghệ và cùng tỷ lệ tiết kiệm. Tuy nhiên, những kiểm định chuỗi thời gian gần đây lại không ủng hộ các kết luận của mô hình AK.

3.3. Mô hình tăng trưởng dựa trên quá trình học tập hay làm việc

Mô hình học hay làm của Lucas (1998) xây dựng bắt đầu từ hàm sản xuất có xét đến vai trò của vốn con người: $Y = K^\alpha [(1-u)H]^{1-\alpha}$ $\alpha \in [0,1]$; $\bar{K} = s_K Y - \delta K$, trong đó K là vốn vật chất; H là vốn con người, u là phần thời gian được sử dụng trong sản xuất, $(1-u)$ thời gian được sử dụng trong giáo dục.

Con người đóng vai trò là yếu tố chính tạo ra những đổi mới và sáng tạo, và cũng tạo ra những thay đổi về thể chế cho tăng trưởng kinh tế. Quy luật vốn con người, khác với vốn vật chất, vốn con người không phải là một phần của sản lượng được chuyển hóa thành. Vốn con người bao gồm các khả năng, kỹ năng, kiến thức có được của mỗi cá nhân lao động. Vốn con người được tạo ra thông qua giáo dục và kiến thức hiện có là yếu tố chủ yếu trong việc tạo ra giáo dục. Mô hình này còn có tên gọi - *learning or doing*.

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh cho rằng các yếu tố quyết định quan trọng của lâu dài hoặc vĩnh viễn tăng trưởng nội sinh được xác định trong các mô hình, nơi lựa chọn tối ưu cho tiêu dùng và tiết kiệm và cũng là nguồn lực phân bổ cho nghiên cứu và phát triển nhằm để cải tiến công nghệ. Các luận điểm chính của tăng trưởng nội sinh là những thay đổi lâu dài trong các biến nghiên cứu thể hiện được khả năng bị ảnh hưởng bởi chính sách của chính phủ để vĩnh viễn những thay đổi trong tỷ lệ tăng trưởng trong dài hạn.

Kết quả này là trung tâm của nghiên cứu ban đầu mô hình tăng trưởng AK theo hướng tăng trưởng mô hình do Romer (1986), Lucas (1993) và Rebelo (1991) cũng như các mô hình thay đổi công nghệ nội sinh do Romer (1990), và Grossman & Helpman (1991) đề xuất. Kết quả này, trái ngược đáng kể với mô hình tăng trưởng tân cổ điển được sử dụng bởi Solow (1957), nơi có sự hiện diện của tăng trưởng dài hạn phụ thuộc rất nhiều vào những tiến bộ công nghệ ngoại sinh.

3.4. Mô hình tăng trưởng dựa trên sự học hỏi trong làm việc

Trong những năm gần đây, chúng ta đã thấy sự xuất hiện của lý thuyết tăng trưởng nội sinh trong đó nhấn mạnh một số đặc điểm kinh tế như: lợi thế về quy mô, vừa học vừa làm, vốn kiến thức và hiệu ứng lan tỏa động từ sự tăng trưởng của

lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do đó, mô hình này còn có tên gọi: *learning by doing*. Lý thuyết tăng trưởng mới này có hai hàm ý sâu sắc về lý thuyết và thực nghiệm. Về mặt lý thuyết nó hàm ý một sự thay đổi đáng kể, nếu không nói là phủ nhận mô hình tăng trưởng Tân cổ điển của Solow-Swan. Về thực tiễn, khoảng bốn thập kỷ qua đã chứng kiến một tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới (NICs) của Đông Bắc Á, Đông Nam Á như Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tăng trưởng vốn kiến thức, độ mở thương mại và các biện pháp chính sách hướng ngoại của các nước đã góp phần rất lớn đến thành công của các quốc gia này.

Lý thuyết tăng trưởng kinh tế mới đề cập đến những diễn biến gần đây trong mô hình tăng trưởng nội sinh, nhằm mục đích giải thích sự duy trì tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người trong thời gian dài. Nhiều quan điểm cho rằng có ba động lực đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Một là, công nghệ và đổi mới là động lực của tăng trưởng bền vững. Các yếu tố nội sinh của tiến bộ công nghệ chủ yếu là do tác động trực tiếp của nghiên cứu và triển khai của các doanh nghiệp (Schumpeter, 1934; Solow, 1994; Grossman & Helpman, 1994). Yếu tố quan trọng thứ hai là các tác động do sự khuếch tán quốc tế của vốn kiến thức và phát triển nhanh chóng của CNTT. Điều này thể hiện hiệu ứng lan tỏa kiến thức, là yếu tố quan trọng nhất giải thích sự khác biệt lớn về năng suất biên của vốn kiến thức giữa một quốc gia kém phát triển với quốc gia phát triển, khi khái niệm vốn được mở rộng để bao gồm cả vốn nguồn nhân lực (Lucas, 1993).

Động lực quan trọng thứ ba của tăng trưởng nội sinh, từ tập hợp các bằng chứng tăng trưởng nhanh chóng của các nước công nghiệp mới (NICs), là tự do trong thương mại và tác động của nó đối với tăng trưởng sản lượng. Sự khuếch tán công nghệ ngụ ý các kết nối mạnh mẽ giữa tăng trưởng năng suất nhanh và tự do thương mại (Lucas, 1993). Chẳng hạn như, sự thành công của lan tỏa công nghệ giữa hai nền kinh tế nhỏ như Hàn Quốc và Philippines vào những năm 1960. Hàn Quốc chuyển lực lượng lao động của mình vào sản xuất hàng hóa mới dành cho các thị trường thế giới, nhưng Philippines vẫn tiếp tục sản xuất các mặt hàng truyền thống. Sau đó, theo lý thuyết tăng trưởng dựa trên sự học hỏi đã chứng minh, sản xuất của Hàn Quốc đã phát triển nhanh hơn. Vì vậy, một khối lượng lớn vốn kiến thức của thương mại toàn cầu là cần thiết cho tăng trưởng (Lucas, 1993).

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã giải thích quá trình học tập lẫn nhau trong khuôn khổ lý thuyết và cũng đã thể hiện tính hợp lý qua các nghiên cứu thực nghiệm dựa trên số liệu từ các quốc gia. Quá trình học tập là cốt lõi của sự lan tỏa và có thể có nhiều dạng. Ở đây chúng ta giới hạn đến ba loại hiện tượng học. Hiện tượng đầu tiên được gọi là học tập bằng cách làm trong ngành công nghiệp hàng hóa (vừa học vừa làm) vốn là nơi mà hiệu quả của mỗi nhà sản xuất phụ thuộc vào sản lượng tổng hợp tích lũy hàng hóa. Mô hình tăng trưởng của Arrow (1992) khai thác khía cạnh này của học tập, mà không xem xét liên quan đến nghiên cứu và phát minh mới.

Thứ hai, điểm cốt yếu của học tập liên quan đến việc áp dụng công nghệ mới hơn và hiệu quả hơn. Điều này dẫn đến tính kinh tế theo quy mô và giảm chi phí bình quân tối thiểu theo thời gian. Lý thuyết tăng trưởng nội sinh nói về các nguồn

lực khác nhau như kiến thức lan toả giữa các ngành trong nước và quốc tế thông qua phương tiện thương mại hoặc là sản phẩm cuối cùng thể hiện trong công nghệ mới, hoặc đầu vào trung gian mang những thiết kế của công nghệ hiệu quả hơn. Romer (1990), Grossman & Helpman (1991) và Jovanovic (1997) đã phát hiện học tập như một nguồn tăng trưởng bền vững của một nền kinh tế. Cuối cùng, học tập liên quan đến một quá trình điều chỉnh năng động trong hành vi sản xuất, mà bị ảnh hưởng bởi cả quá khứ và kỳ vọng trong tương lai. Trong khi mình chứng lịch sử được xác định bởi nguồn lực tài nguyên, sở thích và các công nghệ hiện có. Mong đợi tương lai đề cập đến những đổi mới và đầu tư cho mới hơn công nghệ mà có một mục tiêu trong tương lai. Như vậy, lịch sử đóng vai trò xem xét lại những hạn chế, trong khi kỳ vọng đóng một vai trò tích cực hơn bởi các doanh nghiệp mong tìm người có một cái nhìn toàn cầu của thị trường thế giới trong tương lai (Kennan, 1979; Krugman, 1991; Sengupta & Okamura, 1996).

Tác động lan tỏa của quá trình học tập trong tăng trưởng được xem xét bằng cách so sánh hai dạng thức như sau: (a) môi trường xác định việc học ngẫu nhiên, và (b) môi trường không xác định việc học ngẫu nhiên. Để nhấn mạnh nội sinh của quá trình học tập này được bắt đầu từ việc xây dựng nghiên cứu do Nordhaus (1967) và những người khác, nơi mà tỷ lệ tiết kiệm và tỷ lệ thay đổi kỹ thuật là xác định bởi mục tiêu tối ưu hóa của nhà sản xuất. Thái độ sợ rủi ro của nhà sản xuất đối với hậu quả tối ưu hóa đầu ra được phân tích ở đây không tìm được một quỹ đạo tối ưu. Nói chung, nó được thể hiện rằng thời gian biến động không đúng xu hướng được tương quan với xu hướng tăng trưởng của sản lượng trung bình. Đối với động lực học phi tuyến này làm phát sinh một sự bất ổn hỗn loạn. Một nhà sản xuất không thích tỷ lệ biến động cao trong quá trình sản xuất sẽ có xu hướng thích một sản lượng trong một môi trường ngẫu nhiên hơn trong môi trường xác định.

Helpman (1997) đã phân tích các dữ liệu thực nghiệm của khoảng 100 quốc gia thời kỳ 1971-1990 và tìm thấy có sự lan tỏa của nghiên cứu và phát triển rất đáng kể. Chẳng hạn, một quốc gia đang phát triển có thị phần nhập khẩu máy móc từ nước ngoài và thiết bị khoảng 7% có độ co dãn năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) theo vốn không chỉ khoảng 0,06, mà là khá đáng kể trong nghiên cứu và phát triển với nước ngoài. Kể từ khi có lan truyền của kiến thức xảy ra chủ yếu thông qua nguồn vốn con người, nó là cơ sở thực nghiệm để đánh giá vai trò cụ thể của nguồn nhân lực tích tụ trong bối cảnh của NICs ở châu Á, trong đó trưng bày một loạt những minh chứng tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Học tập ở đây mang hai hình thức: một là trong các hình thức giảm chi phí do việc cải tiến ứng dụng công nghệ và quy mô và sự khác dưới hình thức nhập cảnh mới cho một độc quyền nhóm thị trường nhạy cảm với công nghệ mới và sự bền bỉ của lợi nhuận cao cả trong ngắn hạn. Trong khi đó, các loại đầu tiên của học tập nhấn mạnh vai trò của các nhà sáng tạo trong học thuyết của trường phái Schumpeterian và được gọi là quá trình hủy diệt sáng tạo. Loại thứ hai cho thấy trong một những tác động trực tiếp của thị trường tăng trưởng ngẫu nhiên vào hai nhóm sản xuất Cournot. Trong trường hợp sau tác động của tăng hoặc giảm lo ngại rủi ro về giá và quỹ đạo đầu ra có thể trực tiếp đánh giá. Do đó, người ta có thể trực tiếp hơn so sánh tối ưu cho các phiên bản ngẫu nhiên và xác định.

Tăng trưởng kinh tế dựa trên sự sáng tạo được kích thích bởi hai chính yếu tố. Điều quan trọng nhất là học trong làm việc có nhiều khía cạnh. Các hiệu ứng tương tác khác thông qua tác động lan tỏa. Young (1991) thảo luận chi tiết các khía cạnh khác nhau của việc học bằng cách vừa học vừa làm, và làm thế nào nó mang lại những tiến bộ kỹ thuật và quản lý trong kiến thức nền kinh tế, trong đó được lan tỏa từ một lĩnh vực hoặc sản phẩm khác. Sự lan tỏa kiến thức hoặc tràn lợi ích ngoại tác tích cực không chỉ giúp phát triển công nghệ sản xuất mới mà còn kích thích quá trình phát triển nhanh: Vừa học vừa làm. Cả hai sự khuếch tán và vừa học vừa làm và phương pháp chuyển giao công nghệ có yếu tố ngẫu nhiên vốn là không chắc chắn kể từ khi có kết hợp với nghiên cứu và phát triển, và thực tế vẫn là nhà sản xuất sử dụng công nghệ mới vào sản xuất hiếm khi đạt được khả năng thương mại cho đến sau khi họ trải qua một thời gian dài học bằng cách vừa làm vừa học.

4. Vốn con người trong gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc

Đầu tư vào vốn con người thông qua giáo dục và Văn hóa có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Giáo dục vừa là một bộ phận cấu thành của Văn hóa, lại vừa có tính độc lập tương đối. Giáo dục có chức năng bảo tồn, sáng tạo và phát triển văn hóa. Tình hình xây dựng văn hóa, sự cao thấp về trình độ văn hóa, tổ chức văn hóa của người lao động là những dấu hiệu về sự cao thấp của trình độ phát triển xã hội và trình độ văn minh của xã hội. Thông qua giáo dục để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học của con người, từ đó nâng cao địa vị xã hội, nâng cao năng suất lao động của con người là qui luật của sự phát triển xã hội, cũng là qui luật của sự phát triển Văn hóa giáo dục. Trong xã hội có giai cấp, giai cấp thống trị thường lợi dụng sự thao túng trong lĩnh vực văn hóa để bảo vệ cho lợi ích của mình, trong khi nhân dân lao động phải đấu tranh giành lấy sự bình đẳng về quyền lợi văn hóa, giáo dục và cơ hội giáo dục, phản đối sự kỳ thị chủng tộc trong lĩnh vực Giáo dục.

Những xã hội khác nhau, những nền kinh tế khác nhau, những dân tộc khác nhau có bối cảnh văn hóa khác nhau. Ngay trong một quốc gia, các thời kỳ lịch sử khác nhau, các khu vực khác nhau lại có những đặc điểm văn hóa không giống nhau. Nền văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi khu vực, mỗi dân tộc đều mang những đặc điểm riêng biệt của mình. Hơn nữa, trong mỗi một nền văn hóa lại thường có trạng thái tồn tại song song giữa những cái tinh hoa và những điều lạc hậu, thoái hóa. Giáo dục với chức năng lưu truyền và phát triển văn hóa, thì chỉ có thông qua Giáo dục chức năng lựa chọn các GTVH mới thực hiện được (Lương Vị Hùng & Khổng Khang Hoa, 2008: 121).

Giáo dục tạo ra những con người tham gia vào mọi hoạt động xã hội, là những chủ thể sẽ sáng tạo và giữ gìn những giá trị văn hóa do chính mình hoặc đồng loại sáng tạo ra. GDĐT không chỉ dừng lại ở việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, tức là đầu tư vào vốn con người, Giáo dục khoa học công nghệ nhằm tạo ra khả năng thích ứng và tiếp nhận công nghệ tiên tiến mà còn có vai trò rất lớn trong việc Giáo dục và phát huy truyền thống dân tộc, giáo dục ý thức trách nhiệm của công dân. Nói đến Văn hóa là nói đến con người, con người gieo trồng nên nền văn hóa, văn hóa xã hội biểu hiện qua con người. Việc chú ý giáo dục và phát triển con người chính là việc phát triển Văn hóa xã hội. Giáo dục và đầu tư vào vốn con

người là nguồn lực chính để nâng cao trình độ dân trí theo cả chiều sâu và chiều rộng hướng tới xây dựng một xã hội học tập, là nơi đào tạo và bồi dưỡng lực lượng tri thức và nhân tài của đất nước, GDĐT là một nguồn sáng tạo các GTVH, giá trị tinh thần và vật chất mới cho xã hội.

Giáo dục cũng là một bộ phận của lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, có vai trò quan trọng trong chức năng bảo vệ và truyền bá tích cực những giá trị phổ biến và giữ gìn phát triển các di sản văn hóa dân tộc, bảo vệ lợi ích của cộng đồng và quốc gia, nâng cao hiểu biết về chính trị - tư tưởng, đạo đức - nhân văn, bồi dưỡng ý thức giao lưu, hợp tác hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. GDĐT có chức năng phát triển con người, nâng cao nhận thức của con người từ đó giảm thiểu những tệ nạn trong xã hội. Giáo dục góp phần tạo nên sự ổn định cho xã hội, tránh được những bất đồng, rối loạn đồng thời góp phần tạo nên một xã hội có nền văn hóa lành mạnh, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc... từ đó góp phần làm tăng tính ổn định của hệ thống chính trị.

Giáo dục góp phần thúc đẩy trao đổi công nghệ, giao lưu văn hóa và tăng cường tình hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Liên kết đào tạo giữa các trường đại học trên qui mô quốc tế là hoạt động phát triển các chương trình hợp tác với các trường, cơ sở đào tạo, các tổ chức giáo dục và tổ chức quốc tế có chất lượng cao của các nước tiên tiến nhằm đào tạo nhân lực có trình độ và tay nghề cao cho các hệ thống sản xuất, dịch vụ trong nước. Thông qua các hoạt động hợp tác đào tạo, mỗi quốc gia còn có cơ hội tìm hiểu và giới thiệu những công nghệ tiên tiến và những sản phẩm mới của các nước với các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nước mình.

Song song với liên kết đào tạo, các hình thức hợp tác quốc tế song phương và đa phương đã và đang tiến hành trong giáo dục gồm các lĩnh vực: trao đổi tài liệu khoa học, trao đổi học giả và sinh viên, tổ chức các khoá học ngắn hạn, các hội thảo quốc tế, phối hợp triển khai các đề tài nghiên cứu chung. Như vậy, hợp tác quốc tế là một trong những công tác hết sức quan trọng để góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ và sinh viên, cải thiện từng bước cơ sở vật chất và nguồn thông tin tư liệu giảng dạy, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường, phát triển việc dạy và học ngoại ngữ.

Trao đổi học thuật, đào tạo cho sinh viên nước ngoài đang theo học ở các nước thông qua các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, các tuần văn hóa mỗi nước do nhà trường tổ chức có thể góp phần giới thiệu, quảng bá những nét đặc thù văn hóa của dân tộc, đồng thời hiểu biết, học hỏi thêm về văn hóa các quốc gia khác, từ đây sự cởi mở và thông hiểu nhau giữa các nền văn hóa khác biệt cũng được nâng cao lên. Riêng các lưu HS đã thành đạt, đã và đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài có khả năng tạo dựng, nâng cao hình ảnh tốt đẹp về đất nước mình trong mắt bạn bè quốc tế, tạo thuận lợi cho mỗi bang giao giữa các dân tộc trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội khác nhau. Chính vì vậy, hình thức liên kết đào tạo làm tăng cường sự hiểu biết, tình đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác giữa các dân tộc, các quốc gia trên thế giới.

Xét trên bình diện quốc gia, Giáo dục có một vai trò rất lớn, lớn tới mức, nó có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của cả một dân tộc. Bởi vì, Giáo dục chính là trụ cột của một đất nước để tạo dựng, giữ gìn và phát triển hệ giá trị xã hội. Nền Giáo

đục có tốt thì mới góp phần tạo dựng, bảo vệ được một hệ giá trị nhân bản, phù hợp với đặc trưng tốt đẹp của dân tộc đó và vì vậy mới có đủ sức mạnh làm nền tảng cho xã hội phát triển, hưng thịnh. Ngược lại, với một nền Giáo dục kém và hệ quả đi kèm với nó, hệ giá trị yếu thì dân tộc đó khó có sức bật đi lên.

Như vậy, kết quả đầu tư vào Giáo dục thì không chỉ người đầu tư được tăng thêm lợi ích, mà nền kinh tế và toàn xã hội cũng đều nhận được lợi ích tăng thêm từ hoạt động đầu tư này. Chính vì vậy, trong quá trình toàn cầu hóa ngày nay, nhiều quốc gia phát triển phương Tây lại càng chú trọng đến phát triển giáo dục, coi đây như một nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước trong việc phát triển con người, nâng cao chất lượng lực lượng sản xuất và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Các quốc gia ý thức rất rõ rằng, trong thế giới ngày càng trở nên “phẳng” và mọi thứ đều giống nhau, một dân tộc muốn “nhận diện” được so với các dân tộc khác chỉ có thể dựa vào bản sắc văn hóa của dân tộc và nếu điều đó không còn thì cũng đồng nghĩa với thảm họa dân tộc ấy sẽ bị xóa sổ, bị hòa tan³². Suy cho cùng, tất cả đều có nguồn gốc từ Giáo dục.

Do có tính chất hàng hóa, nên Giáo dục cũng tồn tại vấn đề quan hệ với kinh tế, tất yếu phải thích ứng với kinh tế, và đương nhiên phải thích ứng với kinh tế thị trường. Nhưng không vì vậy mà đánh đồng tính chất, quy luật của Giáo dục với tính chất, quy luật của kinh tế, thậm chí đẩy Giáo dục vào quỹ đạo thị trường hóa hoàn toàn, đồng nhất giá trị của Giáo dục với giá thị trường. Đây cũng chính là triết lý mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”.

Từ đó cho thấy, không thể nhìn nhận đối xử với giáo dục bằng tầm nhìn thiên cận. Đầu tư vào vốn con người thông qua giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học sẽ góp phần định hình, bảo tồn, gìn giữ, và phát triển các giá trị vật chất, tinh thần, cũng như Văn hóa của các dân tộc trong từng quốc gia. Đây là một vấn đề quan trọng của việc tìm hiểu và nắm vững những giá trị các sản phẩm của Giáo dục hiện đại, đặc biệt là nhận thức về nền Giáo dục đại học Việt Nam hiện đại xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở những khác biệt của hàng hóa giáo dục sẽ là cơ sở nền tảng để sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế, trong đó có Kinh tế học Giáo dục một cách hợp lý và hiệu quả.

5. Những thách thức đầu tư vào vốn con người ở Việt Nam

Khi nói đến chất lượng chúng ta thường quan tâm đến phần sản phẩm của nó, tức là chất lượng của các khóa đào tạo. Kết quả một chương trình giáo dục đại học được đánh giá cao khi nó chứng minh được rằng, qua quá trình đó, sự phát triển về giáo dục của người học được nâng cao, nghĩa là hiệu quả đầu tư vào vốn con người. Người học không những đạt được những mục tiêu đề ra của khóa học, mà còn hoàn thành những mục tiêu giáo dục tổng quát như khả năng độc lập tham gia vào những cuộc tranh luận dựa trên lý lẽ, khả năng tự đánh giá một cách khách quan, có nhận thức đúng đắn về những hậu quả sâu xa của mọi suy nghĩ và hành động. Như vậy, chất lượng trong Giáo dục đại học được hiểu theo nghĩa một quá trình giáo dục có thể đảm bảo được cho sinh viên đạt được những mục tiêu

³² Xem: Nguyễn Văn Nam: “Xã hội hóa Giáo dục và vai trò của Nhà nước”, bài viết trên thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 1/8/2009.//Xem chi tiết trên website: <http://www.thesaigontimes.vn/Home/diendan/ykien/21679/#3881>

của chương trình, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và góp phần vào công cuộc phát triển quốc gia. Chất lượng GDĐT thường được xác định qua các tiêu chí liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ sinh viên có được từ những khóa học hoặc sau khi ra trường. Tuy nhiên, ở một bình diện rộng hơn và nếu dựa trên quan niệm của “khách hàng, tức là nhà tuyển dụng”, chất lượng giáo dục đại học thường được xác định là mức độ hài lòng của họ đối với các loại “sản phẩm” mà Giáo dục đại học tạo ra.

Trong thực tế hiện nay, có hai khái niệm cùng tồn tại song song về đảm bảo chất lượng: từ phía nhà cung cấp thì có đảm bảo chất lượng bên trong (*internal quality assurance*) và từ phía xã hội có đảm bảo chất lượng bên ngoài (*external quality assurance*). Nếu như, đảm bảo chất lượng bên trong là trách nhiệm của mỗi cơ sở đào tạo thì đảm bảo chất lượng từ bên ngoài được tiến hành bởi các cơ quan chịu trách nhiệm về kiểm định chất lượng.

Chất lượng bên trong của các sản phẩm Giáo dục đại học bao gồm: bộ máy hoạt động của trường đại học, các nguồn lực và các nguồn thông tin nhằm thiết lập, duy trì, và phát triển chất lượng các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đảm bảo chất lượng bên trong nếu được phối hợp có hiệu quả với đảm bảo chất lượng từ bên ngoài sẽ tạo ra một cơ chế bền vững cho việc duy trì và phát triển chất lượng của các sản phẩm do trường đại học cung cấp.

Tuy nhiên, chất lượng giáo dục đại học là một khái niệm hết sức phức tạp vì bản chất của nó có thể được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau và tùy thuộc vào lập trường của mỗi cá nhân, nhưng suy cho cùng chất lượng ở giáo dục đại học nằm trong mối quan hệ với người sử dụng nó. Do vậy, khi tiếp cận vấn đề này các trường phái khác nhau đều có thiên hướng chủ quan. Mặc dù, có quá nhiều quan điểm khác nhau về đánh giá chất lượng các sản phẩm của giáo dục đại học, nhưng tựu trung lại vẫn có thể được xem xét ở những khía cạnh khái quát nhất như: chất lượng là sự vượt trội, là sự hoàn hảo, là sự phù hợp với mục tiêu đặt ra, là sự vượt ngưỡng, là sự thỏa đáng với nguồn vốn đầu tư, và sự biến đổi.

Quan điểm về chất lượng khác nhau do người đánh giá và tiêu chí được sử dụng để đánh giá. Hơn nữa, quan điểm về chất lượng cũng không ngừng thay đổi. Từ việc xem chất lượng là sự vượt trội, sự ưu tú của những năm 1980, nó đã chuyển sang việc tìm cách sửa sai để đảm bảo phù hợp với mục tiêu của chất lượng ở những năm 1990 - quan điểm thiên về việc thỏa mãn nhu cầu của khách hàng ở đại học. Cần phải nhấn mạnh thêm rằng, các quan điểm về chất lượng này không loại trừ lẫn nhau vì thế các trường có thể chọn một quan điểm có ý nghĩa nhất và phù hợp với hoàn cảnh riêng của trường mình. Riêng đối với quan điểm, chất lượng là sự biến đổi thật sự đáng nghiên cứu trong một môi trường nghiêng về các giá trị học thuật, vì đã tập trung vào giải quyết mâu chốt trong các chức năng của trường đại học: chức năng học thuật. Nếu xét về chức năng của trường đại học, một trường sẽ không phải là trường đại học nữa nếu không làm thay đổi cuộc sống của một sinh viên, ít nhất là về mặt kiến thức vì trường đại học cần thay đổi nhân sinh quan và thế giới quan của người học, cung cấp cho họ những kỹ năng cần thiết để tồn tại và phát triển trong một thế giới đầy biến động.

Do vậy, chất lượng đầu tư vào vốn con người của giáo dục đại học phải nằm trong một tiến trình làm biến đổi người học, trong đó việc học của sinh viên phải được quan tâm sâu sát và trợ giúp từ các khâu giảng dạy, đánh giá cũng như tất cả những yếu tố khác trong trường (cơ sở vật chất, môi trường, tác phong làm việc đối với sinh viên, ...). Việc giảng dạy phải làm sao thật sự kích thích khả năng ham hiểu biết, tìm tòi sáng tạo để làm thỏa mãn bản thân sinh viên về những điều chưa biết. Cách đánh giá không phải để kết thúc môn học hay chỉ để quyết định sinh viên thi đỗ hay trượt một môn học nào đó, mà nên là một kênh nhận xét để sinh viên nhận biết được năng lực và kiến thức của mình ở môn đó đã đạt đến mức nào, có nên tiếp tục các khóa học có liên quan không hay nên học lại và nếu học lại thì cần bổ sung những khoảng trống kiến thức nào. Tương tự, các yếu tố khác trong trường phải tạo tiền đề để việc học tập của sinh viên được diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất³³.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư vào vốn con người (đầu tư cho giáo dục đại học) và những vấn đề này vẫn đang là những thách thức chưa thể giải quyết một sớm một chiều ở Việt Nam, mặc dù đã có nhiều công cuộc cải cách giáo dục đã được triển khai. Bắt đầu từ các phương thức tuyển sinh người học để lựa chọn ra những người có thể đạt được hiệu quả của vốn đầu tư trí tuệ. Rồi tiếp theo là đội ngũ giảng viên, khởi nguồn của giáo dục đại học, gắn với đó là các phương pháp giảng dạy đang được vận dụng, cách thức tổ chức hệ thống giáo dục vừa biệt lập vừa phân tán, cấu trúc chương trình đào tạo và quản lý vận hành chương trình đào tạo chưa thể hiện rõ nét một triết lý giáo dục nhằm đào tạo ra những con người như thế nào trong bối cảnh giáo dục thế giới đang thay đổi mạnh mẽ, cạnh tranh thị trường lao động đang rất gay gắt. Phần đỉnh cao của phát triển giáo dục là gắn liền giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo bậc cao (thạc sỹ, tiến sỹ) gần như là một khoảng trống vô tận vẫn chưa có một định hướng nào cho cải cách hiệu quả. Đất nước không thiếu người tài, đội ngũ nhân lực có trình độ tiến sỹ được đào tạo chính quy từ các trường đại học danh tiếng không phải là ít, chính họ là tiền đề cho đào tạo bậc cao lại không say mê với đại học.

Những thách thức rất lớn đang xảy ra trong hệ thống GDĐT của Việt Nam thì khó có thể nói hiệu quả đầu tư vào vốn con người đạt được mong đợi. Những rào cản rất lớn, nhưng cơ hội cũng nhiều, đầu tư vào vốn con người ở Việt Nam có đạt được kỳ vọng hay không còn phụ thuộc vào cách thức mà chúng ta có biết nắm lấy cơ hội hay không. Nếu vốn con người đạt được kỳ vọng thì sẽ gìn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy được những tinh hoa mà cha ông đã để lại, đất nước sẽ trường tồn và sánh vai cùng các cường quốc.

6. Kết luận

Tương lai, các nhà nước sẽ phân chia thành những quốc gia thông minh, thông minh hơn, và thông minh nhất. Kết quả phụ thuộc vào cách thức mà mỗi quốc gia đầu tư vào nguồn vốn con người, gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc, khai thác đổi mới, năng lực sáng tạo trong phát triển kinh tế như thế nào.

³³ Xem: Trần Lê Hữu Nghĩa. *Những quan niệm về chất lượng giáo dục đại học*. Bài đăng trên Tạp chí Tia Sáng điện tử, ngày 20 tháng 04 năm 2011. Xem chi tiết trên website:

<http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=113&News=3996&CategoryID=6>

Mô hình hóa quá trình học tập trong lý thuyết tăng trưởng nội sinh liên quan đến một sự hiểu biết về các nguồn ngẫu nhiên tiềm ẩn trong quá trình khuếch tán của công nghệ và lan toả của nó trên lĩnh vực kinh tế, thương mại toàn cầu. Mô hình này có thể là cơ sở lý thuyết cơ bản để thiết kế mô hình nghiên cứu tăng trưởng kinh tế dựa trên khai thác hiệu quả nguồn vốn con người, gắn liền với phát triển văn hóa, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các nước đang phát triển trong bối cảnh công nghiệp 4.0 đang diễn ra, bao hàm cả Việt Nam.

Đầu tư vào nguồn vốn con người không chỉ tạo ra đội ngũ những con người có tay nghề cao trong lao động, sản xuất và phát triển kinh tế mà chính những con người ấy là những sứ giả có khả năng gìn giữ và phát triển nhưng tinh hoa văn hóa thiết thực nhất, bền vững nhất trong công cuộc cạnh tranh kinh tế mà không để mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Mối quan hệ giữa đầu tư vào vốn con người, giáo dục đại học và văn hóa dân tộc là mối quan hệ giàng buộc, tác động trực tiếp đến sự tồn tại của chính những thành tố này trong tiến trình phát triển. Không có sự đánh đổi nào giữa các thành tố này trong mối quan hệ hữu cơ phát triển bền vững quốc gia. Đầu tư vào phát triển là nghiêm túc nhưng kết quả đạt được là những thành công cộng hưởng, nếu văn hóa dân tộc vẫn giữ được bản sắc thì giáo dục đại học sẽ được cải cách và đầu tư vào vốn con người có hiệu quả vượt trội, đi kịp thời đại và vượt lên những quốc gia khác. Kinh nghiệm thế giới cho thấy rằng, không một quốc gia nào phát triển mà lại có thể đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Ngược lại, những quốc gia đánh mất bản sắc văn hóa thì chẳng những không phát triển được kinh tế, mà còn đánh mất chính nguồn vốn con người quý giá, mất cả khả năng kiểm soát đất nước, bất ổn định chính trị, bạo loạn xã hội, và có thể dẫn đến nội chiến hoặc ngoại xâm, tàn phá đất nước. Những thành tựu phát triển trong nửa thế kỷ qua của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan cho chúng ta thấy, để có được một nền kinh tế tăng trưởng bền vững như ngày hôm nay thì họ đã phải trải qua bao nhiêu thăng trầm để cải cách hệ thống giáo dục, đầu tư vào vốn con người, và văn hóa dân tộc không thể mất và cũng không thể đồng hóa. Khi đó, văn hóa chính là hồn dân tộc, còn văn hóa thì còn Tổ quốc.

NHẬN DIỆN VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI NHÀ TRƯỜNG

PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng*

Văn hóa học đường (VHHĐ) là một yếu tố trong đổi mới giáo dục, ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. VHHĐ có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của mỗi nhà trường. VHHĐ biểu hiện qua các chỉ báo sau đây: mức độ sâu sắc về lòng yêu nghề, yêu trẻ của thầy cô giáo, sự mẫu mực về đạo đức, lối sống và ý chí vươn lên tự học suốt đời của các thầy cô giáo, sự thuần nhất về đạo đức và ý thức tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức của học trò, tính chủ động, tự lực và lòng say mê ham học của học trò, tinh thần vượt khó để học tập của học trò, sự trung thực trong đánh giá và tự đánh giá chất lượng giáo dục, truyền thống tôn sư trọng đạo của học trò, truyền thống (đặc biệt là truyền thống dạy và học) của nhà trường, cảnh quan sư phạm của nhà trường, nề nếp kỷ cương (nhất là nề nếp dạy và học) của nhà trường, trình độ và phong cách quản lý nhà trường. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, vấn đề VHHĐ cần được xem là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, chấm dứt và hướng tới xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, xây dựng nhà trường thành trường học thành công và hiệu quả. Trong quá trình đó, các nhà trường cần chú ý các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng đến việc tạo lập và phát triển VHHĐ của nhà trường, thấy được mối quan hệ nhân quả, tác động tích cực và tác động tiêu cực của chúng và từ đó khai thác mặt tích cực vào xây dựng VHHĐ cho trường mình. Hiện nay, các đặc trưng của VHHĐ đang bị biến dạng dưới tác động của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố bên ngoài nhà trường. Trên cơ sở nhận diện các yếu tố này, bài tham luận có đưa ra một số biện pháp nhằm xây dựng và phát triển VHHĐ ở các nhà trường hiện nay.

1. Mở đầu

Văn hóa học đường là một yếu tố rất cơ bản của cơ chế phát triển từng nhà trường cũng như của toàn hệ thống, nó là nền tảng và định hướng cho sự phát triển tiến bộ của nhà trường, và là một yếu tố quan trọng trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục. Theo quan niệm chung, VHHĐ là một hệ thống phức hợp các giá trị, các chuẩn mực xung quanh chức năng giáo dục con người của nhà trường, được chấp nhận tự nguyện, được cam kết tôn trọng thực hiện từ đó mà các thành viên của nhà trường cùng nhau thực thi các hoạt động giáo dục, nhằm hoàn thành ngày càng tốt sứ mệnh của nhà trường.

Các giá trị và chuẩn mực VHHĐ phải tương đối bền vững, nghĩa là phải qua trải nghiệm và thử thách của thời gian, phải biến thành niềm tin trong hành động của mọi thành viên, và trở thành biểu tượng trong từng mặt hoạt động của nhà trường. Do đó, VHHĐ là sự thể hiện bản sắc tập thể, thông qua đó mà các thành viên của nhà trường được kết nối với nhau để phấn đấu cho mục tiêu chung. Tuy nhiên, văn hóa nhà trường chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố như bên trong nhà

* Học viện Quản lý giáo dục

trường và bên ngoài nhà trường, trong phạm vi bài viết chúng tôi đề cập đến mối quan hệ bên ngoài nhà trường với VHHD trong bối cảnh hiện nay.

2. Ý nghĩa của việc phát triển văn hoá học đường

Văn hóa học đường có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của mỗi nhà trường. Các lý do cần phải nuôi dưỡng vun trồng VHHD tích cực, lành mạnh có thể tóm tắt như sau:

- Sự phát triển của thế hệ trẻ chịu ảnh hưởng rất lớn của môi trường văn hoá xã hội nơi các em lớn lên; môi trường văn hoá học đường thuận lợi giúp trẻ có nhiều cơ hội để phát triển; môi trường này không thuận lợi sẽ làm thui chột sự phát triển;

- Văn hóa học đường lành mạnh giúp giảm bớt sự không hài lòng của GV và giúp giảm thiểu hành vi cử chỉ không văn hóa của HS;

- Tạo ra môi trường thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học, khuyến khích GV, HS nỗ lực rèn luyện, học tập đạt thành tích mong đợi;

Nếu VHHD bị xuống cấp hoặc thậm chí bị mất đi thì lập tức nhà trường sẽ bị tha hóa, bị mất phương hướng, bị suy thoái nội lực, chất lượng giáo dục sẽ giảm sút, có thể đến mức nhà trường không còn đủ năng lực và uy tín để tiếp tục làm nhiệm vụ đào tạo con người nữa và như vậy có ảnh hưởng to lớn đến xã hội.

3. Nhận diện văn hóa học đường

Văn hóa học đường không tồn tại một cách tự nhiên mà nó tồn tại và phát triển thông qua vật chủ mang nó - đó là đội ngũ CBQL, GV và HS. Những cá nhân của đội ngũ này, một mặt vừa là chủ thể tạo lập, thúc đẩy VHHD phát triển, mặt khác vừa là nơi VHHD thể hiện bản sắc của mình thông qua các hành vi của họ. Nhưng nếu chủ thể có nền văn hóa không tích cực thì đương nhiên cũng không thể hy vọng họ tạo lập và phát triển môi trường VHHD tích cực.

Văn hóa học đường biểu hiện qua các chỉ báo sau đây: mức độ sâu sắc về lòng yêu nghề, yêu trẻ của thầy cô giáo, sự mẫu mực về đạo đức, lối sống và ý chí vươn lên tự học suốt đời của các thầy cô giáo, sự thuần nhất về đạo đức và ý thức tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức của học trò, tính chủ động, tự lực và lòng say mê ham học của học trò, tinh thần vượt khó để học tập của học trò, sự trung thực trong đánh giá và tự đánh giá chất lượng giáo dục, truyền thống tôn sư trọng đạo của học trò, truyền thống (đặc biệt là truyền thống dạy và học) của nhà trường, cảnh quan sư phạm của nhà trường, nề nếp kỷ cương (nhất là nề nếp dạy và học) của nhà trường, trình độ và phong cách quản lý của hiệu trưởng, trình độ dân chủ hóa trong sinh hoạt của nhà trường.

Văn hóa học đường thường được xem xét ở 2 cấp độ: vô hình và hữu hình. Các thành tố chủ yếu thường ở dạng tiềm ẩn trong nhận thức và tình cảm của con người, chúng hình thành nên cấp độ vô hình của VHHD, khó nhận ra ngay. Chính hành động của con người (chủ yếu là thầy và trò) trong hoạt động thực tiễn dạy và học đã biến các thành tố vô hình nói trên thành các biểu tượng, và tạo nên cấp độ hữu hình của VHHD. Nhìn từ phía khách quan, người ta dễ nhận ra cấp độ hữu hình của VHHD, nhưng đó chưa phải là toàn bộ VHHD, mà đó chỉ là biểu hiện bên ngoài của VHHD. Chẳng hạn, biểu tượng về các chuẩn mực trong VHHD mà chúng ta thường thấy khi đến thăm một nhà trường nào đó, chính là cấp độ hữu hình của VHHD, như cảnh quan sư phạm, trang phục của thầy và trò, quan hệ giao tiếp trong trường và giao tiếp với khách, nghi thức chào cờ đầu tuần, nghi thức

chào đón học trò đầu cấp và tiễn đưa học trò cuối cấp, nghi lễ ngày khai trường, ngày bế giảng, ngày kỷ niệm thành lập trường, ngày Nhà giáo Việt Nam, nề nếp gặp mặt và tặng quà các cựu giáo chức của trường nhân ngày 20/11, nề nếp gặp mặt và giao lưu với HS cũ đã ra trường.

Muốn nhận diện được đúng trình độ của VHHD thì phải có cách đánh giá toàn diện, kết hợp được cả 2 cấp độ, không thể chỉ căn cứ vào cấp độ hữu hình, nhưng cũng không thể chỉ qua đánh giá cấp độ vô hình bằng suy diễn cảm tính.

4. Các yếu tố bên ngoài nhà trường ảnh hưởng đến môi trường văn hóa học đường

Văn hóa học đường ở nước ta hiện nay đang bộc lộ những gam màu không sáng sủa và đầy thử thách. Bệnh thành tích, gian lận trong đánh giá, thi cử, chuyện mua bán các kết quả học tập và rèn luyện, chuyện linh xình mắt đoàn kết, chuyện gia trưởng của hiệu trưởng, chuyện tài chính bất minh, chuyện HSSV hư hỏng, đua đòi ăn chơi và dính dáng vào các tệ nạn xã hội, chuyện bạo lực học đường v.v..., dẫn đến chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng, nề nếp kỷ cương bị đảo lộn. Tất cả biểu hiện đó của VHHD đều do tác động của nhiều yếu tố, trong đó có những yếu tố bên ngoài nhà trường có vai trò quan trọng, có thể kể đến một số yếu tố.

4.1) Tác động của nền kinh tế thị trường

Bên cạnh những mặt tích cực, cơ chế kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều hệ lụy liên quan đến hành vi văn hóa của con người, trong đó có hành vi văn hóa của GV và HS. Kinh tế hàng hóa dựa trên quan hệ trao đổi lấy lợi nhuận làm mục đích, lấy đồng tiền làm công cụ giải quyết mọi vấn đề không chỉ diễn ra trong hoạt động kinh tế mà nó đã thâm nhập vào môi trường học đường, làm biến dạng các hành vi văn hóa tích cực giữa con người với nhau trong học đường. Các hành vi biến dạng này xảy ra cả ở hoạt động giảng dạy, cả ở hoạt động tổ chức và cán bộ, cả ở trong quan hệ giao tiếp thuần túy với nhau. Có thể nói tác động của cơ chế thị trường có tính hủy hoại ghê gớm đến tất cả các mối quan hệ trong nhà trường: quan hệ giữa lãnh đạo với GV, quan hệ giữa GV với GV, quan hệ giữa GV với HS, quan hệ giữa HS với HS. Nếu coi những mặt trái của kinh tế thị trường là virus gây bệnh thì bản thân lãnh đạo nhà trường, GV và HS đều có thể là những vật chủ mang mầm bệnh đó nếu không biết tự bảo vệ cho mình và đưa mầm bệnh đó vào môi trường học đường. Nếu xảy ra như vậy thì đây là một sự thất bại đau đớn của chúng ta, các nhà trường thời kinh tế thị trường có còn sạch sẽ và cao cả như nó vốn có nữa không? giá trị nào, chuẩn mực nào đang chi phối các hoạt động trong nhà trường hiện nay? Chính các mặt trái của cơ chế thị trường đã và đang tạo ra nhiều khó khăn, thử thách đối với sự phát triển VHHD, đã và đang làm cho bộ mặt văn hóa nhà trường của chúng ta có những biến đổi không bình thường, thậm chí có thể nói là đang xuống cấp, tha hóa.

4.2) Tác động của môi trường xã hội

Nhà trường không phải là một ốc đảo. Các hoạt động của nhà trường có mối quan hệ hữu cơ với môi trường xung quanh: với chính quyền địa phương, với cộng đồng dân cư nơi trường tọa lạc, với trình độ phát triển kinh tế và văn hóa địa phương. Tất cả các yếu tố có tính khách quan này đều tác động đến sự hình thành VHHD của nhà trường thông qua các chủ thể CBQL nhà trường, GV và HS.

Kinh tế bao giờ cũng là điều kiện vật chất cho mọi hoạt động, trong đó có hoạt động xây dựng môi trường VHHD. Địa phương nào có điều kiện kinh tế tốt thì địa phương đó có điều kiện hỗ trợ cho nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thông qua đó để kết nối các quan hệ thầy với thầy, thầy với trò, trò với trò và quan hệ tập thể nhà trường với cộng đồng dân cư ở địa phương, để hiểu truyền thống văn hóa lịch sử của địa phương.

Địa phương nào có bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú, tích cực và tiến bộ thì bản thân nền văn hóa đó sẽ hình thành những giá trị, chuẩn mực tích cực ở trong mỗi thành viên sinh sống trong địa phương đó, trong đó có GV và HS. Và từ đây, các giá trị, chuẩn mực tích cực của địa phương thông qua GV và HS lan tỏa và góp phần hoàn thiện bản sắc VHHD vốn đã hình thành trong nhà trường. Tuy nhiên, nếu văn hóa địa phương có yếu tố tiêu cực, chắc chắn nó cũng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển VHHD của nhà trường. Ví dụ, ở những địa phương thường xuyên tồn tại hệ thống chợ mua bán xung quanh trường học như là một nét văn hóa của địa phương đó thì thực trạng này ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đến xây dựng hành vi học đường của GV và HS, đến môi trường cảnh quan sư phạm của nhà trường.

Nói địa phương là nói đến cộng đồng dân cư, mà đại diện cho cộng đồng dân cư đó là chính quyền địa phương. Thái độ của chính quyền đối với việc học ở địa phương như thế nào cũng ảnh hưởng đến việc tạo lập và phát triển VHHD trong nhà trường. Sự quan tâm thường xuyên của chính quyền, của các ban ngành, các tổ chức chính trị-xã hội, các đoàn thể đến hoạt động dạy học của nhà trường chính là tác nhân tích cực kích lệ truyền thống tôn sư trọng đạo ở địa phương, tạo động lực cho GV yêu trường, yêu nghề, là cách giáo dục cha mẹ HS và HS tốt nhất về tình nghĩa thầy trò. Nếu được như thế, GV sẽ tự hào với nghề nhà giáo của mình, tận tụy với công việc giảng dạy ở nhà trường hơn, sẽ có tình cảm như mẹ hiền đối với HS, và từ đó mà tạo nên VHHD tích cực trong nhà trường.

Nói đến chính quyền không thể không đề cập đến vai trò của chính quyền trong việc bổ nhiệm hiệu trưởng nhà trường - một chủ thể chủ chốt trong việc tạo lập văn hóa nhà trường. Nếu chính quyền bổ nhiệm một hiệu trưởng có phong cách lãnh đạo chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, kéo bè kéo cánh thì chắc chắn tập thể GV và HS khó lòng xây dựng được một nhà trường có môi trường VHHD tích cực. Thậm chí, một nhà trường đã có môi trường VHHD tích cực nhưng nếu như một hiệu trưởng mới được bổ nhiệm có những tính cách như đã nêu ở trên thì môi trường VHHD tốt đẹp vốn đã có cũng sẽ bị hủy hoại. Sẽ xuất hiện sự thiếu tôn trọng lẫn nhau giữa lãnh đạo nhà trường và GV, sự mất đoàn kết trong tập thể GV, xuất hiện tình trạng nịnh bợ lãnh đạo, triệt tiêu động lực làm việc, và từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục của nhà trường. Qua đó cho thấy yếu tố chính quyền có tác động vô cùng lớn đến việc tạo lập và phát triển VHHD ở các nhà trường hiện nay và vì thế các cấp chính quyền cần ý thức được hệ quả của việc bổ nhiệm nhân sự không đúng như thế nào.

3) Tác động của môi trường gia đình

Một trong những chủ thể tạo lập VHHD - đó là HS. Có thể nói rằng HS vừa là người hưởng thụ VHHD mà nhà trường đã tạo nên, nhưng cũng là một thành tố

cấu thành VHHĐ đó thông qua các hành vi của mình. Có những hành vi văn hóa của HS do nhà trường giáo dục xây dựng nên, nhưng cũng có những hành vi văn hóa được hình thành từ chính văn hóa gia đình của bản thân HS tạo nên. Nhìn từ góc độ này có thể thấy vô số các ví dụ để làm minh chứng cho nhận xét đó.

Câu nói “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính” thể hiện quan điểm vô trách nhiệm của gia đình trong các hành vi không tích cực của con cái, và là nguyên nhân dẫn đến nhiều vụ việc thiếu văn hóa của HS trong nhà trường. Khoa học giáo dục hiện nay đã khẳng định gia đình là một chủ thể trong giáo dục HS, có trách nhiệm cùng với nhà trường phối hợp giáo dục con cái của mình. Do vậy, với việc xây dựng và phát triển VHHĐ ở nhà trường thì môi trường gia đình HS cũng là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn, cần được quan tâm nghiên cứu.

Môi trường gia đình HS bao gồm các khía cạnh kinh tế, hôn nhân, trình độ văn hóa và lối sống. Kinh tế gia đình khó khăn có thể ảnh hưởng đến tính cách và ứng xử của HS như tự ti, thiếu chủ động, nhưng ngay cả kinh tế gia đình khá giả cũng có thể liên quan đến việc hình thành các hành vi văn hóa tiêu cực của HS như tính ích kỷ, coi thường người khác,... Tình trạng hôn nhân không thuận lợi của cha mẹ HS cũng có thể ảnh hưởng đến hành vi ứng xử của HS tại trường. Đặc biệt, nếp sống giao tiếp của gia đình có tác động rất lớn đến việc hình thành các hành vi văn hóa của HS.

5. Các biện pháp xây dựng và phát triển văn hóa trường học

- Phải quán triệt rõ ràng cho toàn thể các thành viên của nhà trường, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và các thầy cô giáo về mục tiêu giáo dục của chúng ta hiện nay. Thông qua đó để đảm bảo hoạt động của nhà trường luôn giữ được đúng quỹ đạo và bản sắc của nhà trường Việt Nam, luôn bám sát mà không xa rời mục đích phục vụ “Vì con người”, “Vì lợi ích của đất nước”, không bị ô nhiễm bởi xu hướng thương mại hóa giáo dục, không bị sa vào mục đích lợi nhuận và cảm giỗ vật chất đơn thuần. Phải xây dựng và đánh giá đúng thực chất đoàn kết trong tập thể, đừng nhìn bên ngoài tập thể là một số cốt cán không có phát biểu gì, nhất trí cao là đoàn kết - đoàn kết như vậy là vờ đoàn kết, thể hiện tập thể yếu kém, báo động một thời kỳ suy thoái nghiêm trọng của tập thể.

- Xây dựng quy trình lựa chọn, bổ nhiệm hiệu trưởng nhà trường một cách khách quan, chính xác theo nguyên tắc vì tập thể nhà trường, không vụ lợi. Việc lựa chọn và bổ nhiệm hiệu trưởng nhà trường thường phụ thuộc vào ý chí chủ quan nên có thể xảy ra việc bổ nhiệm không lành mạnh, và điều đó có ảnh hưởng vô cùng lớn đến việc tạo lập và phát triển VHHĐ. Vì vậy, việc tạo lập và phát triển VHHĐ lành mạnh đòi hỏi việc lựa chọn và bổ nhiệm lãnh đạo nhà trường được thực hiện theo một quy trình khách quan, trung thực và chính xác.

- Tăng cường mối quan hệ nhà trường với chính quyền và cộng đồng địa phương. Thông qua mối quan hệ này để đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, duy trì và mở rộng sự quan tâm của chính quyền và cộng đồng địa phương vào xây dựng và phát triển nhà trường nói chung, trong đó có xây dựng và phát triển VHHĐ nói riêng.

- Lãnh đạo nhà trường phải có cơ chế và thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ HS, qua đó biết được hoàn cảnh gia đình để có biện pháp phối hợp với gia

đình trong việc giáo dục văn hóa và đạo đức HS. Bằng cách này, lãnh đạo nhà trường có thể khai thác yếu tố gia đình hỗ trợ cho việc tạo lập và phát triển VHHD của nhà trường.

Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, vấn đề VHHD cần được xem là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, chấm dứt và hướng tới xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, xây dựng nhà trường thành trường học thành công và hiệu quả. Trong quá trình đó, các nhà trường cần chú ý các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng đến việc tạo lập và phát triển VHHD của nhà trường, thấy được mối quan hệ nhân quả, tác động tích cực và tác động tiêu cực của chúng và từ đó khai thác mặt tích cực vào xây dựng VHHD cho trường mình.

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TỪ CÁC MỐI QUAN HỆ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG

*Hoàng Nữ Hảo Tâm**

Văn hóa học đường (VHHĐ) có vai trò quan trọng trong các trường THPT, đó là môi trường để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ sống có hoài bão, có lý tưởng cao đẹp. VHHĐ lành mạnh sẽ tạo điều kiện cho các thành viên chia sẻ, hợp tác, tạo ra môi trường thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giúp cho HS có kỹ năng tự xây dựng một hệ giá trị lành mạnh, đúng đắn. Vì vậy, việc xây dựng VHHĐ được coi là nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng trong sự nghiệp phát triển GDĐT. Tuy nhiên, hiện nay VHHĐ đang có những biểu hiện xuống cấp, là sự xuống cấp đáng sợ nhất của một nền giáo dục và là mối lo ngại của toàn xã hội. Hậu quả của sự xuống cấp đó đã ảnh hưởng xấu đến những chuẩn mực đạo đức quý giá, đã làm lu mờ những nét văn hóa truyền thống của xã hội, làm tổn hại về mặt nhân cách và sự sai lệch về mặt hành vi, làm mất trật tự xã hội một cách đáng báo động. Đứng trước thực trạng này, đòi hỏi phải có sự quan tâm, phối hợp hành động của cả gia đình, nhà trường và xã hội, sự vào cuộc của nhiều tổ chức, đoàn thể, cao hơn nữa là những căn cứ pháp lý để tạo nên môi trường tốt hơn trong trường học.

Có rất nhiều yếu tố, nhiều mối quan hệ tác động đến VHHĐ, trong đó cần phải quan tâm nghiên cứu đến các yếu tố từ môi trường bên ngoài. Qua thực tế nhìn nhận vấn đề này từ các trường phổ thông, bài tham luận sẽ tập trung làm rõ thực trạng, mối quan hệ nhân quả và một số giải pháp liên quan đến VHHĐ từ các mối quan hệ ngoài nhà trường.

VHHĐ là vấn đề đang được nhắc đến nhiều trong những năm gần đây. Bàn về VHHĐ, có nhiều tác giả đã phân tích một cách sâu sắc về thực trạng cũng như nhận diện khá rõ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này.

Môi trường văn hoá học đường là nơi mà mỗi cá nhân có điều kiện thể hiện mình một cách toàn vẹn nhất vì mục tiêu chung của cộng đồng. Mục tiêu chung nhất của VHHĐ đó là xây dựng trường học lành mạnh, các mối quan hệ thân thiện và chất lượng giáo dục thực chất, hiệu quả. Vì vậy, việc xây dựng VHHĐ được coi là nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng trong sự nghiệp phát triển GDĐT, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, VHHĐ hiện nay đang có những biểu hiện của sự xuống cấp, đó là mối lo ngại của các nhà quản lý giáo dục cũng như của toàn xã hội.

Văn hóa học đường bị tác động bởi nhiều yếu tố, đó là từ các mối quan hệ bên ngoài và các yếu tố thực tại từ trong môi trường của học đường đang diễn ra hàng ngày. Bài viết này sẽ trao đổi thêm về phương diện VHHĐ từ các mối quan hệ bên ngoài.

1. Các yếu tố tác động đến văn hóa học đường

Thực tế cho thấy, các mối quan hệ từ bên ngoài ảnh hưởng đến giá trị VHHĐ có tác động mạnh mẽ và sâu sắc nhất là yếu tố gia đình và xã hội.

1.1. Về khía cạnh xã hội

* Phó Hiệu trưởng trường THPT Chuyên Quốc Học Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nhà trường và công việc GDĐT luôn chịu sự tác động của môi trường xã hội. Xã hội trong những năm gần đây với sự phát triển mạnh của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập và CNTT đã tác động lớn đến môi trường VHHD.

- *Sự phát triển của nền kinh tế* đã làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt đời sống văn hoá tinh thần của xã hội. Bên cạnh những mặt tích cực, thuận lợi thì văn hoá nói chung và VHHD nói riêng đang đứng trước nhiều vấn đề thử thách, trở ngại. Xu thế thương mại hoá giáo dục, trào lưu “hướng ngoại”, đua đòi từ việc đi đứng, ăn mặc, phát ngôn, trang phục,...chạy theo trào lưu “Tây hóa” ngày một gia tăng dẫn đến nguy cơ đánh mất dần bản sắc dân tộc. Hiện tượng này đã tác động tiêu cực đến một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên, nhất là HS trong các trường phổ thông. Thực trạng HS vô lễ, coi thường bố mẹ, thầy cô, trộm cắp, bỏ học, sa vào các tệ nạn xã hội ngày càng trở thành vấn đề cấp bách được toàn xã hội quan tâm.

- *Sự phát triển của nền kinh tế thị trường* cũng tác động đến học đường. Mặt trái của kinh tế thị trường đã làm phát sinh một số tiêu cực trong ngành giáo dục. Các hiện tượng quay cóp, gian lận trong học hành, thi cử vẫn chưa được đẩy lùi. Hiện tượng xin điểm, mua điểm, “chạy điểm”, “chạy trường” vẫn còn phổ biến. Nhiều phụ huynh đã tìm mọi cách tạo mối quan hệ thân thiết với GV để có sự ưu ái, nâng đỡ con em mình với những lí do không chính đáng, điều đó đã tạo ra sức ỳ và tâm lý ỷ lại vào cha mẹ, làm mất đi ý chí phấn đấu vươn lên của một bộ phận HS. Lối sống đua đòi, chạy theo thị hiếu tầm thường cũng tác động mạnh mẽ vào trường học làm quá trình xây dựng VHHD gặp nhiều khó khăn.

- *Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* cũng tác động đến VHHD theo nhiều hướng khác nhau. Toàn cầu hóa giúp chúng ta tiếp thu được một số mô hình đào tạo của các nước tiên tiến, nhưng chính toàn cầu hóa và hội nhập cũng đã tác động mạnh mẽ đến tâm lý HS, đến VHHD theo hướng thiếu lành mạnh. Nhiều HS, bản thân chưa tự lập được tài chính lại luôn chạy theo sự thay đổi liên tục của một thời đại, ăn chơi, đua đòi, làm giảm ý chí và kết quả học tập. Lối sống tự do, ích kỷ, nhấn mạnh cái tôi cá nhân, quên đi tính tập thể và tính cố kết cộng đồng làm cho mô hình VHHD bị rạn nứt.

- *Sự phát triển của CNTT* đã thúc đẩy xã hội phát triển, MXH đã giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, là công cụ giúp kết nối với thế giới chung quanh bằng khối lượng thông tin khổng lồ. Song khi lạm dụng, nó hoàn toàn có thể trở thành tác nhân gây ra những cảm xúc, suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc.

Thời gian gần đây, nhiều sự việc đáng tiếc liên tiếp xảy ra trong môi trường học đường có phần tác động không nhỏ từ MXH, khiến không ít các bậc làm cha mẹ phải lo lắng vì những nguy cơ tiềm ẩn mà công cụ này “mang lại” cho con em mình. Nhiều minh chứng đã cho thấy, việc nghiện MXH là một trong những biểu hiện của sự xuống cấp nghiêm trọng của VHHD.

Đó là những trang facebook được HS lập ra công khai để nói xấu, lăng mạ bạn bè, thầy cô và cả những người sinh ra mình, là “hội những người ghét cha mẹ”, với đầy những lời lẽ hận thù, cay độc và ngớ ngẩn đến mức kinh khủng.

Rồi đến những chuyện rất đơn giản, chỉ vài ba câu đối chát, tranh cãi, thách đố nhau trên MXH cũng có thể nảy sinh những mâu thuẫn, chửi bới, miệt thị, ghen tuông. Rồi những soi mói, xúc phạm, kích động, thách thức,...dẫn tới bạo lực tinh

thân, bạo lực thể xác, đánh nhau theo kiểu hội đồng diễn ra ngay trong trường học, trên đường phố và cả những nơi công cộng. Và xót xa thay, điều đó lại nhận được sự cổ vũ, quay video hay là đứng nhìn vô cảm của nhiều thanh thiếu niên khác. Hiện tượng kéo bè, tạo nhóm, tẩy chay khiến nhiều HS rơi vào tình trạng tự kỷ, trầm cảm và muốn tìm đến cái chết...

Phần nọ hơn là sự biến tướng văn hóa dùng MXH trong HS như một trào lưu tự khẳng định điên rồ: với tiêu chí “đạt số like là làm”, không chỉ gây hậu quả cho xã hội mà còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng bản thân và cộng đồng. Hoặc thể hiện “cái tôi” điên khùng “nói là làm”, “đu số like” là tự nhảy xuống hồ, khóa thân nằm giữa sân trường, cởi quần áo ra đường livestream, thậm chí đốt nhà, đốt trường,... Đây rầy những thông điệp vô nghĩa, mất trí được nghĩ ra chỉ để tạo sự phân kích, “câu like” từ cái gọi là *cộng đồng mạng*.

- *Hậu quả của sự thiếu định hướng trong chọn lựa và sử dụng MXH* đã khiến một bộ phận không nhỏ HS, thanh thiếu niên trở nên thờ ơ, lạnh lùng và ích kỷ. Những hiện tượng, xu hướng thiếu văn hóa được sự khiêu khích của cộng đồng ảo rất dễ khiến những người chưa thành niên có những ảo tưởng ngông cuồng, dẫn đến hành vi lệch chuẩn. Nhiều HS bỏ bê việc học hành, sức khỏe giảm sút về cả thể chất lẫn tinh thần. Nặng hơn thì sa vào những hội, nhóm, trào lưu không lành mạnh, nạn bắt nạt học đường, nạn ma túy học đường cũng tìm đến bằng con đường này. Cũng bởi tính “mở” không giới hạn và khả năng tương tác cực mạnh của MXH, mà những biến tướng lệch lạc, quái dị nảy nở và lan truyền trong môi trường học đường.

1.2. Ảnh hưởng của giáo dục gia đình đến văn hóa học đường

Bên cạnh sự tác động từ môi trường xã hội, VHHD cũng đang bị ảnh hưởng lớn từ cách giáo dục của mỗi gia đình. Gia đình có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của HS. Gia đình không ổn định, không bền vững thì dù có cố gắng đến đâu thì cũng không bù đắp được sự thiếu hụt từ giáo dục gia đình.

- *Từ cách sống và giáo dục con cái của mỗi gia đình*: Do mặt trái của kinh tế thị trường, nhiều gia đình có cuộc sống phức tạp (bố mẹ có quan hệ làm ăn, buôn bán phi pháp, coi trọng đồng tiền, nhận thức hạn chế...), do hoàn cảnh của mỗi gia đình (bố mẹ bỏ nhau, gia đình ly tán, hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ lo kiếm sống...) đã không tránh khỏi những hệ quả xấu trong giáo dục con cái. Nếu các bậc cha mẹ lơ là không quan tâm đến việc nuôi dạy con cái, không biết cách giáo dục con cái, thiếu gương mẫu trong cách sống..., tất yếu sẽ đem lại những hậu quả khôn lường đối với sự nhận thức của con cái trong gia đình.

- *Những quan điểm không đúng trong giáo dục gia đình*: Điều này cũng khiến việc giáo dục HS bị lệch hướng. Đó là sự ỷ lại cho nhà trường, thiếu trách nhiệm, coi chức năng giáo dục của gia đình đã được chuyển giao cho trường học, hoặc quá cứng nhắc trong các biện pháp giáo dục, coi việc làm của gia đình là đúng còn cách làm của thầy cô là sai; sử dụng các biện pháp quá hà khắc như dùng đòn roi, phạt giam, thiếu tôn trọng nhân cách của HS. Ngược lại, cách giáo dục nuông chiều, quá nhu nhược, buông lỏng quản lý, bỏ mặc con cái muốn làm gì thì làm...

- *Hậu quả từ giáo dục gia đình không đúng hướng đã gây nên những hệ lụy:* Con cái cãi lại bố mẹ, có những học trò ngang nhiên cãi lại thầy, cô giáo; bạn bè gây gỗ đánh nhau, xảy ra khá thường xuyên; những đoạn phim quay cảnh HS dọa nạt, hành hung bạn, thậm chí xúc phạm và đánh cả GV được ghi lại... Chính những hành động ấy đã làm cho VHHD xuống cấp, ảnh hưởng xấu đến những chuẩn mực đạo đức quý giá, càng làm lu mờ những nét văn hóa truyền thống của xã hội, thể hiện một sự suy đồi về mặt đạo đức và sự sai lệch về mặt hành vi làm mất trật tự xã hội một cách đáng báo động.

2. Các biện pháp xây dựng văn hóa học đường

Những vấn đề biểu hiện trên dễ nhận thấy vì HS ở giai đoạn lứa tuổi chưa hoàn toàn là người lớn. Các em chưa trưởng thành về nhận thức và trách nhiệm hành vi. Trong khi đó, bối cảnh xã hội ngày nay thay đổi chóng mặt, tác động của xã hội nhanh và trực tiếp đến người học qua các kênh thông tin đại chúng, với nhiều ảnh hưởng xấu đến HS, cổ xúy cho các hành vi tiêu cực, phản cảm, trái quy chuẩn đạo đức,... nên càng làm phức tạp hơn diễn biến tâm lý bên trong của mỗi HS. Vì vậy, để định hướng đúng cho HS trong các mối quan hệ học đường, rất cần đến sự đồng hành của nhiều giải pháp:

2.1. Về phía gia đình

Vai trò của gia đình được nhấn mạnh là rất quan trọng:

- Cha mẹ cần dành thời gian quan tâm, chia sẻ, hướng dẫn, rèn luyện con em theo hướng phát triển nhân cách toàn diện;
- Cha mẹ chú ý quan sát và lắng nghe mọi biểu hiện bất thường để kịp thời tư vấn và giúp đỡ. Tránh các động thái như mắng chửi hay bắt từ bỏ MXH bởi có nguy cơ phản tác dụng, khiến các em càng bất mãn, chống đối;
- Gia đình cần tạo không khí êm ấm, hoà thuận, có những quy định nghiêm khắc nhưng khoan dung độ lượng và có sự hợp tác tích cực của các thành viên trong gia đình;
- Uy quyền của bố mẹ trong giáo dục gia đình phải được thể hiện rõ nhưng luôn có tình yêu thương và phải tôn trọng nhân cách của con em;
- Cha mẹ phải thống nhất mục đích giáo dục theo mô hình lí tưởng của xã hội và chú trọng tạo môi trường lành mạnh cho con em hoạt động.

2.2. Về phía nhà trường

- Cần phải xây dựng và củng cố, nâng cao nhận thức về VHHD cho HS, chú trọng đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng".

- Nhà trường cần quan tâm tới việc xây dựng một cách cụ thể, chi tiết và thực hành tốt quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

- Nhà trường nên thường xuyên tổ chức tốt các buổi nói chuyện, giúp các em chuyển biến nhận thức, thay vì dùng MXH để thể hiện những hành vi tiêu cực, những cái tôi cá nhân vô vị thì hãy lan tỏa những hành động đẹp có ý nghĩa với cộng đồng, xây dựng môi trường mạng lành mạnh. Cần tuyên truyền, giáo dục ý thức dùng MXH theo hướng tích cực, đầu tư các hoạt động ngoại khóa, mời chuyên gia nói chuyện và tư vấn, cho HS thảo luận, tọa đàm về văn hóa MXH, từ đó rút ra những bài học có ý nghĩa về giáo dục. Hoặc tạo những fanpage có nội

dung lành mạnh để các em tham gia, như các nhóm hoạt động tình nguyện, tạp chí nội san trường học, các câu lạc bộ trong trường học, diễn đàn phim ảnh, âm nhạc,... thay cho các fanpage tiêu cực, kích động. Trào lưu “nói là làm” cần phải được chuyển hóa và nhân rộng thành những hành động có ý nghĩa tích cực, vì lợi ích cộng đồng (làm hoạt động từ thiện, nhân ái, tình nguyện cộng đồng...)

2.3. Biện pháp phối hợp

- *Sự phối hợp giữa gia đình với nhà trường*: Sự phối hợp này cần được tiến hành thường xuyên hơn để thông tin, trao đổi những vấn đề cần thiết xảy ra trong sinh hoạt, học tập của các em ở nơi học đường. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ đó mà các em HS được quan tâm nhiều hơn và các em cũng ít mắc phải khuyết điểm hơn. Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình với nhà trường có tác dụng động viên, khuyến khích các em rất nhiều.

Nội dung phối hợp: Chú trọng các nội dung phối hợp để nâng cao chất lượng học tập, phát huy tính tích cực của HS trong học tập; phối hợp để giúp HS rèn luyện và chủ động tham gia các hoạt động xã hội, rèn luyện kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp cho HS trong tương lai. Sự phối hợp giữa gia đình với nhà trường nhằm tăng cường giáo dục cho HS ý thức, thái độ học tập chủ động, nghiêm túc và cũng đề tổ chức cho HS quan tâm đến những bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn, kết nối yêu thương trong cộng đồng.

Hình thức phối hợp: Hình thức phải đa dạng hóa, như tổ chức sinh hoạt nội khoá, ngoại khoá, giao lưu văn nghệ, thể dục, thể thao; tổ chức các hoạt động ngoài trời như trải nghiệm, du ngoạn, tổ chức các trò chơi dân gian, tổ chức phối hợp tham quan học tập; tổ chức cho các đoàn thể nhà trường kết nghĩa với các đoàn thể khác, qua đó xây dựng chương trình hành động ý nghĩa thiết thực.

- *Phối hợp với địa phương nơi trường đóng*: tạo điều kiện giáo dục kỹ năng mềm cho các em trong việc tham gia các hoạt động tình nguyện, đóng góp cộng đồng (công tác môi trường, chăm sóc bảo tồn GTVH địa phương, chăm sóc người cao tuổi, người khó khăn bệnh tật,..), từ đó giáo dục cho các em ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền thống nhân ái, lòng bao dung... có ý nghĩa lớn trong việc tạo nên VHHD tích cực.

- *Phối hợp với các cơ quan chức năng khác trong việc ngăn chặn ảnh hưởng xấu của MXH tới VHHD*.

Sở Thông tin - Truyền thông cần có sự quản lý, giám sát chặt chẽ hơn việc đưa các thông tin sai lệch cũng như phát ngôn thiếu chuẩn mực của một bộ phận thanh thiếu niên lên MXH vì MXH có tốc độ tán phát rất nhanh, thu hút hàng trăm nghìn lượt người theo dõi, chia sẻ, bình luận gây tác động lớn đối với đời sống xã hội nhất là độ tuổi thanh thiếu niên có tỷ lệ dùng mạng rất lớn.

Pháp luật cần có hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với những trường hợp thanh thiếu niên sử dụng MXH để lan truyền các hành vi và tư tưởng phản giáo dục. Xử lý đối tượng vi phạm là biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn cũng như răn đe các trường hợp khác.

3. Kết luận

Như vậy có thể thấy, những bên cạnh những tác động tích cực từ các mối quan hệ bên ngoài mang lại thì những hệ lụy do mặt trái của nó gây ra cũng đang là

vấn đề nhức nhối cho toàn xã hội. Tình trạng đó khiến cho sự xuống cấp của VHHD ngày càng trầm trọng đòi hỏi phải có sự quan tâm, phối hợp hành động của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là vấn đề đang cần sự vào cuộc của nhiều tổ chức, đoàn thể, cao hơn nữa, là những căn cứ pháp lý để tạo nên môi trường tốt hơn trong trường học.

Đã đến lúc chúng ta phải nhìn nhận một cách khách quan về sự thật và phải quan tâm nhiều hơn đến giáo dục hành vi văn hóa cho HS, bởi vì trường học là nơi đào tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao, những người chủ tương lai cho đất nước. Cần phải xem hành vi VHHD là một tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá chất lượng của HS. Các nhà quản lý giáo dục, GV, cán bộ trong các cơ sở đào tạo phải có ý thức giáo dục hành vi VHHD cho HS, nhằm xây dựng môi trường VHHD lành mạnh, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2022

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường

Văn hoá học đường là một môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân. Trong những năm qua, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, văn hóa, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, nhà trường và xã hội quan tâm. Công tác xây dựng văn hóa học đường đã có nhiều chuyển biến tích cực; tạo niềm tin cho xã hội về chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên, nhà giáo biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống văn hóa, hành vi ứng xử trên bình diện xã hội và môi trường học đường. Ở một số địa phương, công tác xây dựng văn hóa học đường chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, thường xuyên; việc thực hiện còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội và các tổ chức đoàn thể trong trường học thiếu chặt chẽ; nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa học đường ở một số nơi còn bất cập, thiếu hấp dẫn.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền giáo dục với tư tưởng phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; tăng đầu tư cho phát triển văn hóa, xây dựng văn hóa học đường tạo môi trường, điều kiện thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tin, khát vọng, tự hào dân tộc đối với học sinh, sinh viên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về xây dựng văn hóa trong trường học, tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khơi dậy khát vọng cống hiến, nâng cao sức khỏe học đường cho học sinh, sinh viên và xây dựng xã hội học tập: Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021, Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2022.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác giáo dục văn hóa học đường bảo đảm bám sát định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Trong đó, chú trọng hoàn thiện các quy định:

- Về quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

- Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; điều lệ các cấp học, quy chế đánh giá hạnh kiểm, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên;

- Nghiên cứu rà soát, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định, các loại chuẩn, tiêu chuẩn có tính hình thức, cứng nhắc, không phát huy được tính sáng tạo, chủ động ở các cấp cơ sở giáo dục, không phù hợp với thực tiễn, dẫn tới bệnh thành tích trong giáo dục.

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức; khuyến khích tinh thần tự đọc, tự học tạo cơ sở để người học cập nhật tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực, hoàn thiện bản thân.

- Kết hợp giữa dạy chữ, dạy người, trang bị kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho người học; giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ; tôn trọng ý kiến học sinh, sinh viên; phát triển cho học sinh, sinh viên những phẩm chất yêu đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Tuyên truyền, giáo dục và triển khai các giải pháp thiết thực để thực hiện hiệu quả, thực chất 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.

- Giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên về tình cảm, tình yêu quê hương đất nước; bảo tồn những giá trị văn hóa, lịch sử của cộng đồng các dân tộc; xây dựng, phát triển giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua các hình thức khẩu hiệu, báo chí, phương tiện truyền thông, internet phù hợp với thuần phong mỹ tục, đúng mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường, của ngành. Đảm bảo công tác xây dựng văn hóa học đường là hoạt động thường xuyên, liên tục.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn việc đổi mới dạy và học môn đạo đức, giáo dục công dân, sinh hoạt Đoàn, Đội. Xây dựng văn hóa học đường gắn với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; khơi dậy tinh thần thi đua học tập, rèn luyện; ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp; giáo dục cho học sinh, sinh viên hình thành năng lực cảm thụ, đánh giá các giá trị văn hóa, truyền thống thông qua các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật; có ý thức tiếp thu, gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

đ) Quan tâm, bồi dưỡng tâm hồn, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động trải nghiệm, các câu lạc bộ, hoạt động thể dục, thể thao trong và ngoài nhà trường.

e) Tiếp tục chỉ đạo toàn ngành tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý

giáo dục, giáo viên theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

- Quan tâm xây dựng mối quan hệ con người với con người; con người với tự nhiên trong môi trường giáo dục; phát huy vai trò nêu gương của người thầy, bảo đảm mỗi thầy cô giáo là tấm gương về tự học, đổi mới sáng tạo; đạo đức, lối sống, ý chí phấn đấu khát vọng cống hiến.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu xây dựng về vị trí việc làm cho công tác giáo dục chính trị theo đúng Kết luận số 94-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị.

g) Đổi mới quản trị nhà trường, xây dựng môi trường học tập, sinh hoạt văn hóa, dân chủ, khơi dậy sáng tạo; bảo đảm mỗi ngày tới trường là một ngày vui; chỉ đạo đổi mới tổ chức, hoạt động của thư viện gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh văn hóa đọc trong các nhà trường.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa ở cơ sở, có cơ chế để học sinh, sinh viên các trường học được hưởng chế độ ưu tiên khi vui chơi, tham quan tại các công trình văn hóa, sử dụng khu vực thể thao, sân chơi bãi tập công cộng.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung, chương trình, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao vui tươi, lành mạnh và bảo đảm các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc.

c) Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục nếp sống văn hóa trong gia đình, trách nhiệm của cha mẹ, ông bà trong giáo dục đạo đức, lối sống cho con cháu; triển khai có hiệu quả Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập tại thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” và Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng”.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ trẻ em; tổ chức các giải pháp tăng cường xây dựng văn hóa học đường, bảo đảm môi trường thân thiện, không bạo lực tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 về Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”.

c) Xây dựng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng về giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phụ trách công tác học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, triển khai việc lồng ghép giáo dục văn hóa học đường trong các chương trình sinh hoạt chính trị đầu năm, chương trình giáo dục ngoại khóa.

d) Tổ chức rà soát, sử dụng sân chơi, công trình văn hóa, thể thao phù hợp, hiệu quả đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh cho học sinh, sinh viên.

4. Bộ Công an

a) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục hướng dẫn tập huấn, trao đổi thông tin, tuyên truyền phòng, chống tội phạm và phòng ngừa tệ nạn xã hội trong trường học.

b) Tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự xã hội khu vực xung quanh trường học, phối hợp với ngành Giáo dục trong phòng, chống và xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật xuất phát từ bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến học sinh, sinh viên.

5. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án về vị trí việc làm đối với công tác giáo dục chính trị cho học sinh, sinh viên theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý nhà nước đối với các cơ quan báo chí, triển khai hiệu quả các biện pháp tuyên truyền về xây dựng văn hóa học đường; tổ chức xây dựng các chuyên mục, chuyên đề về các nội dung của công tác giáo dục văn hóa học đường; tăng cường lan tỏa tấm gương người tốt, việc tốt trong học sinh, sinh viên; lan tỏa các giá trị tốt đẹp, đồng thời phê phán những hành vi lệch chuẩn về đạo đức, lối sống.

b) Kiểm soát chặt chẽ các ấn phẩm văn hóa dành cho học sinh, sinh viên có yếu tố bạo lực, mang định kiến về giới, dân tộc, người khuyết tật, trái với truyền thống văn hóa, thuần phong, mỹ tục của dân tộc; kịp thời có biện pháp ngăn chặn thông tin xấu độc trên không gian mạng ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa học đường của học sinh, sinh viên.

7. Bộ Tài chính căn cứ nhiệm vụ, đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan, hàng năm tổng hợp, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho các cơ quan Trung ương để thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác xây dựng văn hóa học đường thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Bảo đảm công tác xây dựng văn hóa học đường là hoạt động thường xuyên, liên tục.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để phát huy hiệu quả các thiết chế văn hoá hiện có phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh, an toàn của học sinh, sinh viên. Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các đề án, chương trình liên quan đến xây dựng văn hóa học đường, trong đó có Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Chú trọng việc xây dựng nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống; tình yêu quê hương; giá trị di tích lịch sử văn hóa địa phương. Tăng cường các giải pháp phù hợp, đồng bộ trong công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên.

d) Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

đ) Thực hiện rà soát, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể và bảo đảm yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa phương. Bảo đảm các cơ sở giáo dục đạt mức tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định, trong đó, chú trọng công tác quy hoạch các phòng học chức năng, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, các công trình vệ sinh, khu vui chơi, trồng cây xanh trong sân trường bảo đảm môi trường sư phạm thân thiện, an toàn.

e) Chỉ đạo các cấp, sở, ban, ngành địa phương xây dựng kế hoạch phối hợp sử dụng chung các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn hiệu quả; phối hợp sử dụng các thiết chế văn hóa, có cơ chế để người học được hưởng các chế độ ưu tiên khi vui chơi, tham quan tại các công trình thể thao, văn hóa, sân chơi trên địa bàn; chú trọng tổ chức hoạt động tìm hiểu, chăm sóc các di tích lịch sử văn hóa, đền đài, nghĩa trang, các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách.

g) Hằng năm, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng văn hóa học đường theo quy định của pháp luật.

h) Xây dựng báo cáo kết quả triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Đề nghị:

a) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, nhà trường tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn xã hội tích cực tham gia công tác xây dựng văn hóa học đường. Phối hợp tổ chức triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, chăm ngoan, nết nết” ở các địa phương; tổ chức giám sát việc thực hiện các nội dung trong công tác xây dựng văn hóa học đường.

b) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo các cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý tổ chức triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; triển khai thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác tuyên truyền về xây dựng văn hóa ứng xử trong đoàn viên, công nhân lao động; vận động cán bộ, đoàn viên là cán bộ, nhà giáo, viên chức trong trường học thực hiện nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa trong trường học.

c) Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp bộ đoàn theo thẩm quyền tổ chức công tác giáo dục văn hóa học đường qua hoạt động các câu lạc bộ kỹ năng sống, câu lạc bộ Cán bộ Đoàn, câu lạc bộ Tổng phụ trách Đội; chủ động phối hợp với các bộ ngành liên quan xây dựng, triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức về hành vi ứng xử văn hóa cho thanh niên, học sinh, sinh viên.

d) Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức tuyên truyền cho cha mẹ học sinh, sinh viên về vai trò, trách nhiệm của cha mẹ, gia đình trong giáo dục toàn diện và hài hòa về đức, trí, thể, mỹ cho trẻ em, học sinh, sinh viên; xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; các thành viên trong gia đình ứng xử mẫu mực.

đ) Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam quan tâm tổ chức triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ “khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập” theo Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Tháng khuyến học; tăng cường chủ động xây dựng tổ chức các hoạt động khuyến học khuyến tài, nhằm hỗ trợ, tạo động lực cho học sinh, sinh viên trong học tập và rèn luyện.

10. Tổ chức thực hiện

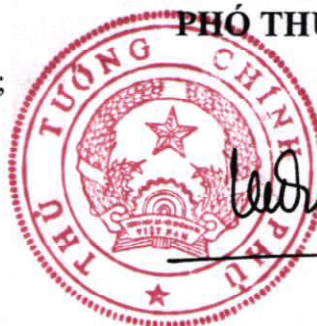
a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đôn đốc, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chỉ thị./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KGVX(3), Nam. 24

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1299/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học
giai đoạn 2018 - 2025”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 - 2020);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học nhằm tạo chuyên biến căn bản về ứng xử văn hóa của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên để phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa; xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; góp phần xây dựng con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2018 - 2020

- 100% trường học xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo quy định quy tắc ứng xử do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện và đặc trưng vùng miền của mỗi nhà trường;

- Hằng năm có ít nhất 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng;

- Có ít nhất 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, cán bộ Công đoàn giáo dục, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Đội Thiếu niên trong nhà trường được bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và có năng lực tốt trong tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học;

- Có ít nhất 90% trường học đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.

b) Giai đoạn 2021 - 2025

- 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Có ít nhất 95% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, cán bộ Công đoàn giáo dục, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Đội Thiếu niên trong nhà trường được bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và có năng lực tốt về tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học.

- Có ít nhất 95% trường học đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học

a) Nội dung tuyên truyền

- Tuyên truyền sâu rộng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, học sinh, sinh viên, gia đình và cộng đồng về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong trường học; về mục đích, ý nghĩa, biện pháp, trách nhiệm của nhà trường, gia đình người học, tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương đối với việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; về thái độ, hành vi, ngôn ngữ, chuẩn mực của người học, nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong trường học.

- Xây dựng các tài liệu giáo dục, tuyên truyền về văn hóa học đường ứng xử văn hóa dành cho cán bộ quản lý, nhà giáo, người học trong các cơ sở giáo dục.

- Tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, yêu thương con người và truyền thống văn hóa ứng xử của dân tộc ta; nêu gương cán bộ, nhà giáo, nhân viên và người đứng đầu nhà trường trong xây dựng văn hóa ứng xử, các cá nhân điển hình, mô hình nhà trường thực hiện tốt công tác xây dựng văn hóa ứng xử.

b) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về văn hóa ứng xử trên báo chí, truyền hình và các phương tiện thông tin khác của trung ương, địa phương, nhà trường.

Tuyên truyền thông qua tổ chức cuộc thi, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về ứng xử văn hóa trong trường học cho nhà giáo, người học tham gia; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, internet và mạng xã hội trong hoạt động tuyên truyền.

2. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử trong trường học

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong trường học; trên cơ sở đó các cơ sở giáo dục xây dựng, thực hiện bộ quy tắc ứng xử với sự tham gia và cam kết của các bên liên quan (cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh...).

b) Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học quy định cụ thể những việc nên làm và không nên làm trong các mối quan hệ ứng xử của các chủ thể trong nhà trường thể hiện thông qua trang phục, ngôn ngữ, hành vi ứng xử. Bộ Quy

tác ứng xử phải ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện, phù hợp với lứa tuổi, các cấp học và văn hóa đặc trưng của các vùng miền (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, đại học, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên).

c) Người đứng đầu nhà trường có trách nhiệm quán triệt đến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học biết và thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử.

d) Bộ Quy tắc ứng xử phải được niêm yết tại các bảng tin, bảng thông báo, website nhà trường, trong phòng học, phòng làm việc và những nơi cần thiết khác của nhà trường; gửi tới từng thành viên nhà trường qua hệ thống email, hệ thống liên lạc điện tử.

đ) Cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, cán bộ Đoàn, Hội, Đội, Công đoàn nhà trường thường xuyên phổ biến, quán triệt nội dung Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học trong các tiết học chính khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh...

e) Phát huy tính gương mẫu của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và trách nhiệm của người đứng đầu nhà trường trong xây dựng văn hóa ứng xử; chú trọng xây dựng nhân cách người thầy. Đẩy mạnh giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên; tạo nền tảng về nhận thức và hành động để xây dựng môi trường văn hóa và ứng xử văn hóa trong trường học.

3. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học

Bổ sung, hoàn thiện nội dung giáo dục văn hóa ứng xử cho trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; thể hiện được giá trị cốt lõi trong văn hóa ứng xử: Nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, trung thực phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, vùng miền. Giáo dục nội dung về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng cao phẩm chất, năng lực ứng xử cho nhà giáo, người học.

a) Nội dung giáo dục văn hóa ứng xử

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non: Bổ sung, hoàn thiện nội dung giáo dục văn hóa ứng xử trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non, trong các chuyên đề lễ giáo, hoạt động giáo dục... để hình thành và phát

triển ở trẻ em ý thức, hành vi ứng xử phù hợp với độ tuổi (lễ phép, kính trọng, yêu thương thầy, cô giáo, ông bà, cha mẹ; yêu quý anh, chị, em, bạn bè, thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên, yêu cái đẹp).

- Đối với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên:

+ Bổ sung, hoàn thiện nội dung giáo dục văn hóa ứng xử trong các hoạt động giáo dục, trong chương trình giáo dục phổ thông, lựa chọn các nội dung giáo dục văn hóa ứng xử, lối sống văn hóa có giá trị và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, tình cảm của học sinh; giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và các hoạt động trải nghiệm để hình thành các phẩm chất nhân ái, tự trọng bản thân, tôn trọng, trách nhiệm với bạn bè, chia sẻ, bao dung của người học.

+ Xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể trong thực hiện nếp sống, thói quen văn minh, lịch sự đối với các chủ thể trong trường học, như: văn hóa xếp hàng nơi công cộng, triển khai nguyên tắc tự giáo dục (tự phục vụ) trong các hoạt động liên quan (thư viện, căng tin, trực nhật...).

- Đối với cơ sở giáo dục đại học, trường sư phạm, giáo dục nghề nghiệp:

+ Bổ sung nội dung giáo dục văn hóa ứng xử vào các hoạt động giáo dục, thực hành, thực tập, tình nguyện vì cộng đồng; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường, các đoàn thể, địa phương tổ chức.

+ Nâng cao năng lực ứng xử văn hóa; giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, lối sống văn hóa, nhân ái, bao dung, nghĩa tình, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng xã hội và đất nước; đặc biệt là sự tự trọng bản thân và trách nhiệm đúng mực, nhân ái với người khác của học sinh, sinh viên thông qua việc tự học, tự rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết phù hợp với cấp học, lứa tuổi, trình độ đào tạo trong các chương trình, hoạt động giáo dục, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

+ Xây dựng nội dung chuyên đề hướng dẫn văn hóa ứng xử trong chương trình đào tạo của nhóm ngành sư phạm trong các cơ sở đào tạo sư phạm.

b) Đổi mới phương pháp, hình thức trong giáo dục văn hóa ứng xử

- Đổi mới phương pháp dạy học các môn học: Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Ngữ văn, Lịch sử... theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Trong đó, đặc biệt coi trọng phương pháp trải nghiệm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa của người học; giáo dục kiến thức pháp luật, giáo dục công dân. Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý học sinh.

- Đa dạng hóa hình thức giáo dục văn hóa ứng xử thông qua các hoạt động tập thể, các câu lạc bộ, cuộc thi, diễn đàn, tọa đàm, đối thoại...; đặc biệt phát huy vai trò hướng dẫn về ứng xử văn hóa của các học sinh khóa trên, đội ngũ cán bộ lớp, chi đoàn đối với các học sinh khóa sau.

- Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn, Hội, Đội, tổ chức đa dạng hình thức giáo dục ứng xử văn hóa, thể hiện tinh thần yêu nước, tôn trọng giá trị lịch sử truyền thống văn hóa tốt đẹp cho học sinh, sinh viên thông qua hoạt động hát Quốc ca, Lễ chào cờ Tổ quốc và các hoạt động tập thể.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục góp phần trong công tác thi đua xây dựng trường học văn hóa, văn hóa ứng xử, thực hiện nếp sống văn minh, lịch sự trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh thiết thực, thường xuyên, hiệu quả trong mỗi năm học.

- Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia tuyên truyền về trường học văn hóa, những hành vi ứng xử đẹp, phê phán hành vi chưa đẹp của những người xung quanh; nâng cao thẩm mỹ, nghệ thuật cho học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và quan tâm đến các sự kiện thời sự - chính trị của đất nước, quốc tế.

- Tạo cơ chế để học sinh, sinh viên phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập, rèn luyện và tham gia giám sát các hoạt động nhà trường, việc thực hiện văn hóa ứng xử và dân chủ trong trường học; ngăn chặn các hành vi vi phạm quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

- Tăng cường giáo dục, định hướng để học sinh, sinh viên sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin mạng xã hội trong học tập, rèn luyện, hướng nghiệp, khởi nghiệp, giải trí lành mạnh và thể hiện ứng xử văn hóa trong môi trường mạng Internet, các mạng xã hội; thực hiện nghiêm Luật An ninh mạng.

4. Nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực giáo dục văn hóa ứng xử

- Xây dựng tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về năng lực ứng xử văn hóa cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, đội ngũ cán bộ công tác giáo dục chính trị - học sinh, sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, nhà giáo, nhân viên, cán bộ Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, Hội Sinh viên trong trường học.

- Xây dựng chuyên đề, tài liệu, giáo dục tổ chức các hoạt động về giáo dục văn hóa ứng xử trong chương trình đào tạo giáo viên trong các cơ sở đào tạo sư phạm để xây dựng đội ngũ nhà giáo gương mẫu, có lòng tự trọng, nhân cách và lối sống văn hóa.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong xây dựng văn hóa ứng xử

a) Nhà trường

- Chịu trách nhiệm xây dựng văn hóa nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh và phòng chống bạo lực học đường hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử cho người học thông qua các môn học chính khóa, hoạt động ngoại khóa; nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực tổ chức giáo dục ứng xử văn hóa của cán bộ, nhà giáo, nhân viên nhà trường.

- Rà soát, hoàn thiện, ban hành và triển khai bộ quy tắc ứng xử theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của địa phương; các chuẩn mực văn hóa, hệ giá trị cốt lõi để sử dụng tại nhà trường.

- Tổ chức trao đổi về xây dựng văn hóa ứng xử trong các cuộc họp, sinh hoạt tập thể; gặp gỡ với gia đình người học để phối hợp, thông tin, xử lý trong quá trình tổ chức giáo dục, đào tạo.

- Chủ động đề xuất, phối hợp với các đơn vị, tổ chức trên địa bàn để tuyên truyền, xây dựng môi trường văn hóa, phối hợp tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên trong và ngoài trường học; biểu dương kịp thời cá nhân, tập thể có thành tích; nhân rộng điển hình nói lời hay, cử chỉ đẹp.

- Xây dựng và phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử của nhà trường, các hình thức phản ánh, trao đổi, thu thập, xử lý thông tin từ người học, cán bộ, nhà giáo, nhân viên nhà trường, gia đình người học, các cá nhân có liên quan khác về văn hóa ứng xử trong trường học và trên môi trường mạng; góp phần thực hiện dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thiết lập cơ chế tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời, đạt hiệu quả giáo dục đối với các hành vi bạo lực học đường, vi phạm quy tắc ứng xử cần xử lý.

- Phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Đội Thiếu niên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa, văn hóa ứng xử trong nhà trường.

- Tổ chức xử lý các cá nhân có hành vi vi phạm bộ quy tắc ứng xử, công bố công khai kết quả xử lý các vụ việc liên quan.

- Phát huy sự chủ động, sáng tạo của thầy, cô giáo, học sinh, sinh viên trong việc tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường, giữ vệ sinh các công trình công cộng, nhà trường, lớp học và cá nhân. Tổ chức học sinh, sinh viên trồng cây xanh trong khuôn viên nhà trường, tại địa phương trong dịp Tết trồng cây.

b) Gia đình

- Có trách nhiệm chính giáo dục văn hóa ứng xử, mẫu mực trong văn hóa ứng xử tại gia đình và cộng đồng.

- Phối hợp với nhà trường cập nhật, trao đổi thông tin, tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học; tham gia tích cực trong các buổi họp, gặp gỡ trao đổi, xử lý các tình huống có liên quan.

- Tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, nêu gương cho người học trong ứng xử văn hóa.

- Tôn trọng và tạo điều kiện để học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả, nghiêm túc kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, nhất là các hoạt động liên quan đến xây dựng văn hóa ứng xử.

- Có hình thức phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong gia đình cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông trong từng năm học.

c) Chính quyền địa phương

- Xác định nhiệm vụ xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học là nội dung quan trọng của công tác xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương; chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học theo thẩm quyền.

- Có trách nhiệm chính trong tuyên truyền, vận động, phối hợp các lực lượng trên địa bàn, tạo điều kiện để xây dựng văn hóa ứng xử cho người học tại cộng đồng; hỗ trợ người học gặp khó khăn, xử lý kịp thời các vi phạm, đảm bảo an toàn cho người học.

- Đưa nội dung xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học trên địa bàn thành một trong các nội dung công tác của đơn vị và được tổng kết, đánh giá hằng năm.

- Huy động và sử dụng các thiết chế văn hóa tại địa phương, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa ngoài nhà trường.

- Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện văn hóa ứng xử trong các nhà trường; có hình thức động viên khen thưởng các trường học làm tốt; xử lý đối với các đơn vị để xảy ra các vấn đề về bạo lực học đường, ứng xử thiếu văn hóa.

- Phối hợp với chính quyền và các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong công tác tổ chức xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường.

III. KINH PHÍ

1. Nguồn chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

3. Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực của Đề án. Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các bộ, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án.

a) Chủ trì, ban hành quy định về quy tắc ứng xử trong trường học, sử dụng từ năm học 2018 - 2019; ban hành Quy định tiêu chuẩn trường học xanh, sạch, đẹp.

b) Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án trong ngành Giáo dục; biên soạn tài liệu, pano áp phích tuyên truyền và tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo về xây dựng văn hóa học đường và văn hóa ứng xử trong trường học; hướng dẫn các sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm tổ chức thực hiện văn hóa ứng xử trong trường học. Chỉ đạo các cơ sở đào tạo sư phạm xây dựng các chuyên đề giáo dục văn hóa ứng xử bổ sung trong chương trình đào tạo giáo viên.

c) Rà soát, hoàn thiện các văn bản liên quan đến chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; điều lệ các cấp học, quy chế đánh giá hạnh kiểm, kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên; quy chế tuyển sinh.

d) Hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, lấy ý kiến phản hồi từ các cơ sở giáo dục; phát hiện, nhân rộng và khen thưởng các tấm gương điển hình trong việc xây dựng văn hóa ứng xử.

Tham mưu tổ chức sơ kết Đề án vào năm 2020, 2023; tổng kết Đề án vào năm 2025, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Đề án và đề xuất nội dung xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học trong giai đoạn tiếp theo.

đ) Phối hợp với Công đoàn Giáo dục Việt Nam tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong toàn ngành để phát huy vai trò nêu gương của đoàn viên công đoàn trong thực hiện ứng xử văn hóa trong các trường học.

e) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động tạo môi trường văn hóa trong trường học và tuyên truyền các mô hình văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên và đội ngũ giáo viên, giảng viên trẻ, cán bộ Đoàn, Hội, Đội trong trường học.

g) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các bộ, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án trong hệ thống cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

a) Chỉ đạo xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo khung quy định chung đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2018 - 2019.

b) Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo về văn hóa ứng xử trong trường học; hướng dẫn tổ chức thực hiện văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, lấy ý kiến phản hồi từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát hiện, nhân rộng và khen thưởng các tấm gương điển hình trong việc xây dựng văn hóa ứng xử. Tổ chức sơ kết Đề án vào năm 2020, 2023; tổng kết Đề án vào năm 2025 đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Đề án và đề xuất nội dung xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học trong giai đoạn tiếp theo.

d) Phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong toàn ngành để phát huy vai trò nêu gương của đoàn viên công đoàn; tuyên truyền các mô hình văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên và đội ngũ giáo viên, giảng viên trẻ, cán bộ Đoàn, Hội trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án.

b) Chủ trì triển khai các nội dung tuyên truyền, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức về văn hóa ứng xử đối với cán bộ Đoàn, Hội, Đội. Tổ chức các hoạt động tạo môi trường văn hóa trong nhà trường; tuyên truyền các mô hình văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên và đội ngũ giáo viên, giảng viên trẻ, cán bộ Đoàn, Hội, Đội trong trường học.

c) Chủ trì triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động của tổ chức Đoàn, Hội, Đội để thực hiện xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng sách, tài liệu về giáo dục văn hóa ứng xử cho thanh thiếu niên và nhi đồng tại cộng đồng thông qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật; định hướng phát triển các hoạt động văn hóa, sáng tác văn học, nghệ thuật và quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật của các tổ chức, đơn vị và văn nghệ sỹ; thông qua hoạt động biểu diễn tuyên truyền về chuẩn mực đạo đức, lối sống văn hóa, văn hóa ứng xử cho thế hệ trẻ.

Triển khai các nội dung Đề án trong hệ thống các trường thuộc phạm vi phân cấp quản lý.

b) Phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác xây dựng hướng dẫn đánh giá, kiểm tra và công nhận các danh hiệu văn hóa, ứng xử văn hóa cho cá nhân, tổ chức trong ngành Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng Đề án "Tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020"; lồng ghép nội dung văn hóa ứng xử trong trường học vào Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các phong trào thi đua yêu nước và các đề án khác.

5. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo công tác an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường; phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu tuyên truyền, tài liệu dạy học có nội dung liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục.

c) Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội tại khu vực trường học; phát hiện, ngăn chặn các hành vi tuyên truyền, phát hành văn hóa phẩm độc hại trong các nhà trường; quản lý, giáo dục thanh, thiếu niên hư, có biểu hiện vi phạm pháp luật.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở về văn hóa ứng xử trong trường học và hành vi ứng xử trong trường học thể hiện tại gia đình, cộng đồng; phòng chống tác động tiêu cực của mạng Internet, trò chơi trực tuyến đến học sinh, sinh viên.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông:

- Quản lý chặt chẽ nội dung các văn hóa phẩm, báo chí, internet và các chương trình phát thanh, truyền hình.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động, các không gian mạng, các trang mạng xã hội có liên quan đến văn hóa trong trường học.

- Kiểm tra, rà soát nội dung trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến (online) bảo đảm giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp người Việt Nam.

- Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền về văn hóa ứng xử trong học sinh, sinh viên tại cộng đồng.

c) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tuyên truyền về xây dựng văn hóa ứng xử của học sinh, sinh viên và gia đình, dòng họ tại khu dân cư.

7. Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành và địa phương liên quan bố trí ngân sách hằng năm để triển khai các giải pháp thực hiện Đề án.

8. Các bộ, ngành liên quan

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng và thực hiện giáo dục văn hóa ứng xử, văn hóa học đường đối với đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên trong hệ thống các nhà trường theo phân cấp quản lý.

b) Giám sát, kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành tại địa phương tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn.

b) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền về văn hóa ứng xử trong trường học, trong các gia đình học sinh, sinh viên tại địa phương; bồi dưỡng cán bộ về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử, hoạt động văn hóa, thể thao cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tại địa phương, nhất là vào các dịp nghỉ hè, Lễ, Tết.

Chủ trì xây dựng và chịu trách nhiệm chính về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; môi trường văn hóa ngoài trường học, để không ảnh hưởng xấu đến văn hóa ứng xử trong trường học.

c) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tuyên truyền các nội dung về ứng xử văn hóa, các tấm gương ứng xử văn hóa trong hệ thống bản tin, hệ thống thông tin của hệ thống các trường học tại địa phương và phát thanh truyền hình trong hệ thống thông tin cơ sở.

d) Chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để xây dựng kế hoạch và thực hiện giáo dục văn hóa ứng xử từ gia đình, cộng đồng cho học sinh, sinh viên trên địa bàn cư trú.

đ) Giao trách nhiệm các cấp chính quyền tại địa phương chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng văn hóa ứng xử trong các nhà trường.

e) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp xây dựng văn hóa ứng xử, văn hóa học đường trong các cơ sở giáo dục tại địa phương.

g) Chỉ đạo, giám sát, thanh tra kiểm tra; đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

10. Đề nghị

a) Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì tuyên truyền vận động các tổ chức thành viên trong việc giáo dục, giám sát, hỗ trợ xây dựng văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên và gương mẫu trong thực hiện ứng xử tại cơ quan, đơn vị, tổ chức và tại gia đình, cộng đồng, xã hội trong thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

b) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên là cán bộ, nhà giáo, viên chức trong trường học thực hiện nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa trong trường học.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

- Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong việc tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên trong các phong trào đang triển khai.

- Tuyên truyền, vận động các gia đình xây dựng gia đình văn hóa, phát huy vai trò làm gương của ông bà, cha mẹ trong giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên.

d) Hội Khuyến học Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, tuyên dương, vinh danh các học sinh, sinh viên vượt khó, học giỏi và các tấm gương người tốt, việc tốt, ứng xử tốt.

đ) Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Tuyên truyền, vận động các cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên là cựu chiến binh, cựu quân nhân trong việc xây dựng và thực hiện văn hóa ứng xử trong các trường học.

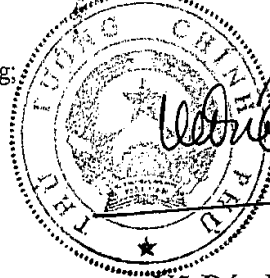
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). PC 192

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

Số: 1895/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên,

thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

Tiếp tục tăng cường, tạo chuyển biến tích cực, toàn diện trong hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng góp phần xây dựng thế hệ thanh niên, thiếu niên, nhi đồng có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa, tuân thủ pháp luật, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng; có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, có kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, tay nghề cao.

Khơi dậy trong thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tinh thần thi đua học tập, rèn luyện; ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp; đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, gồm các chỉ tiêu sau đây:

- Hằng năm, phấn đấu 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên công chức, viên chức, thanh niên học sinh, sinh viên và ít nhất 75% tổng số thanh niên Việt Nam còn lại ở trong nước và nước ngoài được tham gia vào các hoạt động do cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Hằng năm, phấn đấu 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm.

- Hằng năm, phấn đấu 100% thanh niên học sinh, sinh viên và ít nhất 80% thiếu niên, nhi đồng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động lao động tập thể trong và ngoài nhà trường.

- Giới thiệu trên 2 triệu đoàn viên ưu tú cho Đảng, trong đó đến năm 2025 ít nhất 850 nghìn và đến năm 2030 ít nhất 1 triệu đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

- Đến năm 2025 đạt trên 80% thanh niên học sinh, sinh viên ở đô thị, trên 70% thanh niên học sinh, sinh viên ở nông thôn, 60% thanh niên học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng tại nơi học tập, làm việc và cư trú; đến năm 2030 đạt trên 85%, trên 75% và 65% các chỉ tiêu tương ứng.

- Đến năm 2025 đạt 70% và đến năm 2030 đạt 90% trở lên hộ gia đình được cung cấp kiến thức, kỹ năng về giáo dục đời sống gia đình, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; chăm sóc, bảo vệ, phòng, chống xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền tham gia của trẻ em trong gia đình; phụng dưỡng và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình.

- Đến năm 2030 đạt 90% trở lên hộ gia đình cam kết thực hiện bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

2. Khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên học sinh, sinh viên, gồm các chỉ tiêu sau đây:

- Hằng năm, phần đầu 100% thanh niên học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

- Hằng năm, 30% ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp.

- Phần đầu 100% thanh niên học sinh, sinh viên hưởng ứng, xung kích, tình nguyện tham gia các hoạt động vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

- Phần đầu đến năm 2025 đạt 25% thanh niên học sinh, sinh viên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống, 25% công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì, 20% thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ; phần đầu đến năm 2030 đạt 30%, 30% và 25% các chỉ tiêu tương ứng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đa dạng hoá nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Thực hiện nội dung, chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng; liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đối với giáo dục mầm non: Tổ chức các hoạt động giáo dục ý thức về bản thân; khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm, cảm xúc với con người, sự

vật, hiện tượng xung quanh; phát triển kỹ năng sống, kỹ năng xã hội (chăm ngoan, lễ phép, thực hiện tốt 5 Điều Bác Hồ dạy, mạnh dạn, tự tin, tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, thực hiện quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở trường, lớp mầm non, gia đình và nơi công cộng, quan tâm đến bảo vệ môi trường,...) để hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, đặt nền tảng cho việc học tập, rèn luyện ở các cấp học tiếp theo.

- Đối với giáo dục phổ thông: Thực hiện nội dung dạy học các môn Đạo đức, Giáo dục công dân trong chương trình, sách giáo khoa hiện hành; triển khai hiệu quả các nội dung tích hợp, lồng ghép giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến trong các môn học (Tiếng Việt, Ngữ văn, Lịch sử,...), các hoạt động giáo dục trong đó tập trung vào các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; giáo dục hành vi, chuẩn mực đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, kỹ năng sống, giá trị sống trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp: Triển khai hiệu quả chương trình tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kết hợp công tác giáo dục pháp luật với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, trách nhiệm nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Đối với giáo dục đại học: Thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị, bồi dưỡng cho sinh viên lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; năng lực tự học, sáng tạo và tự đổi mới tri thức; làm chủ khoa học và công nghệ; có tinh thần lập nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân, phấn đấu trở thành công dân học tập trong nền kinh tế số, xã hội số.

b) Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học; nâng cao chất lượng môn học Đạo đức, các môn lý luận chính trị và hiệu quả hoạt động giáo dục theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Phát huy tính tích cực, niềm say mê; khơi dậy ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến ở mỗi học sinh, sinh viên.

c) Vận dụng các hình thức tổ chức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho học sinh, sinh viên linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học. Tổ chức hiệu quả tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể, lao động, vệ sinh trường, lớp học, hoạt động xã hội; diễn đàn, câu lạc bộ sở thích, tài năng, các phong trào thi đua trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học.

2. Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến

a) Đổi mới nội dung tuyên truyền: Tập trung tuyên truyền, phổ biến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; giáo dục cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cống hiến vì lợi ích của cộng đồng, xã hội; ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Phát huy hiệu quả các hình thức và phương tiện tuyên truyền: Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên dương và nhân rộng mô hình hiệu quả, gương điển hình tiên tiến trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua, cuộc thi, hội thi, tọa đàm trực tiếp và trực tuyến bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Quản lý nội dung và khai thác hiệu quả hệ thống truyền thông, văn hóa, thể thao sẵn có và tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, mạng xã hội để phục vụ công tác tuyên truyền.

c) Phát triển mạng lưới cộng tác viên tham gia tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân có uy tín, có ảnh hưởng xã hội trong việc truyền cảm hứng tích cực cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; thống nhất nhận thức, hành động của các cấp, các ngành trong hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

d) Tổ chức trại hè, học tập, giao lưu tại Việt Nam cho thanh niên học sinh, sinh viên Việt Nam ở nước ngoài để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc, tình cảm yêu quê hương, đất nước; tạo cơ hội để các thế hệ thanh niên kiều bào về với cội nguồn, tri ân, trải nghiệm và cống hiến cho Tổ quốc.

3. Tổ chức hiệu quả các phong trào hành động cách mạng của Đoàn, Hội, Đội trong và ngoài nhà trường để giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Triển khai hiệu quả các phong trào do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội đồng Đội Trung ương phát động; tổ chức thực hiện các hoạt động xung kích, tình nguyện vì cộng đồng, công trình, phần việc thanh niên bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và nhiệm vụ chuyên môn tại địa phương, đơn vị theo quy mô 4 cấp của Đoàn.

b) Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động Đoàn, Hội, Đội. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức và đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội, Đội trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

c) Khuyến khích, tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật trong thanh niên trí thức trẻ, văn nghệ sĩ trẻ. Đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức trại sáng tác văn học nghệ thuật của Đoàn, Hội, Đội.

d) Nghiên cứu, rà soát và đổi mới nội dung, hình thức rèn luyện đội viên, đoàn viên trong và ngoài nhà trường; phát huy tính tiên phong, năng động sáng tạo, tinh thần cống hiến và ý thức trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

đ) Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng theo Chương trình, Đề án được duyệt.

4. Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý và giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, văn hoá ứng xử cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Phát huy vai trò của cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm, hợp đồng chuyên trách công tác tư vấn tâm lý, cán bộ Đoàn, Hội, Đội, giáo viên chủ nhiệm và các thành viên khác thực hiện công tác tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, văn hoá ứng xử cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong nhà trường.

b) Phối hợp với các chuyên gia, các trung tâm tư vấn tâm lý trong hoạt động hỗ trợ, tư vấn về các vấn đề xã hội, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục kỹ năng phòng, chống các bệnh về học đường, tệ nạn xã hội và các kỹ năng cần thiết cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

c) Chú trọng tư vấn tâm lý về vấn đề dân tộc, giới tính, lứa tuổi, học tập, mối quan hệ xã hội, hướng nghiệp, cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tham vấn tâm lý với những trường hợp khó khăn, cần sự trợ giúp can thiệp.

d) Kết hợp tư vấn, tham vấn trực tiếp và thiết lập đường dây nóng, chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn, hòm thư, mạng xã hội để tiếp nhận thông tin và tư vấn tâm lý cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

đ) Triển khai hiệu quả chương trình sức khoẻ học đường nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

5. Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng:

- Các bậc ông bà, cha mẹ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền, bổn phận của trẻ em, mục tiêu giáo dục toàn diện và hài hòa về đức, trí, thể, mỹ; phát triển tốt nhất tiềm năng của mỗi thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

- Chủ động phối hợp với nhà trường và các đoàn thể trong việc giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

- Thực hiện cam kết với cơ sở giáo dục về thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục và tạo môi trường tốt nhất, góp phần hướng dẫn, quản lý con em học tập, rèn luyện.

- Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các ngành và các tổ chức đoàn thể trong việc hỗ trợ, cảm hóa thanh niên, thiếu niên, nhi đồng chậm tiến.

b) Xây dựng môi trường nhà trường dân chủ, lành mạnh, thân thiện:

- Nâng cao hiệu quả thực hiện Quy tắc ứng xử văn hóa trong các nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, “Dạy tốt, học tốt”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” trong các cấp học.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thanh niên, thiếu niên, nhi đồng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ và khẳng định năng lực của bản thân.

- Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở có bộ phận tư vấn và bố trí cán bộ, giáo viên phụ trách, kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp.

c) Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể:

- Xác định công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng là nhiệm vụ chính trị của chính quyền địa phương các cấp trong việc chỉ đạo thực hiện.

- Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

- Lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp định kỳ hằng năm gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, chăm lo, bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

- Nâng cao hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của ông bà, cha mẹ học sinh về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

- Củng cố, nhân rộng và tổ chức có hiệu quả hoạt động của các mô hình giáo dục pháp luật, cảm hóa thanh niên, thiếu niên chậm tiến.

6. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên, cộng tác viên phụ trách công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng trong các cơ sở giáo dục, tổ chức Đoàn, Hội, Đội

a) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên giảng dạy môn học Đạo đức, Giáo dục công dân, các môn lý luận chính trị, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý, tổng phụ trách đội, giáo viên làm công tác Đoàn, Hội, Đội, trợ lý thanh niên, giáo viên chủ nhiệm lớp trong các nhà trường.

b) Bồi dưỡng, phát huy hiệu quả đội ngũ phụ trách công tác học sinh, sinh viên, cán bộ Đoàn, Hội, Đội.

c) Tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xã hội ở cấp xã, phường về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

d) Cập nhật, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo đối với các trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm; bổ sung các chuyên đề nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tham gia công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng sau khi tốt nghiệp.

đ) Đề cao vai trò nêu gương và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục; nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và tạo động lực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Khai thác hiệu quả các trang thông tin điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

b) Khuyến khích cán bộ, nhà giáo, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục xây dựng, phổ biến tin, bài, bài giảng về giáo dục đạo đức, lối sống phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trên diễn đàn, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, nhóm xã hội.

c) Phổ biến, giáo dục, nâng cao năng lực khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và thiết bị thông minh cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; phòng, chống tác hại, bảo vệ sự an toàn của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng.

d) Ứng dụng các phần mềm, công cụ trên không gian mạng (máy tính, điện thoại thông minh) trong khảo sát, nắm bắt tình hình, định hướng dư luận thanh niên; đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch trên các diễn đàn mạng, trang thông tin điện tử.

8. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc thực hiện chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc thực hiện chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hoá ứng xử cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

b) Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung tiêu chí đánh giá việc rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên.

c) Rà soát, bổ sung các văn bản quy định, quy chế về công tác phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

d) Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ đội ngũ làm công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến khích, ghi nhận, tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực để triển khai hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

9. Bảo đảm các thiết chế và điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất đáp ứng nhiệm vụ giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

a) Xây dựng chuyên trang tuyên truyền trên các công thông tin của bộ, ngành, địa phương về nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng sân chơi, các công trình văn hóa, thể thao cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tại địa phương. Phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở hiện có; xã hội hóa các nguồn lực để nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

c) củng cố vai trò của hệ thống bảo tàng, phòng truyền thống, thư viện trường học, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, các thiết chế, công trình văn hoá, lịch sử trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

10. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát

a) Đổi mới công tác quản lý trong các nhà trường; nâng cao hiệu quả triển khai lồng ghép quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm thuận lợi cho việc tham gia của người học, gia đình học sinh, sinh viên và xã hội trong các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

b) Các bộ, ngành, địa phương tổ chức hoặc phối hợp tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá các phong trào, chiến dịch, hoạt động triển khai giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng để động viên, khen thưởng, đôn đốc, nhắc nhở và xử lý kịp thời các vi phạm.

c) Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với việc kiểm soát, phê duyệt các thông tin, sách báo, ấn phẩm...; thanh tra xử lý sai phạm đối với công tác báo chí, xuất bản phẩm và thông tin trên mạng xã hội liên quan đến hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tăng cường chỉ đạo, quản lý công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các trường tư thục, các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Nguồn kinh phí hợp pháp của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

c) Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng.

d) Các nguồn hợp pháp khác.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ tại Chương trình, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của bộ, ngành trung ương và địa phương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, thường trực giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất việc tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; chủ trì thực hiện nhiệm vụ, giải pháp số 1, 4, 6, 7a, 7b, 8; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các bộ, ngành liên quan điều phối và hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình; xây dựng nội dung, tài liệu hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

c) Chủ trì rà soát, bổ sung, hoàn thiện tiêu chí đánh giá việc rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và thể hiện khát vọng cống hiến của học sinh, sinh viên và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên.

d) Chủ trì thực hiện các đề tài khoa học, xây dựng các bộ tài liệu về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ thực hiện công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

đ) Tổng hợp, báo cáo thực hiện các chỉ tiêu thống kê về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

e) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chương trình. Chủ trì tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025, tổng kết Chương trình và đề xuất xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo vào năm 2030.

2. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

a) Chủ trì triển khai nhiệm vụ số số 2c, 3, 7c, 7d và các nội dung, mục tiêu, giải pháp liên quan của Chương trình.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện tiêu chí đánh giá việc rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và thể hiện khát vọng cống hiến của học sinh, sinh viên và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên.

c) Chỉ đạo hướng dẫn trong hệ thống Đoàn, Hội, Đội triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Chương trình; chỉ đạo các đơn vị báo chí của Đoàn tiếp tục xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn để tuyên truyền về các nhiệm vụ, giải pháp, các nội dung triển khai Chương trình.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; phối hợp kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm hằng năm về việc triển khai thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025, tổng kết và xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo vào năm 2030.

đ) Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình liên quan đến phạm vi chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

c) Phối hợp kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm; tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Chương trình và đề xuất nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn tiếp theo.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các địa phương và các cơ quan có liên quan bố trí kinh phí từ

ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về nội dung, hoạt động của Chương trình.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp số 2.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí Trung ương, địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với việc kiểm soát, thanh tra xử lý sai phạm đối với công tác báo chí, xuất bản phẩm và thông tin trên mạng xã hội.

d) Phối hợp tổ chức giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Chương trình và đề xuất nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn tiếp theo.

6. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp số 5a, 5c, 9; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tại thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, các thiết chế văn hóa thể thao, câu lạc bộ; phối hợp với các bộ ngành liên quan xây dựng chương trình, hoạt động để giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tại các di tích lịch sử cách mạng.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện tiêu chí đánh giá việc rèn luyện học sinh, sinh viên và thể hiện khát vọng cống hiến của học sinh, sinh viên và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; chỉ đạo các sở, ban, ngành ở địa phương chủ động lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên,

thiếu niên và nhi đồng trong quá trình triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

d) Phối hợp tổ chức giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Chương trình và đề xuất nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn tiếp theo.

7. Bộ Nội vụ

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong và ngoài nhà trường; cơ chế chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình và các nhiệm vụ công tác về thanh niên, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

8. Bộ Công an

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình, chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự trên các địa bàn; chủ trì tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong trường học và trên các địa bàn dân cư.

b) Phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tiếp tục triển khai, thực hiện các Nghị quyết liên tịch phối hợp về phòng chống tội phạm, ma túy trong thanh thiếu niên; giáo dục phạm nhân trong độ tuổi thanh niên và giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng; chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với các tổ chức Đoàn, Hội trên các địa bàn trong hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thanh niên tham gia bảo đảm an ninh trật tự trên các địa bàn.

c) Phối hợp tổ chức giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Chương trình và đề xuất nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn tiếp theo.

d) Tổ chức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến trong thanh niên công an và trong các cơ sở giáo dục, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

9. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan và chịu trách nhiệm về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa đối với thế hệ trẻ trong hệ thống các nhà trường theo phân cấp quản lý và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ.

b) Tạo mọi điều kiện thuận lợi để hỗ trợ các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tổ chức biên soạn các tài liệu giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng theo chức năng và nhiệm vụ của từng bộ, ngành; phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động triển khai Chương trình trên phạm vi toàn quốc.

10. Đài Truyền hình Việt Nam

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để tuyên truyền và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chương trình.

b) Tăng cường thời lượng, chất lượng tin, bài nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống và hình thành ước mơ, hoài bão lập thân, lập nghiệp.

c) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, triển khai các chương trình mới về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trên nền tảng công nghệ số, tạo sân chơi lành mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, đem lại những chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành vi và nâng cao kỹ năng sống của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

11. Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để tuyên truyền và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chương trình.

b) Tăng cường thời lượng, chất lượng tin, bài nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống và hình thành ước mơ, hoài bão lập thân, lập nghiệp.

c) Xây dựng chương trình, chuyên mục phát thanh và phát triển các sản phẩm trên nền tảng số để nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Xây dựng các phóng sự nêu gương thanh niên, thiếu niên có hoài bão, lý tưởng và nhiều đóng góp cho cộng đồng, khát vọng lập thân lập nghiệp; các chương trình phát thanh

hướng dẫn lối sống đẹp cho thanh niên, thiếu niên đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới hải đảo.

12. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương: Tham gia định hướng chỉ đạo, phối hợp kiểm tra việc xây dựng các chương trình hoạt động, hệ thống tài liệu, sách bồi dưỡng phục vụ cho việc tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng do các cơ quan triển khai thực hiện; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

13. Đề nghị Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Phối hợp triển khai Chương trình; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đối tượng giảng viên lý luận chính trị tại học viện, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các trường đại học và cao đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

14. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội ở trung ương liên quan

a) Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phối hợp triển khai Chương trình, tăng cường giám sát chuyên đề về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến cho thanh thiếu nhi; lồng ghép vào hoạt động của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

b) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Đổi mới nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân, viên chức, lao động gắn với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho công nhân, viên chức lao động trẻ.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Phối hợp triển khai Chương trình, tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh thiếu nhi trong các phong trào đang triển khai. Tuyên truyền, vận động việc xây dựng gia đình văn hóa, phát huy vai trò nêu gương của ông bà, cha mẹ trong giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên nhi đồng.

d) Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Phối hợp triển khai Chương trình, tham gia tuyên truyền, giáo dục về truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tuyên truyền, vận động xây dựng gia đình văn hóa, phát huy vai trò nêu gương của các hội viên trong gia đình, tại địa phương để giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi

đồng. Tham gia trực tiếp các chuyên đề giáo dục, tuyên truyền lịch sử, truyền thống anh hùng của dân tộc tại các cơ sở giáo dục.

đ) Hội Nông dân Việt Nam

Phối hợp triển khai Chương trình, tham gia tuyên truyền, giáo dục về truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; tuyên truyền, vận động xây dựng gia đình văn hóa, phát huy vai trò nêu gương của các hội viên trong gia đình để giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Phối hợp xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn trao đổi trên hệ thống báo chí; xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở khu vực nông thôn với nội dung trọng tâm nhằm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

e) Hội Khuyến học Việt Nam

Phối hợp triển khai Chương trình, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh thiếu nhi trong xây dựng và triển khai Bộ tiêu chí của các mô hình học tập, đặc biệt là Bộ tiêu chí của mô hình “Công dân học tập”; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

15. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; ban hành các quy định, chính sách cụ thể và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

b) Bố trí kinh phí, huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Chương trình; quan tâm bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

c) Theo dõi, đôn đốc, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại địa phương.

d) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức sơ kết, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2b).Sơn.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
CỦA CÁC BỘ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

STT/ Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1	Xây dựng và nhân rộng các mô hình về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.	Tất cả các bộ, ngành, UBND các tỉnh/thành phố		2022 - 2030
2	Thiết kế sổ tay hướng dẫn triển khai giáo dục và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong các cơ sở giáo dục.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022
3	Xây dựng phim ngắn về giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, khơi dậy khát vọng cống hiến cho thế hệ trẻ.	Đài Truyền hình Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, VOV và các cơ quan báo chí	Hàng năm
4	Xây dựng chương trình, chuyên mục phát thanh hướng dẫn lối sống đẹp cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới hải đảo; phóng sự về những tấm gương thanh niên, thiếu niên có hoài bão, lý tưởng và nhiều đóng góp cho cộng đồng; khát vọng lập thân, lập nghiệp.	Đài Tiếng nói Việt Nam	VTV, VOV và các cơ quan báo chí, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ban ngành liên quan	Từ năm 2022 - 2030
5	Xây dựng Chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng.	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan	Từ năm 2021 đến 2030

STT/ Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
		Chí Minh		
6	Xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học: Một số thay đổi tâm lý trong tương tác xã hội của cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các bộ, ngành, UBND các cấp	2026
7	Tổ chức tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên cơ sở lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ cho các cơ sở trợ giúp xã hội.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Hằng năm
8	Nghiên cứu rà soát, bổ sung, hoàn thiện tiêu chí đánh giá việc rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và thể hiện khát vọng cống hiến của học sinh, sinh viên và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho HSSV trong các cơ sở giáo dục.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, bộ, ban ngành liên quan	2022, 2023
9	Nghiên cứu đề xuất bổ sung, hoàn thiện hình thức khen thưởng, tôn vinh cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng có thành tích tiêu biểu trong rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và tích cực cống hiến cho cộng đồng, xã hội.	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ban, ngành liên quan	2022
10	Tổ chức Lễ tuyên dương tập thể, cá nhân học sinh, sinh viên tiêu biểu trong tu dưỡng, rèn luyện lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và cống hiến cho cộng đồng.	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, đơn vị liên quan	2025, 2030

HỘI NGHỊ
ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC
XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Tài liệu Hội nghị